

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Tạ Ty (I)**

#### **Tiểu sử**

Tên thật: Tạ Văn Ty.

#### **Tác phẩm**

Những Viên Sỏi (tập truyện), NXB Nam Chi Tùng Thư 1962  
Yêu Và Thù (tập truyện), NXB Phạm Quang Khai 1970  
Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ (nhận định văn học), NXB Nam Chi Tùng Thư 1970  
Phạm Duy Còn Đó Nổi Buồn, NXB Văn Sử Học 1971



### **Mục Lục**

Tạ Ty – Hùnh Hữu Ủy – 2  
Mười năm cách biệt - 5  
Trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương - 11  
Những con đường Hà Nội – 25  
Tạ Ty, vườn xưa đã khép – Văn Quang - 28

**Phụ đính I :**  
**Tuyển tập Tạ Ty**

**Nhật Tiến**  
**Nguyễn Đình Toàn**  
**Nguyễn Thị Thụy Vũ**

**(xem tiếp Tập II)**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Tạ Ty Huỳnh Hữu Ủy

Tạ Ty sinh ngày 3 tháng 5 năm 1921 tức ngày 26 tháng 3 năm Tân Dậu tại Hà Nội. Trong giấy khai sinh của ông ghi ngày 24 tháng 9 năm 1922, vì khai muộn mất một năm.

Từ khi còn là một sinh viên, Tạ Ty đã thành danh khá sớm. Năm 1941, nhờ nhận một giải thưởng tranh, ông được đến thăm kinh đô Huế. Năm 1943, ông tốt nghiệp tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương. Và cũng năm này, bức tranh "Mùa Hè" của Tạ Ty đoạt một giải thưởng của Salon Unique. Năm 1946, chiến tranh nổ ra giữa Việt Minh và Pháp, Tạ Ty cùng với nhiều họa sĩ Việt Nam khác, đã tham gia mặt trận Việt Minh chống Pháp và ông là người thầy dạy mỹ thuật đầu tiên trong Liên khu 3. Tác phẩm "Nhớ Hà Nội" năm 1947 (20 x 25 cm) được Tạ Ty vẽ trong giai đoạn này. Tháng 5 năm 1950, Tạ Ty rời khỏi vùng kháng chiến để trở về Hà Nội. Ông viết cho một người bạn rằng "Cách suy nghĩ của tôi không hợp với kháng chiến sau mấy năm chung sống với họ". Bắt đầu từ đầu thập niên 1950, ngoài tài vẽ chân dung hí họa, ông còn sáng tác trên nhiều lĩnh vực khác, như: truyện, thơ, kịch bản, bút ký... Năm 1951, ông triển lãm 60 bức tranh tại Hà Nội.

Sau 1954, ông vào Nam và sống ở Sài Gòn. Ở đây ông đã phục vụ trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa với cấp bậc cao nhất là trung tá trong Tổng cục Chiến tranh Chính trị.

Năm 1956, ông triển lãm hơn 60 bức tranh đầu tiên tại Sài Gòn. Và năm 1961, ông triển lãm lần thứ hai 60 bức tranh lập thể và trừu tượng cũng ở nơi đó. Năm 1975, sau thời gian học tập cải tạo, ông cùng vợ con vượt biển đến Malaysia và đến định cư tại Hoa Kỳ.

Trong thời gian sống tại nước ngoài, Tạ Ty lại tiếp tục sáng tác. Năm 2003 sau khi vợ ông qua đời tại Mỹ, ông quyết định trở về Việt Nam với ước vọng sống những ngày cuối cùng ở quê hương mình.

Vào 10 giờ sáng 24 tháng 8 năm 2004 (mùng 9 tháng 7 năm Giáp Thân), Tạ Ty đã từ trần tại nhà riêng số 18/8 đường Phan Văn Trị, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau một cơn bệnh kéo dài do tuổi già, hưởng thọ 83 tuổi.

### Tác phẩm

#### Hội họa



Bức tranh "Đàn bà", tác phẩm tiêu biểu thời kỳ Lập Thể của Tạ Ty, 1951

- 1951: triển lãm 60 bức tranh tại Hà Nội
- 1956: cuộc triển lãm hơn 60 bức tranh đầu tiên tại Sài Gòn
- 1961: Cuộc triển lãm lần thứ hai 60 bức tranh lập thể và trừu tượng ở Sài Gòn

Tác phẩm của ông được trưng bày tại nhiều bảo tàng viện nghệ thuật quốc tế ở Tokyo, San Francisco, New York và Paris

## Nhận xét

---

Tạ Ty là một nghệ sĩ đa tài. Ban đầu ông có vẽ sơn mài, cùng thời kỳ với những họa sĩ như Nguyễn Gia Trí, Lê Phổ, Nguyễn Tư Nghiêm... Nhưng ông được biết đến nhiều hơn cả khi đi theo trường phái tranh lập thể. Theo họa sĩ Trịnh Cung, Tạ Ty là người gắn bó và đi đầu trong phong cách hội họa lập thể ở Việt Nam từ thập niên 1940 đến 1960; sang thập niên 1970, ông chuyển sang phong cách trừu tượng.

Tuy sống trong thời kì hai miền Việt Nam chia cắt, nhưng người ta không tìm thấy bóng dáng chiến tranh trong hội họa Tạ Ty. Một mảng tranh được công chúng biết đến nhiều là những bức ký họa do Tạ Ty vẽ về những nghệ sĩ mà ông quen biết. Những bức chân dung các nghệ sĩ như Đái Đức Tuấn, Vũ Hoàng Chương, Trịnh Công Sơn... có thể tìm thấy nhiều trên sách báo miền Nam Việt Nam trước 1975 và được giới nghệ sĩ đánh giá cao.

Ngoài hội họa, ông còn nổi tiếng trên nhiều lĩnh vực sáng tác: truyện, thơ, kịch bản, bút ký... Trong hơn nửa thế kỷ sáng tác, Tạ Ty đã để lại nhiều tác phẩm với các thể loại khác nhau.

Đề tựa cho tuyển tập truyện ngắn *Những Viên Sỏi* của Tạ Ty xuất bản lần đầu tiên, Nhà văn Nguyễn Hoạt viết: "Tôi nhận thấy trong con người Tạ Ty cũng như trong tác phẩm văn chương của anh, cái đáng yêu nhất, đáng quý nhất vẫn là 'Tình Thương' chân thành, một 'Tình Thương' do sự khích động qua xúc cảm mà bật ra, chứ không phải là một thứ văn chương hời hợt, giả tạo."

## Tranh Tạ Ty

---

Năm 1951, Tạ Ty triển lãm tranh tại Hà Nội, có lẽ bức tranh sơn dầu mang tên *Cô Đơn* (67x54.5cm) đã có mặt. (xem ảnh) Bức tranh *Cô Đơn* được nhà Sotheby đấu giá hồi tháng 4 năm 2000, và bán được với giá khá cao: 19.550 Singapore dollars.

Trong catalogue của Sotheby đã nhận xét bức tranh:

*"Đây là một trong những tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ Lập Thể của Tạ Ty. Tác giả sử dụng tài tình những màu sắc mạnh mẽ, đặt nhân vật ngay vào ngay trung tâm bức tranh, những hình thể kỹ hà, chẳng hạn như việc xử lý mái tóc không tuân theo luật đăng đối, đường nét mạnh bạo của chiếc cổ và sự sắp xếp của khăn quàng thành những mặt cắt của một hình kim cương... tất cả bố cục này tạo thành một bức tranh Lập Thể độc đáo."*

Vào đầu thập niên 1960, Tạ Ty vẽ một loạt 50 *chân dung* của các nhân vật văn nghệ miền Nam Việt Nam. Đây là loạt tranh chân dung đầu tiên thể hiện những cá nhân độc đáo, trong một phong cách đặc biệt. Sự phối hợp truyền thần và phong cách Lập thể, những mảng màu tương phản gắt gao cắt nhau, nhằm bộc lộ cá tính và nghề nghiệp của nhân vật.

Như bức tranh *Chân dung Vi Huyền Đắc* là một ví dụ. Vi Huyền Đắc vừa là nhà ngôn ngữ học, tự vị học và nhà viết kịch. Nhưng nơi con người có nhiều khả năng này, Tạ Ty đã chọn "nhà viết kịch" để thể hiện Vi Huyền Đắc: *chân dung được trình bày bên cạnh bức màn sân khấu đỏ rực, cứ như Vi Huyền Đắc đang ở bên cánh gà.*

Bức *Mùa hè đổ lửa* (1972, 350x170 cm), khi Tạ Ty trở về Việt Nam, bức tranh được đổi tên *Cát Cánh*, vẽ theo phong cách *trừu tượng*, được treo ở Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1998. Đây là bức tranh sơn dầu lớn nhất trong bộ sưu tập của nhà bảo tàng này.

Tạ Ty sinh năm 1921 ở Hà Nội. Theo học Trường Mỹ Thuật Đông Dương năm 1938, ra trường năm 1943, đỗ đầu khi tốt nghiệp.

Những năm dồi dào sinh lực thời trai trẻ và trung niên, ông đã tổ chức được 3 cuộc triển lãm cá nhân vào các năm 1952 ở Hà Nội, 1955 và 1960 ở Sài Gòn. Người ta thường nhớ đến Tạ Ty vì tính cách mới mẻ của "lập thể Tạ Ty". Ông là người đầu tiên nghiên cứu và đưa không khí

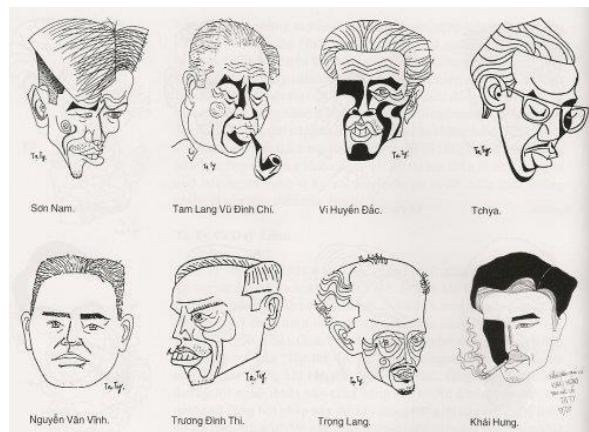
lập thể vào Việt Nam. Ông bị vây bủa bởi đường lối nghệ thuật này từng vang dội từ Âu Châu đầu thế kỷ, muốn sử dụng bút pháp này để xây dựng thế giới của mình, để tháo gỡ và đào sâu vào đối vật, làm thiên nhiên lệch lạc đi, phá vỡ tất cả những cách nhìn quen thuộc về sự vật để khám phá ra những khía cạnh mới mẻ nhất, muốn tạo được sự ngỡ ngàng và đưa người xem đến chỗ bất ngờ.

Những người lưu tâm đến hội họa Tạ Ty vẫn nhắc đến các tác phẩm lập thể Vàng, Tím, Tờn Tãi, Chiều bạc ... thời ở Hà Nội, khoảng năm 1951. Phải nhận là Tạ Ty cũng có đôi phần tài hoa, nhưng tranh của ông chưa đủ trọng lực, không có gì sâu sắc, mới chỉ là những mảng trang trí đẹp, vui mắt trong thoáng chốc. Công của Tạ Ty chỉ là ở chỗ gây nên được những phản ứng sôi nổi, mà những phản ứng như thế thì bất cứ vào thời đại nào cũng rất hữu ích cho sự tiến bộ chung.

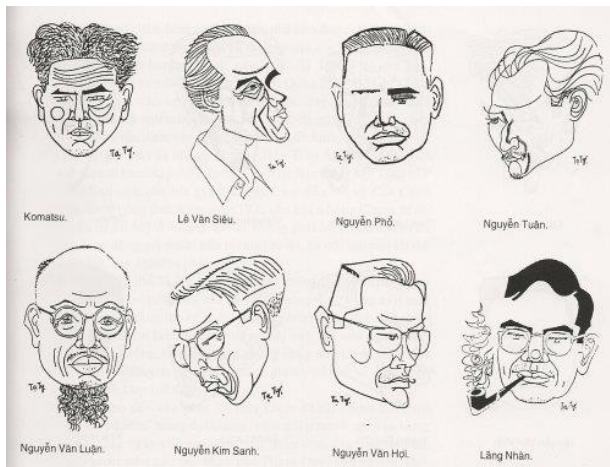
Trịnh Cung cho chúng tôi biết là vào khoảng 1974 và đầu 1975, Tạ Ty mới bắt gặp được ngôn ngữ lập thể đích thực, đã thực hiện được một vài tác phẩm có chiều sâu thực sự của nghệ thuật này, nhưng riêng chúng tôi, vì không nắm vững được sự kiện này nên không dám xác định điều gì mà chỉ xin ghi nhận lại đây một ý kiến đáng quan tâm.

Không khác mấy cách đánh giá của chúng tôi về Tạ Ty, Nguyễn Quỳnh cũng có viết mấy câu về Tạ Ty trong bài tổng kết ngắn *Nhìn lại hội họa Việt Nam hiện đại (1930-1975): Một bài học để so sánh và tìm hiểu*. (Tạp chí Hợp Lưu, số đã dẫn):

*Tạ Ty không hiểu đã xem tranh lập thể ở đâu mà thường được coi là họa sĩ Việt Nam đầu tiên đưa hình khối vào tranh. Tuy rằng tranh lập thể của ông không đúng là lập thể kiểu Braque, Picasso hay Gris, nhưng ông đã có công thổi vào trong khung cảnh hội họa Việt Nam còn phôi thai trong lịch sử nhân loại, một luồng gió mới. Sau ông, ta thấy rất nhiều bìa nhạc mang màu sắc "lập thể". Hạn từ Sáng Tạo do nhóm của họa sĩ Tạ Ty nêu lên rất xúc động trong tâm hồn của thế hệ trẻ. Tranh lập thể của Tạ Ty lạ lùng như thơ mới theo kiểu Apollinaire và Prévert tại Việt Nam thuở ấy.*



Nhân đây, chúng tôi cũng muốn nhắc thêm một chút nữa về Tạ Ty, ông có vẽ nhiều chân dung các văn nghệ sĩ, các người cầm bút, các nhà báo rất đẹp, lạ, có bút pháp và bản sắc riêng biệt, rất gần với loạt tranh có tên gọi *Tinh tượng họa* của Hoàng Lập Ngôn. Loạt chân dung của Hoàng Lập Ngôn vẽ văn nghệ sĩ, có điểm loáng thoáng giống Tạ Ty nhưng nhìn kỹ thì khác nhau rất nhiều. Tạ Ty và Hoàng Lập Ngôn đã lọc được cái thần của chân dung muốn vẽ, nắm được những nét chính rồi phóng bút theo cách riêng của mình. Chúng tôi in đính kèm một số chân dung các nhà văn, nhà báo được nhìn dưới mắt Tạ Ty để chúng ta có dịp nhớ lại và thưởng lãm.



Sau gần 20 năm lưu lạc ở Mỹ, năm 2003 Tạ Tỵ trở lại quê nhà, sống ở căn nhà cũ trên đường Phan Văn Trị, Quận 5, TP Hồ Chí Minh, và một năm sau, vào ngày 24 tháng 8 - 2004, ông qua đời sau một hành trình dài với nhiều hoạt động văn nghệ đa năng, đa dạng, làm hội họa, viết nhận định văn nghệ, làm thơ, viết kịch, viết truyện.

Hiện nay, rất may là bộ sưu tập của Bảo Tàng Mỹ Thuật Hà Nội cũng có một số tranh lập thể của ông, và Nhà Bảo Tàng Mỹ Thuật TP Hồ Chí Minh vẫn còn lưu giữ được bức sơn dầu đồ sộ Cát Cánh (1m70x3m50) ông thực hiện năm 1972 cho ngân hàng Chase Manhattan của người Mỹ ở Saigon. Đó là những phát biểu sinh động của một nhà hoạt động mỹ thuật tiên phong lưu lại, và đời sau còn có thể chiêm ngắm, suy nghiệm phần nào.

Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại  
(VAALA 2008, trang 62)

## Đã mười năm cách biệt

Đã mười năm tôi rời bỏ quê hương rồi đó! Ôi, mười năm biết bao nhiêu chuyện vui buồn đã đi qua đời tôi, trong khoảng thời gian ấy, với từng bút rứt, khổ đau, âm ỉ như một chứng nội thương dai dẳng!

Trời Cali tháng Sáu với nắng vàng rực rỡ đổ tụt trời cao xanh thẳm xuống cảnh vật, thứ cảnh vật ở ngoài tôi, không chứa chấp một tình ý sâu xa nào cả. Cái con đường phẳng phiu và hun hút kia với hai hàng cây cao ngất xanh um bóng lá đang lay động theo chiều gió không đủ làm không khí bớt oi nồng, bức bối. Những căn nhà đủ kiểu sơn phết trang nhã hay sặc sỡ với những thảm cỏ êm mượt như nhung, những khóm hồng với vài bông hoa cuối mùa lay lút không làm cảnh vật tươi hơn chút nào. Nơi phía xa, những thân cọ vươn cao với bao tàn lá héo rũ... như những chiếc áo cũ tả tơi, rách nát mà không chịu rớt xuống! Những gốc thông già hàng mấy chục năm, thân vỏ xù xì với đám lá dày đặc, đâm tua tua lên vòm trời như thách đố. Tất cả, tất cả những thứ đó, tôi đã nhìn, đã thấy từ mười năm qua, cho tới hôm nay vẫn không thay đổi, có lẽ, chẳng bao giờ thay đổi, trừ vài trường hợp có gia đình dọn đi, có những người khác dọn đến. Nhưng dù đi, dù đến, cũng không ai cần biết, nếu vô tình gặp nhau ở ngoài lộ bất quá cũng chỉ chào hỏi xã giao bằng những câu rất công thức, khách sáo: Hi hoặc Hello! How are you today? vân vân và vân vân...

Con phố tôi trú ngụ thuộc loại cổ xưa, xung quanh toàn người già đã về hưu, sau mấy chục năm lao động, thỉnh thoảng có một vài người trẻ, nhưng họ cũng sống trầm ngâm như những

người già. Có rất ít xe chạy qua lại, ngay lúc ban ngày, còn ban đêm hoàn toàn im vắng với ánh đèn vàng chiếu hắt hiu, nhọt nhọt trên mặt đường hiu quạnh. Nói cho đúng, đôi khi cũng có tiếng ồn ào của những chiếc máy cắt cỏ, nhưng nó không kéo dài từ ngày này qua ngày khác. Sự vui nhộn và tấp nập ở mãi xa với những khu shopping rộng lớn, những nơi trình diễn Topless và Bottomless, cấm trẻ em dưới 18 tuổi, cùng những quán rượu với những ầm khách trầm ngâm trước ly rượu mạnh, dưới làn ánh sáng mờ đục trên mặt quầy hàng làm nhớ đến cái không khí của các Saloon, nơi tới lui của các chàng cao-bồi thuở xa xưa, rút súng bắn nhau như trò đùa, trong loại phim Western, hoặc những chiếc bàn con đặt rải rác đó đây trong bóng tối mờ mờ. Vài cô gái tóc vàng hoặc đỏ, mặt mày tùm lum son phấn, mùi nước hoa lẩn khuất trong không gian, ăn mặc rất khêu gợi, thờ khói thuốc phì phà qua đôi môi đỏ mọng như mời gọi!

Xa nơi tôi ở, còn nhiều thú vui nữa, toàn những thú vui dành cho thanh niên, thiếu nữ. Họ ôm nhau như hai con rắn và hôn hít nhau thật nồng nàn, ở bất cứ nơi nào họ muốn, dù chỗ đông người qua lại. Hồi mới qua, tôi bỡ ngỡ, lạ lẫm khi nhìn thấy, nhưng sống mãi, nhìn mãi, lâu dần quen mắt, kể cả những phim X, nó cũng nhàm chán như phải ăn mãi một món quá quen thuộc! Chính vì vậy nên tôi quý cái khu phố tôi đang ở. Nó buồn thật. Nó quạnh hiu thật. Nó lạnh nhạt thật, nhưng nó cho con người cái im vắng của tự do, khi cần suy nghĩ, ngay cả lúc nghĩ ngợi. Đã mười năm rồi đó, ờ nhỉ, cách đây mười năm tôi rời bỏ quê hương cũng vào một ngày trong tháng Sáu, khi Sài Gòn bắt đầu mùa mưa. Cái nắng Sài Gòn cũng hừng hực dữ dội, còn hơn cái nắng Cali nhiều, nhưng chẳng hiểu sao tôi vẫn mê cái nắng đó cũng như những cơn mưa bất chợt của Sài Gòn yêu dấu trong đầu.

Tôi sinh ra ở miền Bắc, học hành và lớn lên ở đó. Hà Nội bé nhỏ so với Sài Gòn, nhưng nó là một thành phố có nhiều lịch sử với những chứng tích đầy đủ và xác thực. Hà Nội có bốn mùa rõ rệt. Mỗi mùa làm cảnh vật đổi thay theo màu hoa, sắc lá và cách thức ăn mặc. Mùa Xuân có hoa đào, hoa mơ, hoa mận và rất nhiều loại hoa khác để tha hồ cho ong bướm hút mật. Trên những cành cây trụi lá cũng bắt đầu nảy lộc xanh tươi. Có những ngày nắng đầu mùa để các bà, các cô mang quần áo mùa Đông ra phơi và tắm gội. Bao nhiêu cô gái má đỏ như son, môi cười như cánh bướm của tuổi học trò, tóc thề xõa ngang lưng, khua guốc, dép trên các vỉa hè dẫn đến trường Đồng Khánh hay Hoài Đức. Tiếng xe điện chạy cà rịch, cà tang với từng hồi chuông leng keng ở giữa lòng phố chật hẹp.

Sống ở Hà Nội như sống trong một gia đình lớn, vì bất cứ chuyện gì, dù lớn, dù nhỏ xảy ra ở đâu, mọi người đều biết. Thuở nhỏ tôi đã đi dạo khắp phố phường Hà Nội, không chỗ nào, nơi nào thiếu dấu chân tôi. Tôi như con chim non nhẫy nhót tung tăng đó đây với niềm vui thật hồn nhiên, thoải mái.

Hà Nội có những tên phố rất đặc biệt, như phố Huế, phố Tràng Tiền, phố Hàng Trống, hàng Gai, hàng Đào, hàng Đường, hàng Bút, hàng Giấy, hàng Vải Thâm, hàng Thiếc, phố Cầu Gỗ, có ngõ Quảng Lạc, ngõ Phát Lộc, nơi có nhiều nhà của người Tàu chuyên rang đậu phộng húng liu, ngon tuyệt, nhất là ăn vào mùa lạnh.

Hà Nội còn có Hồ Gươm, có cầu Thê Húc, có Trấn Ba Đình, có Tháp Rùa cổ kính rêu phong, có Tháp Bút xây từ thời Vua Lê, có núi Nhị, có sông Hồng đỏ màu phù sa mỗi mùa nước lũ và có nhịp cầu Long Biên bắc qua sông Hồng dài trên hai cây số. Hà Nội còn có chùa Trấn Quốc, có đường Cổ Ngư được mệnh danh là "con đường tình tự", một bên là hồ Trúc Bạch, một bên là Hồ Tây. Con đường này dẫn đến đầu cửa ô Yên Phụ, đến xóm Nghi Tàm. Mỗi độ Hè về hàng phượng trồng hai bên đường nở hoa rực rỡ, vừa đẹp vừa có bóng mát làm mặt đường bớt nóng dưới cơn nắng hạ. Hà Nội còn có năm cửa ô như năm ngón tay xòe ra để đón nhận từng nguồn sông đổ vào lòng Hà Nội. Hà Nội còn nhiều điểm đặc biệt nữa, nói không hết, trừ khi nào thấy tận mắt.

Trong bốn mùa của Hà Nội, riêng tôi, thích nhất mùa Thu, khi cái nóng đã bớt nung nấu với những trận gió Lào oi bức làm thân xác mệt nhoài! Mùa Thu về với cái nắng hanh hanh, với từng làn gió heo may thổi hiu hiu làm sạch mặt hồ, tưởng có thể soi gương được. Khi đêm về, được đắp tấm chăn đơn, nhất là những cơn gió mạnh thổi ào ạt làm tắt cả những chiếc lá vàng

rụng xuống mặt đường, để sáng hôm sau, người phu rác kéo lê từng nhát chổi thu gọn lại, hốt lên chiếc xe nhỏ, chở đi đổ ở nơi đâu, chẳng biết!

Mùa Thu Hà Nội có hai con đường đẹp nhất: Carreau và Rollande, vì những cây cao mọc dọc theo lề đường đều trút hết lá, chỉ còn lại cành, đan vào nhau như bức rèm màu xám, trông rất nên thơ. Về sau, khi cuộc sống đổi đời, tôi đã được đi nhiều nơi từ Á Châu tới Âu Châu, nhất là Paris với khu vườn Luxembourg hoặc Bois de Boulogne, thường được các thi nhân ca tụng trong sách vở, tuy có đẹp, nhưng theo tôi không đẹp bằng hai con phố nói trên.

Khi viết đến đây, trong đầu tôi thấy tràn ngập xác lá vàng đang chạy đuổi nhau xào xạc sau mỗi cơn gió! Những tòa biệt thự, kín cổng cao tường ở đằng sau hàng cây trụ lá hình như muốn giành về phần mình tất cả cái đẹp của thiên nhiên.

Ngoại ô Hà Nội còn có phường Dạ Lạc, mà ở tuổi thanh niên tôi đã hoang phí hơi nhiều. Hà Nội còn nổi tiếng là nơi thanh lịch với các món ăn đặc biệt địa phương, được thực hiện bởi những bàn tay vô cùng khéo léo. Nó còn là thủ đô văn hóa, nhà văn, nhà thơ hoặc nghệ sĩ muốn nổi tiếng, đều phải được nó thừa nhận. Nhưng thôi, tôi không muốn nhắc thêm nữa, vì càng nhắc lòng càng khổ đau, tiếc nuối!

Từ ngày Cộng Sản chiếm được một nửa nước Việt Nam (20-7-54), tất cả những thơ mộng vui chơi của hội hè, đình đám nơi thôn dã cùng với nếp sống cổ truyền của dân tộc đều bị xô sập. Vì có cái may được sống trong cơn chuyển động của lịch sử với bao nhiêu cảnh huống bất ngờ ào tới, với sự có mặt của quân Nhật vào Việt Nam qua ngã Lạng Sơn, rồi đến bom Mỹ ném xuống Hà Nội vì nơi đây có mặt quân Nhật. Đã nhiều lần tôi ẩn mình trong các hố tăng-xê để tránh tai bay vạ gió, nhưng có lần tôi suýt chết trong cuộc oanh tạc của không quân Mỹ ở khu Hàng Da, khi đang ngồi sáng tác trong xưởng vẽ gần đó. Rồi đến ngày 9 tháng Ba, 1945, Nhật đánh Pháp. Chỉ trong vòng một đêm, quân Nhật đã chiếm trọn Việt Nam. Nhật cai trị còn dã man hơn Pháp, mọi người dân đều thất vọng, rồi phong trào Việt Minh nổi lên với các vụ ám sát và bản án gài trên xác chết. Lịch sử đã sang trang, rồi lại sang trang với ngày 19 tháng Tám 1945, ngày Việt Minh cướp chính quyền trong tay chính phủ Trần Trọng Kim. Tưởng là xong, ai ngờ Pháp nhớ thuộc địa, lại mang quân và tàu chiến đến cửa biển Hải Phòng. Bắn nhau chán rồi điều đình, rốt cuộc Pháp vẫn có mặt tại Hà Nội để dẫn đến một kết quả không thể tránh được, ngày toàn quốc kháng chiến: 19 tháng Chạp 1946. Sự thực cuộc chiến tranh Việt-Pháp đã xảy ra cùng lúc với sự có mặt của quân Anh đến Việt Nam để giải giới quân Nhật, tại miền Nam từ lâu.

Cũng may, định mệnh đã buộc tôi rời Hà Nội khi hiệp định Genève chưa ký kết, tôi chưa phải sống với chế độ vô sản chuyên chính ngày nào với các cuộc đấu tố ruộng đất, với những sự trừng phạt trong các trại cải tạo, do đó, trong lòng tôi mỗi lần nghĩ về Hà Nội là nghĩ đến cái duyên dáng của Hà Nội cổ xưa, tuy tôi không thích cái nếp sống phong kiến, quan liêu cùng cái kiếp làm thân nô lệ, dưới quyền cai trị của thực dân Pháp cũng như Nhật!

Ở miền Nam với hai mùa mưa nắng, không có bốn mùa luân lưu như ở miền Bắc, nhưng thân xác cảm thấy thoải mái trong bộ bà ba với chiếc ghế bố và những đợt gió biển thổi miền man làm dịu cơn nóng mỗi chiều tắt nắng.

Sống ở miền Nam tôi có nhiều dịp đi thăm miền Lục Tỉnh. Điểm đặc biệt, tỉnh nào cũng nằm kề sông nước, trên bến, dưới thuyền. Nơi nào, chỗ nào cũng sinh hoạt tấp nập, dù trong chiến tranh. Vì sống đã lâu, nên có thể nói, tôi thuộc từng thước đất của miền Nam nước Việt. Cái nếp sống gò bó, kiểu cách không có mặt ở miền Nam.

Tôi đã đi từ Sài Gòn ra Bến Hải để nhìn dòng nước chia đôi đất nước, lòng đau thắt. Nó như một vết chém ngang thân tổ quốc và dòng nước là máu của Việt Nam chẳng bao giờ cạn! Cây cầu bắc ngang, nửa xanh, nửa đỏ với hai lá cờ cắm ở hai đầu, theo gió tung bay phấp phới, tượng trưng cho vùng đất và chế độ! Cảnh vật xơ xác xung quanh vẫn vô tình như chẳng bao giờ biết, nơi đây là ranh giới của thù hận, của sự chém giết không ngơi nghỉ cho đến ngày nào có kẻ bị ngã! Dòng sông ngẫu nhiên đi vào lịch sử như dòng sông Gianh thời Trịnh Nguyễn tranh hùng. Tôi đứng trên vùng đất giới tuyến, lòng ngậm ngùi khôn tả. Chao ôi, vùng đất thật nghèo nàn, đầy sỏi đá mà phải hứng chịu biết bao nhiêu tang tóc, chia lìa, trong suốt chiều dài



chinh chiến từ Việt Minh, Pháp rồi đến Quốc-Cộng phân ly! Tất cả đất nước tôi, từ Âu Nam Quan đến mũi Cà Mau, có lẽ vùng này nghèo nhất. Những nét khổ đau in hằn trên mỗi khuôn mặt, từ trẻ thơ tới người già. Cỏ cây cần cỗi, không tìm đâu thấy một niềm vui. Ngay cả tỉnh Quảng Trị, một tỉnh địa đầu giới tuyến cũng nhuốm vẻ tang thương của một thành phố chết với đầy phố buồn hiu! Nhưng chưa hết, trong những năm sau cùng của cuộc chiến nó đã chịu nhiều đòn đau với đổ vỡ, tang tóc, chia lìa trong cơn rối loạn. Từ viên gạch Cổ Thành đến dòng sông Thạch Hãn đã chứng kiến nhiều trận giao tranh cực kỳ dũng mãnh của chiến sĩ Dù, Thủy Quân Lục Chiến cùng các chiến sĩ thuộc mọi đơn vị như Thiết Giáp, Pháo Binh, Không Quân, Biệt Động Quân và các sư đoàn Bộ Binh quyết giữ từng thước đất quê hương, dù phải hy sinh không biết bao nhiêu xương máu.

Từ Quảng Trị tôi trở về Huế, mảnh đất của Thơ và Mộng, với những chiếc nón bài thơ che nghiêng nửa mặt. Tôi biết Huế từ năm 1941. Tôi đã sống trên một con đò cả tháng trời, đi thăm các lăng tẩm nhà Nguyễn và đêm đêm lắng nghe tiếng hò Mái Nhì, Mái Đầy cùng ca khúc Nam Ai, Nam Bình buồn đứt ruột! Sông Hương đẹp lắm, nhất là những đêm trăng sáng, một con đò nhỏ neo giữa dòng, lắng nghe tiếng thông reo từ xa vọng đến, lắng nghe tiếng nỉ non của côn trùng khắc khoải và ai đó, đang ngồi bên mạn đò nỉ non tâm sự, một thứ tâm sự khơi dậy lòng trắc ẩn trong tâm hồn chàng trai đa tình và lãng mạn!

Tôi cũng đã sống vài ngày trong Thành Nội, đi thăm cung điện và những di tích lịch sử. Bất cứ ở đâu, tôi cũng nhìn thấy nỗi thống khổ của lê dân sống dưới chế độ phong kiến, mỗi một viên gạch, mỗi một tảng đá, mỗi một công trình kiến trúc đều thấm đẫm mồ hôi và nước mắt của những kẻ khổ cùng.

Nhưng chuyện đó đã thuộc về quá khứ lâu đời, dù ngậm ngùi đến mấy, cũng đều vô ích! Huế trầm mặc quá, u tịch quá, không thích hợp với cái tuổi trẻ của tôi lúc ấy, nhưng sau này thời gian làm suy nghĩ của tôi thay đổi, tôi có nhiều dịp qua lại thăm Huế, tôi tìm hiểu Huế, tôi mến nó nhiều, cả người lẫn cảnh, dù cho Huế có những cơn mưa kéo dài cả tuần, làm ngập lụt thành phố, gây trở ngại lưu thông. Cây cầu Tràng Tiền vẫn sáng long lanh như thép bạc dưới ánh trăng, núi Ngự Bình vẫn như xưa và dòng sông Hương vẫn lặng lẽ uốn khúc, chỉ lòng tôi đổi khác và chiến tranh làm cho Huế chao động nặng từ chính trị, tôn giáo đến quân sự.

Quê hương tôi đó! Đất nước tôi đó! Nhưng lịch sử đã đẩy nó vào sự khốn khó hơn. Chiến tranh tăng dần cường độ. Tôi thương đất nước tôi, nhưng tôi chỉ là một cá nhân nhỏ bé, không có khả năng và quyền gì làm nó khá lên. Sống giữa cuộc chiến, đã có lần một mình, tôi lái xe lên đỉnh đèo Hải Vân giữa đêm trăng sáng. Tôi dừng xe, đứng trên đỉnh cao nhìn ra biển cả. Những chiếc thuyền đánh cá với những đóm lửa nhỏ dập dềnh theo con sóng như những đóm ma trôi! Gió thổi vun vút từ mặt đại dương bốc lên như muốn quét sạch hết bụi trần. Tôi đứng trước cảnh vật bao la mờ tỏ để cảm thấy mình bé nhỏ và vô nghĩa trước sự rộng lớn của thiên nhiên! Nhưng rồi tôi cũng phải đổ đèo vào lúc gần sáng để đến Đà Nẵng đúng giờ đã định. Trong suốt cuộc chinh chiến, thành phố này ít bị hư hao nhất, nhưng lại cực kỳ rối loạn vào những ngày tàn cuộc. Đến Đà Nẵng, phải biết bãi Tiên Sa với dải cát vàng long lanh, với màu nước biển xanh ngắt, nhưng hơi buồn vì khuất nẻo.

Trong tất cả những bãi biển của đất nước Việt Nam, tôi yêu nhất những bãi thuộc tỉnh Nha Trang, nhất là bãi Đồng Đế, nhưng rất tiếc bãi này nằm trong khu vực quân trường nên người dân không được sử dụng.

Mỗi nơi, mỗi thành phố đều có những nét riêng, làm những ai đã đến một lần, nhớ mãi.

Tuy sống ở Sài Gòn nhưng tôi cũng di chuyển luôn luôn vì nhu cầu công tác. Miền Nam với trái ngọt cây lành, với khí hậu hiền hòa, với lòng người cởi mở. Phong cảnh miền Nam, nói cho đúng không đẹp bằng miền Bắc, dù cũng sông, cũng núi nhưng hầu hết là đồng bằng. Miền Nam nóng bức quanh năm, muốn tìm cái lạnh, người ta phải lên Đà Lạt, cách xa Sài Gòn khoảng 300 cây số.

Đà Lạt nơi nghỉ mát từ thời thực dân Pháp. Các kiến trúc phần lớn rập theo kiểu Tây phương. Đà Lạt đẹp vì có nhiều thắng cảnh như thác Prenn, thác Gougah, có hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, v.v... Những cô gái Đà Lạt lúc nào má cũng hồng hồng, môi lúc nào cũng đỏ vì khí hậu



lạnh và khô. Nhưng Đà Lạt buồn, quá buồn, ở lâu không được, trừ những ai yêu cái u trầm của ngàn thông reo trên đồi cao, hoặc đêm đêm nghe gió lùa qua thung lũng đều hiu!...

Không hiểu sao, lúc nào và bao giờ tôi cũng yêu cái nắng miền Nam và những cơn mưa bất chợt. Trên 30 năm sống trong lòng nó, da thịt tôi, máu xương tôi đã hòa nhịp sống của mấy chục triệu người miền Nam thẳng thắn, bộc trực. Có lẽ, một phần nhờ vào khí hậu, một phần tự hào là dân thuộc địa chứ không phải dân bảo hộ như miền Trung và miền Bắc, nên con người và nếp sống miền Nam có một cái gì phóng khoáng, đến đâu hay đó, không cần biết ngày mai ra sao, vì đời sống dễ dàng quá, lo nghĩ làm gì cho mệt xác! Cá đầy hồ, gà vịt đầy sân, trái cây đầy vườn, ruộng thẳng cánh cò bay, bất cứ thứ gì cũng nuôi mình sống được, do vậy có lo cũng bằng thừa.

Mùa nào thức đó, nào chôm chôm, nào vú sữa, măng cụt, soài đủ loại, sầu riêng, ổi xá lồi, bưởi Biên Hòa, cây trái nào cũng ngon cả, làm con người cảm thấy cuộc sống là sung sướng. Lại còn các món nhậu nữa chứ! Chiều chiều các quán cóc đều chật người tìm vui trong bọt la-de hay ly rượu thuốc. Vừa nhâm nhi vừa tán róc, từ anh xích lô đạp hay máy, đến thầy thông, thầy ký, từ anh binh nhì đến anh cấp tá, hầm-bà-làng hết, khi men đã ngấm, ai cũng như ai! Cái thú của miền Nam ở chỗ đó. Từ Huế trở ra miền Bắc không thể tìm ra cái không khí đó.

Ngay cả các cô gái miền Nam, trừ một số ít sống trong cảnh đài các phong lưu, kín cổng cao tường từ hồi còn thơ ấu không kể, phần đông đều dễ thương, có cử chỉ tự nhiên khi đứng trước người khác phái. Chiếc khăn rằn ri quấn trên mái tóc dày đen lánh, nước da nâu hồng khỏe mạnh, chiếc áo bà ba tay rộng, chiếc quần mỳ a thêu đặng ten nơi gấu, dài quét gót, đó là hình ảnh những cô gái bình dân miền Nam mà tôi trông thấy hằng ngày từ Sài Gòn tới các thôn xóm miệt Tiền Giang hay Hậu Giang cũng vậy!

Ngay cả chuyện yêu thương họ cũng sòng phẳng, không nửa chừng, lấp lửng. Họ yêu cũng báo đáp xứng đáng, nhưng khi giận rồi thì của đáng ngàn vàng cũng vứt vô sọt rác!

Sài Gòn là thủ đô của miền Nam, là trung tâm hoạt động văn hóa, chính trị, kinh tế và các vấn đề linh tinh khác. Vì là miền đất có một phần tự do, nên các sinh hoạt, dù ở địa hạt nào cũng cảm thấy dễ chịu.

Sài Gòn cũng là thủ đô của văn nghệ. Sách báo ê hề, đọc không xuể. Có sách hay, có sách dở, nhưng dù hay, dù dở, ít ra nó cũng chứng minh được cái sức sống tinh thần của người dân miền Nam. Sau ngày Cộng Sản cưỡng chiếm Sài Gòn, chúng muốn tiêu hủy cái kho tàng văn hóa của miền Nam, nhưng không được. Người dân miền Bắc, sau mấy chục năm sống dưới chế độ Cộng Sản lại mê văn học miền Nam, do đó, một phần lớn sách báo miền Nam khi trước, được người dân miền Bắc giữ hộ.

Sống ở Sài Gòn còn có cái thú đi dạo chiều Thứ Bảy và sáng Chủ Nhật tại đại lộ Lê Lợi và đường Tự Do, để nhìn thiên hạ cho vui mắt. Khi nào mỗi chân ta có thể ghé quán Brodard hoặc La Pagode để uống ly cà-phê, một chai 33, vừa uống vừa tha hồ chiêm ngưỡng những dung nhan lượn lờ trên vỉa hè đông đảo!

Nhớ, chao ôi là nhớ! Ở bên Mỹ không tìm đâu ra cái không khí đó, ngoại trừ Paris, hoặc vài khu phố bên Tây Đức khi chưa thống nhất. Nhưng sinh hoạt của Paris giống Sài Gòn hơn, chắc nó có dây mơ rễ má từ thời còn là thuộc địa!...

Đất nước tôi còn nhiều cái vui thú nữa, nhưng cũng có lắm điều đáng buồn, đáng tiếc! Đất nước tôi có anh hùng, hào kiệt và cũng không thiếu kẻ tham danh, háms lợi, mua quan bán tước. Đất nước tôi có chiều cao, chiều dài mà cũng có cả chiều thấp, chiều ngắn. Sự thua trận ngày 30 tháng Tư 75 là điều sỉ nhục cho toàn thể dân chúng miền Nam từ vĩ tuyến 17 đến mũi Cà Mau. Chúng ta cứ đổ thừa cho chính phủ Mỹ; sự thực, phần chính, do sự lãnh đạo quá yếu của chính quyền miền Nam. Nếu quả thực có sự chênh lệch về võ khí giữa ta và địch thì ngày lâm chung của chế độ chưa phải là ngày 30 tháng Tư. Trong thời gian đi tù cải tạo, mắt tôi đã nhìn thấy mình còn rất nhiều hầm đạn đủ loại dùng cho bộ binh. Nhưng suy nghĩ lại, người ta đã trót huấn luyện cho các binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa, khi lâm chiến cần có phi cơ, pháo binh và xe tăng yểm trợ, nếu thiếu những thứ đó, người chiến sĩ bộ binh coi như mất một nửa khả năng chiến đấu, họ sẽ không biết xoay sở ra sao khi phải đối diện với một kẻ thù hơn hẳn mình

về vũ khí và quân số. Sau nữa, một phần do sự đào thoát của một số chỉ huy cao cấp ra nước ngoài, trước cơn hấp hối của miền Nam, cộng thêm sự triệt thoái khỏi vùng Cao Nguyên bằng Liên tỉnh lộ 7 càng tăng thêm rối loạn và làm tinh thần quân sĩ xuống rất mau, rất thấp! Cho tới hôm nay, sống trên đất khách, quê người, mang đời sống lưu vong, nhưng trong đầu tôi vẫn in hằn những thành tích oai hùng của những trận đánh lịch sử như: Pleime, Đồng Xoài, Bình Giả, trận Tết Mậu Thân, mùa Hè 72 với các trận Quảng Trị, Kontum và Bình Long - An Lộc, sau cùng là trận Xuân Lộc với Sư Đoàn 18 cùng các đơn vị phụ thuộc đã chặn đứng ba sư đoàn Cộng Sản muốn dùng Quốc lộ 1 để tiến thẳng vào thủ đô Sài Gòn. Cuối cùng, chúng phải đi vòng qua sông Đồng Nai để tấn công phi trường Biên Hòa.

Con phố vẫn chạy dài hun hút trước mặt tôi như một dải lụa phẳng lì. Những tàng cây chao động ngất ngư theo hướng gió. Những căn nhà im lìm như không có người ở. Vắng lặng và vắng lặng!

Đã mười năm rồi đó, tôi đã làm được những gì để giúp ích cho tổ quốc Việt Nam? Suy nghĩ thật kỹ, tôi thấy mình chưa làm được gì cả, ngoài vài cuốn sách chống Cộng và dăm bảy bài thơ bi phần!

Nhưng các cuốn sách chỉ là câu chuyện văn chương, nó không mang một lời kêu gọi, nó không có giá trị một bài hịch. Nó chỉ có phần trang điểm mà không có phần đấu tranh. Đất nước tôi vẫn còn đau khổ. Cộng sản vẫn thống trị nhân dân với hai bàn tay sắt. Chúng giả vờ cởi mở để bóc lột và tham nhũng. Chúng tung ra vài con múa rối như Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hào v.v... Nếu ai đã đọc và suy xét kỹ thì các nhà văn đó, đâu có dám cho ngòi bút chạm tới Đảng, họ chỉ nói lảng nhảng đến lũ cán bộ lưng chừng mà Đảng cũng đang muốn quẳng đi vì chanh đã vắt hết nước rồi! Hơn nữa, nội dung cuốn truyện đều hư cấu, nếu không, cũng thuộc về cái đã qua và chìm khuất từ lâu, nào có giá trị gì?...

Đất nước tôi đó. Đồng bào tôi đó, đang bị giam cầm trong các trại tị nạn từ Hồng Kông, Thái Lan, Mã Lai Á, Phi Luật Tân và Nam Dương, đêm ngày quằn quại, rên xiết vì chính sách thanh lọc, thế mà có những thuyền nhân trước đây khi đứng trước phái đoàn phỏng vấn, trong các trại tị nạn đã cương quyết thề: Tôi ra đi vì lý do chính trị! Nhưng những năm gần đây họ lại xênh xang dùng thông hành của Mỹ, Gia Nã Đại, Úc hoặc Pháp, v.v... để về Việt Nam ăn chơi cho thỏa, để lừa bịp, làm hại bao nhiêu cuộc đời các cô gái thơ ngây và cả tin. Chúng thường khoe khoang, khoác lác về địa vị của chúng nơi quê người, tự đề cao thân thế, tuy đích thực, chỉ làm nghề cắt cỏ thuê hoặc làm thợ ráp nối trong một hãng xưởng nào đó! Còn những tên trí thức về Việt Nam để mưu cầu tư lợi lại là chuyện khác. Ôi, biết bao giờ những người tị nạn trong các trại cấm mới có cơ hội được hưởng một cuộc đời tự do trong thế giới tự do?...

Nghĩ ít đau ít, nghĩ nhiều đau nhiều, càng nghĩ càng đau! Mười năm hoang phí cái thân vẫn nhược nào có ích gì cho ai, hơn nữa, tuổi lại cao, danh vọng chẳng màng, bon chen cũng không, hỏi làm sao vui? Tôi có nghe nói: Cộng đồng Việt Nam ở khắp nơi trên thế giới, chỉ có cá nhân giỏi, có nhiều hội đoàn khá, nhưng không biết đoàn kết để trở thành một lực lượng chính trị, nhất là thiếu người lãnh đạo tài trí, có uy tín và khả năng kết hợp để tất cả đều cùng nhìn về một hướng, đấu tranh cùng mục đích. Điều này có thể đúng chăng?

Cộng Sản Đông Âu và Liên Xô đã sụp đổ. Bức tường Bá Linh cũng vậy! Cả hoàn cầu nay chỉ còn vài nước cứ ôm lấy Mác-Lênin như ôm chặt mả tổ, trong đó có Cộng Sản Việt Nam. Chưa bao giờ ở Sài Gòn có nhiều gái mãi dâm đến thế! Những chuyện dâm ô đồi trụy xảy ra giữa ban ngày không ngượng ngập, còn tham nhũng và hà hiếp thì công khai, trắng trợn, từ cấp nhỏ đến cấp lớn. Chưa bao giờ có nhiều băng du đảng như hiện nay. Còn ăn mày đêm không xuể, nơi nào có miếng ăn là có họ. Cộng Sản có mặt ở đâu là chỗ đó tan hoang. Mới chưa đầy 20 năm, nó dìm sâu miền Nam xuống vũng sinh ô nhục. Nó làm con người không biết sống để làm gì, ngoài chuyện lừa lọc để có tiền! Ai có tiền tha hồ ăn chơi phè phỡn. Ai không có, chết đói, rán chịu! Cái chế độ phi nhân đến thế là cùng! Hiện nay ở Sài Gòn còn có một giai cấp khốn cùng nữa, đó là các cựu thương phế binh miền Nam. Họ sống ngất ngư, tương lai mù thắm, đợi chờ đến ngày nào đó, trả lại hơi thở cho Thượng đế. Họ sẽ chết im lìm, không một cành hoa đưa tiễn, còn nói chi đến vòng cườm với hàng chữ: Tổ Quốc Ghi Ơn!

Viết đến đây, tự nhiên cán bút nặng như đeo một khối chì, đầu óc tối như than, nhìn vào gương thấy mái tóc bạc phơ, da dẻ nhăn nheo trông gớm ghiếc. Ngày lại ngày, tôi luôn luôn chờ đợi, không phải chờ đợi cái chết đến với tuổi già vô nghĩa, mà tôi chờ đợi một biến cố vĩ đại của lịch sử, xóa bỏ chế độ Cộng Sản, như xóa bỏ một ván cờ lỗi đi nhằm nước.

Tháng Sáu, 1992

## Trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương

(1925-1945) (L'École des Beaux-Arts de l'Indochine)

Những người yêu thích nghệ thuật việt-nam nói chung và ngành hội họa nói riêng đều không ít thì nhiều biết đến trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương (*L'École des Beaux-Arts de l'Indochine*). Trường là nơi đào tạo một thế hệ họa sĩ cũng như điêu khắc gia đã đi vào lịch sử nghệ thuật việt-nam như Lê Phổ, Vũ Cao-Đàm, Nguyễn Phan-Chánh, Georges Khánh, Mai Trung-Thứ, Tô Ngọc-Vân, Lê văn Đệ, Nguyễn Gia-Trí, Trần văn Cẩn... Nhưng ít người biết rằng một cuộc gặp gỡ kỳ diệu giữa hai nền văn hóa Đông-Tây, đại diện là Victor Tardieu (1870-1937) và Nam-Sơn Nguyễn văn Thọ (1890-1973), đã liên kết với nhau để đồng sáng lập trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương.

### I. Victor Tardieu

Sinh ngày 30 tháng 4 năm 1870 tại Lyon trong một gia đình thương gia chuyên về tơ lụa, từ thuở nhỏ Victor Tardieu đã yêu thích hội họa, ông theo học trường Mỹ-thuật Lyon vào tuổi vị thành niên. Từ 1889 đến 1891, ông lên học trường Mỹ-thuật Paris trong xưởng họa của Gustave Moreau (1826-1898), cùng với các bạn học mà tên tuổi lừng lẫy hiện nay như Henri Matisse (1869-1954), Albert Marquet (1875-1947), Georges Rouault (1871-1958)... Năm 1892, ông sang học tại xưởng họa của Léon Bonnat (1833-1922, môn đồ của Ingres).

Victor Tardieu đã làm rạng danh những người thầy của mình qua nhiều giải thưởng có tầm vóc, đặc biệt là hạng Danh dự (*Mention Honorable*) năm 1896, huy chương hạng ba năm 1899, huy chương hạng hai năm 1907, huy chương Vàng ("*Hors Concours*") tại Hội Những Nghệ Sĩ Pháp (*Salon des Artistes français*)... Đặc sắc hơn là ông đã đoạt được huy chương Đồng tại cuộc Triển-Lãm Hoàn-Cầu (*Exposition Universelle*) năm 1900.

Là một họa sĩ tài hoa, Victor Tardieu đi vào thế giới hội họa với những tấm tranh có bố cục lớn, ông đã thực hiện những bản vẽ để dùng vào việc ghép những lồng kính màu (*vitrail*) cho các nhà thờ và công sở. Nổi tiếng nhất trong những kính màu này là tấm "*Jean Bart trở về quê hương sau chiến thắng Texel*" (*Le retour de Jean Bart dans sa ville natal après la victoire du Texel*), trưng bày tại sảnh đường Tòa Thị-Chính tỉnh Dunkerque [1].

Năm 1902, với bức sơn dầu "*Lao động*" (*Travail*, 4m50 x 4m80) [2], Victor Tardieu đã đoạt giải thưởng Quốc-gia (*Prix National*), cùng với một học bổng đi du lịch hai năm trong toàn châu Âu. Viễn hành với phu nhân, Caroline Luigini [3], chuyến du lịch ấy đã được Tardieu ghi lại qua nhiều tranh sơn dầu có khuynh hướng nghệ thuật ấn tượng (*impressionniste*) mô tả hoạt động tại các hải cảng lớn của Âu châu, được lưu ý nhất là "*Chân dung bà Rozier*" "*Kỷ niệm*" (*Souvenirs*), "*Hải cảng Liverpool*" "*Hải cảng Londres*" "*Hải cảng Gènes*" [4]...



Victor Tardieu,

tượng đồng Georges Khánh,  
1935, cao 40cm

Năm 1903, tiếng khóc chào đời của người con trai duy nhất trong gia đình Tardieu, Jean, và những năm yên bình tiếp sau đó đã giúp Tardieu hình thành những tấm sơn dầu tỏa ra một niềm vui lòng trong màu sắc lộng lẫy của trường phái ấn tượng. Những nét chấm phá rực rỡ mang đầy hạnh phúc gia đình được vẽ ngoài trời, trong một khu vườn, dưới ánh nắng chan hòa mà ở trong khung cảnh ấy Caroline và Jean, "*Mẹ con*" đang ngồi "*Dưới bóng ô đỏ*" (*Ombrelle rouge*), "*Dưới bóng ô trắng*" (*Ombrelle blanche*)... Đó là những tấm tranh đã hình thành vào khoảng năm 1912, lúc ấy Jean được chín hay mười tuổi. Các bức tranh ấy chúng tôi đã hân hạnh được thưởng lãm tại nhà riêng của gia đình Tardieu tại Paris vào những năm 1993, 1994. Sau này, Jean Tardieu (1903-1995) đã trở thành một nhà thơ tiếng tăm vang dội.



Dưới bóng ô đỏ, (*Ombrelle rouge*) sơn dầu  
của Victor Tardieu, 1912, 40x50cm  
(Tư liệu NgKmKh)

Vào năm 1907, để đáp ứng yêu cầu trang trí trần nhà phòng Lễ Hội (*salle des Fêtes*) thuộc về Thị-xã Les Lilas, Hội-đồng vùng Seine (*Conseil général de la Seine* [5]) mở ra một hội thi dành cho các họa sĩ toàn quốc. Khoảng năm mươi bản vẽ đã được trưng bày tại cung Mỹ-thuật (*Palais des Beaux Arts*) thành phố Paris vào tháng 12 năm 1907. Cuối cùng chỉ có bốn ứng sinh được vào chung kết. Tháng 5 năm 1908, các bản vẽ này đã được tuyển chọn tại toà Thị Chính Paris, tháng 6 cùng năm, Victor Tardieu được xướng danh [6].

Tám tranh bích họa vĩ đại có tên là "*Thời đại của Paul de Kock*" (*Au temps de Paul de Kock*) này có nhiều ảnh hưởng của danh họa người Ý Tiepolo (1696-1770) và trình bày theo kiểu *baroque*, đã được Victor Tardieu hoàn tất trong ba năm (1909-1911).



Chi tiết "*Thời đại của Paul de Kock*"  
(1909-1911, détail), sơn dầu của Victor Tardieu.

Chiến tranh thế giới bùng nổ vào mùa thu năm 1914. Dù được hoãn dịch, Victor Tardieu vẫn tình nguyện tòng quân và tham gia những trận chiến tại miền bắc Pháp. Hiện nay, viện Bảo tàng Quân đội Paris (*Musée de l'Armée*) vẫn còn trân trọng gìn giữ những bức tranh nhỏ của ông, đặc biệt nhất là "*Phế tích Verdun*" (*Ruines de Verdun*) được ghi lại một cách nào nùng ngay dưới những trận mưa bom.

Sau bốn năm chiến tranh, Victor Tardieu trở về Paris. Năm 1920, trên trần phòng Cổ-văn Thị-xã Montrouge (*salle du Conseil Municipal*) được nét bút tài hoa của Victor Tardieu điểm trang bằng một bích họa vĩ đại thứ hai lấy tên là "*Những niên kỷ cuộc đời*" (*Les âges de la vie*). Cùng năm, cuộc đời của chính ông đã rẽ vào một khúc quanh định mệnh khi ông nhận được Giải thưởng Đông-dương (*Prix de l'Indochine*) [7] và một học bổng sang Đông-dương nghiên cứu trong vòng một năm. Ngày 5 tháng 1 năm 1921, Victor Tardieu xuống tàu ở cảng Marseilles, ông đã lần đầu tiên trong đời cảm nhận được không khí miền nhiệt đới vào ngày 2 tháng 2, đồng thời thưởng thức mùa xuân Hà-nội.

## II. Nam-Sơn Nguyễn văn Thọ

Sinh trưởng trong một dòng dõi nho gia, Nguyễn văn Thọ chào đời gần hồ Hoàn Kiếm tại Hà-nội vào ngày 15 tháng 2 năm 1890 (Canh Dần), tại số 17 phố Hàng Dầu (*rue du Lac*). Ông là con trai duy nhất của nho giả Nguyễn văn Khang (1871-1894), thư ký phủ Thống-sứ Bắc-kỳ. Mẹ ông, Nguyễn thị Lân (1870-1951), thuộc một thương gia ở phố Hàng Bạc (*rue des Orfèvres*).

Tổ tiên của ông, Nguyễn Duy-Thời (1572-1652) và Nguyễn Duy-Hiểu (1602 ?) [8], đã lừng lẫy dưới triều Lê với mỹ danh "*Phụ tử đồng triều*", tên tuổi hiện nay vẫn còn ghi khắc trên bia Tiến sĩ tại Văn Miếu, Hà-nội.

Cha mất khi lên bốn tuổi, Nguyễn văn Thọ được nuôi dưỡng bởi một bà mẹ quyết tâm dành trọn cuộc đời cho con, ban ngày tảo tần buôn bán tơ lụa tại phố Hàng Đào (*rue de la Soie*), ban đêm chong đèn khâu thuê vá mướn [9]. Trong cảnh hàn vi, bà đã giao việc đèn sách của đứa con mồ côi cha ấy cho em mình, Nguyễn Sỹ-Đức (tự Cẩm-Thành), và em họ, Phạm Như-Bình, là những nhà nho uyên thâm có tấm lòng yêu nước. Nguyễn văn Thọ vỡ lòng với những chữ hán đầu tiên trong *Tam tự kinh* rồi *Thiên tự kinh* ..., từ Khổng hiền chi đạo đến hán tự thi thư. Ngoài ra, ông còn được học cách quan sát, thưởng thức nét đẹp thiên nhiên qua các bài thi phú và tranh vẽ. Cuối cùng, ông chập chững đi vào thế giới hội họa với những khái luận ban sơ qua quyển "*Giới tử viên họa truyền*" [10]. Chính Phạm Như-Bình sau này, qua cái tên Thọ, đã chọn cho ông biệt hiệu Nam-Sơn (*Thọ tử Nam-Sơn*), như một lời chúc trong Kinh Thi :

南山至壽, 不牽不能

"*Nam-Sơn chí thọ, bất khiên bất năng*" (*Thọ vững bền như ngọn núi Nam-Sơn mà không gì lay chuyển nổi*).

Năm mười tuổi Nam-Sơn mới bắt đầu học chữ quốc-ngữ tại trường tiểu học Hàng Vôi [11] và vẫn tiếp tục học chữ nho tại nhà.

Tốt nghiệp trường Bưởi (trường Bảo-hộ, *lycée du Protectorat*) năm hai mươi tuổi, ông vào làm tại sở Tài-chánh Đông-dương (*Direction des Finances*) cùng với Tú-Mỡ Hồ Trọng-Hiểu (1900-1976) và Nhất-Linh Nguyễn Tường-Tam (1906-1963). Vì có khiếu vẽ và không ngừng tự trau dồi học hỏi qua sách vở, biệt hiệu Nam-Sơn đã xuất hiện thường xuyên qua các tranh bìa, tranh minh họa bằng bút lông, bút sắt, mực nho..., trang trí cho các báo chí thời bấy giờ như Đông-dương tạp-chí (*Revue Indochinoise*, chủ bút Nguyễn văn Vĩnh), Nam-Phong tạp-chí (*Vent du Sud*, chủ bút Phạm Quỳnh), Viễn-Á (*Extrême-Asie*, chủ bút Georges Mignon), Trang Đông-dương (*Pages Indochinoises*)... Các đề tài của ông qua các tranh bìa và tranh minh họa này thường diễn tả cuộc sống thường nhật và phong cảnh thiên nhiên, ngoài ra ông còn vẽ theo những phù điêu hoặc trầm điêu chạm hoa văn sắc sảo của các miếu đền đông phương.



Nam-Sơn Nguyễn văn Thọ, Hà-Nội 1919

Chúng tôi xin mở ra một dấu ngoặc để kể rằng thuở ấy, Tú-Mỡ mới bắt đầu bước vào văn đàn, tự xuất bản tập thơ đầu tay tựa là "*Câu cười tiếng khóc*" dưới bút hiệu Nguyễn-Trực, đã nhờ Nam-Sơn vẽ cho tám trang bìa "*Đêm thu*". Nhất-Linh khi xuất bản quyển sách đầu tay "*Nho phong*" năm 1926 (Nxb Ngọc-Xuyên, Hà-nội), đã trân trọng đặt tám tranh sơn dầu "*Nhà nho xứ Bắc*" (40×50cm, 1923) của Nam-Sơn lên trang bìa.

Năm 1923, Trần Trọng-Kim và Đỗ Thận tại bộ Giáo-dục Đông-dương đã mời Nam-Sơn cộng tác, ông chuyển sang nha Học-Chính (*Direction Générale de l'Instruction Publique*, thành lập năm 1920) để phụ trách phần minh họa cho các sách giáo khoa như Quốc-văn giáo-khoa-thư, Luân-lý giáo-khoa-thư...

Minh họa của Nam-Sơn, trích từ tạp chí Extrême-Asie, số 12, 6/1927.



Cùng vào khoảng thời gian ấy, Nam-Sơn hăng hái gánh vác việc trang trí cho Hội-quán Sinh-viên An-nam (*Foyer des Étudiants annamites*) tại số 9 đường Vọng-Đức, được thành lập với muôn vàn khó khăn bởi Paul Monet [12]. Xúc động trước bầu nhiệt huyết và tài năng của chàng trai đất Việt, Paul Monet đã nhờ vị Chủ-tịch Danh-dự của Hội-quán là Louis Marty [13], giám đốc Chính-trị-vụ Phủ Toàn-quyền Đông-dương, giới thiệu Nam-Sơn với Victor Tardieu.

### III. Trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương

Trong buổi gặp gỡ đầu tiên với Nam-Sơn, Victor Tardieu tỏ vẻ ngần ngại vì ông thường tuyên bố rằng "*trong thế giới nghệ thuật có rất nhiều người được triệu đến song rất ít người được chọn* [14]", nhưng sau khi xem những tranh vẽ của Nam-Sơn, ông đã quyết định chấp nhận hướng dẫn chàng trai trẻ đầy đam mê ấy vào con đường nghệ thuật. Cuộc hạnh ngộ bất ngờ và kỳ diệu đó đã đưa hội họa Việt-nam, vốn dĩ có nhiều ảnh hưởng trung-hoa, vào một bước



ngoặc lịch sử và lập ra một nền móng nghệ thuật việt-nam hoàn toàn mới lạ mà sau này tiếng vang đã ngân lên khắp hoàn cầu.

Những ngày tháng đầu, Victor Tardieu chỉ hướng dẫn Nam-Sơn trong vòng một giờ vào mỗi chiều chủ nhật hàng tuần. Lần đầu tiên trong đời, Nam-Sơn đã ngỡ ngàng tiếp xúc với hội họa tây phương, cách nhìn xa gần với những phối cảnh, ánh sáng, hình khối, vẽ bóng, đo đạc, màu sắc...

Những khái luận mới mẽ này đã mở ra trước mắt Nam-Sơn một chân trời xa lạ nhưng tràn đầy say mê và lý thú, nét đẹp thiên nhiên trước kia bỗng nhiên trở thành một khung cảnh tràn đầy sắc thái vô cùng vô tận.

Từ trước đến nay, Nam-Sơn chỉ nghiên cứu và học hỏi nghệ thuật trung-hoa hay nhật-bản. Người Trung-hoa vẽ tranh theo phương pháp hoàn toàn khác với nghệ thuật tây phương, được mệnh danh là :

"Thấu thị tẩu mã", 透視走馬, là lối cấu trúc không gian như nhìn từ trên mình ngựa đang chạy, hình ảnh trong tranh được thể hiện theo lối chạy dài, di chuyển theo hàng ngang, cảnh này bên cạnh cảnh kia, trải ra một không gian mênh mông không bờ bến, chứ không phải gần vẽ to, xa vẽ nhỏ như lối nhìn không gian khách quan theo luật viễn cận của nghệ thuật Tây phương. Người Nhật gọi là "*Makimono*" (*rouleau horizontal*), người Pháp gọi là "*perspective cavalière*".

"Thấu thị phi điều", 透視飛鳥, là lối cấu trúc không gian như nhìn từ trên lưng một con vật đang bay nhìn xuống, hình ảnh trong tranh từ gần đến xa đều bằng nhau và như chồng lên nhau theo hàng dọc, cảnh này đặt lên trên cảnh kia, sắp xếp thành tầng tầng lớp lớp, đường chân trời được tượng trưng rất cao để diễn tả một cái nhìn sâu thẳm, bức tranh trở nên hẹp. Tiêu biểu cho lối cấu trúc này là thể loại tranh đứng, miêu tả sự hùng vĩ của thiên nhiên. Người Nhật gọi là "*Kakémono*" (*tableau à suspendre*), người Pháp gọi là "*perspective atmosphérique*" hay "*perspective aérienne*" (?).

Ngày 6 tháng 6 năm 1921, Toàn-quyền Maurice Long (1912-1923) ký một hợp đồng với Victor Tardieu về việc trang trí trường Đại-học Đông-dương, với một diện tích gần 270m<sup>2</sup> trong nhiều gian gồm giảng đường, tiền sảnh, mái vòm, ô tường, phòng hội đồng, phòng đọc sách... [15]. Làm sao có thể lý giải một cách chính xác lý do nào đã khiến Victor Tardieu bất chấp muôn vàn khó khăn để thực hiện một tác phẩm lớn nhất trong đời tại một xứ Đông-dương thuộc địa xa xôi ? Trong bức thư gửi con trai Jean Tardieu đề ngày 25 tháng 7 năm 1921, ông đã viết "...và sau đó càng vẽ ra phác thảo, cha càng ý thức được về khối lượng công việc khổng lồ, không chỉ vì bức tranh vẽ theo yêu cầu mà có lẽ là để làm tốt việc này thì cần phải vẽ ngay tại đây với những người mẫu trước mắt..."

Ông quyết định thực hiện bích họa tại Hà-nội và hợp đồng này đã kéo dài thời gian của Victor Tardieu ở tại Đông-dương. Để thực hiện công trình của mình, ông bắt đầu tìm người ngồi mẫu và ngay lập tức ông bối rối nhận ra rằng tại một đất nước mà nghệ thuật chỉ sản sinh ra từ sự tưởng tượng, không cần đến người mẫu bao giờ! Trước trở ngại lớn lao ấy, Nam-Sơn đã tình nguyện ngồi làm mẫu cho người mà ông đã xem như thầy của mình. Và Victor Tardieu, từ ngày ấy, cũng mở rộng cánh cửa cho người mà ông đã xem như một môn đồ, hơn thế nữa, như một người con tinh thần. Vào những ngày nghỉ, đơn sơ trong y phục nông dân hoặc trang nghiêm trong những triều phục rực rỡ, Nam-Sơn đã làm mẫu nhiều giờ và khám phá ra những chân dung sơn dầu từ từ hình thành trên vải, như những nhân vật xuất hiện từ một cõi nào thật xa lạ. Qua sự chân thành khát khao học hỏi của Nam-Sơn, Victor Tardieu đã dành riêng một góc trong xưởng họa để chỉ dẫn phương pháp sơn dầu [16], cách pha màu, cách vẽ chân dung, phong cảnh, tĩnh vật..., theo trường phái ấn tượng.



Tại Hà-nội vào đầu thế kỷ XX, những cuộc đấu xảo được chính quyền bảo hộ tổ chức là những sự kiện làm nổi bật đời sống văn hóa và nghệ thuật, đáng chú ý nhất là các cuộc đấu xảo năm 1902, 1913, diễn ra tại đại lộ Gambetta (hiện nay là Trần Hưng-Đạo). Nhưng vào năm 1923, từ ngày 25 tháng 11 đến ngày 10 tháng 12, một cuộc đấu xảo không do chính quyền bảo hộ mà do hội Khai-trí Tiến-đức [17] tổ chức tại trụ sở của hội gần hồ Hoàn-Kiểm, đã kêu gọi và quy tụ nhiều tài năng mới.



*Tĩnh vật*, sơn dầu của Nam-Son, 1923, 40×50cm

Lần đầu tiên trong cuộc đời nghệ sĩ, Nam-Son tham gia vào một cuộc triển lãm, cùng với những nhà mỹ nghệ thời bấy giờ như họa sĩ Thăng Trần Phênh, mộc gia Phúc-Mỹ Trần Diễn-Giêm, điêu khắc gia Nguyễn Đức-Thục, họa sĩ Ngô Đăng-Đĩnh... Với những tấm tranh như "*Mục đồng*" (màu nước), và nhất là những tranh sơn dầu "*Nhà nho xứ Bắc*" (40×50cm), "*Tĩnh vật*" (40×50cm) của Nam-Son đã làm ông trở thành một trong những người vẽ tranh sơn dầu đầu tiên của nước Việt-nam [18].

Qua bài báo "*Cuộc đấu xảo mỹ nghệ của hội Khai- trí*", đăng trên tạp chí Nam-Phong số 78, tháng 12 năm 1923, (trang 501-502) Thượng-Chi (bút hiệu của Phạm Quỳnh) đã phê bình "*Nhà nho xứ Bắc*" và "*Tĩnh vật*" như sau :

*Ông Nguyễn văn Thọ, hiệu Nam-Son, cũng là tay vẽ sơn dầu giỏi. Nhưng lối vẽ của ông "khí Tây" quá. Bức vẽ ông nhà nho, xem đã có vẻ linh hoạt lắm ; còn bức vẽ cái liễn, con dao và mấy quả trứng miệng thời dẫu tả thực hết thật nhưng quyết không hợp với con mắt người Nam ta, (...) tưởng dẫu người hí tâm hiếu kì nữa cũng cũng ít ai mua bức tranh vẽ bộ thiã đĩa tây và mấy cái quả trứng miệng về treo nhà !*

Chúng ta hiện nay với những bước đi hiện đại có vận tốc siêu hình, nếu được dịp thường ngoạn tấm tranh "*Tĩnh vật*" của Nam-Son, khó ai có thể tin rằng ông đã đi trước thời gian để hình thành tác phẩm này, nhất là trong thời điểm ấy !

Riêng về tấm "*Nhà nho xứ Bắc*", trên nền màu nâu sẫm nổi bật gương mặt quắc thước của một nhà nho yêu nước đã tham gia phong trào Đông-Kinh Nghĩa-thục. Đó là chân dung cụ Sĩ-Đức (vừa là cậu đồng thời là thầy của Nam-Son), với cái nhìn rần rỏi nhưng đượm buồn, trên đầu chít khăn trắng để tang cho nước mất nhà tan.

Tên của Nam-Son đã xuất hiện trong danh sách những người đoạt giải "*Cuộc đấu xảo mỹ nghệ của hội Khai- trí*", là một khích lệ làm tăng thêm niềm say mê cùng nỗi khát khao của ông trên con đường nghệ thuật.

Niềm say mê và nỗi khát khao ấy, như thúc đẩy bởi một bàn tay vô hình, đã hình thành trong Nam-Son một ý tưởng "ngông cuồng", ông muốn mọi người dân trong đất nước ông cùng được chung hưởng và học hỏi điều khám phá mới lạ này. Ý định mở ra một trường Mỹ thuật cử lớn dần trong tâm tưởng, nhưng trước những khó khăn của một con người sống tại một đất nước nhược tiểu, biết phải làm sao ?! Ông đã lặng nghĩ trong bao tháng ngày. Sau nhiều đắn đo, ông

trình bày nguyện vọng sôi nổi cuồng nhiệt ấy với Victor Tardieu, bởi ông biết rằng sau khi hoàn thành công trình của mình, Victor Tardieu sẽ trở về Pháp và có thể vĩnh viễn không bao giờ quay lại nơi đây. Nhưng lý do lớn nhất dằn vặt trong tâm hồn là ông biết mình chỉ là một người dân An-nam tầm thường, thấp cổ bé miệng, chỉ có thể trông cậy vào một người Pháp, vừa đoạt Giải thưởng Đông-dương, lại được phủ Toàn-quyền tin tưởng, và điều đáng lưu tâm nhất là người ấy không phải là người của chính quyền thực dân Pháp, lại có một tấm lòng rộng mở, không nhìn quē hương ông như một đất nước nô lệ bị đô hộ.

Chinh phục bởi nguyện vọng của Nam-Sơn, trong một bản phúc trình dưới cái tên "*Nghệ thuật An-nam trong quá khứ, hiện tại và tương lai*" (*L'Art annamite dans le passé, le présent et le futur*), Victor Tardieu đã đề cập đến vấn đề mở ra một trường Mỹ-thuật tại Đông-dương.

Bản phúc trình này được chuẩn y bởi Toàn-quyền Martial-Henri Merlin. Ngày 27 tháng 10 năm 1924, xuất hiện trong Công báo (*Journal Officiel*) nghị định thành lập một ngôi trường dưới tên trường Mỹ-thuật Đông-dương. Ngôi trường này sẽ được dựng lên tại số 102 đường Reinach, gần trường Viễn-đông Bác-cổ, trực hệ Giáo-đoàn Pháp (*l'Université de France*) tại Hà-nội, dưới sự hướng dẫn và kiểm soát của nha Học-chính, với Victor Tardieu là Hiệu trưởng.

Được bổ nhiệm tham dự trong "*công sự Victor Tardieu*", Nam-Sơn có trách nhiệm giúp đỡ Victor Tardieu trong việc mua dụng cụ cần thiết và tìm giáo sư cho trường Mỹ-thuật Đông-dương. Đầu năm 1925, ông xuống tàu *Claude-Chappe* tại Hải-phòng để đến Sài-gòn lúc 14 giờ 30 ngày 5 tháng 3. Vào 12 giờ ngày 8 tháng 3, ông có mặt trên tàu *Porthos* khởi hành đi Marseille. Tại Paris, ông được Victor Tardieu đón về cư ngụ ở tư gia (số 3 đường Chaptal thuộc quận 9).

Nghị định thành lập trường Mỹ-thuật Đông-dương



Với một chương trình học thật nặng nề nhưng không kém phần lý thú, buổi sáng Nam-Sơn theo học tại trường Mỹ-thuật Quốc-gia trong xưởng họa của Jean-Pierre Laurens (1875-1933, môn đồ của Ingres), buổi chiều tại trường Nghệ-thuật Trang-trí Quốc-gia trong xưởng họa của Félix Aubert (1866-1940), buổi tối ông học nắn hình dưới sự hướng dẫn của các giáo sư Séguin và Maire. Chỉ còn lại ngày chủ nhật, ông dành thì giờ học hỏi thêm qua các tài liệu trong thư phòng của Victor Tardieu và khám phá Paris qua những cuộc thăm viếng các Bảo tàng viện và danh lam thắng cảnh.

Vào tháng 9, vì bị bệnh nên Victor Tardieu bắt buộc hoãn ngày trở lại Việt-nam, Nam-Sơn phải trở về Hà-nội để kịp buổi khai trường. Cùng đi với ông là một giáo sư tương lai sẽ phụ trách

chuyên ngành sơn dầu, Joseph Inguimberty (1896-1971). Ngày 1 tháng 10 năm 1925 đánh dấu buổi khai trường Mỹ thuật Đông-dương. Trong muôn ngàn khó khăn, Nam-Sơn và Inguimberty đã đơn phương chuẩn bị cho kịp buổi tuyển sinh được tổ chức cùng một lúc tại Hà-nội, Huế, Sài-gòn, Phnom Pênh và Vientiane, với sự tham dự của 270 thí sinh.

Khi Victor Tardieu trở lại Đông-dương, tiếng trống trường đã điểm để mở đầu một chương trình học ba năm, với mười thí sinh trúng tuyển và khoảng hai mươi thí sinh dự bị. Trong khi chờ đợi xây cất (hoàn tất năm 1931), trường tạm dựng lên tại số 124 phố Hàng Lọng (*route Mandarine*).

Vì không có quy chế định biên dành cho người An nam, chức vụ của Nam-Sơn được ghi là Trợ lý (*moniteur*). Thật ra, vai trò của ông trong buổi đầu tiên này thật là đa hình đa dạng, luôn luôn ông phải hỗ trợ cho Victor Tardieu vì ông này quá bận rộn trong chức vụ Hiệu trưởng, đã lớn tuổi, lại là người Pháp. Cùng một lúc, Nam-Sơn vừa là thư ký, quản lý, giám học..., lại vừa phụ giảng cho Victor Tardieu hay Inguimberty. Chúng ta nên nhớ rằng trong thời thuộc địa, khó ai có thể hình dung ra một người An-nam được giữ chức giáo sư trong một ngôi trường Tây. Trong bài báo dưới tựa đề "*L'École des Beaux Arts d'Hanoi*", đăng trên "*Illustration* tạp chí", số 4522, ngày 2 tháng 11 năm 1929 (trang 513), đã khẳng định :

*Các công việc và phận sự của những giáo sư trường Mỹ-thuật Hà-nội đã trở nên dễ dàng hơn qua sự giúp đỡ trung gian của một trợ lý người An-nam, ông Nguyễn Nam-Sơn. (...) Tấm gương của ông đã chứng minh những gì chúng ta có thể chờ đợi nơi các học sinh của ngôi trường này.*



Trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương,

ảnh trích từ tạp chí *Illustration*, số 4522, 2/11/1929, trang 513.

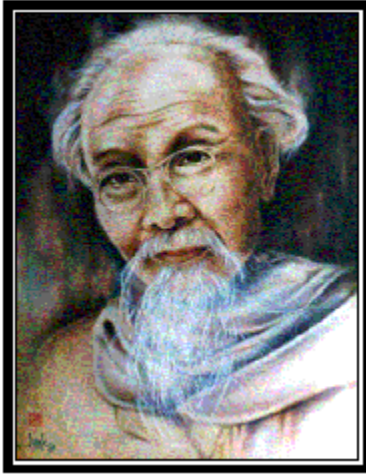
Rất nhiều nhà chuyên môn và nhà phê bình mỹ thuật Âu cũng như Á không biết rằng Nam-Sơn không bao giờ tốt nghiệp trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương, điều dễ hiểu là ông chưa từng bao giờ là học trò của trường, và khi trường mở cửa, ông là người đã dạn dày nhiều công lao. Ngày 24 tháng 10 năm 1927, một nghị định do nha Học Chính ban xuống đề cử Nam-Sơn lên làm giáo sư phụ trách lớp dự bị và chuyên ngành trang trí. Ông là người Việt-nam đầu tiên chính thức có chức vụ giáo sư trong ngôi trường này.

#### IV. Trường hợp Nam-Sơn Nguyễn văn Thọ

Trong quá trình thu thập các tài liệu về Nam-Sơn, chúng tôi không tìm ra được bản văn chính thức nào xác nhận vai trò đồng sáng lập trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương của Nam-Sơn. Thật sự mà nói, cũng KHÔNG có một tài liệu chính thức nào xác nhận Victor Tardieu là "người sáng lập" trường.

Một tài liệu khi được gọi là chính thức, xem như một nghị-định, nghĩa là có ghi ký hiệu, ngày tháng, được chính quyền đóng mộc, ký tên, đăng trên Công-báo và lưu giữ.

Nghị định thành lập trường, do Toàn-quyền Martial-Henri Merlin ký ngày 27 tháng 10 năm 1924 nói ở phần trên chỉ xác nhận Victor Tardieu là "hiệu trưởng" (*directeur*), chứ hoàn toàn không nói ông là "người sáng lập" (*fondateur*) !!! Xin lưu ý rằng ngôn ngữ Pháp rất rõ ràng, minh xác và mạch lạc, chính vì vậy, phần lớn các "Hiệp-định quốc tế" đều chọn Pháp ngữ để trình bày nội dung, hòng tránh những hiểu lầm đáng tiếc. Dĩ nhiên, "hiệu trưởng" chưa hẳn là "người sáng lập".



Nam-Sơn Nguyễn Văn Thọ qua nét vẽ của Ngô Kim-Khôi,  
sơn dầu trên lụa, 1998, 50×65cm.

Tuy nhiên, từ trước đến nay, các nhà chuyên môn về hội họa, từ Âu sang Á, khi nói đến Victor Tardieu đều mặc nhiên công nhận ông là người sáng lập trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương.

Từ lâu, chúng tôi có một bản văn có thể gọi là "bán chính thức", nói lên vai trò sáng lập (*fondateur*) của Victor Tardieu và đồng sáng lập (*co-fondateur*) của Nam-Sơn đối với trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương, đó là quyển "*Các trường Mỹ-thuật Đông-dương*" (*Les écoles d'art de l'Indochine*), do Toàn-quyền Đông-Pháp xuất bản vào dịp Triển-lãm Quốc-tế Nghệ-thuật và Kỹ-thuật tại Paris 1937 [19].

"Bán chính thức" vì quyển sách nói trên không phải là một nghị định, không đóng mộc, ký tên, nhưng được Toàn-quyền Đông-Dương kiểm tra và xuất bản, có ghi mạch lạc rõ ràng nguyên nhân và năm tháng.

Quyển sách này lưu trong Thư-viện quốc-gia Pháp (*Thư viện François Mitterrand*) [20] dưới ký hiệu "QUARTO V 11476", và lưu tại Trung tâm lưu trữ quốc gia Hà-Nội dưới ký hiệu "M.10692".

"*Các trường Mỹ-thuật Đông-dương*" gồm 41 trang, trình bày lịch sử hình thành và cấu trúc của 5 trường Mỹ-thuật tại Đông-dương (Hà-Nội, Phnom-Penh, Biên-Hòa, Gia-Định, Thủ-Dầu-Một). Riêng về trường Hà-Nội, sách còn đề cập đến vai trò của ban chấp hành cũng như nhiệm vụ của các giáo sư.

Tại trang 10, chúng ta đọc được "...trường Mỹ-thuật Đông-dương hay trường Mỹ-thuật Hà-Nội được sáng lập bởi họa sĩ Victor Tardieu, trong thời kỳ ông Merlin là Toàn-quyền Đông-dương (nghị định ngày 27 tháng 10 năm 1924), ông Victor Tardieu hiện nay là Hiệu trưởng" (...l'Écoles des Beaux-Arts de l'Indochine ou École de Hanoi a été fondée par le peintre Victor Tardieu, –

son directeur actuel, M. Merlin étant Gouverneur général de l'Indochine (arrêté du 27 octobre 1924))

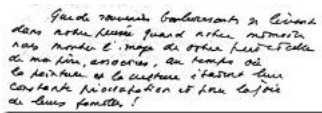
Tại trang 16, chúng ta đọc được "...Việc giảng dạy môn Đồ-họa và Trang-trí được phụ trách bởi một giáo sư chuyên ngành bậc 2, ông Nam-Son, là một trong hai người sáng lập trường Mỹ-thuật Đông-dương. Ông đã đạt được những thành quả lỗi lạc trong việc giáo dục đào tạo và đóng góp một phần rộng lớn trong việc phục hưng nền Mỹ-thuật truyền thống An-nam, cũng là học thuyết và hiến chương của toàn Trường " (...L'enseignement du Dessin et des Arts Décoratifs est assuré par un professeur technique de 2<sup>e</sup> classe, M. Nam-Son, qui est un des deux fondateurs de l'École. Il a obtenu des résultats remarquables dans son enseignement et contribué pour une large part à la renaissance de l'Art Annamite traditionnel, qui est la doctrine, la charte de l'École tout entière.)

Ngoài tài liệu gọi là "bán chính thức" nói trên, chúng ta còn có rất nhiều những chứng nhân hay những tư liệu thuộc về "tinh thần", tuy không chính thức nhưng phần giá trị và tầm mức quan trọng đôi khi còn hơn tài liệu chính thức. Hai gia đình Victor Tardieu và Nam-Sơn còn giữ rất nhiều những tư liệu, thư từ, và hiện nay, mối liên lạc giữa hai gia đình vẫn còn tiếp nối.

Trong một bức thư của Jean Tardieu, con trai Victor Tardieu, gửi cho Nguyễn thị Nguyệt-Minh, con gái của Nam-Sơn, viết ngày 23/04/1992, chúng ta đọc được :

*"Biết bao nhiêu kỷ niệm trở dậy một cách bàng hoàng trong tâm tưởng khi ký ức của chúng ta hiện ra hình ảnh cha của bà và cha của tôi, đồng hợp tác với nhau, trong thời gian mà hội họa và văn hóa (việt-nam) là mối bận tâm trường kỳ dai dẳng của họ, và cũng là niềm vui của hai gia đình..." (Que de souvenirs bouleversants se lèvent dans notre pensée quand notre mémoire nous montre l'image de votre père et celle de mon père, associés, au temps où la peinture et la culture étaient leur constante préoccupation et pour la joie de leurs familles...)*

Vai trò đồng sáng lập trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương của Nam-Sơn Nguyễn văn Thọ xem ra đã rõ ràng. Những sự kiện lịch sử, dù muốn hay không, vẫn là những sự kiện không thể chối cãi. Là con dân đất Việt, chúng ta nên tự hào đã có một người Việt góp công lao vào việc xây dựng và phát triển văn hóa nước nhà. Nên nhớ rằng dưới chế độ thực dân Pháp, việc đóng góp quan trọng của người An-Nam trong công cuộc xây dựng nền văn hóa mới không phải là điều dễ dàng được công nhận một cách chính thức. Họa sĩ Lương Xuân-Nhị đã từng viết thư cho chúng tôi "...ta hiểu rằng dưới chế độ thuộc địa của thực dân, người Việt-Nam chúng ta chẳng có quyền hành gì !" [21]



*Quelle mémoire bouleversante se lève dans notre pensée quand notre mémoire nous montre l'image de votre père et celle de mon père, associés, au temps où la peinture et la culture étaient leur constante préoccupation et pour la joie de leurs familles !*

Thư của Jean Tardieu viết cho Nguyệt-Minh



Nguyệt-Minh (trái) và Jean Tardieu (giữa), Paris 1992, trên tường là bức "Dưới bóng ô đờ"

Nguyễn Trường Tộ trong "Tế cấp bát điều" (濟急八條, "Tám điều cứu vớt"), viết năm 1867 [22], đã nhấn mạnh :

*[...] Nước ta trên cũng có trời che, dưới cũng có đất chở [...]. Nước ta cũng có tổ tiên mà sự tích còn lưu truyền lại [...], cũng có việc đáng nêu lên, sao không truyền tụng những gương tốt đó cho người ta phấn khởi bắt chước [...] ?*

## V. Kết luận

Qua khuôn khổ và giới hạn của một bài báo, chúng tôi không thể đi sâu hơn vào chi tiết. Chỉ xin được tóm lược rằng cuộc hành trình về phương đông của Victor Tardieu những tưởng chỉ trong vòng một năm theo học bổng của Giải-thưởng Đông-dương, ông đã ở lại đến cuối cuộc đời và sáng lập ra một nền móng nghệ thuật việt-nam hoàn toàn mới lạ. Trong suốt thời gian làm Hiệu trưởng, ông đã không ngừng nâng cao trình độ của sinh viên bằng cách dung hòa hai nền mỹ thuật Đông-Tây. Trường Mỹ-thuật Đông-dương đã bao lần bị áp lực của chính quyền thuộc địa hăm dọa đóng cửa, ông đã nhờ đến sự hỗ trợ và thế lực của nghị trưởng Phạm Huy-Lục [23] để ngôi trường thân yêu ấy còn tồn tại. Sau một cơn bệnh viêm phế quản, Victor Tardieu từ trần tại Hà-nội ngày 12 tháng 6 năm 1937.

Về phần Nam-Sơn, không ngừng nỗ lực tìm tòi, học hỏi, những tác phẩm phối hợp hài hòa hai phương pháp Đông-Tây của ông đã vang tiếng trong nhiều cuộc triển lãm vào các thập niên 30, 40 tại Pháp, Ý, Đức, Bỉ, Hoa-kỳ, Nhật-bản... Ông đã biết đến niềm vinh quang qua Huy chương Bạc tại Triển lãm Hội các Nghệ sĩ Pháp (*Salon des Artistes Français*) năm 1932 với tác phẩm sơn dầu "Chân dung mẹ tôi" (*Gia từ cận tượng, 家慈近像, Portrait de ma mère*), Giải thưởng Mỹ thuật Rome năm 1932 với tranh khắc gỗ "Cò trắng cá vàng"... Một điều đáng lưu ý là tám tranh mực nho "Chợ gạo bên hữu ngạn sông Hồng" (*Hồng hà hữu ngạn mãi mai mễ xứ, 紅河右岸買賣米處, Sur la rive droite du Fleuve Rouge où se vend et s'achète le riz*) của Nam-Sơn là tám tranh việt-nam đầu tiên đã được chính phủ Pháp quốc mua vào năm 1930. Ngoài ra, trong vai trò tiên phong, Nam-Sơn là người đã hình thành tám tranh phấn tiên (*pastel*) "Chân dung cụ Sùng Âm-Tường" vào năm 1927, và đi trước Nguyễn Phan-Chánh, tám tranh lụa "Về chợ" của ông được hoàn thành vào năm 1927-1928. Đó là tám tranh phấn tiên và tranh lụa đầu tiên của nước Việt-nam [24]. Vào ngày 9/3/1945, sau cuộc đảo chánh Nhật, các giáo sư người Pháp của trường Mỹ-thuật đã bị bắt hoặc trở về Pháp. Lần đầu tiên cũng là lần duy nhất, trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương được điều khiển và hướng dẫn bởi một người Việt-nam, Nam-Sơn Nguyễn văn Thọ trở thành Quyền-Hiệu-trưởng. Cuối năm 1945, dưới thời Việt-Minh, khi trường Mỹ-thuật Đông-dương đóng cửa [25], vì đã làm việc với chính quyền Pháp nên tên tuổi của Nam-Sơn bị chìm vào lãng quên. Hiện nay, người ta chỉ nhắc đến Victor

Tardieu như người duy nhất sáng lập ra trường Mỹ-thuật Đông-dương, không biết do vô tình hay cố ý, đã quên đi người đồng sáng lập là Nam-Sơn Nguyễn văn Thọ. Lốp bụi thời gian đã phủ lên cuộc đời ông, dày đặc đến nỗi các nhà chuyên môn sau này hiếm có người được thưởng lãm các danh tác vang bóng một thời của ông. Cuối năm 1972, Bắc-Việt làm than trong biển lửa ngút ngàn dưới hơn 36.000 tấn bom, Nam-Sơn Nguyễn văn Thọ ngã bệnh, từ trần trong khó khăn và quên lãng tại Hà-nội ngày 26 tháng 1 năm 1973. Nếu chúng tôi nhớ không lầm, chỉ có một phân ưu, rất khiêm tốn, đăng trên một tờ báo. Thử hỏi khi ông qua đời, có mấy người còn nhớ tới ông ?

Trên đây là một câu chuyện về hai cuộc đời. Câu chuyện này thuộc về văn hóa của nước Việt-nam, xin kể ra để mong trả lại lịch sử những gì thuộc về lịch sử, góp một phần tài liệu cho các nhà chuyên môn. Hơn nữa, chúng tôi còn nhận ra rằng đây là một bổn phận, vì nếu không sẽ có tội với đất nước tổ tiên, và kéo lại một lần nữa bị Hàn-Dũ (韓愈, Bá tước Xương-Lê, 768-824), chính trị gia đời Đường, vừa là thi nhân và nho gia danh tiếng, từ thế kỷ thứ VIII đã phê bình và khẳng định rằng :

"Việt tục bất hiếu cổ, lưu truyền thất kỳ chân".

( 鉞俗不好古, 流傳失其真 )

Xin tạm dịch là người đất nước Việt không biết ưa chuộng quá khứ nên khó có thể tìm thấy được một lịch sử trung thực.

*Thành phố hoa Xoan, 2.2000, cập nhật 5.2008*

\* *Ngô Kim-Khôi* : định cư tại Pháp từ 1985, chuyên môn về tạo mẫu thời trang (*modeliste*), hiện làm việc cho các nhà Christian Dior, Hermès, Givenchy, Scherrer... Tự học vẽ, học đàn và học hát. Ngoài ra, còn là giáo sư Thái-cực-quyền và Phụ tá Chủ bút tạp san Ngày Mới Paris.

Thư mục và tài liệu tham khảo :

- *Cuộc đấu xảo mỹ nghệ của hội Khai trí*, Thượng-Chi (Phạm Quỳnh), Nam-Phong tạp chí, số 78, 12/1923, trang 501-502.
- *La peinture chinoise. Technique et symbolisme. Manière spéciale des Chinois d'interpréter la Nature*, Nam-Sơn Nguyễn văn Thọ, Nam-Phong tạp chí, số 144, 11/1929, phụ trang tiếng Pháp, trang 33-42.
- *La peinture chinoise*, Nam-Sơn Nguyễn văn Thọ, Đông-kinh ấn quán, nhà xuất bản Lê văn Phúc, Hà-nội 1930.
- *L'École des Beaux Arts d'Hanoi*, khuyết danh, Illustration tạp chí, số 4522, 2/11/1929, trang 513.
- *L'École des Beaux Arts d'Hanoi*, Jean Gallotti, Illustration tạp chí, số 4608, 27/06/1931.
- *L'Indochine : Un lieu d'Échange Culturel ? Les peintres français et indochinois*, Nadine André Pallois, École Française d'Extrême Orient, Paris 1997.
- *Les Écoles d'Art de l'Indochine*, nha Học-chính, Toàn-quyền Đông-dương, Hà-nội 1937.
- *Rénovation de l'art vietnamien*, A. N. Beun, Đông-Tây tạp chí (Orient-Occident), số 5, 11/1952, trang 74-88.
- *Souverains et Notabilités d'Indochine*, Toàn-quyền Đông-dương, I.D.E.O., Hà-nội 1943.
- *Tạp chí Extrême Asie*, số 12, tháng 6/1927, trang 495.
- *Théâtre du Garde Chasse*, Tòa Thị chính Thị xã Les Lilas, 1994.
- *Tìm hiểu tạp chí Nam-Phong (Introduction au Nam-Phong)*, Phạm thị Ngoạn, Bulletin de la Société des Études Indochinoises, số 2 3, 2e và 3e tam cá nguyệt, Sài-gòn 1973.
- *Trois écoles d'Art de l'Indochine*, nha Học-chính, Toàn-quyền Đông-dương, Hà-nội 1931.

---

[1] Tấm *vitrail* này đã bị chiến tranh tiêu hủy vào năm 1940, nhưng những bản mẫu (*études*) hiện nay vẫn còn lưu giữ tại viện Bảo tàng Dunkerque.



- [2] Hiện đang trưng bày tại viện Bảo tàng Rennes.
- [3] Là con gái nhà soạn nhạc nổi tiếng Alexandre Clément Luigini (sinh tại Lyon năm 1850), bà đã đoạt giải nhất tại Nhạc viện Lyon qua tiếng đàn Hạc-cầm (*harpe*). Bà còn có người em trai là họa sĩ Ferdinand Luigini. Trong gia đình, bà được gọi một cách thân ái là "*Caline*" (*dieu dàng*).
- [4] Tất cả những sơn dầu kể trên hiện đang trưng bày tại viện Bảo tàng Lyon.
- [5] Vào đầu thế kỷ 20 chưa có l'Île de France.
- [6] Phòng Lễ Hội của Hội-đồng Thị-xã Les Lilas được xây cất vào đầu thế kỷ thứ XIX (1903-1907) dưới bản vẽ của kiến trúc sư Bévière. Năm 1994, phòng Lễ Hội đã được hoàn toàn chỉnh trang và trở thành Kịch viện *Garde Chasse*, đồng thời cũng là một phòng chiếu bóng. Khi có dịp, chúng tôi sẽ viết một cách rõ ràng hơn về tấm bích họa này của Victor Tardieu, nhưng quý bạn đọc giả nếu có điều kiện đến Lilas (*Métro Mairie des Lilas*) cũng nên dừng bước ghé thăm.
- [7] Nghị định lập Giải thưởng Đông-dương do Toàn quyền Antony Wladislas Klobukowski ký năm 1910, do "Hội Thuộc-địa Nghệ-sĩ Pháp" (*Société Coloniale des Artistes français*) đề xướng với ý định phát khởi nghệ thuật phương Tây tại Đông-dương. Giải thưởng này đã ban cho 21 họa sĩ, đầu tiên là Ferdinand Olivier (1873-1956) và cuối cùng là Louis Bâte (1898-1948).
- [8] Nguyễn Duy Thời (Thì) đỗ Hoàng giáp triều Lê Thế Tông, từng đi sứ sang nhà Minh, làm quan đến chức Hộ Bộ Thượng thư kiêm Chưởng lục bộ sự, Thái phó, tước Tuyên Quận công (*grand Duc*), khi mất được truy phong Thái tể. Tác phẩm hiện còn trong *Toàn Việt thi lục*. Con trai ông, Nguyễn Duy Hiểu, đỗ Hoàng giáp triều Lê Thần Tông, làm quan đến chức Thiêm đô ngự sử, từng đi sứ sang nhà Minh, mất trên đường đi và được truy phong Hình bộ tả Thị lang, tước Hầu (*Marquis*).
- [9] Những công lao khó nhọc và tấm lòng hy sinh vô bờ bến như nước trong nguồn chảy ra ấy của cụ Nguyễn thị Lân sau này thấu đến triều đình, vào năm 1927, cụ được vua Bảo Đại ngự ban một Kim khánh khắc bốn chữ "節行可封" (*Tiết hạnh khả phong*). Vào đầu thập niên 40, một bức tượng bán thân của cụ đã được hình thành bởi điêu khắc gia Vũ Văn Thu (nhạc phụ của họa sĩ Tạ-Ty), bức tượng này hiện để trên bàn thờ gia tiên của gia đình Nam-Sơn tại đường Nguyễn Du, Hà-nội.
- [10] 芥子園畫傳, *Le jardin aussi gros qu'une graine de moutarde*, là một bộ cẩm nang bách khoa về hội họa cổ điển trung hoa, của họa sĩ đồng thời là một văn sĩ danh tiếng đời Khanh-Hy : Lý Ngự (1611-1679). Sở dĩ sách có tên như vậy là vì đã được khởi thảo sau một cuộc luận đàm về hội họa giữa Lý Ngự và Trần Tâm-Hữu trong khu vườn Giới-Tử của Trần Tâm-Hữu ở Nam Kinh. Nhờ có sự cộng tác của Trần Tâm-Hữu và nhất là của Vương An-Tiết (tự Lộc-Sài), cuốn sách này đã ra đời vào năm 1679 và tái bản với nhiều bổ túc vào năm 1701. Sách gồm có những tài liệu di lại của Lý Trường-Hành (1575-1629), tổ tiên của Lý Ngự, một bài tiểu dẫn của Lý Ngự, những mục về cây, về đá, về nhân vật và 130 bản in những cổ họa và mẫu vẽ.
- [11] Trường Amiral Courbet, gọi môn na là trường Hàng Vôi, sau là trường Nguyễn Du.
- [12] Đại-úy Lục-binh thuộc địa, tác giả quyển "*Les Jauniens, histoire vrais*", xuất bản năm 1930. Thời đó, chính quyền thuộc địa chỉ chấp nhận những sinh hoạt có tính cách chính trị hay tôn giáo, từ chối cấp kinh phí cho những hoạt động văn hóa xã hội nên việc thành lập Hội-quán Sinh-viên An-nam đã gặp rất nhiều cản trở. Cuối cùng Paul Monet đã xin được kinh phí từ Hoa-Kỳ !
- Tác giả Nguyễn Hương – Nguyễn Cúc, trong bài viết "*Họa sư Nguyễn Khoa Toàn*", (Định Hướng số 51, Mùa Xuân 2008, tr. 56, đã ghi nhầm là Jean Mounet.
- [13] Trưởng phòng chính trị tại phủ Toàn quyền Pháp (*Directeur des Affaires Politiques au Gouvernement Général*), còn là người đồng sáng lập Nam-Phong tạp chí cùng với Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá-Trác.
- [14] Dựa theo một câu trong Thánh-kinh "*il y a beaucoup d'appelés et peu d'élus*" (Phúc-Âm, Mathieu 22:14).
- [15] Hồ sơ lưu số 372, hộp số 42, Trung-tâm Lưu-trữ Quốc-gia I Hà-nội. Công trình này của Victor Tardieu được hoàn tất vào những năm 1925-1927. Những bích họa nói trên đã hoàn

toàn bị bôi xóa vì con người và chiến tranh. Sau này, vào ngày 15/3/2006, một phần của bích họa đã được phục dựng bởi họa sĩ Hoàng Hưng cùng một nhóm họa sĩ. Victor Tardieu dùng 6 năm để hoàn thành bích họa, nhóm họa sĩ Hoàng Hưng chỉ có 3 đến 4 tháng để phục dựng, về chính xác và giá trị nghệ thuật, xin nhường sự đánh giá cho các nhà chuyên môn !!!

[16] Vào thời ấy, tranh sơn dầu rất xa lạ với người Việt chúng ta vì sơn dầu chỉ chủ yếu dùng trong việc sản xuất đồ sơn như tủ, hộp, tráp, bao gươm, tượng, hoành phi, câu đối, bình phong...

[17] Hội Khai-trí Tiên-đức (*Association pour la Formation Intellectuelle et Morale des Annamites*) được thành lập ngày 2 tháng 5 năm 1919 với chủ tịch là Tổng đốc Hoàng Trọng-Phu, phó chủ tịch Bùi Đình-Tá, tổng thư ký Phạm Quỳnh.

[18] Trước Nam-Sơn, chúng ta có thể nhận ra rằng những tranh sơn dầu đầu tiên xuất hiện tại Đông-dương là tác phẩm của một họa sĩ người Huế, Lê Huy-Miến (1873-1943), sinh tại Nghệ-an. Ông được triều đình An-nam và chính quyền bảo hộ gửi sang Paris năm 1892 để theo học trường Thuộc-địa. Ông vào trường Mỹ-thuật Paris trong xưởng họa Jean-Léon Gérôme, họa sĩ có khuynh hướng đông phương (*orientalisme*, xuất hiện trong bước đi của chủ nghĩa lãng mạn Pháp nửa đầu thế kỷ XIX). Đó là những tấm tranh "*Chân dung cụ Tú mền*" (49x60cm, 1896), "*Bình văn*" (68x97cm, 1898).

[19] *Exposition Internationale des Arts et Techniques Paris 1937, Section Coloniale, Indochine Français, Gouvernement Général de l'Indochine, "Les Écoles d'Art de l'Indochine", Hanoi, Imprimerie d'Extrême-Orient, 1937.*

[20] Thư-viện quốc-gia Pháp khởi nguyên thuộc hoàng gia (triều vua Charles V, 1338-1380), đặt tại cung điện Louvre. Sau đó thư-viện dời về Blois thuộc vùng Fontainebleau, đến 1568 lại trở về Paris. Dưới triều Louis XIV, thư-viện được khai triển và mở cửa cho quần chúng. Sau nhiều lần dời chỗ đổi tên theo thăng trầm lịch sử Pháp, vào năm 1720, thư-viện cố định tại đường Richelieu (ngày nay gọi là "*site Richelieu*"). Năm 1988, Tổng-thống François Mitterrand (1916-1996) ra nghị định xây một thư-viện mới rộng lớn và hiện đại hơn, thuộc quận 13, (ngày nay gọi là "*site Tolbiac*" hay "*site François Mitterrand*"). Ngày 20/12/1996, thư-viện quốc-gia Pháp khánh thành và chính thức mở cửa cho dân chúng, trong khi "*site Richelieu*" chỉ dành riêng cho các nhà nghiên cứu. Thư-viện quốc-gia Pháp là một thư viện quan trọng có tầm vóc quốc tế.

[21] Thư Lương Xuân-Nhị viết ngày 23/11/1999.

[22] Bản dịch của Trần Lê Hữu trong "*Những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ cuối thế kỷ XIX*", Đặng Huy Vận & Chương Thâu, nxb Giáo dục 1961.

[23] Con cháu cụ Phạm Huy-Lục tại Paris vẫn còn gìn giữ hai bức tranh lụa của sinh viên Lưu Đình-Khải, quà biếu của Victor Tardieu về sự can thiệp trên.

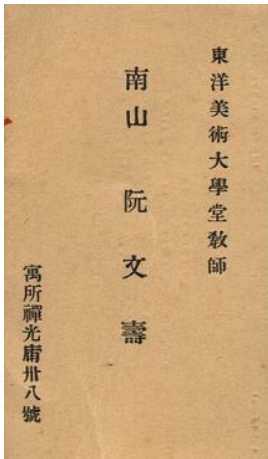
[24] Những tấm tranh lụa "*Chơi ô ăn quan*" và "*Lên đồng*" của Nguyễn Phan-Chánh, được vẽ vào năm 1931, đến nay vẫn được coi là những tranh lụa đầu tiên của nước Việt-nam. Điểm sai lầm này do ở các nhà chuyên môn không tìm hiểu cặn kẽ và không có đủ tài liệu chính xác !

[25] Để sau đó mở cửa tại chiến khu Việt bắc dưới tên "Trường trung học Mỹ-thuật", do họa sĩ Tô Ngọc-Vân làm hiệu trưởng.

Riêng nghi vấn về cái tên của họa sĩ Nam Sơn mà bạn Trinh Trung-Lap đã nói ở trên, tôi có những nhận xét xin mạn phép nêu ra như sau:

- Từ xưa, trong các tài liệu chính thức tại Việt-Nam đều ghi tên họa sĩ là "Nguyễn Văn Thọ (Nam Sơn)", thí dụ trong "Kỷ Yếu Hội Nghệ Sĩ Tạo Hình Việt-Nam 1957-1992", (nxb Mỹ-Thuật, 1993, tr 284); hoặc trên Huy-Chương "Vi Sự Nghiệp Mỹ Thuật Việt Nam" (Tổng-thư-ký Vũ Giáng-Hương ký ngày 2/9/1977, vào sổ khen thưởng số 101/HCVSNMTVN), v v...

- Trong một danh-thiệp của họa sĩ Nam Sơn mà chúng tôi hân hạnh có được, trên ấy ghi 阮文壽, nghĩa là Nam Sơn Nguyễn Văn Thọ. Nếu là Nguyễn Vạn Thọ, phải viết 阮萬壽.



- Về tên đệm của người Việt, theo “Les langages de l’humanité” của Michel Malherbe chúng ta đọc được : “... tên đệm VĂN có nguồn gốc từ tiếng Á Rập : BEN nghĩa CON TRAI. Khi người Á Rập vào buôn bán ở bờ biển Việt Nam (thế kỷ XVII) thường đi kiếm những đàn ông mạnh khỏe Việt Nam nhờ khuôn vác, họ gọi thanh niên Việt Nam là mấy BEN, từ phát âm BEN trại dần thành ra VĂN”. Cũng theo tiếng Á Rập, BENTHI là CON GÁI, sau này biến thành “THỊ”. “THỊ” cũng là một từ Việt gốc Hán dùng để chỉ phụ nữ. Trong Từ Nguyên Tự Điển có câu “Phụ nhân xưng thị” (Đàn bà gọi là thị).

- Từ khoảng năm 2001, tại Hà-Nội, không hiểu tại sao tên họa sĩ Nam Sơn lại trở thành Nguyễn Vạn Thọ? Có lẽ người ta cho rằng “Văn Thọ” không phải là tên đẹp, nên đổi thành “Vạn Thọ” cho đẹp hơn?

- Quả nhiên, tên Nguyễn Vạn Thọ rất có ý nghĩa đối với họa sĩ Nam Sơn. Ngoài ý “Thọ tử Nam Sơn” đã nói trong bài viết, chúng ta cũng có thể đọc được trong Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư (大越史記全書, bản kỷ 2, 16a, 17b, nhà Lý): “Tháng 6, lấy ngày sinh của vua làm tiết Thiên Thánh. Lấy tre làm núi Vạn Tuế Nam Sơn ở Long trì: kiêu núi làm thành năm ngọn, trên đỉnh ngọn ở giữa dựng núi Trường Thọ, bên đỉnh bốn ngọn xung quanh đều đặt núi Bạch Hạc, trên núi làm hình dạng các giống chim bay thú chạy, lưng chừng núi có rồng thần cuốn quanh, cắm xen các thứ cờ, treo lẫn vàng ngọc, sai con hát thổi sáo thổi kèn trong hang núi, dâng ca tấu múa làm vui, cho các quan ăn yến”. (Đây có lẽ cũng là cột nguồn múa rối nước của nước Việt). Tóm lại, Nguyễn Văn Thọ hay Nguyễn Vạn Thọ cũng chỉ là họa sĩ Nam Sơn, chúng tôi dùng Nguyễn Văn Thọ để tôn trọng ý người xưa.

*Thành phố hoa Xoan, 25/5/2009 - Ngô Kim-Khôi*

## Những con đường Hà Nội

Nửa đêm không ngủ  
Nhớ về Hà Nội mến thương  
Hà Nội ơi Hà Nội  
Tương tư thức trắng canh trường

Hà Nội của tôi  
Của một triệu người lia Hà Nội  
Bỏ quê hương bỏ cả phố phường  
Đánh mất tuổi thơ, chôn vùi kỷ niệm

Bỗng đêm nay sống lại trong tôi  
Những con đường Hà Nội mền thân ơi

Hỡi những con đường  
Có từ lúc tôi ôm bầu sữa mẹ  
Những vỉa hè quen thuộc tự ngày xưa  
Những vỉa hè phơi nắng dầm mưa  
Chân chập chững theo chiều tay mẹ dắt  
Rồi nhón lên  
Giữa những con đường vắng đặc  
Tiếp nối nhau theo bờ ngõ xiêu xiêu  
Tiếp nối nhau như tay của người yêu  
Truyền hơi thở khi gió mùa đến sớm

Những con đường  
Những con đường rờn rợn  
Tiếng chân người lạnh lẽo gõ đêm khuya  
Nghe than van từng điệp khúc náo nề  
Nghe rĩ rả mưa phùn lầy lội  
Nghe rưng xuống dưới chân tường xám hối  
Những thân tàn rũ gục chết mùa đông  
Từng âm thanh gờn gợn buốt trong lòng...



Hà Nội, ôi Hà Nội !  
Hà Nội của tôi  
Vớ hình ảnh Mẹ già khắc khoải  
Vớ em thơ mồn mõi đêm ngày xanh  
Vọng tiếng thời gian bóng xế ngang màn  
Nghe thương nhớ nghẹn ngào trong ngực  
Đường phố cũ chôn vùi uất ức  
Thanh xuân nào e ấp giữa bàn tay  
Vào chợ đời đánh mất tuổi thơ ngây  
Nhìn mắt trắng buồn tênh cười thế sự

Những con đường  
Ôi, những con đường cũ  
Chiều phé hưng nằm ngủ dưới thời gian  
Lớp bụi đời phủ trắng màu tang  
Trong im lặng của bao người Hà Nội  
Mà năm tháng chưa xoá mờ tội lỗi  
Cứ đêm đêm từ 5 cửa Ô xa

Hát vọng về theo những canh gà  
Tiếng sênh phách hú hồn ma quỷ  
Bánh xe nghiêng mặt đường rền rĩ  
Tóc ca nhi chảy ướt vũng bùn nhơ  
Hà Nội ơi ! Vỡ nát cả mong chờ

Hà Nội, chao ôi Hà Nội  
Hà Nội với những con đường đọng tím  
Những con đường câm nín  
Những con đường chết lịm ở tim tôi.  
Tuổi hoa niên từng hát khúc yêu đời  
Và nhảy múa khắp ngõ đường Hà Nội  
Bao thương mến với bao nhiêu buổi rồi  
Trôi về đây tàn phá cõi tâm linh  
Trắng đêm thâu, trắng cả khối chân tình  
Từng xác lá thu về vàng lối cũ  
Mùa úa héo dâng đầy đôi mắt nhỏ  
Em ơi em ! Có biết thuở nào khuây  
Nhớ thương nhau qua những cánh đêm gầy  
Nhìn gương mặt hãi hùng sau giấc ngủ.

Ôi, Hà Nội  
Ôi những con đường cũ  
Đâu hàng Bông hàng Trống với hàng Khay  
Đâu hàng Đào khoe nồn những bàn tay  
Những đôi mắt nhìn nhau sầu ly cách  
Nước Hồ Gươm còn xanh màu cẩm thạch ?  
Tà áo ai còn đẹp buổi hoàng hôn ?  
Nhớ thương xưa nhạt nắng những khung tường  
Nghiêng nghiêng xuống mặt hồ ôm bóng nước



Những con đường  
Những con đường năm trước.  
Của ngày xưa, xa lắm Hà Nội ơi  
Đêm nay về ngự trị giữa lòng tôi  
Đêm nay về, với 5 cửa Ô nghìn lối.  
Thao thức mãi, từng canh gà báo vội  
Rạng đông nào gối lệch tóc đêm sâu

Ở ngoài kia, bóng tối đã phai màu !.

## Tạ Ty, vườn xưa đã khép Văn Quang

"Mời bạn hãy vào

\* *Cửa vườn tôi đã mở sau 5 năm trời khép kín - vườn của tôi sau khoảng thời gian giam cầm trong Suy Nghĩ, trong Dẫn Vật, trong Giận Hờn để tìm những cánh màu của tâm tư chấp nối lại và thêu dệt bằng Tin Tưởng, tạo thành một thế giới của Hình Thể, của Sắc Màu, qua bức tường vách ngăn của Lý Trí và Rung Động..."*

(Tạ Ty 8-8-1956)

Đó là những hàng chữ mở đầu trong tập sách giới thiệu về triển lãm Tạ Ty 50-56 tại Sài Gòn mà tôi vừa tìm lại được.

Tôi muốn mượn chữ nghĩa của anh để nói về anh như một khu vườn đầy kỳ hoa dị thảo vừa khép lại. Nó khép lại với anh, nhưng hương sắc của nó sẽ còn lại mãi mãi với thời gian, với con người. Nó chỉ có nghĩa là từ nay sẽ không còn bông hoa nào tỏa thêm một sắc hương nào nữa. Nói về Tạ Ty, những người yêu nghệ thuật hội họa không còn xa lạ gì tên tuổi ấy trong nửa thế kỷ vừa qua. Anh không chỉ là một họa sĩ mà còn viết văn và làm thơ nữa, nhưng riêng tôi, không gọi anh là nhà văn hay nhà thơ bởi sự nghiệp vẽ tranh của anh đã lấn át hết những tài năng khác. Con người anh, tôi vẫn nhìn nguyên vẹn là một họa sĩ. Một họa sĩ rất hiếm hoi trong làng nghệ thuật hội họa ở VN. Tự anh đã đứng vững sừng sững với màu sắc, hình khối và tâm linh. Nhìn tranh của anh, không thể lẫn với bất cứ một bức tranh của một tác giả nào khác, không những chỉ có ở VN mà với cả thế giới bên ngoài.

Tạ Ty ngồi trong phòng triển lãm tranh của chính mình vào năm 1956

Thời kỳ đầu mới vào nghề anh đã từng vẽ sơn mài, nhưng chỉ vài năm sau anh vẽ sơn dầu và có người xếp anh vào trường phái "lập thể", cũng có người cho rằng anh thuộc trường phái "trừu tượng". Nhưng dù trường phái nào thì tranh của anh chỉ thoạt nhìn cũng đã thấy nó vững vàng, khỏe mạnh, đặc sắc, riêng biệt mà chỉ có thể thấy ở Tạ Ty. Đó là cái nhìn rất thường tình của một người yêu và kính phục tài năng của anh như tôi.

Vài hàng tiểu sử

Vì thế ở đây tôi không nhắc lại chi tiết phần tiểu sử cùng những tác phẩm dù là trong văn chương hay hội họa của anh. Tôi chỉ xin tóm tắt rất ngắn gọn: anh tên thật là Tạ Văn Ty, sinh ngày 3-5-1921 (tức ngày 26 tháng 3 năm Tân Dậu tại Hà Nội). Về điểm này có nhiều nguồn tin cho rằng anh sinh năm 1922, nhưng tôi đã kiểm chứng lại với những người con anh, được biết trong giấy khai sinh của anh khai muộ n mất một năm, đó cũng là chuyện thường thấy ở những vùng quê hay "thói tục" ngày xưa của các cụ nhà ta, mừng sinh con mà quên làm giấy khai sinh hoặc vì thấy nó cũng chẳng quan trọng gì nên để đó "bao giờ tiện thì làm cũng được". Nên chính anh đã nói đúng năm sinh của mình và đã tính thành ngày giờ Âm Lịch. Anh tạ thế vào lúc 10 giờ sáng 24-8-2004 (tức ngày Thứ Ba, mùng 9 tháng 7 năm Giáp Thân) tại nhà riêng số 18/8 đường Phan Văn Trị, Q5, Thành phố Sài Gòn. Thọ 84 tuổi.

Anh được lệnh động viên vào Khóa 3 trường Sĩ quan trừ bị Thủ Đức và sau đó anh phục vụ hầu hết tại Tổng cục chiến tranh chính trị QLVNCH. Anh giải ngũ trước năm 1975, nhưng năm 1975 anh vẫn bị gọi đi "cải tạo". Khi trở về Sài Gòn, anh vượt biên, định cư tại Hoa Kỳ. Trong thời gian ở nước ngoài, anh lại tiếp tục sáng tác. Cho đến năm 2003, sau khi vợ anh qua đời tại Mỹ, anh trở nên buồn chán và trở lại Sài Gòn sống với người con gái út của anh vẫn còn ở lại Sài Gòn từ sau năm 1975 đến nay trong căn nhà trước anh cùng gia đình đã sống.

Những ngày tháng 8 định mệnh

Cuộc triển lãm vào năm 1956 của Tạ Ty cũng vào tháng 8 năm 1956 tại Sài Gòn. Đó là lần đầu tiên tôi được dự triển lãm của anh và cũng là thời kỳ tôi mới quen anh khi bắt đầu về Nha Chiến tranh tâm lý Bộ Quốc Phòng, hồi đó vừa được chuyển từ Nha Tác Động Tinh Thần ở đường

Gia Long về đường Thống Nhất. Cơ sở còn chật chội, chỉ có một dãy nhà trệt, chia ra làm hai dãy chính và vài căn nhà phụ nhỏ hẹp. Nha CTTL cũng chỉ có vài Sở chia ra chừng hơn 10 phòng và nhân viên cũng chỉ có năm bảy chục người, kể cả "quan và lính". Tôi về ban Báo chí làm việc cùng với Huy Sơn, Tô Kiều Ngân, Phỳ Phỳ (tục gọi là Phi chọi), Lý Quảng, Viêm Hồng.. trong hai tòa soạn báo Phụng sự và Quân Đội (sau đổi tên thành bán nguyệt san Chiến Sĩ Cộng Hòa). Vài năm sau có thêm Huy Vân, Tường Linh... Lúc đó anh Tạ Ty là trưởng phòng Hội họa, mang cấp bậc trung úy, nhưng so về tuổi tác và "thâm niên", anh hơn tôi đúng một giáp (12 năm) và ra khóa trước, nên tôi vẫn coi anh như đàn anh, cả trong nghề nghiệp và trong đời thường.

Bức tranh "đẹp miền Tự do" anh để trên đầu sách giới thiệu Triển lãm Tạ Ty 1950- 56".

Rồi cũng đến những ngày cuối tháng 8 năm 2003, tôi được tin anh về VN và đang nằm ở bệnh viện của Đại học Y dược thành phố. Tôi và Phan Nghị đến thăm anh. Vừa gặp tôi anh nhận ra ngay, nhưng Phan Nghị thì phải xưng tên anh mới nhận ra được. Những giọt nước mắt của anh chảy dài. Có thể nói anh là người rất "mau nước mắt". Còn nhớ vào khoảng năm 1970, khi anh được lệnh giải ngũ, chúng tôi làm một bữa tiệc trà tiễn anh rời khỏi quân ngũ, khi nói vài lời giã biệt, nước mắt anh cũng chảy dài như thế. Và đến ngày 24 tháng 8 năm nay anh cũng bỏ chúng tôi ra đi. Phải chăng đó là những ngày cuối tháng 8 của định mệnh?

Hai con người trong một

Vào những năm 1956-1964, hàng ngày chúng tôi ở quá gần nhau nên thường xuyên gặp mặt, liên hệ công tác về hai tờ báo quân đội mà anh là người vẽ minh họa, gần như phụ trách phần trình bày cả hai tờ báo. Nhưng về cách sinh hoạt thì anh ít có dịp đi chung cùng với anh em. Những buổi sáng khi chúng tôi rủ nhau đi ăn bánh cuốn hoặc ra ngồi ở Givral cà phê thì anh vẫn chững chạc trong bàn làm việc. Ngay cả những chiều thứ bảy, Huy Sơn, Nguyễn Ái Lữ thường rủ tôi đi ăn đi nhẩy cũng chẳng bao giờ "dám" rủ anh Tạ Ty vì anh sống rất mẫu mực. Hồi đó trong sở chúng tôi còn có cả các ông "chánh sở" như anh Phạm Xuân Ninh, Phạm Văn Sơn, anh Nguyễn Xuân Vinh (tức nhà văn Toàn Phong) mới đi du học ở Mỹ về cũng "tá túc" ở đó một thời gian ngắn trước khi về làm Tham Mưu Trưởng Bộ tư lệnh Không quân. Ở bên đài Phát thanh Quân đội có Vũ Quang Ninh, Vũ Đức Vinh (tức nhà văn Huy Quang) và những ca nhạc sĩ như Đan Thọ, Nhật Bằng, Văn Phụng, Canh Thân, Xuân Lô, Xuân Tiên, Vũ Huyền, Hoàng Hải... Tất cả hợp thành một khối, "chung sống hòa bình" và thân thiện.

Anh Tạ Ty có lối sống riêng, nghiêm khắc với chính mình và cả những người xung quanh. Từ trong gia đình đến trong công sở, cái gì cũng phải ngăn nắp, sạch bóng từ cái xe đến bàn giấy. Việc gì cũng phải trọn vẹn từ đầu đến cuối, cẩn thận từng chi tiết theo đúng ý anh không được sai sót. Anh có nguyên tắc sống và làm việc của mình và thực hiện những nguyên tắc chung cũng như thế. Nếu không hiểu anh chắc chắn có những nhân viên cảm thấy khó chịu. Đối với bạn bè, sự thân thiết cũng ở một mức độ nào đó. Dường như sau công việc ở sở, mọi suy nghĩ và thì giờ của anh đều dành cho hội họa. Việc viết lách làm thơ chỉ là sau những ngày giờ nhàn rỗi, cảm thấy hài lòng sau khi đã hoàn thành những tác phẩm hội họa. Tuy vậy anh cũng đã có những tác phẩm văn thơ xuất sắc, riêng tôi nhớ nhất bài thơ "Thương về năm cửa ô xưa" đã phổ nhạc, một thời lừng lẫy trên các đài phát thanh và đại nhạc hội.

Tạ Ty có hai tính cách khác nhau trong một con người. Một con người chi ly, cẩn trọng, tiết kiệm từng chút thì giờ, quý từng món đồ dùng thường ngày đến áp dụng nguyên tắc luật lệ như một cỗ máy. Một con người phóng túng trong màu sắc và bay bổng với những nét bút tài hoa trong từng bức tranh. Con người gần như khép kín ấy lại chan hòa tình yêu thương trong nghệ thuật như "tình yêu thương giữa con người với con người" mà anh đã mở lòng trong "Triển lãm Tạ Ty 1950-56".

Tôi đã nhìn anh như thế trong suốt những ngày tháng tôi được hân hạnh quen anh và sống gần anh. Cứ cho là hơn mười năm, tôi quen anh, chỉ có vài lần cùng đi ăn với anh. Lần anh thăng chức đại úy, tôi không nhớ rõ vào năm nào, có lẽ là năm 61-62 gì đó, anh ôm vai tôi đưa xuống câu lạc bộ khao một châu ăn sáng. Và nếu tôi nhớ không lầm một lần anh Cao Tiêu và anh Phan Lạc Phúc và tôi được anh mời đến nhà ăn cơm. Đó là sự "đãi ngộ" rất đặc biệt dành cho



những người bạn mà anh thân quý. Một lần khác sau cuộc triển lãm anh đưa tôi và một hai người bạn nữa vào ăn chim bồ câu quay ở nhà hàng gọi là "nhà hàng ga xe lửa cũ" trong Chợ Lớn. Tôi nói như thế để chứng minh rằng anh rất ít hoang phí thì giờ vào những cuộc ăn chơi. Khó lòng mà rủ được anh đi phòng trà nghe nhạc chứ đừng nói đến những chuyện ăn chơi vô ích khác. Chị Tạ Ty lại là một mẫu người đàn bà chịu đựng rất giỏi, hết lòng vì chồng con, tôi chưa từng thấy chị đi cùng anh đến bất cứ nơi nào có hội hè đình đám. Có lần anh nói với tôi, chẳng hiểu anh nói chơi hay nói thật: "bà ấy chỉ may có hai cái áo dài nên không thiết đi đâu hết". Anh Tạ Ty cũng là một mẫu người nghệ sĩ rất chung thủy, tôi chưa từng thấy anh có tình ý với bất kỳ một phụ nữ nào khác, mặc dầu bên cạnh anh không thiếu những "nữ độc giả" trẻ đẹp coi anh là thần tượng. Và trong những câu chuyện phiếm cũng rất ít khi tôi nghe anh nói về "đàn bà". Con người của Tạ Ty là như thế.

Những ngày cuối cùng của Tạ Ty ở Sài Gòn

Sau gần ba mươi năm xa cách, như trên tôi đã nói, một ngày cuối tháng 8 năm ngoái (2003), tôi được tin anh từ Mỹ trở lại Sài Gòn và có ý định ở hẳn lại đây. Tôi chưa tin hẳn, khi điện thoại tới nhà mới biết anh hiện nằm trong bệnh viện. Tôi rủ Phan Nghị tới thăm. Không ngờ đến hôm nay thì cả hai anh bạn tôi đã ra đi. Tôi có cảm tưởng như "họ" đã bỏ tôi lại một mình. Phan Nghị kém Tạ Ty 4 tuổi nhưng "đi" trước hai tháng, Tạ Ty đi sau và cuối cùng gặp nhau ở Bình Hưng Hòa. Lúc ở bệnh viện, anh bày tỏ ý định thật của mình sẽ ở lại Sài Gòn và hỏi chúng tôi: "ở đây sống thế nào?". Phan Nghị cười: "Người ta sống được thì mình cũng sống được, chấp nhận một số điều kiện, cuộc sống sẽ dễ dàng hơn".

Một thời gian ngắn, sau khi ở bệnh viện ra, anh Tạ Ty gọi điện thoại cho tôi hỏi chỗ nào bán màu và bút vẽ chuyên nghiệp. Tôi rất mừng, hy vọng anh đã có thể làm việc lại được rồi. Anh nói còn một vài bức tranh để lại nhà, màu đã phai và xuống sắc hết rồi, phải làm lại. Tôi đi tìm chỗ bán đồ dùng cho những nhà họa sĩ chuyên nghiệp. Biết tính anh cẩn thận nên đến tiệm rồi, tôi điện thoại về nhà hỏi lại từng thứ màu, từng loại bút anh cần. Khi tôi mang dụng cụ đến, mắt anh sáng rỡ lên và gật gù: "để đó cho tới khi nào hứng, tới bắt đầu".

Gần một tháng sau, tôi đến anh vẫn không nói gì đến chuyện sửa lại những bức tranh. Anh hỏi tôi "bức caricature tôi vẽ cho cậu hồi xưa còn không?". Tôi lác đầu: "đến vợ con nhà cửa còn mất, tôi chẳng còn cái gì cả". Anh nhồm dậm, có vẻ còn khó nhọc, vận quần áo đang hoang kéo tôi ra nhà ngoài, nhờ bác Tư - người săn sóc anh từ ngày anh về cho đến ngày anh ra đi - chuẩn bị giấy và bút chì. Anh ngồi ngắm tôi rồi bắt đầu vẽ. Nhưng tôi nhận thấy rất rõ sự chậm chạp trong tư thế và nét vẽ của anh. Nó khác hẳn với cái dáng vẽ phóng túng, nhanh nhẹn của anh vào năm 1957 khi anh vẽ cho tôi lần thứ nhất. Lần đó chỉ trong vài phút tôi đã thấy nét tài hoa rất Tạ Ty trên tờ giấy trước mặt. Trong "Phụng Sự Đặc san văn nghệ" xưa ra đời năm 1957, anh vẽ cho hàng chục anh em như Phạm Văn Sơn, Diên Nghị, Mạc Ly Châu, Huy Sơn... Mỗi bức vẽ của anh như một giây phút vui chơi, hứng thú song với tôi đó là một sáng tạo nghệ thuật. Có thể nhận định khó có ai sánh kịp với Tạ Ty về lối vẽ chân dung. Nhưng bây giờ cái nhìn của anh chắc cũng khác đi và bàn tay cũng đã không đi theo ý anh nữa. Một chút bụi ngùi xúc động dâng ngập khi tôi nhìn nét vẽ của anh trong những ngày tháng sau cùng này. Chính anh cũng không bằng lòng với mình nên ngay khi đó anh vẽ cho tôi bức caricature thứ hai. Anh ngắm nhìn rồi buông bút không nói lời nào. Làm sao mà hiểu hết được những gì anh đang nghĩ. Làm sao mà nói hết được những ẩn chứa sắc như dao trong lòng một người nghệ sĩ khi tuổi tác làm cho tài năng không phát huy hết được tinh hoa của mình. Tôi nghĩ đó là bức vẽ caricature cuối cùng của anh.

Một ước mơ không thực hiện được

Có lẽ chính vì thế nên dự định làm lại những bức tranh treo trong nhà của anh cũng không bao giờ thực hiện được nữa. Bệnh già càng làm anh suy yếu thêm. Những lần sau này tôi đến thăm, anh không nói về chuyện hội họa nữa mà nói về những cuốn sách anh đang đọc, anh đọc rất nhiều như một nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống hiện tại. Anh nói về cuộc sống

ở Mỹ và những người bạn ở đó. Nhận xét của anh chín chắn, rất rõ ràng về từng con người, từng sự việc. Anh cởi mở hơn xưa nhiều và bằng lòng với đời sống hiện nay tại Sài Gòn. Có lần anh nói với tôi: "Ở Mỹ, tớ chưa bao giờ được sống trong một căn phòng như thế này". Tôi cho là anh nhún mình hoặc quá bằng lòng với những gì anh đang có. Người con gái út của anh đã chăm sóc anh hết lòng, thuê hẳn một người giúp việc cho bố ngày cũng như đêm. Anh sống trên lầu ba trong hai căn phòng rất đầy đủ tiện nghi. Một bên là phòng ngủ, một bên là phòng làm việc và tiếp khách. Bác Tư là người đã săn sóc anh trong suốt một năm cuối trong đời. Chỉ tiếc cho một ước mơ cuối cùng của anh không bao giờ thực hiện được. Những bức tranh cũ vẫn nằm trên tường, vàng vọt theo ngày tháng.

Anh là người rất kén ăn, không ăn thịt heo, thịt gà và cả thịt bò. Anh chỉ ăn chim bồ câu, sau này không ăn quay được thì nấu cháo nhừ và cua lột, tôm hấp. Hai tháng cuối cùng anh bị té từ trên giường xuống sàn nhà. Từ đó anh không đi lại được nữa và sức khỏe của anh suy sụp nhanh hơn. Mới thứ sáu tuần trước đây thôi (20-8-2004) anh còn gọi điện thoại cho tôi hỏi thăm về nhà cửa và cảm ơn về chuyện tôi cho người mang cháo sang cho anh. Anh đòi cảm ơn "bà xã cậu chứ không phải cậu". Anh rất cẩn thận, mỗi lần mang cho anh tô canh anh cũng phải cảm ơn bằng được người đã đích thân nấu canh cho anh và dặn người nhà nhớ mang trả lại cái cà men nhựa. Cho anh mượn cuốn sách, anh xem xong gọi tôi sang nói chuyện về cuốn sách đó và gói ghém rất đàng hoàng đưa trả tận tay. Lúc này anh rất mong được gặp bất cứ ai trong số những người quen cũ.

Nhưng hai hôm sau cùng thì anh nói gì trong điện thoại tôi nghe không rõ nữa. Bác Tư phải "thông ngôn" lại tôi mới hiểu anh nói gì. Nhà tôi sang nhà anh rất gần chỉ cách có một cái ngã tư. Anh hứa hôm nào khỏe sẽ sang nhà tôi ngồi ăn cơm với các bạn bè cũ. Nhưng rồi chẳng bao giờ anh sang được.

Mười phút trước khi anh ra đi

Đúng 6 giờ sáng ngày Thứ Ba 24-8 vừa qua, người điện thoại báo tin cho tôi anh Tạ Ty mất lại là anh Phan Diên từ Mỹ gọi về. Tôi bàng hoàng trước nguồn tin này vì không lẽ anh mất mà người nhà anh không cho tôi biết? Tôi vội vàng báo tin cho vài người bạn rồi phóng sang nhà anh. Lúc đó các con từ Mỹ đã về Việt Nam đầy đủ. Nhưng anh vẫn còn nằm đó thờ bằng bình oxy, không biết gì nữa. Chiếc máy laptop để bên đầu giường rì rả những câu chuyện cũ. Hoàng Song Liêm, Nguyễn Quốc Thái rồi vợ chồng Đăng Giao cũng đã có mặt. Lúc đó gia đình anh cũng đã lo mọi chuyện lễ tang chỉ chờ giờ phút anh ra đi mà thôi. Chúng tôi đến bên anh, ai cũng biết đó là lúc cầm tay anh và nhìn anh lần cuối.

Tôi ra về, điện thoại sang Mỹ báo tin lại cho các anh Thái Thủy, Vũ Đức Vinh và Phan Diên về nguồn tin ở Mỹ chưa đúng hoàn toàn. Nhưng chỉ mười phút sau đó gia đình anh cho tôi biết đúng 10 giờ sáng anh đã ra đi. Tôi lại phải điện thoại lại báo tin cho các bạn ở nước ngoài. Theo như dự định gia đình anh sẽ quản anh một ngày tại chùa Xá Lợi, nhưng sau đó lại quản linh cữu anh ở nhà. Hôm sau, hầu hết bạn bè anh còn ở lại Sài Gòn đều có mặt. Trong số hàng trăm vòng hoa của thân hữu ở VN, tôi thấy có vòng hoa của anh Đinh Cường từ Virginia đưa đến và một vòng hoa của Hội Nghệ Thuật thành phố Sài Gòn.

Cho đến 9 giờ sáng ngày 26-8 đưa anh đi hỏa táng tại Bình Hưng Hòa. Buổi đưa tiễn anh có rất nhiều những khuôn mặt thân quen của anh từ xa xưa. Ông Mạnh Đan râu bạc như cước, anh Lê Cao Phan cũng đã 82 tuổi rồi song còn khỏe mạnh, lớp người trên 70 như Hoàng Song Liêm và tôi hoặc kém một chút như Dương Nghiễm Mậu, Hoàng Vũ Đông Sơn... trong cái "đám" này được coi là còn "trẻ".

Vĩnh biệt Tạ Ty, một họa sĩ tài hoa. Sự ra đi của anh là một mất mát lớn lao thực sự cho làng hội họa, ở VN không dễ gì có được một nghệ sĩ rất đặc biệt như Tạ Ty.

Saigon ,tháng 8/2004  
[Nguồn: <http://lenduong.net>]

\*\*\*

**Phụ đính I :**

**Tuyển tập Tạ Ty**



## 1. Nhật Tiến

Tên: Bùi Nhật Tiến. Bút hiệu: Nhật Tiến. Sinh ngày: 24-08-1936 tại Hà Nội. Viết văn từ năm 1957.

Tác phẩm:

*Những người áo trắng*, Huyền Trân xuất bản, 1959

*Những vì sao lạc*, Phượng Giang xuất bản, 1960

*Thềm hoang* (Giải Văn chương Toàn quốc), Đồi Nay xuất bản, 1961

*Mây hoàng hôn*, Phượng Giang xuất bản, 1962

*Người kéo màn*, Huyền Trân xuất bản, 1962

*Ánh sáng công viên*, Phượng Giang xuất bản, 1963

*Chuyện bé Phượng*, Đông Phương xuất bản, 1964

*Vách đá cheo leo*, Đông Phương xuất bản, 1965

*Chim hút trong lồng*, Đông Phương xuất bản, 1966

*Giấc ngủ chập chờn*, Đông Phương xuất bản, 1967

*Giọt lệ đen*, Huyền Trân xuất bản, 1968

*Quê nhà yêu dấu*, Huyền Trân xuất bản, 1970

*Lá chúc thư*, Huyền Trân xuất bản, 1970

*Tay ngọc*, Huyền Trân xuất bản, 1971

Đã cộng tác với: Văn Hoá Ngày Nay, Tân Phong, Bách Khoa, Văn Học, Đông Phương...

Chủ biên Cơ sở Xuất bản Huyền Trân

### **Nhật Tiến và khung trời mơ ước**

Nhật Tiến đi vào văn chương bằng tình thương, một tình thương nảy sinh trong tấm lòng đôn hậu. Tuổi trẻ mà Nhật Tiến đem vào văn chương, xuyên qua thân phận mình, không phải tuổi trẻ của giận dữ và phẫn nộ. Biết rằng, dù muốn dù không, cũng phải chấp nhận cuộc đời đã có đấy. Nó là vui, buồn, yêu, ghét. Nó là cánh mây bay lang thang trên vòm trời cao cả kia, hay đống rác thối tha nhưng nhúc ruồi bọ này. Vì ý thức được như vậy nên Nhật Tiến không đi tìm cuộc đời qua kẻ khác, mà tìm ngay ở bản thân, trong đáy thẳm tâm linh, ở đấy, tiếng nói chân thành thì thắm cất lên từng âm thanh nấn nủi nó với vô vàn thương mến và chua xót!

Phương pháp hành văn của Nhật Tiến thật dung dị, thoải mái ngay cả những khi cần phải đưa câu chuyện vào mức độ cao nhất của kỹ thuật dựng truyện. Nhật Tiến, nhà văn tình cảm thiên về xã hội. Tất cả những dữ kiện do cuộc sống đẩy tới, tác động vào tâm thức nhà văn đều được Nhật Tiến điều hợp cho cân xứng ở mỗi lời nói, hay mỗi động tác để trở nên có hiệu năng truyền cảm.

Với 10 năm trong nghề, và 14 tác phẩm (tính đến tháng 5-1971), đã chứng minh đầy đủ ý chí và tài năng của một nhà văn đã quyết định thân vào nghiệp. Trong số 14 tác phẩm, đã có 3 cuốn: *Thềm hoang*, *Người kéo màn* và *Tay ngọc* tái bản tới 3 lần.

Nhật Tiến rất thận trọng trong vấn đề sáng tác vì luôn luôn tin rằng, danh tiếng của nhà văn không thể và không bao giờ được cấu tạo bằng sự giả trá. Nó cần được chọn lựa và đánh giá đúng mức qua thời gian, qua nhiều chặng thử thách bắt buộc mỗi người cầm bút phải vượt qua.

Nhật Tiến quả tình đã vượt qua nhiều thử thách, mỗi một thử thách dù thành công hay thất bại, đều giúp cho nhà văn những kinh nghiệm. Người ta cho rằng, con đường văn nghiệp của Nhật Tiến là cuộc sống bằng phẳng đồng thời cũng là sự tiếp nối của nền văn học tiền chiến. Có người nghĩ, Nhật Tiến đã dùng văn chương như một hình thức điểm trang cuộc đời, ở đấy, nó không nói lên cái khí phách, cái can đảm mà tuổi trẻ cần có. Cả hai thành kiến trên đều có phần ngộ nhận. Như hầu hết các nhà văn ở lứa tuổi trên dưới 30, Nhật Tiến cũng lớn lên trong chiến tranh, cũng đã được chứng kiến những cơn biến động lịch sử, ở đó, mỗi bài học đều được tuổi trẻ mua bằng máu lệ, mua bằng uất hận, đau thương! Chỉ có khác, cái nhìn, cái biết và cái sống không nằm chung ước lệ ở mỗi tâm tư, nên sự nói ra hay tỏ bày đều được hình thành theo cảm quan riêng biệt.

Tác phẩm đầu tay: *Những người áo trắng* (1959), với nội dung viết về đời sống của những cô gái mồ côi ở trong khuôn viên cô nhi viện. Tất cả nỗi u uẩn, thầm kín thuộc những linh hồn bơ vơ mà Chúa cũng không đủ quyền năng để ngăn cản hay cứu rỗi cho mỗi số phận! Những dòng nước mắt tủi hờn thấm vào lòng người, tạo nên nhức nhối:

... Bởi vì mỗi đứa chúng tôi có một cuộc sống riêng biệt. Cuộc sống chỉ sống trong những đêm

*trần trọc, thao thức, xót xa đầy nước mắt.*

*Chúng tôi không phủ nhận công lao của các bà phước, của các nhà hảo tâm, của các cơ quan từ thiện. Nhưng tình nhân loại của các người đó mới chỉ an ủi được chúng tôi một phần nào sự đau khổ về vật chất, thiếu cơm, thiếu áo, trong quãng đời cô cút của chúng tôi.*

*Còn linh hồn chúng tôi, những linh hồn lạc lõng thiếu tình thương của cha mẹ, tình yêu của những con người đến tuổi dậy thì và thiếu cả cái ước vọng vô bờ của tuổi hoa niên, hỏi bàn tay nào xoa dịu được?*

*Cho nên tâm hồn chúng tôi là những tâm hồn khao khát sự thương yêu, hẳn học với thực tại, để chỉ quay về vò xé lòng mình trong những đêm dài mất ngủ...*

Đoạn văn trên, trích trong trang đầu cuốn sách, nó là lời nói chân thành của một cô nhi mang tên Quỳnh, nhân vật xưng "tôi" trong tác phẩm, viết thay lời vào truyện.

Người đọc chỉ cần suy luận qua những dòng chữ ai oán ấy, có thể hình dung thấy biết bao nhiêu tủi hờn đang vò xé những tâm hồn lạc loài, vì hoàn cảnh chung, phải chịu đựng lẫn nhau trong nhiều trạng huống khốn khó. Họ là những bé gái mồ côi được nhặt về từ mọi nơi, hoặc do chiến tranh, hoặc vì xã hội. Họ đến đây, ở đây, từ lúc còn măng sữa, rồi lớn lên trong vòng đai của Chúa, do các bà phước đại diện. Ngoài phần giáo lý họ cũng được giáo dục về học vấn như ở ngoài đời nhưng họ vẫn không thuộc hẳn về xã hội, với đầy đủ quyền hành của con người thế gian, để có thể vui buồn theo ý muốn. Ở đây, họ đã hiến dâng linh hồn cho Chúa vì miếng cơm, manh áo, vì hơi thở mà bố mẹ họ bởi không may nào đó, đã không cho họ có được. Do vậy, khi đã đến tuổi trưởng thành với những thắc mắc về thân phận, nhất là tình yêu phát hiện trong lòng tuổi dậy thì với nhớ thương hình bóng người yêu để sưởi ấm tình đời. Bởi thế, có người trốn đi vì không chịu nổi cô đơn, có cả các xác chết nữa, với từng cơn buồn dằng dặc! ...

Nhưng rồi thời gian mòn mỏi trôi đi. những cô gái đã qua tuổi mơ mộng. Tình cảm đã khô cong và cuộc đời được hình dung như một chuỗi ngày này qua ngày khác, gần như vô nghĩa. Lúc đó, chỉ còn tình thương và bổn phận. Rồi cứ thế, lần lượt và lần lượt:

*... Trời về cuối đông, mây u ám phủ nặng trĩu cả bầu trời. Gió bên ngoài thổi nghiêng ngã, những cành cây trụi lá. Qua khung cửa kính chỗ tôi ngồi, ngoài kia là khung cảnh tiều điều của một buổi chiều sắp tắt. Trời sẫm sẫm tối, con đường nhựa xanh láng ướt dẫn đến vườn hoa hôm nay ngập nhiều lá vàng. Tôi chắc vườn hoa ngoài ấy bây giờ cũng xơ xác lá và vắng lặng bóng người. Tôi hình dung đến ngày xưa ở đây.*

*Hình ảnh bé Phượng ngày nào khóc gọi chị Loan và mẹ bên phòng bà Nhân, hình ảnh con Dung bị người ta xin mất con Nguyệt, rồi câu chuyện của Liễu bỏ ra đi tìm một tình yêu lãng mạn, cái chết của Hoà, cái chết của con người phu hồ, những mỏ cỏ xanh um ngoài nghĩa địa, mối tình tuyệt vọng của tôi.*

*Những ngày ấy quá xa rồi, vì bây giờ tôi không còn là một thiếu nữ khao khát yêu đương. Tôi già hơn trước nhiều và lý tưởng tôi là bổn phận...*

*Quỳnh*

Cuốn sách *Những người áo trắng* được khép bằng hai trang thư, với một nỗi niềm vừa băng khuâng như kẻ lữ hành đi vào vùng trời tuyệt vọng! Tâm hồn Nhật Tiến chứa ngẹn tình

thương, thứ tình thương cao trọng, ở đó, lòng thù hận và nỗi bi thiết hình như được che khuất bởi những ước mơ tràn ngập ánh sáng của sự cứu rỗi thiêng liêng nào đó.

Khởi hành từ đây, Nhật Tiến đi sâu vào thung lũng của tâm tư để tìm về cho riêng mình một tình thương khác qua tác phẩm *Những vì sao lạc*. Hình ảnh những đứa trẻ không may chẳng phải chỉ được nói đến, hay chỉ xảy ra trong vòng đai cô nhi viện mà nó còn hiện diện ngay ở giữa xã hội, dưới mái gia đình, trong những hoàn cảnh vô cùng ray rứt. Kỹ thuật dựng truyện của cuốn *Những vì sao lạc* (1960) đi chung một đường với *Những người áo trắng*, thay vì trang thư, cuốn sách được mở đầu bằng những trang bút ký của Khánh. Cái phương cách mở đầu này làm hại không ít cho tác phẩm. Đọc nó, người ta coi như đã đọc xong nội dung cuốn sách. Sự bất ngờ sáng khoái do người đọc khám phá ra trong tác phẩm không còn nữa. Sự tiếp nối của những trang sau chỉ là để giải thích hoặc biện minh cho một dữ kiện nào đó, được sắp đặt trước trong tâm thức nhà văn. Văn chương không phải như vậy. Nó không cần biện minh gì ngoài nó.

Nhưng chẳng phải vì thế, cuốn *Những vì sao lạc* không có giá trị về phương diện truyền cảm. Nhật Tiến đã dùng tài năng riêng để đưa người đọc vào một vùng trời mà sự trong trắng của tuổi thơ chỉ còn là giận hờn, oán trách! Những tội lỗi do tuổi trẻ gây ra đều từ bên ngoài tác động. Hoàn cảnh gia đình và chính người lớn đã dồn chúng vào ngõ cụt. Biết bao nhiêu dòng chữ, nhân danh tình thương để nói lên sự thực, may mắn thay, mọi đau đớn, tan vỡ đến cuối cùng được nhà văn hàn gắn lại mở lối thoát cho những kiếp người...

*... Cuộc sống của tôi êm đềm như thế cho đến năm tôi mười hai tuổi. Tôi không muốn nhắc ra đây hình ảnh đổ vỡ của một thời gian hãi hùng khi loạn lạc. Chẳng phải một mình tôi chịu số phận như thế này, mà trong những ngày đen tối đã còn biết bao nhiêu đứa trẻ có cùng một hoàn cảnh như tôi, hoàn cảnh của những đứa con mất mẹ trong khói lửa ngùn ngụt ở khắp phương trời...*

(*Những vì sao lạc*)

Đoạn văn đã nói rõ tất cả, nó là nguyên cớ chính để nhà văn xếp đặt những sự tình xung quanh một vấn đề đã quyết định.

Nội dung hai tác phẩm trên, Nhật Tiến vô tình đi gần với Dickens, văn hào Anh ở thế kỷ XIX. Dickens cũng vì những đứa trẻ không may mắn mà tranh đấu. Ông là nhà văn hiện thực xã hội, chuyên dùng ngòi bút để chống đối những kẻ đạo đức giả và ích kỷ, đốn hèn. Hình ảnh David Copperfield dưới nét mực tuyệt luân của Dickens, không thiếu gì trong xã hội Việt Nam hiện tại, nhân vật Khánh hay Quỳnh đã chứng minh, tuy rằng, sự so sánh chỉ như một thí dụ. Vấn đề làm khổ tâm Nhật Tiến nhất, vẫn là sự hiện hữu của một cuộc sống chẳng mấy tốt đẹp cho mỗi số phận, trong một xã hội còn nhiều cách biệt. Cuộc sống đó, không được thăng hoa liên tục trong sự mong mỏi của mỗi kiếp người. Nó cũng không được hình dung qua những khuôn mặt ra vào nơi trà đình tửu quán của một hạng người may mắn do số mệnh an bài. Cái cuộc sống mà Nhật Tiến cảm thấy gần gũi với mình, nó như hơi thở, như nỗi buồn, do đây mình có trách nhiệm. Chính vì trách nhiệm và lương tâm nhà văn, nên Nhật Tiến đã tự dán thân vào một cảnh huống vô cùng bi đát của những kiếp người vì không nhìn rõ ý nghĩa đời sống, nên vẫn sinh hoạt một cách vô tư và an phận, bên cạnh một đời sống khác tốt đẹp hơn hoàn cảnh của họ nhiều.

Đứng trên bình diện kỹ thuật, việc hình thành một tác phẩm, đòi hỏi nhà văn ngoài lòng trắc ẩn, phải có sự nhận định vô tư, sáng suốt về mọi khía cạnh của vấn đề được đặt ra. Cuộc sống với



những cảnh ngộ chẳng mấy khích lệ, thường được soi qua tấm lăng kính bi thảm, đôi khi bị chi phối bởi những ước vọng thầm kín sâu xa nào khác, nên có thể vì đó, tác phẩm mất phần hiệu năng đích thực của nó. Nhưng đó không phải trường hợp Nhật Tiến với *Thềm hoang*.

Trong tác phẩm *Thềm hoang* (1961), nhà văn đã chiếu rọi vào những kiếp người có mặt giữa vòng đai xóm Cỏ, một xóm lao động nằm ngay trong lòng thành phố, để tìm về cho mình một ý hướng sáng tạo. Mọi sinh hoạt ở đây tuân theo quy luật riêng, nghĩa là mỗi con người đều có quyền hành và trách nhiệm độc lập. Sự liên hệ giữa người thân thuộc như bố mẹ, vợ chồng, con cái nhiều lúc cũng xem như thấy-có-đó, chứ không được nối kết bởi mối dây thân ái, tình ruột thịt cùng chung cảnh ngộ không may:

*Ai đưa tôi đến chốn này  
Ban đêm thì tối ban ngày thì đen  
Ôm đàn gảy khúc huyền thuyên  
Nghêu ngao mấy điệu cho quên tháng ngày...*

Bốn câu trên, Nhật Tiến đưa vào trang đầu của cuốn *Thềm hoang* nhằm mục đích mở cho người đọc hé nhìn thấy, bối cảnh ngọt ngào của một cảnh tượng đang quay cuồng, chen chúc và xô đẩy nhau đi vào bi trường kịch xã hội.

Những khuôn mặt: bác Tồn, tay nghệ sĩ mù kiếm ăn bằng nghề hát dạo. Thằng Ích, mồ côi cha, khôn trước tuổi. Dượng Tám, tên lưu manh sống bám vào vợ con. U Tám, người con gái không may goá bụa nửa chừng xuân, mê lời tán dóc và thân thể cường tráng của gã đàn ông để rồi đau khổ, sau cùng kết liễu đời mình bằng sợi dây oan nghiệt! Ông Phó Ngữ goá vợ, có đứa con gái duy nhất, muốn nó có tấm chồng tử tế mà không xong. Khuôn mặt vợ lão Hói, tên bói bài tây, rượu chè be bét, lúc nào cũng tin có ông Trời, cùng nỗi thâm tâm của Năm Trà với khuôn mặt Huệ, cô gái diêm đã hết thời xuân sắc mà vẫn gây sóng gió trong lòng bác Tồn, qua trí tưởng tượng. Ngàn ấy thân phận xô đẩy nhau, lồi cuốn nhau, hoà trộn vào nhau để cấu tạo nên một cảnh huống vừa thương phần vừa bi thảm.

Trong *Thềm hoang*, Nhật Tiến đã viết, đã suy nghĩ rất nhiều về hoàn cảnh tâm lý của mỗi nhân vật. Nhật Tiến có một nhận xét rất tinh tế và tinh vi về từng trạng thái đã xô đẩy mỗi thân phận vào vị trí đau đớn của họ. Phương pháp hành văn gọn và mạnh nên gây xúc động thật tinh qua sự khốc cười rất hồn nhiên mà cũng vô cùng bi thiết của mỗi vai trò, mỗi trường hợp, trong gần 300 trang sách. Hình ảnh bác Tồn, thằng Ích như được an bài do định mệnh. Hai vóc dáng ấy hiện diện từ trang đầu đến trang cuối, chỉ để nói tới sự liên hệ về quyền lợi của lớp người đã mất tương lai! Hai thân phận như hai chứng tích, in hằn vào tâm tưởng người đọc từng nỗi giãy vò chua chát. Sinh ra ở đời, mỗi số phận đều cố tìm cách vượt mình, vượt thoát hiện tại, nhưng ông trời kia, ông trời, cách đây gần một thế kỷ, Nietzsche – triết gia Đức – đã gào to: *Thượng Đế chết rồi!* ... nhưng sự thực, đối với con người phương Đông, mỗi thân phận ít nhiều gì, vẫn còn tin tưởng có ông Trời, ông Phật hay Chúa để bám víu vào, cầu xin và an ủi mỗi lần gặp không may. Bởi vậy, khi Nhật Tiến dựng *Thềm hoang* với các nhân vật nói trên và những sự tình xảy ra đều ẩn giấu bên trong sự an bài của một vị Trời nào đấy!

Hai bóng người hay hai bóng ma, cứ dật dờ mỗi đêm lang thang trên những lối mòn quen thuộc để bàn cãi vớ vẩn về một hoàn cảnh không thuộc về mình:

*... Những lần hai bác cháu dẫn nhau đi qua ánh đèn đỏ gay gắt của các tiệm nhảy trên phố, có tiếng kèn xoáy vào không khí tĩnh mịch ban đêm, tiếng cốc tách va vào nhau lách cách, bác Tồn thường lắc vai nó:*



"Nhảy đầm khoái chứ nhĩ?"

Ích đáp có vẻ thành thạo:

"Khoái đứt đuôi đi ấy chứ lị!"

"Dơ bỏ bố đi".

"Dơ mà lại khoái!"

"Khoái nhưng dơ!..."

(Thêm hoang, trang 14)

Lời đối thoại thật nhảm nhảm, nhưng hồn nhiên trong việc tỏ bày những gì mình cảm thấy chứ không do suy nghĩ.

Từ nhảy đầm hai bác cháu đi sang vấn đề ăn uống. Thằng Ích chỉ thích bánh ga-tô, còn bác Tồn khoái phở, nhưng tuy khoái mà không dám ăn, vì giá một tô phở gần bằng cả buổi đi lang thang hát khô cổ, gảy đàn muốn rụng tay mới có được. Sự hợp tác giữa bác Tồn và thằng Ích được ấn định rõ ràng bằng cách chia đôi số tiền kiếm được mỗi buổi. Thằng Ích có công dẫn đường, bác Tồn có công trình diễn. Số tiền thằng Ích được chia, nó giấu đi một ít để ăn quà và mua đồ tặng con Ngoan – em gái nó – một phần, đưa cho mẹ để thêm vào ngân quỹ gia đình. Còn bác Tồn cố dè xèn, dành tiền lấy Huệ, cô gái điểm loại rẻ tiền đã hết thời nhan sắc. Nhưng bác Tồn vẫn mê nàng qua lời tả của thằng Ích: *Cô Huệ đẹp và thơm lắm, cô đánh môi son, mặc áo hồng, bẹn quần trắng*. Bác Tồn mù nên chỉ "nhìn" người mình yêu qua trí tưởng tượng với ước mơ đắm đuối! Còn Huệ, cô gái giang hồ tuy đã hết thời, lại đau ốm luôn vì ham bán đất rẻ thể xác mong đủ miếng ăn. Mỗi đêm hành nghề xong, lúc trở về xóm có ai nói xa xôi: *"Một không cô Huệ ơi!"* nàng lại chanh chua giận dữ: *"Một cái phải gió. Cha tổ bố, ít tiền mà cứ muốn đẹp!"* Không khí sống của xóm Cỏ, xóm điển hình cho những khu căn bã của xã hội với những sinh hoạt cực kỳ sôi nổi. Những trận đòn chí tử của anh chồng say tặng vợ, với tiếng khóc, câu cười cùng lời nói thô tục được Nhật Tiến ghi chép tận tường để trình bày thực trạng. Ngay cả tình thương yêu trong trắng của hai anh em thằng Ích cũng được diễn tả bằng những dòng chữ nhạt nhoà nước mắt:

... Chúng nó (Ích và Ngoan) nghĩ đến ngày mai ngày kia và mãi mãi, buổi sáng phải đi mót củi khô và lá rụng ở mặt đường, buổi trưa nắng gắt, đi quẩy nước ở ngoài giếng, chiều tối, dựng Tám uống rượu lão đảo trở về, chửi lảm nhảm tới khuya. Mỗi cử động mạnh của dựng, ngay lúc dựng chẳng đánh ai cả, cũng đủ làm cho tim Ích đập nhanh trong lồng ngực. Ích nghĩ dựng Tám thật táo tợn. Dựng vui đấy, mà giờ mặt ngay đấy. Nhiều khi Ích có ý muốn mình được cầm một con dao nhọn hoắt mà đâm mạnh vào tim dựng. Máu đỏ phun ra sẽ làm nó rất kinh sợ nhưng cũng hả hê biết mấy...

... Cũng có lúc Ích ước ao mình được dẫn em bỏ trốn nhà ra đi. Điều ấy lại còn khó khăn hơn là sự cầm dao giết dựng Tám. Vì trong thành phố ồn ào này, tuy rộng rãi thật, nhưng nó chẳng biết là mình sẽ đi về đâu...

(Thêm hoang, trang 27)

Sự hình thành của một nếp sống không phải ngẫu nhiên mà có, đích thực nó phải trải qua nhiều giai đoạn. Ở mỗi giai đoạn lại tích lũy thêm những bằng chứng, xác định rõ từng sự kiện đã xâm nhập vào trong tâm hồn của con người, để tạo nên nếp sống đó.

Nó còn có thể là một không gian địa ngục, được mô tả như hoàn cảnh đương nhiên, vây lút và cuốn tròn mỗi số phận không cho vượt thoát:

*... Ở đường cái rẽ vào là ngay đầu xóm Cỏ. Có những mái lá nứt rạn chia ra lối hẹp. Vào những ngày mưa, lòng xóm hoá ra lòng cống, khi nước rút đi thì ngập bùn và rác rưởi. Mùi tanh nồng theo gió thoang thoảng bay đi. Mỗi lần đêm về, lối ngõ tối hun hút như một cái miệng có chiều sâu... Một vài ngọn đèn dầu đỏ đòng đọc lùa ánh sáng qua kẽ vách không soi hết những mô đá khắp khênh nhô lên giữa những vũng bùn đen quánh. Ở đây về đêm có từng bóng áo trắng thấp thoáng sau mấy cái thùng xe đậu rải rác. Khách tìm hoa chụm đầu vào nhau thì thảo. Que diêm bật lên rồi tắt ngúm. Ánh sáng teo lại theo tàn than rồi bóng tối lại tiếp tục bưng lấy tội lỗi một cách hối hả, vội vàng...*

(Thêm hoang, trang 29)

Đấy, cái môi trường sinh động của một lớp người được phác hoạ trong tâm trí, để rồi các hoạt cảnh lần lượt trình bày thật linh động theo ý muốn nhà văn, những con người chui rúc nơi đây, không phải hoàn toàn mất hết nhân tính. Nhưng cái nhân tính chỉ được Nhật Tiến ghi nhận bằng những nét mờ nhạt qua nhân vật bà Chín và một vài động tác si mê của bác Tồn với Huệ trong lúc nàng ốm đau. Có nhiều lúc, bác Tồn muốn nói với Huệ một câu, một câu thôi, nhưng vì mặc cảm tự ti nên bác tự nhủ: *Xấu hổ bỏ bố đi!*... Câu nói phôi bày cái tâm trạng đau xót của một kẻ đã tệt nguyên mà lòng còn phôi phới tình xuân. Sở dĩ bác Tồn – nghệ sĩ mù – còn sống được ở cái xóm Cỏ này, chẳng phải chỉ có Huệ, còn thằng Ích và bao nhiêu người cùng cảnh ngộ, cũng nghèo như bác, cũng lam lũ như bác, nên khi vui bác thường cất cao giọng:

*"Cô Huệ ơi!  
Tôi theo cô đến tận góc bể chân trời  
Sông sâu tôi cũng lội, núi đồi tôi cũng leo  
Sang Tây, sang Nhật, sang Lào  
Sang Tàu, sang Mỹ tôi theo đến cùng...  
Ồi! Cô Huệ ơi! ..."*

Đau đớn thay mỗi tình bác Tồn mơ tưởng, nó chỉ là mối tình suông, mối tình tuyệt vọng vì tuy nhan sắc Huệ đã xuống, nhưng chắc chắn không đời nào Huệ chịu làm vợ anh mù hát dạo kiếm cơm! ...

Nhân vật u thành Ích, một goá phụ còn xuân sắc với đôi mắt lá răm, da trắng trẻo mịn màng, cũng được nhà văn viết với những nét thật sắc, thật bi thương. U thành Ích vì còn trẻ nên không giữ nổi tiết hạnh trước tên Tám, có thân thể vững chắc, có đôi cánh tay gân guốc mẽ mình, để rồi sau khi đã làm chủ được linh hồn và thể xác lại hành hạ mình cho tới chết. Ngày trước u thành Ích mê dượng Tám vì sức vóc, bây giờ dượng lại dùng sức vóc để tặng vợ những trận đòn ác liệt mỗi khi nổi giận vì không có tiền chơi cờ bạc! Tiếng khóc, ôi! tiếng khóc của người đàn bà khốn khổ về đường chồng con, đêm đêm dựa mình vào cột gỗ ngoài hiên, than van cho số kiếp, trong khi gã đàn ông khốn nạn đang ngáy nặng nề với hơi men nồng nặc! ... U thành Ích, hình ảnh người đàn bà Việt Nam cũ, đã lờ rờ, dù khổ cực đến đâu cũng gắng chịu cho đến ngày không chịu nổi nữa thì chết!

Hình ảnh lão Hói với dáng đi lom khom và cái đầu nhăn thín, khuôn mặt choắt cheo, mày rậm, mũi đỏ, vai đeo túi vải có đưng cổ bài tây cáu ghét và chiếc khăn tay dơ bẩn. Đấy chân dung và gia tài của lão Hói – thầy bói bài tây – luôn mồm đọc câu:

*Ngọc xuất thiên cung thủ quả châu  
Hoàng Thiên thương mến quả địa cầu  
Giáng tạo thay đời không tranh đấu  
Thế giới thanh bình khỏi thuế sâu...*

Rồi lão giải thích cho bà con lồi xóm nghe rằng: *Ông ấy sinh ra mình, sinh ra cây cỏ, mọi thứ lu bù. Tây, Tàu, Anh, Mỹ gì cũng thua ông hết trời!* ... rồi lão tự khen: *Chèn ơi! Hay thiệt à!* ... Lão Hói là nguồn vui cho cả xóm Cỏ, nhân vật này có mặt trong *Thềm hoang* với dụng ý làm nhẹ bớt sự bi thảm của tác phẩm.

Vấn đề tình yêu trong cuốn sách không kém sôi động. Vì tình yêu là vấn đề muôn thuở của vạn vật chẳng cứ gì con người, nên ngoài mối tình tuyệt vọng của bác Tồn với Huệ cũng như cuộc tình đau đớn cả thể xác lẫn tinh thần của u thành Ích và dượng Tám, còn có cuộc tình không kém nồng nhiệt, vô cùng bình dân giữa con Đào và anh phu xích lô Hai Đào, bất chấp cả bác Phó Ngữ – bố Đào – nổi tiếng khắc nghiệt trong vấn đề dạy dỗ con gái. Ý của Phó Ngữ muốn cho con Đào có tám chồng đang hoang để ông được nở mày nở mặt với xóm giềng, ai ngờ con Đào lại phải lòng tên Hai Hào, người mà ông cho là không xứng đáng làm rể ông. Nhưng Phó Ngữ không chống nổi được quyết định của ông Tư, bà Nguyệt đã xe duyên hai đứa:

*... Gã ôm lấy cô gái vào hai cánh tay. Đào cũng ghì chặt lấy gã. Giọng gã áp úng:*

*"Đào ơi! Mình ơi! ..."*

*Cặp môi của gã hôn như mưa trên má Đào. Giây sau, gã nói:*

*"Nên" đây, tôi chờ mình đi chợ".*

*"Chịu thôi, chúng nó chế chết..."*

*"Chế cái 'nõ' đấy! Mặc bố nó..."*

*"Chịu thôi. Để đến tối".*

*"Tối ở đâu?"*

*"Sau giếng đi".*

*"Mấy giờ?"*

*"Chín giờ".*

Thế là buổi tối hôm đó, hai bóng người tình tự sau bờ giếng đến khuya, ông Phó Ngữ đi tìm con với về giặt dũ:

"Sự bố thằng Hai Hào chim con gái ông... Ông thề ghè vỡ sọ mày ra, biết chưa?"

Rồi từ xó tối có tiếng xô ghé đứng dậy và gã thấy Phó Ngữ bỏ ra với cây gậy quen thuộc ở trên tay. Hai Hào vội vàng la lên:

"Ơ... ơ... đâu nào... Tôi chim ở đâu nào..."

Phó Ngữ hét lớn:

"Ông biết rồi, ông biết tổng ra rồi..."

Nói rồi lão vụt cho Hai Hào một gậy. Gã co chân ù té chạy. Lão già vùng lên đuổi theo. Giọng lão oang oang trong cái im lặng của đêm về xóm Cỏ:

"Bố thằng Hai Hào biết chưa... ông mà túm được thì ông rút lưỡi, biết chưa?"

Chính vì hành động nóng nảy của Phó Ngữ, con Đào sợ không dám về nhà tối hôm ấy. Hai đứa vì cùng chung hoàn cảnh và đương bị tình yêu mê hoặc nên liều:

... Đến quá nửa đêm lúc gã còn đang thao thức về số phận người yêu thì có tiếng cạy cửa và tiếng gọi thì thào:

"Mình ơi!"

Hai Hào bật dậy. Gã nhẩy bỏ ra tháo cái then cửa. Gã nom thấy Đào đứng ở dưới chân lão Hói, giọng gã xuyt xoa:

"Sao? Mình có "nằm" sao không? Có đau không?"

Đào lắc đầu:

"Tôi không về. Nom thấy ông ấy đuổi mình, tôi đi tuốt ra đường cái rồi vòng lối giếng về đây. Mình có... bị gì không?"

"Không, tôi nhanh chân chạy được".

"Khổ quá... thật là mình khổ vì tôi".

Hai Hào vội vàng bịt lấy miệng người yêu:

"Khỉ "nằm" nữa. Đã yêu nhau rồi mà mình cứ khách khí. Tôi khổ thế chứ, khổ nữa vì mình tôi cũng cam".

Đào cảm động ôm chầm lấy gã. Gã diu nàng đi vào bóng tối... Có tiếng chuột chạy rinh rích trên rui nhà. Một lát có tiếng Đào dấy lên:

"Đừng mình ơi!... Tôi van mình".

Rồi Đào im bật, chỉ còn tiếng ghé ngựa đu đi đu lại kêu cót két và tiếng Hai Hào thở mạnh như

*những lúc gã đạp xe chở nhiều đồ...*

*Rồi con Đào khóc, Hai Hào dỗ dành:*

*"Tôi 'nạy' mình. Đừng có khóc. Rồi mình 'náy' nhau, cần gì".*

*"Nhưng bố biết thì bố tôi giết".*

*"Biết 'nằm' sao được. Chốc nữa tôi đưa mình về thật sớm".*

*"Ngộ tôi chữa thì sao?"*

*"Chả 'nằm' sao. Mình 'náy' nhau rồi, tha hồ mà chữa!..."*

Tất cả những diễn tiến trong *Thêm hoang* dù là tình yêu hay sự xích mích giữa người này, kẻ khác, hoặc những nỗi u uẩn chứa chấp trong lòng từng con người thuộc xóm Cỏ đều được Nhật Tiến mô tả với lượng tri người cầm bút. Do đó, mỗi hành động, mỗi lời nói được cân nhắc để dẫn dắt người đọc đi vào không khí riêng biệt của câu chuyện. Cái hoàn cảnh xóm Cỏ, không phải hoàn cảnh mơ ước của con người, nhưng nó có đấy để chứng minh rằng, có nhiều cuộc sống khác nhau trong một không gian ước định. Tình yêu, đau buồn, oán giận, tủi nhục hình như lúc nào cũng quán quít để hành hạ mỗi người, thay vì thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau. Hình ảnh bác Nhan gái oánh lộn với Phó Ngữ chỉ vì muốn can thiệp vào chuyện con Đào với ý hướng tốt. Phó Ngữ vì giận con nên giận lây cả người muốn mang lại sự tốt đẹp cho gia đình mình. Trong lúc bác Nhan gái bị đánh tơi bời, đầu tóc rối bù, cúc áo sổ tung, bộ ngực hở ra thốn thện thì bác Nhan giai, mặt xanh như tàu lá, chân tay run lẩy bẩy co vợ ra ngoài vòng chiến.

Cuộc chiến tay chân vừa diễn xong, lũ trẻ đã thôi reo hò, khích động thì cuộc đấu khẩu giữa Phó Ngữ và con Đào lại xảy ra:

*"Đêm qua mày đi đâu?"*

*Đào mỉm cười gượng gạo:*

*"Tôi đi coi hát. Tích Điêu Thuyền".*

*"Điêu bằng mày không? Con đĩ ngựa! Đi coi hát sao mày không về?"*

*Mặt Đào vênh lên:*

*"Về chứ sao không về. Nhưng trời tối thui, tôi sợ ma, nên ngủ luôn ở nhà bạn".*

*"Ma cái con chó. Tao còn lạ gì... mày đi với thằng Hai Hào".*

*"Khắm chữa, hào với xu nào ở đâu mà cứ nói".*

*"Bộ mày tưởng tao đui hả? Tao nói cho mà nghe biết chưa, tao là tao không gả con cho đồ cu li cu leo ấy đâu".*

*"Cu li thì đã làm sao. Miễn là tốt thì thôi chứ".*

"Nó tốt mặc bố nó. Tao đã bảo không là không mà".

Đào vặc lên:

"Nhưng mà tôi ngủ với nó rồi!"

Môm Phó Ngữ đột nhiên há ra. Mắt lão trợn tròn nhìn cô gái quý. Tay lão sững sờ buông cái chén xuống đất khiến vỡ tan thành đồng thời miệng ngoác lên:

"Ồi giờ ơi... làm sao... mà làm sao với nó rồi?..."

Đào lí nhí:

"Ngủ rồi!"

Trước sự thực phũ phàng và không ngờ, Phó Ngữ chỉ còn biết rên rỉ những lời thảm thiết: "Ngủ rồi... ối con ơi... thế là con ăn cứt rồi! ..."

Như thế đó, cứ như thế, từ nút thắt nọ sang nút thắt kia, Nhật Tiến đã dần trải cơn đau trong từng dòng chữ nghẹn ngào. Việc con Đào và gã Hai Hào rốt cuộc cũng xong với "sự đã rồi" đặt Phó Ngữ vào đường cùng, không bằng lòng chỉ thiết. Trong khi đó, con thuyền tình của bác Tồn thả trôi lênh đênh giữa vũng tâm linh vẫn mong muốn đổ vào bến lòng nàng Huệ. Nghe tin Huệ đau ốm bác nhờ thằng Ích mua hộp bánh bích-quy đắt tiền mang biếu nàng với hy vọng sẽ được Huệ ban phát tình yêu. Nhưng bánh Huệ cứ lấy, yêu bác Tồn thì không, dù thân xác nàng lúc đó cũng chẳng còn gì cho thằng đàn ông mơ ước. Nào bệnh tật, nào nghèo đói, rạc ròi! Nhưng đâu bác Tồn có nhìn thấy sự thật đó, bác vẫn nhìn nàng qua lời mô tả rất gợi cảm của thằng Ích: *Da trắng, thịt thơm, môi son, áo đỏ và quần trắng*, pháp phớ ra vào lối ngõ.

Sự thực, màn bi kịch của tác phẩm không nằm ở các dữ kiện nói trên, mà nó xảy ra trong gia đình Năm Trà đi lính đóng đồn xa, vợ con ở nhà với mẹ già. Một buổi, người vợ trẻ của Năm Trà mua cho mẹ chồng và các con mỗi người một kỷ vật xong tuyên bố ra đi, vì không chịu nổi cơ cực quá lâu với cảnh phòng không chiếu bóng, trong lúc tuổi xuân chan chứa nhựa tình. Cảnh gia đình Năm Trà phút chốc bỗng biến thành địa ngục. Tuổi già không kiếm được tiền nuôi cháu, bà cụ phải đem ba đứa cháu nội mang cho nhà mồ cô, sau một đêm trắng khóc than tình đời! Cả ba đứa trẻ đều mặc quần áo mới do mẹ chúng mua tặng, đi theo bà đến một nơi mà tình thương nhân loại thay cho tình thương ruột thịt. Vì quá thương cháu và oán hận sự đòi tích lũy trong lòng già nên bà cụ phát điên.

Người đọc cảm thấy như trong hồn mình có một sợi dây vô hình thắt lại làm đau đớn toàn bộ thần kinh, qua lời văn chân thành và cảm động của Nhật Tiến. Nội dung tác phẩm *Thềm hoang* chảy loang như dòng lệ khổng lồ không bao giờ khô. Mỗi số phận được đề cập tới hình như đã an bài trong một bối cảnh khắt khe, để trở thành nỗi đau đứt ruột. Hình ảnh bác Nhan giai, ốm đau nằm nhà ăn bám vợ, thềm thịt bèn nghĩ cách bẫy chuột để nhậu nhưng chẳng may đang thui chuột, vợ về bắt gặp:

... Bác Nhan nhe răng cười một mình. Bác trói con chuột vào một cái cời bằng sắt và đem xoay tròn trên than hồng như thể người ta quay những con lợn. Mùi lông khét lẹt xông lên. Lớp da nứt nẻ toác ra thành những kẽ nhỏ, tiết ra một thứ nước vàng, chảy sè sè trên ngọn lửa. Bác lẩm bẫm:

"Khét một tí, nhưng cháy hết lông rồi thơm phải biết".



Vừa lúc ấy, bác Nhan gái trở về. Bác đánh hơi thấy mùi khen khét khác thường, nên vội vàng chạy bỏ xuống bếp. Nom thấy chồng đang cời trần trụi loay hoay với con chuột nham nhở, bác giậm chân tru tréo:

"Ồi giờ đất ơi... ông tính ăn thịt chuột đấy à?"

Bác Nhan giai giật bắn người, đứng bật dậy. Nom thấy vợ, mặt bác đỏ bừng lên như một người phạm tội bị bắt quả tang. Bác áp ứng:

"Ơ... thì thịt chuột ngon chứ..."

"Ôm ai người ta ăn thịt chuột... mà lại là chuột cống tởm thế này thì bố ai mà nuốt được..."

Bác Nhan giai vừa tức vừa giận, vội nắm lấy áo vợ chi chiết:

"Thì nói bé cái mồm chứ nào. Hàng xóm nó biết thì còn ra cái chó gì nữa!..."

Thế rồi vì con chuột cống hai vợ chồng đánh lộn, nhưng bác giai sức yếu bị bác gái đè lên trên. Cánh tay bác giai bị kẹp chặt và bộ vú của bác gái sò sè cộm trên ngực làm tức thở. Để rửa nhục luôn bác giai nói xẵng: "Ông sợ gì... đừng có trêu gan vào đây chứ. Sặc tiết lắm rồi đấy!" Trong khi đó, nhờ sự may mắn kỳ lạ, Huệ đã khỏi bệnh và bắt tình với một thằng Tây tên Jean, chung sống như tình vợ chồng. Cuộc tình này mang lại cho Huệ tiền và một đứa con (?). Bác Tốn nghe tin, buồn quá mua rượu nhắm với tô khô nhưng nỗi buồn cứ thấm sâu vào lòng bác. Say rượu, bác Tốn ngủ vùi, trong giấc mơ Huệ hiện ra đẹp đẽ, trắng nõn như bà đầm mà ngày xưa khi chưa đui bác nom thấy ở trên đường phố.

Rồi tới cái chết của u Tám, mẹ thằng Ích và con Ngoan. U Tám thất cổ chết vì xấu hổ có người chồng khốn nạn như dượng Tám, ăn cắp tiền và nữ trang của gái điếm để đánh bạc. Dượng Tám lừa Huệ bằng cách giả vờ mua xác thịt, chờ Huệ ngủ say mới đánh cắp. Từ phút này trở đi, anh em thằng Ích mất hẳn tình thương ruột thịt, để rồi thằng Ích cũng bắt đầu hư hỏng vì quân bài lá bạc. Và Huệ cũng lìa bỏ cõi đời trong lúc đang pha sữa cho thằng "Giăng". Bố nó đã về xứ trên chuyến tàu cuối cùng của Quân đội Pháp rời bỏ Việt Nam, sau 80 năm thống trị và 8 năm chinh chiến tổn hao bao nhiêu xương máu, vẫn không chiếm lại được thuộc địa.

Tác phẩm *Thêm hoang* được kết luận bằng sự trở về của Năm Trà trong bộ đồ lính nhóm nhếch cùng nét phong trần hiện rõ trên gương mặt với bà cụ điên không nhận ra con mình, vì sự vắng mặt của nó lâu ngày mới nên nông nổi. Đứng trước sự kiện đau đớn đó, Năm Trà cũng nổi điên luôn, gã trả thù đời bằng cách đốt nhà. Cả xóm Cỏ tan hoang trong hoả hoạn với tiếng kêu khóc thảm thương.

Rồi một trận mưa đổ dữ dội xuống đồng tro tàn như ông Trời muốn rửa sạch những nhơ bẩn của một khung cảnh khốn khó để tạo dựng một xã hội công bằng, hợp lý trong tương lai? Bác Tốn ôm thằng Giăng – con Huệ – vào lòng mà hôn, như hôn hình ảnh người yêu. Thằng Ích mơ tiếng sáo thay cho tiếng đàn trong dự tính kiếm sống ngày mai!...

*Thêm hoang* là bức tranh xã hội Việt Nam trong những năm cuối cùng có mặt Quân đội Pháp. Ở đây, nhà văn đã tận dụng những chất liệu do cuộc sống cung cấp để sáng tạo với kỹ thuật tài tình, sâu sắc. Nói cho đúng, nỗi vui buồn của cuộc đời nó hiện diện thường xuyên trước mặt mỗi người như mưa như nắng nên không ai để ý, nhưng khi nỗi vui buồn đó được viết ra dưới sự nhận xét và phân tích của nhà văn, nó trở thành đời sống khác, đời sống được nghệ-thuật-



hoá để tác động đến tâm thức người đọc qua môi trường văn học. Tác phẩm *Thềm hoang* đã chiếm Giải thưởng Văn chương Toàn quốc năm 1962 và tái bản đến 3 lần, nhưng không phải vì thế mà tác phẩm toàn bích, nó vẫn cho người đọc thấy tác giả hiện diện qua ngôn ngữ và suy nghĩ của vài nhân vật mà thực tế không thể có. Nhật Tiến, một tâm hồn đa cảm và có ý hướng dùng văn chương để trình bày thực trạng của một xã hội đã quá rách nát vì chiến tranh và nghèo đói. Nhật Tiến cũng biết rằng, cuộc đời chẳng thể nào thoả mãn được những nhu cầu của lý tưởng, ngay chính bản thân nhà văn cũng chẳng có gì đáng khích lệ trong địa hạt tinh thần. Sự kiện đó làm nhà văn phần uất khi nhìn thấy trong thực tế, những gì mình nghĩ, mình yêu quý nó chẳng có liên hệ, ảnh hưởng gì giữa nghệ thuật, tác giả và đời sống. Cái tâm trạng bi thương ấy, được biểu lộ trong tác phẩm *Người kéo màn* (1962).

*Người kéo màn* được viết với hình thức tiểu thuyết kịch, tức là dùng đối thoại để tạo hình ảnh và động tác tâm lý nhân vật thay vì dùng khuôn thức diễn tả thông thường. Phương pháp trình bày cũng gần giống như phương pháp viết kịch nhưng, thay vì kịch, các nhân vật chỉ nói và diễn xuất trong kịch thước sân khấu, thì nó lại trải rộng ra giữa cuộc đời, các nhân vật được tự do đóng "vai trò thực" của mình trong một vị trí đã dành riêng cho họ giữa những trang sách.

Đời là trường kịch, Molière đã nói như vậy. Mỗi kẻ sinh ra đều phải chơi đúng vai trò của mình với phần vụ và trách nhiệm mình bạch. Kẻ nghệ sĩ, ngoài hoạt động thường nhật như mọi người, còn có một đời sống bên trong, đời sống của nội tâm cần phải tỏ bày. Cái chức năng của nghệ sĩ là vì đời mà dâng hiến những tinh hoa của riêng mình. Sự dâng hiến không phải để cầu xin ân huệ, mà phải được quyền tham dự vào sự dâng hiến đó. Nhưng việc đời đâu có giản dị như vậy. Nó được bủa vây và ngăn trở bởi những điều kiện thực tế, nghệ sĩ khó kinh qua, thản như có kinh qua được, khi nhìn lại, cũng đã mất mát ít nhiều vốn liếng riêng tư.

Tác phẩm *Người kéo màn* đã nói lên sự thật, cái sự thật vô cùng chua xót mỉa mai khi nhìn thấy công trình sáng tạo của mình không còn thuộc về mình nữa. Nó được thành hình với những tiện lợi, với sự lợi dụng lẫn nhau để mưu mô quyền lợi riêng. vở kịch đem lên sân khấu, không do giá trị thực của nó, mà phải đi qua nhiều sự thực, không dự trừ trong ý nghĩ nhà văn.

Nội dung *Người kéo màn* được trình bày như một bất lực của nghệ thuật mà người nghệ sĩ luôn luôn mang vác đáng chàng Từ Thức cô đơn. Những khuôn mặt trình bày trong tác phẩm đều được vẽ rõ, rất rõ với nét chì đậm để người đọc nhận thức về phần mình từng chi tiết và hoàn cảnh biến động thích hợp. Tác giả chỉ còn là cái bóng mờ mờ, mờ nhạt trong hoạt cảnh sân-khấu-cuộc-đời. Nó có đó chỉ để phủ nhận vai trò của mình trong phạm trù đời sống. Nội dung *Người kéo màn* trình bày cái thế đứng của nghệ sĩ với nhân vật "tác giả" qua lời đối thoại:

... Thiếu phụ áo đỏ: *Vậy sao người ta không thể sống vô tư được. Chính sự vô tư mới là điều cần thiết để cho cuộc đời có ý nghĩa hơn. Và cuộc đời cũng chỉ cần những kẻ vô tư như vậy thôi.*

Tác giả: *Bởi thế anh chỉ là kẻ đi cúi đầu mà không dám ngừng lên. Anh không được bằng tất cả mọi người.*

Thiếu phụ áo đỏ: *Mình lại sắp sửa tự mâu thuẫn. Thôi em chán ngấy lên rồi. Mình đứng dậy đi. Sắp đến giờ trình diễn.*

Tác giả: *Anh chưa muốn đến. Anh chưa muốn phải chứng kiến những nhân vật trong vở kịch đã bị ruồng bỏ trong ý nghĩ của anh.*

Những bản thảo, nổi khắc khoải trong tâm cảm kẻ sáng tạo là đã đoán thấy, nhận biết về mình những thiệt thòi. Vỡ kịch được trình diễn không do mình chủ động, các vai trò cũng không do mình đào tạo, cả khán giả nữa, cũng không vì tác giả mà có mặt. Bởi vậy, giữa kích thích một sân-khấu-ước-lệ, hay sân-khấu-cuộc-đời không thể nhận định được đâu thật, đâu giả? Chiếc màn nhung đỏ ngăn cách giữa khán giả (cuộc đời) và sân khấu, chỉ là một cản trở tạm thời, cũng như sự cách biệt giữa sân khấu và hậu trường chỉ là hai trạng thái của một khung cảnh. Chính vì người đời không nhìn rõ nên cứ đinh ninh: nó là sự cách biệt thực sự, nó không cùng chung ước lệ với cuộc sống bình thường.

Những nhân vật: Nghĩa, Nga, đạo diễn, nhà Mạnh Thường Quân, lão già kéo màn, đứa bé, chàng nhạc sĩ thổi Clarinette, v.v. đều xoay quanh cái trục của ngộ nhận, mâu thuẫn và bi thảm đang hiện hữu giữa đời sống.

Sự mất thăng bằng trong tâm trí vai tác giả, chỉ để trình bày nỗi phẫn nộ và tuyệt vọng của thân phận. Kẻ nghệ sĩ như người mắc bệnh mộng du, luôn luôn sống trong ảo ảnh:

*... Hắn thấy mình ngập lặn trong sự nhục nhã. Bàn tay sờ lên người hắn, khiến hắn có cảm giác như đang bị quán bởi thân hình mềm mại của một con rắn độc. Con rắn quán cứng lấy vai hắn. Hắn mím môi lùi lại. Tất cả mọi cái ghê tởm đều xô hắn đến đường cùng. Hắn nghĩ: "Giá mình có một con dao". Với con dao hắn sẽ cắt da thịt của hắn, nhưng không phải để gột rửa sự ghê tởm mà để hành hạ mình...*

(Người kéo màn, trang 38)

Cái bi kịch nội tâm đã dồn nhân vật vào ngõ cụt. Những nhớ bản do cuộc sống đưa lại, mình không từ chối được, mà dùng nó như hình phạt, để tự giày vò trong một cảnh ngộ chán chường, giữa giấc hôn mê:

*... Ô! Phải rồi! Mình đã từng đọc ở micro. Nhiều người ồn ào... Chắc người ta vỗ tay! Hắn cảm thấy sung sướng như một đứa trẻ. Hắn châm diêm đốt một điếu thuốc. Ánh lửa sáng lên soi khuôn mặt phờ phạc của hắn rồi tắt ngấm ở hai bờ môi. Người phu xích-lô ghé xe lại phía hắn.*

Người phu xe: "Đi" không cậu? Có chỗ này hay lắm!"

Tác giả: "Hay thật không?"

Người phu xe: "Ồ, còn phải nói! Tuyệt!"

Tác giả: "Đó tôi biết mà! Tác giả là tôi đấy".

(Người kéo màn, trang 40)

Lời đối thoại thật chua chát, mỉa mai như những nhát búa đập mạnh vào cân não. Trong khi đó các nhân vật khác cũng đang đóng trò, đóng trò thật sự trong hậu trường giữa đạo diễn và nhà Mạnh Thường Quân, giữa ông lão kéo màn và đứa bé, giữa Nghĩa và Nga, giữa gã nhạc sĩ và mối hờn ghen đau nhói.

Rồi cơn mộng du đưa tác giả vào cuộc sống thực trong kích thích một cái bar có rượu và gái. Ở đây, tác giả đóng vai diễn viên đồng thời cũng là kẻ sáng tạo. Hình ảnh đứa bé hoang và cô

gái tên Hằng, không còn là một kỷ niệm mà trở thành một chứng tích hiển nhiên đang vây quanh, sống động đâu đây. Cứ thế lần lượt, mọi diễn viên đều ra trò, dù ở sân khấu hay hậu trường hoặc trong phòng hoá trang với bao nhiêu bỉ ổi, nhơ nhuốc. Cuối cùng, Nhật Tiến cho người đọc nhận thấy chủ đề của cuốn sách: *Đừng bao giờ trông đợi kẻ khác thương mình, giúp mình một cách bất vụ lợi và nghệ sĩ nói chung, lúc nào cũng là kẻ cô đơn, chịu thiệt thòi, dù ở sân khấu nào cũng vậy!*

Với những suy nghĩ miên man về xã hội, sau tác phẩm *Người kéo màn*, Nhật Tiến vẫn sáng tác theo lương tâm mình qua cuốn: *Ánh sáng công viên* (1963), *Chuyện bé Phượng* (1964), *Vách đá cheo leo* (1965), *Chim hót trong lồng* (1966), cho đến tác phẩm *Giác ngủ chập chờn* thì Nhật Tiến đã ném suy tư của mình vào vùng lửa đạn. Hình ảnh chiến tranh mới thật sự làm Nhật Tiến rung động. Nhưng, sự rung động ở tác phẩm *Giác ngủ chập chờn* không phải là một thái độ nhập thế mà nó vẫn do tình thương dẫn lối. Cái bối cảnh Nhật Tiến chọn lựa để hình thành suy nghĩ, nó là một bối cảnh sống dở, chết dở của những con người vật vã giữa hai lần súng đạn với oán thù giăng mắc ngày đêm. Con người hoàn toàn bất lực trước cảnh huống bị thương mà lịch sử đang có nhiệm vụ thi hành.

Chân dung lão Đối với khung cảnh áp Vĩnh Hựu, nơi lão đã sinh ra, sống ở đó gần chót đời với bao nhiêu thương mến mà giờ này nó trở thành bãi chiến trường của hai vùng Quốc - Cộng. Họ săn đuổi nhau, bắn giết nhau và quyết không đội trời chung ngay cả với những người liên hệ tình ruột thịt. Lão Đối sống vật vờ với hình ảnh thằng Đực đi theo bên "ngoài". Lão không muốn, nhưng nó đã bị móc nối ra Khu rồi trở về làm du kích xã. Thỉnh thoảng nó về ấp công tác, ghé thăm nhà để ăn một bữa no nê vì "ngoài" đói quá. Còn trường hợp thằng Há vì cơn nóng giận bắn chết người Trưởng đoàn Dân vệ, sợ tù, ăn cắp súng trốn ra Khu, khi nghe tin anh ruột lấy người yêu của mình đã viết thư cho anh: "*Nghe tin anh lấy con Thu. Nó là người tình lý tưởng của tôi. Tôi thể không đội trời chung với anh đó*". Anh nó tên Hoanh, lính dân vệ đóng đồn ở gần nhà. Nàng cười, cho Há còn con nít biết gì mà yêu đương. Hoanh khoẻ mạnh đẹp trai, Thu mê hơn. Nhưng đau đớn thay, Há trong chuyến trở về đánh đồn, lợi dụng lúc anh vắng nhà đã chui vô mừng chị dâu và cái gì đến đã phải đến. Và sau này trước khi chết, một lần chót, hẳn lại làm một tên vô luân đối với anh ruột. Trong *Giác ngủ chập chờn* không phải chỉ có thế, còn rất nhiều hoàn cảnh khốn nạn đã xô đẩy con người vào mục đích khốn nạn, như thằng Bình, thằng Sách, thằng Xương, thằng Hiệu, thằng Viễn, thằng Nam, thằng Tố, v.v.

Lão Đối tượng trưng cho người dân quê mến yêu mảnh đất chôn nhau cắt rốn đến chết không rời, thế mà cũng cảm thấy xa lạ ngay cả với quê hương mình. Đêm lão lắng nghe từng nhịp chân, từng tiếng động, vì nó liên hệ đến mạng sống của con lão và bà con thân thuộc trong Ấp. Cũng từ ngày chiến tranh thật sự xảy ra, lão Đối trở thành quyền sở hộ tịch ghi chép số người ngã xuống. Ấp Vĩnh Hựu chẳng phải chỉ có mình lão Đối vì mảnh vườn, thửa ruộng mà gánh chịu nhục nhằn, còn nhiều người khác cũng vì nó sống chết, như mẹ anh Lầu, nhất định không vào ở trại gia binh.

... Nhiều lần Lầu nài nỉ lấy cớ ở nhà có khi nguy hiểm để thuyết phục bà cụ thì cụ chỉ đáp một cách thần nhiên:

"*Nguy hiểm cái gì? Ai bắn, ai giết được tao. Chúng mày là Quốc gia, chúng mày có bắn không? Còn Cộng sản à? Thì bọn thằng Há, thằng Đực, thằng Bình, lũ con cháu trong nhà chớ ai?"*

Lầu cãi lại:

"*Nhưng tụi nó ngày xưa khác, bây giờ khác. Bây giờ chúng nó cầm súng giết người như ngoé, bọ chỉ có má là tụi nó thương sao?"*

"*Tao chẳng cần đũa nào thương hết. Mà điều khi không rồi tụi nó xách súng đến bắn tao đó chắc?*"

"*Nhưng tên bay đạn lạc biết thế nào mà lường*".

"*Ui chao! Tên bay đạn lạc. Nếu cái số nó có bị tên bay đạn lạc thì dù mày có chạy đi đâu cũng vẫn bị như thường*".

Rồi cụ chộp miệng:

"*Ui, thôi đi! Nhà tao, tao ở. Nếu có chết tao cũng được chết ở đây, nơi quê cha đất tổ. Ai ăn nhằm cái gì mà lại đại dột bỏ đi đâu...*"

(*Giác ngủ chập chờn, trang 62*)

Bà cụ Lầu, lão Đồi và tất cả những người già cả khác ai cũng nghĩ như vậy, nên các cụ thường nói:

"*Tụi bây muốn giết nhau ở đâu thì giết, nhưng cấm bắn nhau ở trong các ngõ ngách này. Chẳng dầy mơ cũng rẽ má, ít nhiều gì thì tụi bây cũng có liên hệ gia đình, ruột thịt hay quê hương. Giết nhau trên phần đất của ông cha là nhục nhã. Tao bảo không nghe thì đừng hòng vô xin cơm nước gì nữa hết...*"

(*Giác ngủ chập chờn, trang 63-64*)

Điều răn dạy trên chẳng được đũa nào nghe theo, cũng như lão Đồi đã nhiều lần nói với thằng Đực: "*Mày theo ai thì kệ cha mày. Mà điều đi theo đây thì còn đôi giày, cái áo mà bạn, chớ mày qua bên đó, chết trần, chết trường ai thương!...*"

Thằng Đực nào có nghe, khi đói nó mò về ăn cơm bố xong lại xách súng theo bên kia, để rồi mê Ván, nữ cán bộ lãng mạn bỏ chồng, có nhân tình, coi sự chung đụng xác thịt là chuyện thường. Đực u mê trong vấn đề tình ái, sau một lần hoà vui nhục thể. Ván xa Đực một thời gian khá dài, lúc gần sinh nở thì cho người liên lạc với Đực. Nghe tin, Đực đi cả ngày đường tới thăm và được Ván sai mua một lô thuốc để chuẩn bị ngày lâm bồn, trong khi chưa biết chắc đã phải giọt máu của mình.

Đực làm gì ra tiền. Một đêm tối trời, trở lại nhà để làm khổ lão Đồi:

... Một lát sau, Đực tỏ lộ cho lão Đồi tất cả tâm sự thầm kín của mình. Rồi gã kết luận:

"*Các thứ thuốc cần dùng có ghi cả trong mảnh giấy đó. Tía cố lo mua giúp giùm tôi. Ở chợ không có thì lên quận, mà quận không có thì lên tỉnh*".

Lão Đồi hậm hực, vặc lên:

"*Tổ cha mày, mày làm như tao phải chịu tội đi hoang cho mày không bằng*".

Đực giận dữ:

"*Hoang cái gì chứ. Bộ tía tưởng tôi coi nó như loại người mèo tha, quạ mổ ngoài giữa lộ sao.*"

*Nói cho tía hay, tôi lấy nó làm vợ đó".*

*"Mày lấy ai thì mặc cha mày. Mà điều đừng có ỉ eo gì với tao".*

*"Thì dẫu sao nó cũng là con dâu của tía mà".*

*"Dâu với dia gì. Mày ưng nó, mày ngủ với nó, mày có hỏi tao lấy một tiếng không?"*

*"Thì bây giờ tôi hỏi đó".*

*"Rồi nếu tao không ưng thì mày tính sao?"*

*"Chèn ơi! Thờ buổi này mà tía làm như hỏi tía còn xuân xanh. Chuyện vợ chồng thì chỉ mình tôi ưng là đủ chứ..."*

*(Giác ngủ chập chờn, trang 169)*

Nhưng nói gì thì nói, vì tình thương đưa con duy nhất, lão Đồi vẫn phải thu vén được hơn hai ngàn, tiền dành dụm bao lâu lên phố chợ mua thuốc đã ghi trong mảnh giấy. Ấc thay, các loại thuốc hỏi mua, đều thuộc loại đắt tiền và thuốc cấm, nên phố chợ không có, lão mò lên tỉnh. Sau khi mua được thuốc, trở về bị bắt vì tin đồn lão đi lòng mua trụ sinh tiếp tế cho bên "ngoài", mặc dầu lão phản đối om sòm.

Trong *Giác ngủ chập chờn*, Nhật Tiến đã phóng hồn vào khung trời sáng tạo, ở đó, tất cả mọi suy tư, mọi cảnh ngộ biến động, mọi xót thương, oán thù đều ở ngoài chiều kích sống của nhà văn, nên sự có mặt của Thư, người đàn bà nhà quê hư đốn, khi chồng vừa đăng lính biệt kích Mỹ đã có ý định ngoại tình, và chuẩn úy Dũng với vòng đai đòn, không mấy tương phù với thực tế. Cái sống, cái chết của những sinh vật có mặt chập chờn trong vùng "xôi đậu" sự thực nó có thể thâm, nhưng không thể có mẫu người như Thư, như Há. Trong tiểu thuyết nhà văn có quyền viết ra những gì mình muốn và chỉ dùng như biểu-tượng-cuộc-đời để tỏ bày ý nghĩ.

Tác phẩm *Quê nhà yêu dấu* cùng mang chung ước lệ như *Giác ngủ chập chờn*, nó chỉ khác qua những khuôn mặt thơ ngây của Thu, của Hương, của Hạnh, thằng On, thằng Tư, v.v. là lứa tuổi nạn nhân chiến tranh.

Những nhân vật của *Quê nhà yêu dấu* cũng bám riết lấy quê hương như bám vào nguồn sống thiêng liêng cao cả. Ôi! Quê hương yêu dấu, quê hương Việt Nam đã bao lần tan nát, còn tan nát đến bao giờ? Những bờ tre, bụi chuối thân yêu, những mái gianh êm đềm chung vui hạnh phúc, những đêm trăng, sao mến yêu làm vậy? Nay đây, từng khuôn mặt trẻ thơ vô tội, thay vì được đi học, được nô đùa vô tư, được nghe kể chuyện cổ tích, được sống những giờ phút thanh bình nhưng chiến tranh làm thui chột tất cả, làm vỡ tan tất cả để chỉ còn lại xơ xác, điêu tàn! Hình ảnh lão Bầy trong *Quê hương yêu* là hiện thân của lão Đồi trong *Giác ngủ chập chờn* và các tên như Huấn, Bằng, Hiếu, v.v. vẫn mang tâm trạng và hình thức như Há, Đực, Hoanh trong vòng đai Ấp Vĩnh Hựu giữa bối cảnh lịch sử này. Trong *Quê hương yêu dấu*, Nhật Tiến viết nhiều đoạn thật cảm động với con Hương bị mất một chân vì mìn trong chuyến đi xe hoả, đi theo mẹ lên tỉnh. Nhưng Hương còn bé quá chưa biết oán trách chỉ cầu xin cho có phép lạ nào, hoặc bà tiên trên trời làm ngưng tiếng súng để không còn một chuyến tàu nào bị mìn và bom đạn thô rơi xuống đồng quê!

Niềm mơ ước đó, tiếc thay, chỉ là mơ ước của tuổi thơ, quê hương yêu dấu vẫn bị chiến tranh vò nát mỗi giờ phút và kẻ đi vào chiến trận nhiều khi được bình yên, kẻ ở nhà lại gánh chịu tang



thương, chết chóc. Do đó, *tình yêu thương không có chỗ dừng chân và kịp nảy nở ở các thôn xóm chẳng may thành bãi chiến trường và ai biết được trên những vẻ mặt kia, mọi cảm xúc đã nguội lạnh như hòn than nóng bỏng bị chìm sâu đáy nước! Và âm thanh dữ dội của những cuộc giao tranh, từ trên trời trút xuống, từ dưới đất bùng lên, chát chúa, rền rĩ, liên tục đã giết chết những khả năng nghe và nghĩ của lũ trẻ không may trót đầu thai vào vùng lửa đạn!*

Nghi ngờ, thù hận hình như lúc nào cũng lôi cuốn mỗi số phận vào guồng máy của cuộc chiến không thuộc về mình và những cái chết vô danh thảm thương làm mồi cho cá. Những đôi chân bị tàn tật vì mìn, chông và từng cơn đói khát đã làm con người trở thành thú vật. Cả tình yêu nữa, cũng gây nên bi thảm trong lòng người lớn và trẻ thơ như trường hợp chị Huấn chồng đi vắng lâu ngày, không chờ đợi được, nên đã lấy chồng khác. Khi đưa con thắc mắc, chị trơ trẽn cho rằng chuyện đó không liên quan gì đến con nít. Rồi sự trở về của Hoàn, bố thằng Tư, người lính chiến cụt chân, phải chứng kiến cảnh quê nhà gai góc và nắm mộ của đứa con chưa xanh ngọn cỏ! Cánh bướm nào đó, những cánh bướm của mộng mơ đang bay chập chờn trong tiềm thức con Thu, con Hương hay con Hạnh cũng chỉ là ảo tưởng! Và mẹ Phước kia nữa, vì lòng thương con, đưa con theo "ngoài", vẫn hàng ngày tiếp tế cho nó nắm cơm treo lên cành cây ở đầm Tròn!

Tất cả vì quê hương, cho quê hương, nhưng cuối cùng mọi người cũng phải bỏ nó để đêm đêm nhìn về qua đóm mắt hoả châu soi sáng chiến trường. Trên một ngọn đồi cao, hàng trăm con người biến thành trăm cây cột gỗ vô tri trồng tua tủa trên nền đất khô cằn, hướng về phía quê hương đang cháy đỏ. Họ im lặng, thứ im lặng của phần nộ hay tủi sầu nào ai đoán biết?...

Luôn luôn và lúc nào Nhật Tiến cũng khơi động tình thương người, thương mệnh nước. Sự đắm chìm vào cơn cuồng loạn của đục tình đầu đó, trong truyện của Nhật Tiến chỉ là để thoả mãn thị hiếu chứ nó không phản ánh trung thực nếp suy nghĩ của nhà văn. Tập truyện *Giọt lệ đen* (1968) hay *Lá chúc thư* (1969) cũng chỉ để nói lên tình thương ẩn nấp tự đáy thăm của một tấm lòng đầy vị tha, bác ái.

Cái khung trời Nhật Tiến mơ ước, thật hiền hoà và trong sáng. Nó là ánh mắt tinh khiết của em bé thơ ngây. Nó là một bàn tay nồng ấm của tình mẹ thương con. Nó là tiếng cười pha-lê của tuổi ngọc. Nó là tiếng chim hót đầu cành nắng sớm. Nó là cánh bướm bay thênh thang ngoài nội cỏ. Nó là tiếng sáo diều vi vút giữa chiều tà trong không gian hiền hậu. Nó là tình người mến thương quán quít. Nó là tất cả những gì mà nhân loại ước mơ: hoà bình, thân ái. Chính vì chân thành với nguyện vọng của mình nên Nhật Tiến đưa suy nghĩ vào tuổi nhỏ. Cái vườn đời xinh tươi ấy dù có bị cuộc đời xung quanh vây hãm bằng ti tiện, đê hèn, giả dối và cả đau buồn của chiến tranh nữa, nhưng trong nó vẫn còn giữ lại được những gì mà người lớn đã đánh mất.

Tác phẩm *Tay ngọc* chứng minh điều trên. Nội dung *Tay ngọc* không mang một ẩn dụ nào về tư tưởng, chỉ là những ý nghĩ hồn nhiên, hiền hoà như một dòng suối trong suốt chảy từ triền cao của ý thức. *Tay ngọc* gồm 18 bài bút ký, mỗi bài gói ghém một vấn đề của tuổi nhỏ đã sống gần gũi Chúa trong khuôn khổ giáo dục của các mẹ bề trên. Những cảnh tượng mà tuổi thơ nhìn thấy với cảm nghĩ tuyệt băng, đã đánh thức tự đáy lương tri của mỗi cá nhân trong tập thể nhân loại, sự hối hận và ăn năn do lòng ích kỷ tạo nên. Trong bài đầu, Hạnh, một nữ sinh 16 tuổi, học cours troisième, nội trú trường Thánh Mẫu đã kể cho Mẹ Bề Trên nghe sự khốn cùng của những đứa bé xấu số được thu nhận vào Cô nhi viện. Chính vì được chứng kiến, nên Hạnh nhiệt thành xin một em bé khốn khổ nhất để làm chị đỡ đầu và nguyện đem hết khả năng sẵn có, giúp cho em đó vài tia hy vọng.

Nhưng không phải tuổi thơ nào cũng có lòng thánh thiện như Hạnh cả đâu, cũng có em thích ở nhà nghe bande nhạc như Diễm Hương. Lòng vị tha ở Hạnh, dưới ngòi bút Nhật Tiến, như một

lý tưởng quá cao trọng, chẳng phải không có ở cõi đời này, nhưng rất hiếm. Nó hiếm như một tia nắng rơi giữa lòng giếng sâu khô cạn. Sở dĩ Hạnh kiên trì làm việc tốt vì có hướng dẫn của "ma soeur":

*"Đừng có sợ hãi trên con đường khổ nhọc mà mình đang đi không có bạn đồng hành. Cái khó là ở chỗ mình biết giữ gìn đức tin cho đến phút kiệt lực, phút cuối cùng, phút mà lòng cảm thấy nguồn vui của một kẻ đã đem hết khả năng của mình ra phụng sự cho những điều tốt đẹp".*

Lời nói trên là một phương châm, là kim chỉ nam cho mọi tấm lòng hướng thiện, chẳng cứ gì "ma soeur" nói ra, mà ở bất kỳ cơ quan từ thiện nào, dù Công giáo hay Phật giáo đều khuyên như vậy. Phật nói: *Nước mắt chúng sinh đã ngập ba ngàn thế giới*, cũng hàm chứa tình thương lai láng và mong cứu vớt con người ra khỏi bể trầm luân.

Không khí nội trú của trường Thánh Mẫu với đường lối giáo dục nghiêm khắc, ở đó, trước hết phải tin có Chúa, sau đây phải tôn trọng lời Chúa dạy, nhưng cũng có những nữ sinh như Thu Cúc phản ứng bất ngờ trước "ma soeur" Cécile rằng mình là kẻ ngoại đạo, nên không thuộc Thánh Kinh. Và rồi mặc cho Hạnh thuyết phục, Thu Cúc vẫn cứ tin: *Tất cả chỉ là bề ngoài giả dối!* Nhưng không vì ý nghĩ của Thu Cúc mà Hạnh nản chí. Cô nữ sinh bé nhỏ ấy, vẫn vì lý tưởng của mình tận tình săn sóc đứa trẻ mồ côi, tật bệnh. Khung cảnh nội trú đôi khi cũng sôi động, biến chuyển qua mỗi trường hợp, mỗi vấn đề dù thuộc học vấn, giáo lý hay xã hội. Vì con người không phải ai cũng thánh thiện hoặc muốn trở thành thánh thiện, do đó, Nhật Tiến đã thực hiện tác phẩm với tâm lý nhân bản, bởi lòng thương ghét còn tùy ở cái *Tâm* mỗi người.

*... Dẫu sao, chúng con sẽ còn cố gắng thật nhiều nữa, để vun trồng lấy một bông hoa, một bông hoa quý báu nhất trong tất cả mọi bông hoa trên đời mà con đã được gặp. Bông hoa sẽ chào đón một tâm hồn bé bỏng đi vào một thế giới khác, ở đó không còn có mặc cảm, không còn có sợ sệt, rụt rè, đau khổ hay thiếu thốn.*

*Thưa Mẹ Bề Trên, bông hoa quý báu ấy chính là nụ cười hồn nhiên trên đôi môi bé bỏng của Thục vậy! ...*

(*Tay ngọc*, trang 183)

Hạnh bằng lòng với nguồn vui của đời mình do mình sáng tạo. Nó là tình yêu trên tình yêu, là đời sống trên đời sống. Nó bất rã, đâm chồi nảy lộc trong mọi suy nghĩ và hành động. Nó làm con người cảm thấy như mình được nâng bổng lên vùng trời thanh khiết, ở đó, sự hãnh tiến của đời sống nằm trong nguồn sáng láng của tình thương tuyệt vời. Chính vì lẽ ấy, nên Hạnh đã cảm hoá được Thu Cúc và Sơn – người tình của Cúc – tham gia vào Hội Tình Thương sau này.

Nhật Tiến, nhà văn đôn hậu, luôn luôn hướng suy nghĩ của mình vào những điều tốt. Sự thảm khốc nào đấy do chiến tranh gây nên, đều được Nhật Tiến mô tả qua khía cạnh xót thương, cùng sự bất lực của con người trước hoàn cảnh. Nhật Tiến không dùng ngòi bút của mình để cổ xuý cho hành động bất nhân, dù sự bội bạc và phản trắc của đời sống đã khắc sâu vào tâm khảm nhà văn những chứng tích. Cũng mang tâm trạng kẻ lưu đày bất đắc dĩ giữa thực tại, qua hình ảnh gã nông dân Lỗ Ma Ni trong tác phẩm *Giờ thứ hai mươi lăm* của Gheorghiu, Nhật Tiến bị ám ảnh, giãy giụa trong mỗi suy nghĩ về thân phận con người trước cường lực, trước bất hạnh. Nhà văn cố gắng chống lại cái giờ thứ hai mươi lăm đó, bằng cách níu lại chút tình người, giữa cơn phá sản tinh thần, chẳng những do chiến tranh, còn do sự ngờ vực, đay đoạ lẫn nhau, trong một thế giới đang đi dần vào tuyệt vọng!...



## Trích văn Nhật Tiến

...Trời bên ngoài đã tối hẳn, căn buồng chật hẹp của Huệ chìm trong im lặng, cụ Chín mới đi hàng về đã rửa ráy bì bõm ở ngoài chum nước. Một lát cụ trở vào thắp cho Huệ cây đèn dầu đặt trên mặt bàn. Ánh sáng hiu hắt toả mờ mờ lên nếp vách. Huệ lấy cuốn truyện định đọc nhưng xem thấy mỗi mắt nên lại ném xuống. Nàng im lặng nằm nghe tiếng bà cụ dò dẫm một mình trong bóng tối. Có tiếng cụ mở nồi cơm lạch cạch và tiếng bát, thìa, va chạm nhau. Một lát sau có tiếng nhai lép nhép, nhỏ nhẹ. Từ lâu, Huệ đã quen với sự im lặng của cụ, ngay cả khi Huệ ốm nằm trên giường bệnh. Công việc của cụ hằng ngày có thêm việc khép cửa cho Huệ ngủ muộn, hạ bức chân gỗ xuống cho nắng khỏi chiếu vào đầu giường và buổi tối thắp hộ Huệ cây đèn dầu trên mặt bàn. Rất hoạ hoàn Huệ nghe thấy cụ hỏi thăm mình. Chỉ có những đêm Huệ ho rũ rượi và nằm rên một mình thì cụ mới trở dậy, dò dẫm đến bên đầu giường, sờ soạn:

"Có dầu đây cô này!"

Mắt Huệ mở to tìm cụ trong bóng tối lờ mờ. Huệ nom thấy khuôn mặt héo hoạn nạn và cần cổ của cụ chập chờn trước mắt như một bóng ma. Nàng nắm lấy bàn tay xương xẩu của cụ. Hai người lần trao cho nhau hộp dầu con hổ, rồi cụ lại lằm lũi trở vào, sau khi khêu cho Huệ ngọn đèn đã lụi tắt. Có lần Huệ muốn tỏ sự biết ơn của mình, nên hỏi thăm vu vơ:

"Hôm nay bán hàng được không cụ?"

Bà cụ nhìn Huệ, cái nhìn ngụ ý như trả lời, rồi mỗi người lại theo đuổi một ý nghĩ riêng. Sự cô độc ấy của cụ khiến Huệ ví cuộc đời cụ như cuộc đời của một con chó lang thang ở ngoài bãi hoang nơi mà dân xóm Cổ đồ rác và các thứ hôi thối. Chúng nó sống rất dai dẳng, thiếu thốn và đầy chịu đựng. Sự chịu đựng có thể sánh ngang với bà cụ ở chung nhà với Huệ. Những đêm không ngủ, nghe tiếng cụ đập muỗi liên hồi trong bóng tối, Huệ nghĩ sao bà cụ không chết quách đi, tâm hồn sẽ được mát mẻ biết bao. Ý nghĩ ấy làm Huệ tưởng đến sự sống của mình. Thật ra thì cuộc đời Huệ cũng chẳng vẻ vang gì hơn.

Bệnh tật khiến nhan sắc của Huệ phai tàn một cách mau chóng. Hai gò má nhô cao lên, cặp mắt trũng sâu xuống. Hơn nữa, điều đáng lo nhất của Huệ là bộ ngực cứ teo lại, rúm ró như một mớ da vô tri giác. Nhiều hôm Huệ khóc thút thít một mình, nàng coi tất cả là một tai hoạ lớn lao đang đe dọa miếng cơm, manh áo.

\*

Bác Tôn biết tin Huệ ốm vào lúc ngồi ăn cơm ở nhà bác Nhan. Cái Hôn nói:

"Cô Huệ thuê con hai đồng để giặt hộ cho cô ấy bộ quần áo".

Bác Nhan gái buông đôi đũa của mình xuống mâm, chửi đồng một câu:

"Tiên nhân cha còn bỏ mẹ, lặn vào chỗ ấy để vi trùng nó ăn luống phổi mày ra à?"

Cái Hôn tưởng sẽ được khen vì số tiền nó kiếm ra lần đầu trong đời nó, không ngờ bị chửi nên mặt sưng lên. Một lát nó buông bát dầm dãi đứng dậy. Mâm cơm vui vẻ đột nhiên im lặng đến khó chịu. Mọi người chỉ nghe thấy tiếng nhai ở trong mồm nhau. Mặt bác Tôn trở nên trầm ngâm và buồn bã. Mắt bác nhắm nghiền hẳn lại, bờ môi hơi trề xuống, vầng trán thấp thoáng mấy nếp nhăn. Bác hình dung thấy Huệ mệt mỏi nằm sau làn chăn trắng, cặp mắt đen và sâu,

hơi thở nhẹ nhàng, yếu ớt. Bác thấy tình yêu bùng lên như men rượu. Nếu Huệ có bác thì bác sẽ thức đêm để ngồi bên Huệ, rót nước cho Huệ uống, bón cháo cho Huệ ăn, bác vuốt ve triu mến từng sợi tóc óng ả của Huệ. Những ý nghĩ ấy cứ ám ảnh trong đầu bác gây cho niềm yêu của bác càng thêm nung nấu.

Buổi tối, bác ôm đàn đi theo Ích ra ngoài phố, bác gọi chuyện:

"Cô Huệ mà ốm nhỉ..."

Ích nói:

"Ôm từ lâu rồi đấy chứ..."

"Thế mà tao không biết. Còn mày, sao mày biết?"

"Trưa nào gánh nước cháu chả đi qua".

"Dòm vào à?"

"Dòm chơi".

"Thấy cô ấy không?"

"Thấy chứ".

"Nằm ở đâu?"

"Ở giường chứ ở đâu".

Bác Tốn cười hề hề:

"Ừ nhỉ!"

Một lát thấy nó im lặng, bác lại nói:

"Mày thích ốm không?"

"Thích chứ! Ốm được nằm một chỗ, chẳng phải làm gì cả".

"Lại có cả cam ăn nữa".

"Gớm! Bác làm như triệu phú không bằng".

"Chắc cô Huệ thì có".

"Cháu không biết!"

"Mày dòm mà lại không biết!"

"Thật mà! Chỉ thấy cháo thôi!"

"Cháo gì?"

"Chắc cháo thịt".

Tự nhiên bác Tôn thấy vui. Bác hài lòng về sự ăn uống của Huệ. Điều ấy khiến bác trở nên mạnh bạo hơn, bác hỏi thằng Ích:

"Mày trông cô ấy có xanh xao lắm không?"

Ích nhìn vào mặt bác. Nó hơi ngạc nhiên thấy câu chuyện của bác chỉ xoay quanh có mỗi cô Huệ. Nhưng nó không nghĩ gì hơn cả. Nó đáp:

"Xanh đứt đi chứ! Nhất là cái mặt, nom như người chết trôi".

Bác Tôn thấy đau lòng. Bác định thăm hỏi nhưng sợ nói nhiều sự thực rõ hơn nữa, nên im lặng đi bên. Ngón tay bác bật mấy dây đàn. Lòng bác buồn thắm thía. Nhưng càng buồn, bác càng thương Huệ, càng muốn lấy Huệ làm vợ mình. Bác mơ màng nghĩ đến một cái nhà nhỏ, mái ngói, vách tường, ở đấy bác sống êm đềm bên cạnh Huệ. Sau những bữa cơm, Huệ quán thuốc sâu kèn cho bác hút, hai người nói chuyện tương lai, chuyện thằng nhỏ xinh xinh mà Huệ sắp cho chào đời. Bác sờ tay lên bụng Huệ, sẽ hỏi thăm sự cựa quậy của nó, chắc Huệ sẽ nũng nịu mà trách bác:

"Nó cứ đạp em".

Tiếng em của Huệ xưng với bác sao mà êm đềm và thân yêu như thế. Bác chợt muốn hôn Huệ, muốn ôm Huệ vào lòng, nhưng bên cạnh bác vẫn chỉ là thằng Ích chấp choạng bước đi ở trong bóng tối. Những ý nghĩ về Huệ làm bác thấy gần nàng hơn. Bác chợt nảy ra ý định mua cho Huệ một món quà. Cái sáng kiến ấy vụt bùng lên như ánh chớp của một vì sao đổi ngôi. Bác thấy thật là hay ho và ý nhị mà chưa bao giờ bác nghĩ tới. Lòng bác vụt xao xuyến như chính Huệ giờ tay cảm động nhận quà của bác, Huệ đang nhìn bác với lòng mến yêu, và bác cũng cảm động lây ngay từ phút ấy. Bác Tôn thấy lòng vui trở lại, tay bác sờ soạng lên mái tóc tơ trụi của thằng Ích. Bác khẽ lắc cái đầu nó rồi nói:

"Ích ơi, mày có biết ở đâu bán bánh không?"

Ích ngạc nhiên hỏi:

"Bác hỏi bánh làm gì?"

"Tao làm cái này!"

"Cái này là cái gì?"

"Cho! ... Mua cho..."

"Cho ai?"

"Cái thằng lạ nhĩ! Cho ai chẳng được".

Ích toét ra cười:

"Thôi cháu biết rồi, bác cho cô Huệ chứ gì..."

Mặt bác Tôn chợt nóng lên, bác bối rối tưởng chừng như mọi người ai cũng đều rõ mối tình thâm kín của bác, cho nên bác vội lấp liếm:

"Ừ thì cho cô Huệ đã sao!"

"Bác lại muốn bắt nhân tình hả?"

"Thằng ranh! Chỉ nói vậy!"

"Nếu không thì tự dưng ai lại mất tiền tôi như thế. Đúng tử con chuồn chuồn rồi..."

Bác Tôn cười hềnh hếch, tiếng cười như thú nhận sự thực với nó, rồi làm như nó là đồng minh với mình, bác co một cánh tay nó về phía sau, nói nhỏ:

"Tao mê thật đấy. Nhưng cảm mày bép xép nghe không?"

"Ai rồi hơi, nói làm gì!"

"Thì tao cứ dạn thế, chứ còn mày thì tao biết".

Ích hỏi:

"Thế bác mê lâu chưa?"

Bác Tôn đưa cái cằm của mình về phía trước, hai hàm răng ngựa nhe ra dưới ánh đèn:

"Cũng lâu lâu".

"Thế mà tầm ngắm thật... thảo nào có vẻ khoái cô ấy dữ..."

"Còn mày thì nghĩ sao? Bộ tao có ăn thua gì không?"

"Đứt đuôi đi rồi!"

"Sao lại đứt đuôi đi rồi?"

"Ồ! Có tiền thì muốn gì cô ấy chẳng được".

"Nhưng tao có xứng không ấy chứ?"

"Xứng đứt đuôi đi chứ còn phải chê gì nữa".

Lòng bác Tôn dào dạt vui sướng. Lúc này bác thật dễ dãi và thấy cần một niềm tin. Nên dù niềm tin ấy do thằng Ích mang lại cũng đủ cho bác sướng mê tơi đi rồi. Bác ôm chặt cây đàn vào ngực, rồi bác vừa gảy, vừa hát sẽ:

Trên trời xanh bóng trắng  
Dưới bên con thuyền lội nước tung tăng...

Hai bác cháu đi lên chỗ có ánh đèn rực rỡ. Tiếng người ồn ào qua lại vang ở bên tai bác Tồn. Bác mở to mắt nhìn ngang ngửa. Một mảng sáng đục thấp thoáng có những bóng đen mơ hồ đi qua mặt. Cái vui của một buổi chiều trong thành phố làm tăng thêm niềm vui trong lòng bác. Tình yêu dâng lên dào dạt, bác Tồn cảm thấy lòng ngây ngất.

Chợt Ích nắm tay bác dừng lại:

"Bánh đây này! Bác định mua thứ nào?"

"À... à... có những bánh gì?"

Ích đảo mắt ở trước tủ kính sáng choang đầy chai lọ:

"Ồi ra! Bánh ga-tô, bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh cốm, bánh sâm-banh, gì cũng có..."

Bác Tồn phân vân:

"Gì được nhỉ... mà y thì mà y mua cái gì?"

"Cháu thì cháu khoái ga-tô".

"Ga-tô! Ôm ai lại ăn bánh ga-tô! Thôi mà y mua bánh bích quy đi".

"Độ bao nhiêu".

"Cầm lấy hai chục".

"Hai chục cơ! Sang thế! Hai ngày hát đấy".

"Thì mặc kệ tao".

Thằng Ích cầm tiền đi vào trong hiệu. Lần đầu tiên trong đời, nó được bước vào một hiệu sang như thế. Tay nó xoè sẵn tờ giấy bạc cho người bán hàng trông thấy, miệng nó nói:

"Bán cho hai chục bánh bích quy!"

Cô hàng nhìn nó chăm chú, rồi cô cầm tiền và lấy cho nó một hộp bánh. Thứ hộp sắt tây có bọc giấy bóng hẵn hoai. Ích vui mừng giơ cái hộp lên ngắm nghía. Nó nghĩ hai chục bạc có khác, cái hộp quý hơn cả những chiếc bánh ở trong. Nó chạy ra khoe rồ rít:

"Hai chục đây này! Oai không chê được!"

Bác Tồn cảm động giơ tay đón lấy. Năm ngón xương xẩu của bác vuốt mãi lên nếp giấy phẳng và mịn. Đoạn bác đưa lên mũi ngửi. Bác cảm thấy ở đấy toát ra một mùi đặc biệt, vừa thơm, vừa mát, vừa sang trọng, phú quý. Lòng bác rộn ràng nghĩ đến lúc Huệ cầm hộp bánh ở trong tay. Huệ sẽ biết rằng bác nghĩ đến Huệ mà chỉ cần Huệ biết cho như thế là bác đã thấy tim mình đập mạnh lên rồi.

Sờ mó một hồi, bác trao cho thằng Ích rồi nói:

"Hôm nay về sớm một tí, mà y chịu khó mang sang hộ tao nhé".

"Làm gì mà vội thế. Mình về thì cô ấy ngủ mắt còn đâu".

"Nhưng để ban ngày không tiện. Hàng xóm người ta biết".

"Biết thì làm sao?"

"Xấu hổ bỏ bỏ đi".

Hai bác cháu cùng mỉm cười. Ích thu cái hộp vào trong bọc áo rồi nói:

"Cô Huệ được cái này thì sướng mê cu toi đi rồi!"

"Bánh bích quy thì thiếu gì! Còn sợ cô ý chê nữa ấy chứ. Mà nghĩ có chê không?"

Ích đáp:

"Chả chê đâu".

"Ngộ cứ chê thì sao?"

"Thì chúng mình ăn".

"Mày nói như bố con chó xòm ấy".

"Thế chả ăn thì vứt đi à!"

"Ừ nhỉ! Nhưng chả chê đâu!"

Ích gắt lên:

"Rõ ám ớ! Chê rồi lại không chê, rồi lại chê!"

Bác Tôn cười hềnh hếch:

"Ừ nhỉ! Thôi, đến tối rồi biết".

Ích nói:

"Tối thì cháu nói làm sao?"

"Mày nói thế nào tùy ý kiến của mày".

"Nói toạc ra là bác phải lòng cô ấy nhé!"

"Áy chớ nói thế thì chết!"

"Sao chết?"

"Chết chứ, phải từ từ thôi cái đã mới được".

"VẬY CHÁU CỨ ĐÚT HỘP BÁNH VÀO CỬA SỔ NHÉ".

"ẦY ĐỪNG!... PHẢI NÓI CHỨ!"

"SAO BẢO NÓI THÌ CHẾT".

"NÓI, NHƯNG NÓI KHÉO CƠ CHỨ. MÀY BẢO TAO PHẢI LÒNG CÔ ẤY THÌ BỎ BỐ TAO RỒI".

"BÁC RỒ RẮC RỐI!"

"MÀY NGU NHƯ BÒ ẤY. TÂM LÝ PHẢI THẾ CHỨ".

"Ừ, THÌ BÁC BẢO PHẢI NÓI CÁI GÌ NÀO!"

Bác Tôn gật gù:

"MÀY PHẢI NÓI TAO QUÝ CÔ ẤY".

"SAO QUÝ?"

"HỎI THẾ THÌ ĐẾCH AI TRẢ LỜI ĐƯỢC".

"NHỜ CÔ ẤY HỎI THÌ CHÁU TỊT MÍT À?"

"MÀY KHÔNG LO ĐÂU, CHỈ AI HỎI NGỜ NGẮN NHƯ THẾ BAO GIỜ". Ích gật đầu:

"SAO NỮA?"

"RỒI TAO NGHE NÓI CÔ ẤY MỆT NẶNG..."

"AI NÓI?"

"CÁI THẰNG, NGANG NHƯ ĐÁM VÀO TAI ẤY. AI NÓI CHỈ ĐƯỢC, NGHE PHONG PHANH MÀ..."

"..."

"RỒI MÀY BẢO TAO VÌ TÌNH HÀNG XÓM, MUA TẶNG CÔ ẤY CÁI NÀY..."

"SAO NỮA?"

"RỒI MÀY PHẢI NGHE CÔ ẤY CẢM ƠN, CẢM ỈEC GÌ THÌ VÈ KỂ CHO TAO NGHE".

"NHƯ THẾ THÌ NGON! ĐÂU CÓ PHẢI TÂM LÝ TÂM LIẾC GÌ!"

"THÌ TAO ĐÃ BẢO MÀ! MÀY LÀM XONG VIỆC TAO CHO MỘT CHÀU GA-TÔ THẬT NO..."

"NO LÀ MẤY CÁI?"

"ĐỘ VÀI BA CÁI CHỨ GÌ?"

"VÀI BA CÁI THÌ CHỈ BỎ DÍNH RĂNG".



"Thế mấy?"

"Mấy mà chả hết".

"Thôi bốn đi! Bốn là hết bố nó tám đồng với nhà ông rồi".

Ích cười hề hề. Nước dãi nó ứa ra. Nó nghĩ đến những miếng bánh ngọt lịm phết kem xanh đỏ mà nó sẽ được nhai ngấu nghiến một mình.

Lát sau, hai bác cháu dừng lại ở một cửa hiệu ăn. Mùi phở thơm lừng bốc lên ngào ngạt. Thằng Ích quên ngay hương vị bánh ngọt nó vừa tưởng tượng và nó vụt thấy đói cồn cào. Mắt nó đưa vào phía trong hiệu, lơ đãng ngắm mọi người ăn uống một cách thèm thuồng. Trong khi ấy, bác Tốn sửa lại dây đàn. Một ngón tay bác bật lên những nốt dạo nhạc, một tay bác khẽ dúi vào đầu thằng Ích. Như cái máy, Ích gân cổ cao lên, giọng làm ra điệu rung rung như tài tử thật sự:

"Đêm qua mơ dáng em đang ôm đàn gieo muôn tiếng tơ... Không gian trầm lắng... như âu yếm ru ai trong giấc mơ... Muốn nói cùng em ơ... ơ..."

Lòng bác Tốn bỗng thấy rạo rức, một niềm vui khó tả dâng lên làm bác xao xuyến. Hình ảnh Huệ, đánh môi đỏ, mặc áo hồng, phấn thơm sực nức hiện ra như một bà hoàng trong trí tưởng tượng của bác. Tay bác bật mạnh dây đàn, âm thanh rung lên trong bầu gỗ làm chói tai thằng Ích. Nó quay lại nhìn bác. Nó chột mím cười vì lúc ấy, bác Tốn cũng đang mím cười vu vơ. Ích thấy hàm răng ngựa của bác trắng bóng ở dưới ánh đèn ...

## 1. Nguyễn Đình Toàn

Sinh ngày 19/11/1930 tại Bồ Đề, Gia Lâm, Bắc Việt. Viết văn từ năm 1954.

Tác phẩm:

*Chị em Hải*, nhà xuất bản Tự Do, 1962

*Những kẻ đứng bên lề*, nhà xuất bản Giao Điểm, 1964

*Con đường*, nhà xuất bản Giao Điểm, 1967

*Ngày tháng*, nhà xuất bản An Tiêm, 1968

*Phía ngoài*, nhà xuất bản Hồng Đức, 1969

*Giờ ra chơi*, nhà xuất bản Khai Phóng, 1970

*Đêm hè*, nhà xuất bản Hiện Đại 1970

*Đêm lãng quên*, Văn Uyển, 1970

*Không một ai*, nhà xuất bản Hiện Đại, 1971

*Đám cháy*, Văn Uyển 1971

Đã cộng tác với: Văn, Tự Do, Văn Học, v.v.

## Nguyễn Đình Toàn và nỗi buồn trước mặt

Thấm thoát đã 17 năm rồi đó. 17 năm đi qua trong lòng con người "thiên lý tương tư" như một khoảng thời gian đầy dẫy buồn phiền. Từng năm, từng tháng nào có nghĩa gì so với nhịp luân hành vũ trụ, mà sao trong đáy sâu tiềm thức, trong hồ thủy nhớ thương, vẫn hiện lên bao nỗi giằng vò gần như thê thảm. 17 mùa Xuân đất Bắc đã qua đi. 17 mùa Hạ cũng tàn phai theo từng trận gió Lào hầm hập. 17 mùa Thu chết rụi theo xác lá rơi ngổn ngang trên khắp nẻo đường Hà Nội và 17 mùa Đông với mưa phùn gió bắc thổi buốt ruột gan cũng phai nhoà trong tâm tưởng qua 17 mùa mưa nắng. Lòng người miền Bắc chợt ứa héo mỗi lần nghĩ tới.

Nguyễn Đình Toàn sinh ra và lớn lên bên kia bờ Hồng Hà, huyện Gia Lâm nối liền với Hà Nội bằng nhịp cầu Long Biên vươn dài ngang dòng nước đỏ máu phù sa. Chỉ cách một cây cầu mà nếp sinh hoạt khác hẳn. Huyện Gia Lâm, có phi trường dân sự, có thôn xóm, luỹ tre bụi chuối, có bờ đê cao ngất xanh om cầu kỳ, mỗi năm một lần mở hội vào tháng Tám Âm lịch và một thị trấn chạy dài từ dốc cầu tới gần lối rẽ vào phi trường là hết. Đứng bên bờ đê Gia Lâm, có thể nhìn thấy lễ Hà Nội với chiếc cột đồng hồ, Bảo tàng viện và cửa ô Yên Phụ.

Nhưng khi nhớ về miền Bắc, Nguyễn Đình Toàn chỉ nói tới Hà Nội, với tất cả mê đắm qua lớp lớp nhớ thương. Hà Nội là trung tâm miền Bắc, ở đó, mọi sinh hoạt được nâng lên hay hạ xuống đều có giá trị quyết định. Toàn, nhớ phố hàng Ngang, hàng Đào, nhớ con đường tàu điện với tiếng chuông leng keng buồn bã, nhớ chợ Đồng Xuân, nhớ nhà Thủy Tạ, nhớ cầu Thê Húc, nhớ đền Ngọc Sơn, nhớ tháp Rùa, nhớ cả hàng dương liễu xòa tóc xuống hồ Gươm soi bóng! Nguyễn Đình Toàn nhớ, nhớ nhiều lắm, nào thành phố, nào người tình bé bỏng, nhưng cái nhớ ở đây thuộc về ký ức, nên nó được phác họa qua tâm tưởng bằng những hình dung mê cảm nhất.

Người làm văn nghệ bao giờ cũng đa sự, họ có biết chăng, nỗi nhớ thương một khi đã bày tỏ được, coi như hết, không còn thuộc về mình nữa. Một món nợ đã trả xong, một chia lìa vừa dứt khoát! Cái đau ở chỗ đó. Nhưng may mắn thay, sự nghiệp văn học của Nguyễn Đình Toàn không nằm ở môi trường ấy. Nó được hình thành trong vùng trời khác, nơi mà định mệnh và tình yêu đang chụp bắt, đang bủa vây, đang khép những bất ngờ và khổ não cho mỗi tuổi trẻ.

Tuổi trẻ, tình yêu, hai vấn đề lớn nhất đối với Nguyễn Đình Toàn. Nhà văn luôn luôn vì nó, nhân danh chúng để tỏ bày thái độ trước cuộc sống. Nguyễn Đình Toàn mở đầu nghiệp văn của mình bằng tác phẩm *Chị em Hải*, đăng từng kỳ trong nhật báo Tự Do và cũng do cơ sở này xuất bản. Tác phẩm ra đời, đưa ngay nhà văn vô hẳn khung trời văn nghệ và được dư luận liệt vào thể hệ *đợt sóng mới* của văn chương Việt Nam. Điều này, đúng hay sai, thiết tưởng, không phải điều hệ trọng, vì giá trị của nhà văn và chiều hướng sáng tác của họ không nằm trong chu vi một tác phẩm, nhất là tác phẩm đầu tay. Nếu bây giờ đọc lại, tác giả chắc đã nhận thấy rõ hơn ai hết điều đó!

Nguyễn Đình Toàn, nhà văn buồn bã và bệnh hoạn. Cái cuộc đời này, ngay cả trái đất nữa, tự cổ, vẫn chứa chấp trọn vẹn những vấn đề thông thường, trong nếp sinh hoạt chung, chỉ có khác, hình thức luôn luôn đổi thay theo tiến hoá, nhưng nội dung vẫn tóm gọn trong một số từ ngữ: sống chết, ăn ở, chủ quyền, thịnh vượng, tự do, công bằng, bác ái, tín ngưỡng, tôn giáo, v.v. Mọi quy luật đấu tranh đều xoay quanh mấy chữ trên, nhưng nó biến hoá khôn lường, làm cho mỗi từ ngữ biến chất và lý-tưởng-hoá nó tùy theo cứu cánh. Cũng như bốn chữ: Sinh, Bệnh, Lão, Tử, ấn định chu kỳ cho mỗi kiếp sống tạm bợ này.

Nguyễn Đình Toàn mang tuổi trẻ đi vào tình yêu, như kẻ hành hương gian nan đi tìm thánh địa trong tâm tưởng. Mỗi nhân vật được nhà văn dùng tới hình như đã mang sẵn một bản án, một quyết định nên mọi diễn trình của nhân vật đều ôm theo nỗi bi đát của định mệnh. Hình ảnh cô liêu làm băng hoại suy nghĩ. Mỗi nhân vật dưới nét mực Nguyễn Đình Toàn được đẩy vào con đường không định sẵn hướng đi. Mỗi số phận cứ lần từng bước trong vũng tối của tâm linh và trở thành mù loà trước ám ảnh, dục vọng! Từng bước của nhân vật như đi vào miền lưu đày vĩnh viễn. Nó nguy hiểm như trò chơi đu bay và ghê rợn như bước trên sợi dây tử thần treo chênh vênh ngang miệng vực thẳm. Người đọc nhìn rõ chúng qua toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Đình Toàn. Nó liếm kết ở mỗi dòng, mỗi chữ. Nó vướng nghẹn giữa vượt thoát và cản ngăn, như một dòng nước chỉ dâng cao đến mép bờ mà không cách nào tràn qua, đành phải xuôi theo chiều nghiêng để quăng mình vào nơi thấp nhất.

Tác phẩm *Con đường*, ghi nhận lại nỗi u uất và đớn đau của thân phận đàn bà. Nội dung cuốn sách nêu lên những dữ kiện phi lý (không phải cái phi lý của Camus) do cuộc sống đẩy tới và con người chấp nhận một cách vô ý thức. Vóc dáng người con gái không may mang vết chàm trên mặt lại còn bị bùa vây bởi một hoàn cảnh khổ khó, nên tự giải toả bằng liều lĩnh của bản năng. Niềm tin đã chết rồi! Cuộc sống và hạnh phúc là hai điều thất bại ở tận đáy thẳm của lương tri, còn gì để dẫn đo, trả giá? Nhân vật xưng tôi trong tác phẩm, phải chăng là niềm ăn năn của một tín đồ ngoan đạo giữa khung trời thánh thiện mà nhà văn hằng mơ ước? Cuộc đời đối với nhà văn, không phải là khoảnh khắc, là giai đoạn sống của một nhân vật ở trong kịch thước của nó, nhưng đích thực, nó lê thê, ảm ướt trong mỗi ô vuông hiện diện. Thân phận đưa con gái mồ côi cha, mẹ bỏ đi lấy chồng đã là điều bất hạnh, trời còn bất tội mang tật, hỏi làm sao đủ can đảm để sống? Bởi vậy, người con gái đó có quyền thi hành những gì mình muốn, hoặc do định mệnh an bài. Nguyễn Đình Toàn, nhà văn tình cảm, bởi thế, những sự tình nêu ra hay được giải quyết đều thuộc tình cảm. Nếu đôi khi có sự tham dự của lý trí, cũng rất mờ nhạt, nó chỉ được dùng khi thực sự cần thiết. Chính vì muốn dùng cảm nghĩ để chuyên chở hành động nên phần độc thoại nội tâm bao giờ cũng lẩn lút, nhà văn coi nó như động lực căn bản để dàn trải, mờ, thất sự tình,

*... Từ ngày tự biết mình là một kẻ tật nguyên thì thế giới của tôi thu hẹp trên cái bao lon này. Không phải tôi không còn tiếp xúc với ai trong nhà hay người ngoài, cũng không phải tôi không còn bước chân xuống phố nữa, những lúc ấy tôi cử động, sinh hoạt như sắm một vai kịch tôi không phải là tôi. Chỉ có những lúc ngồi đây, trên cái bao lon này, với bóng tối vây quanh, tôi mới thật là tôi, được tự do dự phóng. Và từ đó phải chịu nhận một khoảng cách với mọi người.*

*Làm thế nào khi mình là kẻ tật nguyên, bất bình thường? Bước ra khỏi thế giới của tôi, tôi bị quan sát chớ không được nhìn ngắm. Có lẽ tôi quá bi quan về sự bất thường của mình, nhưng làm thế nào được, tôi không đề nén cũng không giấu được sự ấy...*

Đoạn văn trên là những dòng đầu của tác phẩm *Con đường* (1967) mở ra trước mắt người đọc một phần số đã bị định đoạt. Người con gái trời bắt xấu là sự cực nhọc ghê gớm, là một hình phạt chung thân, là một huỷ hoại vô bờ bến, do đó, những sự tình nào xảy đến, dù đến bằng vòng tay ân ái của kẻ tình nhân, hay đến bằng đón đau cũng chỉ là để thực thi một hình phạt! Con người ở hoàn cảnh này quả là tai họa của chính mình.

Người con gái ở với gia đình bên nội. Trong chuyến đi thăm mẹ dưới tỉnh để tìm về cho lòng mình chút tình thương. Biết rằng không phải là khách của mẹ, nhưng căn nhà của mẹ ở bây giờ, không phải nhà mình vì ngoài mẹ còn có cha dượng và các em khác bố. Đã mười năm qua rồi, hình ảnh mẹ còn in đậm trong thân thể, trong vóc dáng, trong ngôn ngữ cô gái, mọi người

đều nói thế. Mẹ là biểu tượng cho ô nhục, mẹ đã ngoại tình lúc bố còn sống, mẹ đi lấy chồng khi bố vừa chết! Mẹ đã cách xa từ năm lên 7, bây giờ cô gái 17 rồi đó! Người con gái ở với mẹ 3 ngày rồi trở về. Bà mẹ đưa con ra bến xe, lúc xe sắp khởi hành, bà đứng bên này đường vẫy con và khóc. Đưa con gái chột nhận ra, 10 năm trước, mẹ cũng đã đi xe xuống miệt này, bây giờ, 10 năm sau con cũng xuống đây, nhưng con về, mẹ ở lại,

*... Đòi con từ lúc ba chết, mẹ bỏ đi có lúc nào là lúc nên cười? Con gọi mẹ là hạnh phúc của con. Mẹ đứng bên kia đường, mẹ cách con một con đường...*

Ý nghĩ như một vết chém. Nó làm rã rời hy vọng và từ đó, mỗi con người thuộc về một phía, dù cho là mẹ con. Cái con đường mỗi số phận phải kinh qua, nhiều khi là con đường quen thuộc. Nó chẳng xa lạ gì đối với mỗi người, nhưng mỗi người lại có cảm tưởng như nó khác biệt hẳn với ý hướng của đời mình. Chính vì nó đã quá cũ và nhàm chán nên làm mọi người quen, nhưng đích thực *con-đường-cuộc-sống* là một-cái-gì-không-hàn-gắn-nối, không-vượt-qua-nối, cũng không-cải-tạo-nối, nó là định mệnh.

Trên con đường trở về, chẳng may cô gái bị cảm, ngẫu nhiên gặp "chàng" trên chuyến xe, "chàng" đã sẵn sàng, giúp đỡ! Xe kẹt phà, chàng mời cô gái vào quán uống nước. Cô gái bị cảm nặng muốn ngất xỉu. Trong lúc choáng váng cô gái cảm thấy được nâng đỡ rồi thiếp đi... Đêm hôm đó, cô gái ngủ ở căn nhà xa lạ với "chàng". Sáng hôm sau tỉnh dậy, cô gái biết mình đã trở thành đàn bà sau một giấc ngủ. "Chàng", một quân nhân hào hoa, đến thăm em gái có chồng vừa chết vì trận công đồn, đã cho cô gái sự khoái cảm thứ nhất của tình dục, mãi mãi chỉ là gã đàn ông vô danh!...

Bị kịch ở chỗ đó. Nghịch cảnh trần gian đã dồn cô gái vào con đường không lối thoát. Con đau, nỗi buồn như bám chặt lấy một số phận bi đát rồi đẩy sau vào cuộc sống cũng bi đát không kém. Nguyễn Đình Toàn viết như kể lể, như thăm thì nói chuyện. Người đọc có cảm giác "ghe" chứ không đọc, do đó, văn Nguyễn Đình Toàn thấm vào lòng người như mưa phùn rỉ rả thấm dần vào lòng đất. Nhân vật trong truyện có vẻ chấp nhận những gì do cuộc sống đẩy tới, không phản kháng hoặc phản nộ, chỉ nhỏ nhẹ trình bày.

Thời gian qua mau, nhưng những gì xảy ra trong đêm ngủ lại dọc đường vẫn làm nàng bàng hoàng, sung sướng,

*... Nhưng tự phần sâu kín nhất của đứa con gái là tôi, tôi vẫn nuôi dưỡng những cảm giác bàng hoàng, đau đớn, sung sướng đó như kỷ niệm quý báu... khắp người tôi mọc lên sự tủi nhục, quần quít tựa chìm trong một mớ rong, dưới mặt nước của sự khoái cảm lần đầu trong đời. Tôi không còn là tôi nữa. Chỉ còn là một sự ân hận tình nguyện vỡ ra cùng với nước mắt ùa chảy khi cơn lửa đã thổi ngọn cuối cùng...*

*... Tôi hư hỏng đến độ yêu quý cái kỷ niệm xấu xa đó như một vật báu chăng? Đó là niềm ăn năn hạnh phúc của tôi? Một thứ hạnh phúc bất hạnh, giống như mẹ phải không?...*

(*Con đường*, trang 26)

Chao ôi! Thứ hạnh phúc bất hạnh mà Kafka đã kêu lên, đã gào thét trong tác phẩm của ông làm lay động cả lương tri thế giới, ai ngờ nó lại vẫn có mặt trong kịch thước Nguyễn Đình Toàn hôm nay. Con người giống như một hình nhân giữa cuộc sống. Nó được cuộc sống sơn phết và ngụy trang rồi dẫn lộ vào đấu trường, để mặc cho may rủi định đoạt. Sự bất lực trong mọi

đổi kháng, mọi hoàn cảnh đôi khi làm con người trở nên ngu xuẩn. Cô gái vì không chịu nổi hoàn cảnh với ám ảnh ô nhục của người mẹ nên cố tìm cho mình con đường để vượt thoát. Con gái xin đi làm xa. Chỉ có ông nội còn chút thương xót nàng, nhưng ông nội già rồi, nên phải chiều theo ý muốn của những người đang phụng dưỡng những ngày tàn của đời ông. Dù nhớ, dù thương, dù đau khổ mà vẫn phải dứt bỏ nơi mình đã có mặt 21 năm trời, vì nó đã ung thối và bị bủa vây bởi thù hằn, ghét bỏ!

Chiếc xe đưa nàng lên Cao nguyên. Trong chuyến xe, một gã đàn ông đứng tuổi lại hiện ra dưới nhãn hiệu nghệ sĩ,

*... Đầu người đàn ông nghiêng qua một bên, hình như nhìn thấy hết mặt tôi và qua một mái tóc ông ta, tôi nhìn thấy một nửa mặt mang dấu vết tàn tật của tôi. Tôi có cảm tưởng bị cháy nốt nửa mặt còn lại bởi sự hiện hình đột ngột đó. Và tôi không biết làm sao hơn là nhắm mắt lại trong một cử chỉ chịu thua hoàn toàn...*

(Con đường, trang 31)

Nhà văn hình như đã ước tính từng bước đi cho nhân vật do mình cấu tạo, nên mỗi sự tình đều được mở sẵn để đón chờ diễn tiến. Khuôn mặt người đàn ông đến với cô gái vẫn là khuôn mặt vô danh. Nó không mang tên riêng, chỉ được dùng như biểu tượng để ấn định mức độ hành động của nhân vật trong kỹ thuật viết mới. Thực ra, "ông viết kịch" có tên, cô gái biết vì đã đọc kịch do ông sáng tác, nhưng không nói ra. Nhà văn cố tình giấu để đồng hoá nó với những vô danh khác,

*... Tôi cười nói với ông:*

*"Thì ra tôi vẫn đọc kịch của ông mà không ngờ lại gặp ông lúc này".*

*Ông ta nói:*

*"Cô nhớ được tên tôi sao?"*

*Tôi bảo:*

*"Không những thế, tôi còn có thể nói đúng một lời như nhân vật của ông nữa".*

*Ông cười nhìn tôi:*

*"Tôi không nhớ gì về họ".*

*"Ông muốn làm thế để họ phải phục tùng ông sao?"*

*Ông ngồi xuống bên cạnh tôi. Mùi thuốc lá thơm đầy trên áo ông...*

(Con đường, trang 37)

Tấm màn đã kéo sang hai bên để lộ khoảng đất trình diễn. Nhà văn đã sử dụng thị xã Đà Lạt với phong cảnh và bài trí thiên nhiên miền Cao nguyên ở đằng sau và đằng trước làm điểm tựa cho các nhân vật. Lên Đà Lạt làm việc, cô gái ở chung nhà với một bà cùng sở đã bỏ đến hai

đời chồng nên bị gia đình từ. Người đàn bà đó sống nhiều, đã trải qua bao cơn sóng gió, đã già dặn. Còn cô gái, ngoài một đêm ân ái ngẫu nhiên, vẫn nhìn đời qua tấm lăng kính tình yêu đơn hậu.

Rồi tất cả họ quen nhau, ông viết kịch, bà ở chung nhà và cô gái. Mỗi người, mang tâm sự riêng. Họ chờ dịp để thực thi ý định. Ông viết kịch là cáo già, bà ở chung là sói cái, còn cô gái là con chồn đèn ngơ ngác đứng nhìn trời đất với vui thú hồn nhiên.

Ông viết kịch dương cái bẫy lớn. Ông muốn một lúc đánh ngã cả hai con mồi, nên ông rất khôn ngoan về vấn đề giao tế và tế nhị trong ngôn ngữ đối với mỗi người. Ông nói với cô gái: "*Người ta sống để chia đều may mắn và bất hạnh cũng như bất hạnh và may mắn có ngay cùng với thân thể người ta rồi*", với ngụ ý sâu xa. Tiếc thay, cô gái chưa đến tuổi để hiểu ẩn dụ của ngôn từ! Ông cũng dùng ẩn ngữ để nói với bà ở chung, khi bà này kể chuyện về người chồng cũ: "*Anh ấy là một đứa trẻ tuyệt diệu!*" Ông viết kịch bảo: "*Một đứa trẻ thì dùng được việc gì?*" Câu chuyện xoay quanh những lời đối thoại xa xôi, bóng bẩy. Mỗi lời nói như một nút thắt, như một bước chân tiến gần đến mục tiêu. Trong khi đó, cô gái đã nhìn thấy cái gì mình mới-khám-phá-ra sắp vượt khỏi tầm tay,

*... Tôi muốn, nhưng sợ, nhưng muốn hết sức, chạy theo ông giữ ông lại. Để làm gì? Tôi không biết và vì không biết nên tôi càng hoảng hốt. Có một cái gì đã hỏng, đã mất giữa chúng tôi? Không, đó là mây tưởng tượng ra đó, nhỏ. Bà bạn mở cửa vào nhà, bật đèn sáng. Tôi còn đứng ở ngoài nhìn theo bóng ông khách đi mãi về phía xa, qua một chiếc cột đèn và sắp qua một chiếc cột đèn khác...*

(*Con đường*, trang 65)

Cái nhìn đây là cái nhìn thất bại, cái nhìn muộn màng trong tâm thức nhà văn. Cái nhìn không phiêu phiêu bay bổng mà nó cắm mốc im ững trong trí não như một mũi nhọn lút sâu vào xương tủy. Nhà văn còn đưa ra vấn đề phi luân, khi bà ở chung nói về luyến ái và muốn được tự do giải quyết sinh lý với giống đực, trước cô gái. Cái sự tình này như lời lăng nhục vào xã hội nhưng nhiều khi, nó là sự thực! Còn ông viết kịch lẽ dĩ nhiên, phải quan niệm cuộc đời theo đúng ý muốn của ông, vì có lợi,

*... Cuộc đời như một vở kịch người ta cố dàn xếp để cho nó phải xảy ra như thế, nhưng người ta cũng có thể dàn xếp cho nó xảy ra khác hẳn thế, hay không liên quan gì đến thế cũng được...*

(*Con đường*, trang 17)

Cô gái không là kịch sĩ, nhưng vô tình vẫn phải tham dự vào màn-kịch-cuộc-đời, nghĩa là nàng phải ra vào, đi đứng, nói cười theo tâm trạng vai trò thực của nàng. Ông viết kịch và bà ở chung đã "đóng" trọn vẹn cái vai trò của họ trên bề mặt chiếc giường, còn cô gái bất hạnh kia vẫn giữ một vai nạn nhân, phải chứng kiến những gì không-thuộc-về-mình, nhưng vẫn-bắt-mình-đau-khổ. Nàng cảm thấy, như bị ai đánh vào tự ái. Nàng run rẩy đi tìm cho mình một sức lực để chiến thắng. Tiếng nước xối trong phòng tắm của bà ở chung đi khuya về, làm tâm hồn cô gái nhức buốt. Lòng dục phát động cùng với hờn ghen số phận. Cơn tuyệt vọng đã làm nàng choáng váng. Sự bầu vịu vào tình yêu tinh thần chỉ là ngõ ngàng và ngu ngốc! Cô gái chột nghĩ đến mẹ, đến sự thôi thúc của tình dục. Có lẽ, trong cơn bối rối như thế này, ngày trước mẹ

mình đã ngoại tình chẳng? Những sợi thần kinh chùng xuống. Một vùng tử nhục vừa mở ra trước mặt,

*... Những người lớn tuổi như bà thường tự cho mình cái quyền nói đến những cái gì mà những người còn trẻ không muốn nói, và tự cho đó là những kinh nghiệm khôn ngoan của mình, thật ra thì đó chỉ là sự dạn dày.*

Bà tiếp:

*"Bây giờ nếu tôi nói, tôi đã ngủ với ông ấy, điều đó có liên quan gì đến em không?" Đó là câu hỏi quả thật tôi không ngờ bà cũng dám nói ra. Tôi như bị một nhát búa vào giữa đỉnh đầu... Câu nói đó chọc vỡ sự tức giận đang mưng mủ trong lòng tôi, cũng là một thứ tiếng nói từ bé tôi không tưởng tượng sẽ có lúc mình phải nghe và tham dự vào câu chuyện...*

(Con đường, trang 85-86)

Thế rồi vì tự ái (chao ôi! Tự ái) của tuổi trẻ đưa cô gái đến quyết định, phải giành về phần mình những thứ gì mình có quyền hưởng. Ông viết kịch, kiêm đạo diễn tài ba, đã nắm gọn con mồi và nhai nuốt ngon lành! Một con vì dạn dày nên coi thường nguy hiểm, một con ngây thơ nhưng mang nhiều dục vọng,

*... Ôi đêm như một thứ lửa đen đốt trên da thịt tôi một niềm đau đớn, kiêu hãnh, mù loà. Vàng, tôi sung sướng, kiêu hãnh vì tôi đã được sống như những người khác, dù sự sống ấy được giấu trong bóng đen của tấm tối. Da thịt tôi đã được sống đời sống của nó, mà tự bao giờ, tự thuở tôi lớn lên, tôi đã bắt lực đối với nó. Tôi muốn chiều chuộng nó cho đầy một lần. Khuôn mặt tàn tật nào hãy cứ để cho nước mắt chảy tuôn.*

*Tôi thả mình cho cơn sóng mềm bò từ đầu ngón chân lên những sợi tóc rũ...*

(Con đường, trang 99)

Người con gái mất trinh tiết, đã liều lĩnh vì mặc cảm và coi sự chung hưởng xác thịt với gã đàn ông đáng tuổi cha chú mình là một vinh dự! Đã thú thật sự vui sướng của mình không còn che đậy. Cái thân xác kia và nguồn đam mê nhục thể có phải chẳng là ý muốn cuối cùng của đời con gái? Không. Nhất định nó không phải là mẫu số chung cho xã hội, cho những người trẻ tuổi hôm nay. Alberto Moravia, nhà văn Ý, thường viết về dục tính với những đoạn văn thật sống sượng, kích động, nhưng đích thực ở chiều sâu của những đoạn văn đó, nó hàm chứa kín đáo với ngụ ý khuyến dụ: tất cả những thứ ấy chẳng có giá trị gì đâu, nó chỉ là sự bộc phát quá độ, trong cuộc sống quá độ, hưởng thụ quá độ, rồi sẽ chẳng còn gì khi nó đã bị lột truồng! Tình dục, vấn đề có sẵn, hà tất con người phải vì nó mà khổ đau! Vô ích, mọi suy nghĩ đều vô ích vì trước sau gì nó cũng đến và phải đến, như sự sống, sự chết là một dàn xếp gọn gàng.

Sự trở về thăm gia đình của cô gái trong dịp Tết, nhà văn viết ra, có lẽ chỉ nhằm đưa sự tình vào môi trường khác, nó là màn hai của buổi kịch dở dang, luôn luôn dở dang vì mỗi số phận có đầy, còn đầy, họ vẫn phải chụp bắt, vẫn phải khốn đốn trong tâm thức Nguyễn Đình Toàn. Người ta đặt câu hỏi: Nhà văn đã sáng tác để làm đẹp hay dùng sáng tác để nguyên rửa cuộc đời? Thân phận cô gái phải chẳng là biểu tượng cố định cho mỗi số kiếp? Nó là hạnh phúc hay sự lừng gạt? Nó là sung sướng hay khổ đau? Và con-đường-cuộc-đời có phải chỉ dẫn đến thê thảm? Tất cả những bản khoản đó nằm trong cõi siêu hình, chắc chắn nhà văn cũng chỉ là kẻ



tim đường. Khi viết, có lẽ tác giả đã nghĩ quá nhiều đến sự bất lực của con người, vì con người, kẻ thất bại trong cố gắng qua vóc dáng *Lão ông và biển cả* (*The Old Man and the Sea*) của Hemingway chẳng? Sự đưa cô gái lên kích thước hí viện ngày mùng một Tết để độc diễn cũng chỉ đủ chứng minh cho sự mất thăng bằng trí não,

*... Ánh đèn làm lóa mắt, tôi cảm thấy mệt thật sự, cái mệt của thân xác sau cơn dục tình, tôi nhìn xuống sàn gỗ dưới chân, hai mũi giày của mình lấm bụi, ánh sáng vẽ một vòng tròn gầy một nửa trên cánh gà bằng vải xám, một nửa dưới sân khấu, tôi muốn ngồi xuống, muốn nằm xuống đấy, như nằm xuống chiều sâu của một lỗ huyết...*

(*Con đường*, trang 173)

Rồi cô gái nằm xuống thực, nằm xuống trong khoái cảm tê mê với ông viết kịch, trong khi có bốn phận đi tìm lối thoát cho số phận khác: hỏi chỗ phá thai cho ba cô chữa hoang!

Sự trở lại con đường cũ, con đường đã đưa mẹ mình vĩnh viễn xa mình, đã ngẫu nhiên cho mình giây phút rúng động thứ nhất của đời con gái, lúc này hình như xa lạ ngay cả với mình. Điều này phải chẳng là một hồi tưởng thâm thẳm, phải chẳng là con-đường-định-mệnh mà mỗi số kiếp phải lần theo cho hết gian truân?...

Nguyễn Đình Toàn thường đưa ra trong tác phẩm những nghịch cảnh. Đi từ nghịch cảnh đó, con người chỉ tìm thấy thất bại! Cái con-đường-cuộc-sống không ai có thể định sẵn được lộ trình, nhưng vẫn phải di hành trên đó với hai mắt mù loà, đôi tay quờ quạng và đôi chân dò dẫm. Cái bi thảm của thân phận là chỗ đó! Nguyễn Đình Toàn, nhà văn luôn luôn khao khát hạnh phúc, nhưng tâm hồn lại trôi giạt vào vùng trời bất hạnh, ở đấy, hạnh phúc chỉ là phiên muộn! Con người đã biến thành trò chơi của Tạo hóa, nó bị lượm đày vào từng hố thẳm của ưu tư và bất lợi cho số mệnh an bài. Không một tác phẩm nào của Nguyễn Đình Toàn mở ra với ánh sáng, hầu như bao giờ nó cũng khóa lấp vào u tối của oan trái, khắc nghiệt! Trong *Con đường*, Nguyễn Đình Toàn bắt mỗi nhân vật phải chấp nhận định mệnh và nỗi bi đát của nó. Trong *Ngày tháng* nhà văn cũng đưa người đọc vào chung chủ đề: *Sự an bài của Thượng đế và sự bất lực của con người trước bạo cảnh trần gian*.

Đối với Nguyễn Đình Toàn, hình như mỗi con người đều mang sự chán mỗi thường trực giữa cuộc sống. Từng trạng huống xảy ra, con người chỉ đứng ngó, muốn kinh qua lại sợ vấp ngã, đành liều nhắm mắt mặc cho dòng sông đẩy đưa. Mỗi nhân vật như được treo lơ lửng giữa vòm trời u tối rồi run rẩy, trôi lên, trượt xuống theo ý muốn nhà văn.

Người đàn bà trong *Ngày tháng* như một búng nhùng, một hy vọng bắt đầu tàn lụi và người đàn ông đối với nàng cũng chỉ có giá trị như một kèm hãm, một "cho phép" trong lề lối sinh hoạt thường nhật kể cả chuyện làm ái tình. Vinh, được tượng trưng bằng cây đèn xanh đỏ ở mỗi ngã tư đường. Vì thân phận người đàn bà 30 tuổi, goá chồng, sống một mình thẳm lấm! Nó ngắc ngoải, chiều không ra chiều, đêm không ra đêm và tự sờ mó thân thể mình là điều nhục nhã, tự làm ung thối mình,

*... Khi Vinh hôn tôi cái hôn đầu tiên, tôi nghĩ, cuộc hỏa hoạn đã được dập tắt, tôi bắt đầu phải thở hết thán khí ra khỏi ngực. Mấy ngón tay Vinh thơm mùi vỏ chanh. Mùi thơm ấy báo hiệu rằng tôi phải làm người làm vườn trở lại. Phải trồng trọt lại những tình cảm của mình. Trên mảnh đất tôi không nhìn rõ mặt. Trên mảnh đất đã khóc than và đã chôn chặt quãng đời của mình...*

(Ngày tháng, trang 11)

Thú nhận để chứng minh sự sòng phẳng. Hà, người đàn bà đam mê trong khốn khổ, là tai hoạ của chính mình trong mỗi suy nghĩ cũng như hành động. Mỗi ám ảnh vóc dáng người chồng cũ vẫn làm khổ nàng không ít. Một bộ đồ bay nhiều túi, một dáng dấp mền yêu, một phi trường với những tiếng động và một chuyến bay không bao giờ trở lại! Một thành phố miền biển với cát trắng và màu nước xanh trong nhìn suốt đáy. Những phiến mây giang hồ nổi trôi xung quanh thân tàu bây giờ chỉ còn là kỷ niệm! Cái vùng trời kỷ niệm đó như những chứng tích khổ đau. Nàng không muốn nhìn, không muốn nghĩ tới nữa.

Hà gặp Vinh, chàng phóng viên chiến tranh làm việc cho một hãng thông tấn ngoại quốc qua sự giới thiệu của người bạn. Thế là vùng mơ ước mở ra xoá nhoà dĩ vãng. Nàng cần một người đàn ông bên cạnh là đủ. Cô đơn là cái gì tủi nhục cho số kiếp đàn bà,

*... Tôi không thể chịu nổi nữa cái cảnh nói không ai nghe tiếng mình, có lẽ tất cả những người đàn bà không có ai yêu, hay người yêu đã chết đều hiểu rõ điều này dù tôi biết, tôi hiểu rằng, những điều tôi nói ra không có gì đáng nói, nhưng ý nghĩa của nó là được nói với người khác không phải nói một mình...*

(Ngày tháng, trang 24-25)

Con người sợ cô đơn, luôn luôn lẩn tránh cô đơn bằng cách dấn thân vào cuộc-đời-kẻ-khác. Cũng vì quá sợ hãi cô đơn, nên cô đơn lúc nào cũng ngập ghé, chập chờn để gây bao ấn tượng hãi hùng. Cái chiều sâu thăm thẳm, hun hút của không gian, cái chiều dài lê thê của thời gian và cái mỏng manh của kiếp người đã tạo nên chua chát và làm chùng giã nghị lực chống đỡ trước áp lực nặng nề của tâm cảm. Con người chưa hẳn đã chết vì phiền muộn nhưng cái bi thảm là phải kéo lê một dòng sống không thuộc về mình!... Miếng cơm nào, manh áo nào và mảnh hồng nhan nữa có phải đâu chỉ để mình tự ngắm? Bao Tự có đẹp nhờ U Vương, Dương Quý Phi có đẹp nhờ Đường Minh Hoàng và thơ Lý Bạch tán tụng, Điêu Thuyền có đẹp nhờ mắt xanh Lã Bố, Tây Thi có đẹp cũng nhờ Phạm Lãi hào hoa, nên sự tủi thân của Hà đã biến thành tù ngục! Còn gì khổ hơn, bữa ăn chẳng ra bữa ăn, nhà chẳng ra nhà, chồng chẳng ra chồng, đời chẳng ra đời!... Ngay cả cái cao ốc, Hà đang góp mặt, nó cũng chứa chấp trọn vẹn những dơ dáy, ti tiện và mỗi số phận như bị giam hãm trong một chu vi hạn chế. Hà tự giam, mọi người tự giam với bi kịch tiếp diễn liên hồi. Hà như bị lôi cuốn vào cơn hôn mê của dục vọng. Áo tưởng đã lấn át thực tế và chỉ để cho nàng một kẻ hở nhỏ le lói tia sáng mờ nhạt bên ngoài. Dục tình đã đẩy nàng vào một vùng sương khói đam mê. Vui và buồn là hai dấu hiệu duy nhất thay nhau chiếm cứ đỉnh cao suy nghĩ, đến nỗi Hà không phân biệt phần nào của mình, phần nào do ảo tưởng đời sống đưa lại,

*... Mọi xúc cảm, ý nghĩ trong tôi bây giờ cũng đã tắt cùng ngọn đèn mơ tưởng nào. Tôi nhìn xuống da thịt mình trắng rợn trong đêm, ánh sáng đã thoát ra, hay đó chính là cái ánh sáng gọi là đời sống? Đời sống có từ thân thể của chính mình hay là những người ngồi lê trong mấy cái quán cóc...*

*... Tưởng tượng mạnh và rõ ràng đến nỗi có nhiều khi đã làm tôi hoảng sợ. Những lúc đó tôi muốn chết, cái chết nhẹ nhàng như tiếng chết tôi muốn la lên một mình, nhưng nó nhỏ lí nhí, lúng búng trong cổ họng, tôi trở dậy đóng cửa sổ hay mở ra làm một cửa chỉ gì đó, kiếm một viên thuốc uống, đi lại trong phòng và chính lúc đó, tôi lại nhìn thấy tôi nằm trần trọc trên giường. Dĩ*

*nhiên đó chỉ là ảo tưởng...*

*(Ngày tháng, trang 46-47)*

Ảo tưởng đã du con người vượt thoát thực tại, đồng thời đẩy con người vào thất vọng khi vụt tỉnh. Vinh đó, nhưng chàng không thể nào gần Hà, vì tình yêu chỉ là một phần của đời sống. Ngoài tình yêu, mỗi người đều có nhiệm vụ riêng, trách nhiệm riêng về đời mình. Đi vào tình yêu là đi vào miền lưu đầy không giới hạn. Biết thế mà Hà vẫn trầm lặng cam chịu bằng cách chối bỏ lời xin của người bạn Mỹ, tuy khác nòi giống, nhưng yêu nàng tha thiết. Nàng là người đàn bà chung thủy chăng? Chưa chắc! Nàng là người Việt Nam nhiều tinh thần dân tộc chăng? Chưa chắc! Chỉ có điều không thể hồ nghi: Hà, kẻ bệnh hoạn! Nỗi buồn đã trở thành chứng bệnh, dù nhà văn đã tạo cho Hà một bức tường đạo lý tượng trưng. Nỗi buồn gặm nhấm làm mỗi mòn cuộc sống và bệnh nhân chỉ còn biết giao phó tính mệnh cho viên thầy thuốc. Vinh là viên thầy thuốc đó. Thay vì cho người yêu uống thuốc bệnh, chàng lại cho nàng uống toàn độc dược có đặc tính kích thích thần kinh,

*... Sự vuốt ve nhẹ nhàng nuôi từng chút cảm giác cho lớn dần, rồi thoát ra như mạch nước, tôi giữ cứng thân thể không cho chuyển động, và trong một giây mắt mũi tôi bỗng tối sầm, trí óc và cảm giác tan lẫn vào hư không nhoà nhạt làm run rẩy hết chân tay nâng thân thể lên rất cao, rồi thả xuống, lắng chìm từng cơn, giữa ý thức bắt đầu thấy lại.*

*Vinh ngủ thiếp ngay trên người tôi, tôi phải dùng sức đẩy anh xuống bên cạnh, sự mệt nhọc và cái kính làm tôi muốn la lên thành tiếng, nhưng tôi đã nằm im, lẳng lơ nằm như con vật chịu thua...*

*(Ngày tháng, trang 67-68)*

Sự đam mê quá độ làm con người mất sáng suốt, hầu hết các nhân vật dưới ngòi bút Nguyễn Đình Toàn đều ở trạng thái bình thường do tình dục cấu tạo. Sự hốt hoảng và xa lạ ngay cả với mình không còn là điều vô lý nữa. Nó quay cuồng, chìm đắm trong cái vực thăm thẳm thể hầu như không cách gì vượt thoát. Cái hành lang thời gian của một kiếp người in đậm nỗi thăng thốt của những cơn mắt lơ đãng mỗi mệ, những ngất ngây nghiêng ngả, những rã rời cảm tiếng! Khuôn mặt người con gái trốn nhà theo trai cùng sống trong vòng đai cao ốc này, đã vẽ vào cuộc đời một dấu than đậm nét. Hà cứ lẫn lộn với ảo tưởng và chập chờn giữa tình yêu như bóng ma thơ thần dưới ánh trăng sông. Thêm một đau khổ nữa, Hà biết mình sẽ chẳng bao giờ có con vì một chứng bệnh thời con gái. Người đàn bà không sinh đẻ không phải đàn bà, dù Hà có biện minh cách nào đi nữa. Những hoàn cảnh bủa vây xung quanh Hà toàn thù nghịch. Nếu có phút giây nào thoả đáng, nó cũng mong manh quá đổi. Tình yêu thì cay đắng như chất độc còn kiếp người thì buồn thảm, bơ vơ,

*... Tôi nhìn xuống giường, nhìn xuống mặt vải trắng bên cạnh mình vừa bị xê đi, tôi có cảm tưởng như là tôi vừa xích người cho một người nào nằm xuống đó, cái chỗ vẫn còn đấy, và cảm tưởng này làm tôi ghê gai khắp cả người, tôi đã nằm chung giường với cái chết, có lẽ như thế, tôi đã nhìn thấy sự sống của tôi lìa khỏi mình, tôi đã nhìn thấy sự trống trải của đời mình, tôi đã nhìn thấy một dấu tích không còn dấu tích nào, tôi đã nằm với sự mất tâm của mình, một lần như thế, đôi ba lần như thế, là hết cuộc đời...*

*(Ngày tháng, trang 99-100)*

Trong lúc thất vọng nhất, tự nhiên dĩ vãng quay về để, vừa an ủi vừa tách rời ảo tưởng và thực tế. Những lời nói ân tình, những dấu vết in hằn trong trí nhớ, những đam mê nguyên vẹn mùi hương và còn gì nữa đây? Có lẽ một vùng sa mù, một giọt sương mắc trên đầu lá!... Tường tượng là hình thức vừa thừa nhận vừa phủ nhận đời sống, cũng như chữ nghĩa là biểu thị đời sống đồng thời nó từ chối điều nó biểu thị. Văn Nguyễn Đình Toàn như độc dược, nó tàn phá mãnh liệt chẳng những trên chu vi cơ thể, còn làm mòn mỗi suy tư. Hà, con bệnh bị giày vò tàn nhẫn dưới uy quyền nhà văn. Chồng chết, vợ trong ám ảnh, người tình luôn ở xa lại còn bị bắt vì đã chui xuống hầm tàu toan trốn đi ngoại quốc. Hà phải lo, phải khóc, phải vất vả trong việc nuôi kẻ ở tù. Sau cùng, vì may mắn, Hà vẫn được Vinh trong một thời gian ngắn nữa. Đây là một ân huệ chót nhà văn dành cho nhân vật,

*... Vinh không nói gì, anh siết chặt tôi trên người, sự say đắm của Vinh làm tôi cảm động, anh hôn trên đó và anh đã cho tôi cảm tưởng nó là bông hoa của đời tôi, của đời chúng ta. Vinh muốn tôi tắm với anh, tôi gọi đầu kỳ cọ cho anh, nước làm cho đục vọng được tưới mát, ướt đầm, trời trong xanh nhìn thấy sau ô cửa nhỏ, những cánh lá đan buồn với nhau...*

*... Mỗi tối chúng tôi đều uống, rượu làm cho tình ái trở nên gay gắt hơn và cũng vì thế quyến rũ hơn, một tuần lễ gần như tôi đã sống thường trực trong sự bàng hoàng, cơn bàng hoàng đã được chìm sâu trong cơ thể, khắp người tựa có hàng ngàn con sâu đất âm u thấp lên chất sáng, chúng mất ngủ đã được những cơn mệt mỏi làm cho thiếp đi, tôi đã ngủ những giấc ngủ của người chết, ý thức mỗi ngày một tan loãng, đôi lúc trở nên mù mịt...*

(Ngày tháng, trang 119-120)

Ý thức về đời sống là một ý hướng được phát hiện trong lúc tỉnh táo nhất. Nó có mặt như lời cảnh cáo, như một dạn dò, khuyên nhủ. Nhưng ý thức là trừu tượng, nó nghĩ về đời sống chứ không phải đời sống nên nó cũng dễ dàng tan biến trong tâm trí một con người cố tình buông trôi thân phận. Cả da thịt cũng vậy, có khi là sông núi cản ngăn, có khi là giao thoa mù mịt!...

Nằm trong tay người tình vẫn ngửi thấy mùi thân thể với ngày tháng bụi ngùi có bóng đêm vây quanh và những giờ lẻ loi, cô độc. Đây đó, lập lòe hình ảnh của cái chết treo lửng lơ giữa hy vọng và tuyệt vọng, để cuối cùng vẫn là xa cách, vì Vinh bị gọi nhập ngũ. Hà sửa soạn tiễn người tình vào trại với ý tưởng khổ não. Nhưng nàng đâu có biết, trò chơi nào rồi cũng tàn và cuộc đời không biết cảm động!

Ở hai tác phẩm *Con đường* và *Ngày tháng*, Nguyễn Đình Toàn đều dùng nhân vật phái nữ giữ vai chính, và cả hai thân phận ấy, chẳng người nào được chút may mắn, có chăng chỉ là những khoảnh khắc đam mê tình dục rồi tắt lịm trong mỗi mệt rã rời. Trần gian sự thực có nhiều lạc thú nhưng sao, nhà văn chỉ chọn toàn những đắng cay, bi phẫn để bắt nhân vật do mình cấu tạo - xuyên qua cuộc đời - phải đắm chìm giữa cơn lốc nội tâm cuồng nộ? Và con đường ấy, ngày tháng ấy, sẽ dẫn con người đến đâu trong một xã hội đã băng hoại cả luân lý lẫn đạo đức? Có lẽ, vấn đề đó ở ngoài cương vị nhà văn.

Tác phẩm *Không một ai* (1971), nhân vật chính, một thanh niên đau yếu vì đã bị thương trong thời gian hành quân, về thành phố làm công việc mới. Sự hiện hữu của vết thương, chẳng những làm suy yếu thể chất, còn làm cho nghĩa sống giảm mất phần tốt đẹp của nó. Nhân vật xưng tôi, muốn thay đổi, muốn vứt bỏ hiện tại đón đau, đó là ý nghĩ tốt, nhưng chỉ là ý nghĩ thôi, vì làm sao chàng ta có thể cải tạo được cuộc sống có đó, trong khi mình chỉ là cá nhân mang thương tích tàn phế? Không những thế, trong tâm sự, đang bị hành hạ bởi cuộc tình dang dở và một nhen nhúm bắt đầu. Nội dung tác phẩm tiết ra nỗi buồn thương lãng đãng với những sự

kiện được nói tới qua bốn nhân vật: Chàng thanh niên bệnh hoạn, Ph., người đàn bà tình nhân, Trang đang khốn khổ và Kế, người đàn ông đứng tuổi còn nhiều đam mê. Cái trục xoay quanh vấn đề tình ái và cuối cùng chẳng còn lại gì ngoài sự đổ vỡ toàn diện. Lối dựng truyện của Nguyễn Đình Toàn bao giờ cũng vậy, rất ít nhân vật, và điều quan trọng lúc nào cũng nằm trong phần độc thoại nội tâm. Do đó, đọc văn Nguyễn Đình Toàn, không thể đọc mau, đọc lướt, mà phải đọc trong lúc tâm hồn thật thanh thản và có khoảng thời gian rộng trước mặt, người đọc mới thấu triệt được hết cái hay của văn chương. Văn của Toàn không mang theo dòng gió hay bão táp, nó trầm lướt như những đợt sóng ngầm miên tục vỗ vào lòng người làm say say, ngất ngất. Có người nói, văn Nguyễn Đình Toàn nặng vì chuyên chở quá nhiều ý nghĩ, nó không sống động, lối cuốn. May mắn thay, đó là điều nhà văn hằng mong muốn vì nó là cá tính đặc thù của Nguyễn Đình Toàn.

Chàng thanh niên ốm yếu, bệnh hoạn không chịu nổi tiết trời thay đổi, mưa hay nắng bất chợt đến có thể làm cho thân xác lả xuống, do đó, nếu trong tác phẩm, nhân vật có ý tưởng bi quan nào, cũng không có gì đáng ngạc nhiên,

*... Giấc ngủ cũng trở nên ẩm ướt, đôi khi tôi không phân biệt được những gì mình đang nhìn và nghe thấy là trong lúc thức hay mê ngủ. Những tiếng động như gõ mãi vào tiềm thức, đôi khi chợt tỉnh dậy trong đêm khuya, nghe cùng một lúc tiếng mưa gió bên ngoài và những tư tưởng, thân thể ngỡ trôi trong cõi mù mịt nào, ngỡ như mình đã chết. Mưa trong cõi trong và cõi ngoài chìm tâm trí hẳn vào cơn ảo giác. Thân thể cùng một lúc nhẹ tênh như chiếc bong bóng trôi trên mặt nước hắt hiu những lau sậy, ao ước được thay đổi, thay đổi cái bầu không khí đang thờ, thay đổi những nỗi mờ ám đang bám trên các vật dụng nhìn thấy hằng ngày, thay đổi cách sống, thay đổi cái nhìn...*

(Không một ai, trang 9)

Đau thay! Mơ ước chỉ là mơ ước vì ý nghĩa cuộc sống không nằm trong ý nghĩ của một người, vì cuộc sống không phải chỉ có con người đơn thuần, nó còn được hình dung qua địa lý và lịch sử. Sự hiện diện của Trang, người bạn gái cùng sở, dưới cơn mưa giữa một khung cảnh mang nhiều phiền não, phải chăng là nguyên cớ để hy vọng có sự đổi thay? Người tình đã bỏ đi, cơn buồn còn giăng ngang tầm mắt, nào có gì đáng mơ ước đối với một thân phận èo uột, với thể xác chết sững một nửa vì chứng tích chiến tranh, một nửa vì chán chường tình ái. Niềm u tối như bủa vây khắp ngả đến nỗi chàng trai chẳng dám nhìn cả khuôn mặt người đàn bà vì đã yêu hay thương mà diu mình qua khỏi cơn ngất xỉu giữa đường. Trang, là chiếc bóng, mãi mãi là chiếc bóng vừa dịu hiền vừa đáng mến. Nàng cũng lặn đặng, gian truân trong vấn đề tình ái. Hiện nàng ở với mẹ và hai đứa con. Nhưng tình thương yêu này cũng không đuổi được ra khỏi hồn nàng niềm cô đơn và đói khát đàn ông.

Chàng trai đã xuyên qua Trang để thấy người tình, người tình phụ rẫy,

*... Tôi nói với Trang, nói với Trang ngồi trước mặt, nhưng tôi vẫn còn như muốn nói với nàng, bởi trong chiếc ghế đó nàng đã ngồi, chính trong chiếc ghế đó nàng đã chia sẻ với tôi những hơi thở ngọt ngào của nàng những lần trò chuyện âu yếm...*

*... Nàng bỏ đi vì tôi đã không biết yêu nàng, chỉ có thể như vậy, yêu cũng có một cung cách ư? Đó là điều tôi không nghĩ tới, không tưởng tượng, không muốn thử tìm hiểu làm gì.*

*Có thể có một cách bày tỏ tình yêu chung cho nhiều người hay cho một người chẳng? Hạnh phúc cũng như thăm kịch, có lẽ đó là điều chúng ta không thể lựa chọn...*

*(Không một ai, trang 25)*

Mọi người sinh ra đều không có quyền lựa chọn gì cả, nhưng cũng không phải để cúi đầu chấp nhận mọi sự tình, mặc số phận đẩy đưa, mà phải thu xếp những mâu thuẫn, nguyên có chính đáng để có thể vì nó mà yên tâm bước lần theo con đường số kiếp với chút hăng hái nơi lòng.

Tình yêu trong tác phẩm của Nguyễn Đình Toàn không bao giờ nguyên vẹn. Nó đứng chênh vênh trên bờ vực hay lơ phơ phát trong từng ý nghĩ mong manh. Nó cuồng nộ một cách giả tạo. Nó vượt quá xa mức độ một cách giả tạo. Nó vượt quá xa mức độ thực của nó. Nó chỉ được phác họa mà không bao giờ cụ-thể-hóa được giữa cuộc đời. Những ý nghĩ táo bạo về dục tình cũng chỉ để nói với mình, để lừa dối mình, để chiến thắng mặc cảm, thứ mặc cảm bất lực về thể chất vũ bão ở nội tâm.

Buổi sáng Chủ nhật của thành phố, trong quán nước vô tình, người yêu cũ chợt tới. Sự gặp gỡ này như một khẳng định, một ý muốn rõ ràng để chứng minh quá khứ, chứ không phải hiện tại,

*... Những tiếng nói làm náo động sự yên tĩnh trong tâm hồn, sự yên tĩnh đang bị vây hãm bởi những tiếng động dồn nén bên ngoài.*

*"Em yêu anh. Nhưng có lẽ anh sẽ sung sướng hơn với một người đàn bà khác".*

*"Vấn đề không phải là chúng ta sung sướng hay khổ hơn. Nhưng..."*

*"Anh muốn trở lại từ đâu?"*

*"Anh yêu em..."*

*Tôi nói và nhớ lại những buổi sáng trong bệnh viện trời còn âm u...*

*... Tiếng người ho, kêu la trong các dãy nhà thấp. Vẫn cái mùi hôi ẩm mốc, của cái chết, những vết thương tấy sưng, của những cuộn băng đầy máu mủ, của những thứ thuốc sát trùng formol, đờm rãi, cặn bã, những cống rãnh, chuột bọ. Những nệm giường cáu ghét loang lổ, bao nhiêu người đã nằm, đã chết, bao nhiêu người còn sống...*

*... Em đã đến với anh những ngày buồn thảm đó, bây giờ em bỏ đi làm thế nào anh không xót xa...*

*(Không một ai, trang 74-75)*

Nhắc nhở đến quá khứ, với những ân tình đậm thắm, như một tiếc nuối để chụp bắt lại những gì đã vượt khỏi tầm tay. Nhưng vô ích, mỗi ngày qua đi, mỗi buổi xa nhau có thể làm sai lệch những ý tốt đẹp nhất, có thể làm rã rời cả suy nghĩ về nhau. Tình yêu có những lúc thật buồn thảm mà kẻ yêu nhau bao giờ cũng là tội nhân ở bên này hay bên kia ước muốn! Một người đã quyết tâm rời bỏ thì người kia còn chờ mong gì ở cuối đường hồi tiếc? Sự gặp lại chỉ còn là kỷ niệm, mà kỷ niệm y như sợi tơ nhện bị gió bão làm đứt nát từng khoảng,

*... Tôi muốn thả xuôi theo ngày tháng, đời sống và cái chết đã có giá trị ngang nhau, giống như nhau. Tôi đã được cứu sống nhưng tôi không biết dùng đời sống tôi để làm gì ngoài cái việc giản dị là tiếp tục sống nốt cái quãng đã được cứu thoát, đã được trở lại đó...*



*... Trở lại cùng với ánh sáng, với những tiếng nói cười, những bữa ăn, những quán nước, những lúc đốt thân thể trong những cơn thiết tha muốn sống, muốn yêu, muốn khóc, muốn được bình thân như cỏ cây, muốn hung bạo như thú dữ, muốn bay muốn hát như chim, ngày mỗi mệt trong giấc ngủ trưa, đêm thánh thót trong tiếng mưa giục giã, những cánh tay quần quít, những môi hôn ân huệ, tham lam những mắt nhìn âu yếu, những cơn trở giấc lắng nghe than thở, những vuốt ve triu mến vu vơ, môn trốn, chiều chuộng một ngày như một ngày sống lại, một đêm như một đêm đã chết đi...*

*... Tình ái như cơn nước vừa tầm mắt, vừa đầy đũa, vừa dim sâu, chìm đắm. Trong đáy sâu của cõi chết, của đời sống thấp lửa mỗi ngày đó, tôi đã dần dần lấy lại được sự bình an. Nàng như con cá muốn trườn khỏi dòng nước, vượt lên một mình...*

(Không một ai, trang 88-90)

Ngon lửa yêu đương do nhà văn thấp sáng, sự thực, cũng chẳng soi tỏ được bao nhiêu. Nó le lói trong tiềm thức và chao động trước bão táp cuộc đời. Thứ hạnh phúc tạm bợ, chấp nổi, kéo dài bao nhiêu chỉ làm khổ nhau bấy nhiêu. Rồi hối tiếc và chán nản như con mọt đục sâu lòng gỗ, nó a tòng với thời gian làm mục nát tất cả. Nó như bóng mây bay ngang mặt đất, vẫn buồn bã trong mỗi đắn đo, kể cả đắn đo về hạnh phúc. Hương thơm tình ái chỉ như cơn gió nhẹ lướt quá trí tưởng tượng, như tia nắng chợt lóe lên rồi tắt lịm trong cơn giông đổ tới. Sự trở về của Ph. vẫn chẳng làm nguôi ngoai tiếc hận với những búng máu ứa ra từ cổ họng và những cơn ho bệnh hoạn phát động trầm trọng trong cơ thể yếu đuối của chàng trai.

Với tình yêu, sức khoẻ cũng là yếu tố quan trọng, vì không ai có thể yêu nhau bằng tinh thần suốt đời nếu có hoàn cảnh chung sống. Ngoài nguyên nhân thuộc tình cảm hoặc cung số, thường ra, chuyện ngoại tình đều do sự bất lực thuộc phía đàn ông hay bởi sự lãnh cảm ở phía đàn bà.

Nhân vật trong truyện chạy trốn vào thú đam mê khác mong khoả lấp thực tại. Chàng trai đã thử thời vận hay tìm lãng quên trong việc đánh cá ngựa. Cơn đỏ đen của cuộc chơi này tuy chẳng phải điều thích thú nhưng cũng cho chàng ta biết thêm một khía cạnh khác của đời sống, ngoài ái tình. Trò đánh cá ngựa, dĩ nhiên không hào hứng bằng cuộc chơi tình ái, nên sự được thua không tạo nên ảnh hưởng. Dù ở đâu, trong hoàn cảnh nào, nhân vật cũng chẳng có cách gì ra thoát khỏi vùng sương khói của thất vọng bữa vây trùng lớp để chìm sâu ý nghĩ vào hờn giận, khổ đau. Tiếng hát nào, thân hình đàn bà gợi dục nào, với những ly rượu cay nồng dung tích phòng trà cũng chỉ là chuyện tìm quên chốc lát. Nhân vật như chìm đắm, bị cuốn hút xuống vực thẳm, ở đáy, không còn gì ngoài cái thể xác bệnh hoạn và tình yêu xa vắng. Cái ô vuông do nhà văn ấn định cho nhân vật di chuyển và suy nghĩ, thực quả nó quá nhỏ hẹp, bị dồn nén với bức bối để nảy sinh ra ý tưởng bi đát,

*... Những đêm khuya chợt nghe tiếng ve kêu rộn từ một nơi xa tít nào dội lại như một sợi dây, lao đảo trong cõi mịt mùng nào của khu xóm mà mọi tiếng động đã ngừng hẳn, anh bị vây bọc bởi sự im lặng hắt hiu phủ lấy anh bây giờ như một niềm thân mật độc nhất mà anh có thể hoà hợp, không còn một tiếng động nào, nhưng dường như sự nặng nề của muôn ngàn tiếng động dồn nén trong suốt một ngày, (trong nhiều ngày) không thể thoát đi quanh quần đùi đó và vẫn còn đủ sức làm cho hơi thở trở nên khó khăn...*

(Không một ai, trang 123)



Sự chờ đợi Ph. trở lại mỗi chiều đi làm về với tiếng mưa rơi bên ngoài mồn mõi. Những bước chân quá khứ đi nhẹ nhẹ vào hồn với viên gạch có dấu sơn loang. Viên gạch còn đó, nhưng lối cũ em chẳng trở về, trong lúc ấy, hình ảnh Trang dập dềnh ẩn hiện tuy gần mà xa vì cuộc tình không phải và không thể được cấu tạo do sự nhút nhát với đề phòng của mỗi bên.

Kế, người đàn ông đứng tuổi, cùng phục vụ chung một cơ quan, đã vẽ đường cho chàng trai chơi cá ngựa bây giờ lại rủ đi hút thuốc phiện. Việc đến tiệm hút là một bất ngờ nhưng, lỡ rồi, mặc kệ! Cái trò chơi này chàng trai đã thử đôi ba lần mà chưa tìm thấy thú vị, nhưng nể bạn, cũng cố kéo hai điếu, thấy ngây ngất, lơ mơ! Chàng trai hút để biết mùi đời, còn Kế hút vì có lý do,

*... Kế cười:*

*"Tại vì anh chưa già, cũng tại vì anh chưa có vợ, nhất là anh không có hai vợ, trong đó một người chỉ bằng nửa tuổi anh, anh chưa biết cái thứ này nó effect như thế nào".*

*Tôi cũng cười bảo Kế:*

*"Kinh nghiệm nào của anh nghe cũng rùng rợn cả".*

*Kế nói:*

*"Đàn bà là thứ kỳ lạ lắm. Suốt đời tôi chỉ mong hòa với họ mà không được".*

*Anh làm tôi bật cười. Tôi tưởng lại những ngày chung sống với Ph., hạnh phúc chúng tôi tạo ra với nhau là một thứ hạnh phúc êm đềm, nó không có vẻ gay gắt như Kế nói. Có lẽ điều đó cũng tùy người, tùy trường hợp.*

*Kế nói tiếp:*

*"Cảm bằng như tất cả mọi sự rồi cũng tan thành mây khói cả, cảm bằng như cuộc đời được xếp đặt đúng như ý anh, cảm bằng như kẻ trước người sau ta đều không gặp mặt, và đời chỉ ngắn ngủi như một hơi thở, tại sao mình lại không tìm cách kéo dài những cái phút tạm gọi là hạnh phúc cụ thể đó..."*

*(Không một ai, trang 155)*

Sau những giờ dài trong trường đua và tiệm hút, nhân vật, con-người-bệnh-hoạn, đã thoáng thấy một cái gì tàn tạ, một cái gì lạng lẽ, bơ vơ như cái chết gần kề.

Chàng trai trước mắt Trang, người-đàn-bà-không-may, lúc nào và bao giờ cũng gọi đến cho nàng cái cảm giác: hấn sẽ gục xuống, hấn sắp ngất đi, nên những phút gặp mặt là mở đầu cho thương hại, tuy có ẩn ý mền yêu. Lời đối thoại trong truyện thật ít, chả nhẽ tác giả bắt các nhân vật cảm cả, vì cái trục của tác phẩm nằm ở phần độc thoại nội tâm của nhân vật xưng "tôi". Vì phần độc thoại hơi nhiều, nên những trang sách thiếu linh hoạt, đôi lúc nó làm người đọc mệt mỏi bởi quanh quẩn mãi với một thứ tiếng, một tâm trạng, một cảnh huống đã như vậy, mãi mãi như vậy! Chính thực, nhà văn muốn đi sâu vào ý thức, muốn dùng văn chương để chuyên chở ý tưởng, nhưng sự chuyên chở nào cũng vậy, nó đòi hỏi một kỹ thuật tuyệt luân, một biến hoá vô cùng và một tài hoa xuất chúng, mới mong đạt được kết quả.

Bất ngờ đã xảy ra, Ph. trở lại căn phòng xưa làm chàng trai bồi hồi cảm động gần như bờ ngõ. Sự trở về này cũng tựa tựa như sự trở về nơi đũa con hư hỏng trong tác phẩm của Gide. Cái mùi hương quen thuộc trên da thịt đàn bà lại chìm tuối trẻ vào thú vui nhục thể. Sự trở về, có thể là một trở trên, nhưng nó vẫn có tác dụng làm sống lại trong tiềm thức mỗi kẻ yêu nhau, những quá khứ vội vàng,

*... Mỗi lúc được gần gũi nhau như thế, tôi thường có cảm tưởng ngây ngất dường như nhắm một chút rượu say, tôi nhớ tới những ngày lẻ loi đã sống, tôi sợ cái lúc sẽ chẳng còn được sống với nàng nữa, hình như mỗi lúc ở bên nàng, tôi đã biến thành một người khác, và tôi sợ sự khốn khổ này có thể lây sang nàng nữa, tôi trở nên bối rối và bất thường trong trạng thái đó...*

*... Sau mỗi cơn ân ái tôi có cảm tưởng chúng tôi mỗi kẻ chìm sâu thêm xuống cái vực ngăn cách của mình, giống như một chiếc quan tài trong suốt, nhìn ngó nhau qua mặt trong của lớp vỏ sâu thẳm đó, sức lực, sự âu yếm, xót thương, tập trung trong cuộc hòa hợp dốc hết ra trong cuộc hoà hợp đó, thân xác trở nên khô héo, tình ái giống như một cuộc ép xác, cuối cùng chỉ còn tro nổi quạnh hiu ngày tháng phủ trên tàn lửa quạnh hiu đó một lớp tro than chờ giờ nguội lạnh...*

(*Không một ai*, trang 194-198)

Những ly nước đã hết đi rồi muốn vớt cũng không được, nên cuộc tình có trở lại cũng chỉ là niềm băn khoăn vì không có tương lai, quá khứ thì bùng bùng, nhào nhoẹt. Đời sống của mỗi người là một chân lý, cái chân lý đó ít ai nhìn thấy cứ chạy quanh đi tìm ở mãi đâu. Tình yêu cũng vậy, nó chính ở trong lòng mỗi người, khôn khéo thay, con người vì chọn lựa, đánh giá, so sánh làm cho mỗi cuộc tình trở nên bi thảm! Tình yêu trong tác phẩm Nguyễn Đình Toàn luôn luôn bị du vào thể kẹt để nhà văn phải vì nó mà tổn hao bao nhiêu suy nghĩ. Sự tình đó không xa lìa đời sống, nó là đời sống có đấy, nhưng hình như nó cũng chẳng phải vì đời sống mà hình thành sự thể. Nhân vật trong truyện không nhìn nhau trực diện, nó mập mờ vóc dáng và nặng nề hoạt động. Trong tác phẩm *The Sound and the Fury* (*Âm thanh và cuồng nộ*) Faulkner đã đưa ra những mẫu người có nhiệm vụ phải thực thi những gì đã ấn định trong tâm thức, đồng thời xuyên qua các hoạt động và ngôn ngữ của từng nhân vật, ở đây nhà văn trình bày ý niệm u uẩn: cuộc đời là bi đát, con người là nạn nhân, còn thời gian là ám ảnh. Ba thứ đó lút mỗi suy nghĩ để tạo nên đổ vỡ.

Nguyễn Đình Toàn dẫn dắt nhân vật của mình đi vào sự tàn phá nội tâm, như con bệnh trầm kha luôn luôn than van về thuốc men, và đau đớn. Vì quá sợ nên liều, nó phó mặc cho định mệnh: *Một sự tàn phá im lặng và êm đềm, một bề ngoài êm đềm giống như trái cây còn nguyên vẹn nhưng thực ra lõi sâu đã đục nát bên trong, một tiếng chuông tự bùng kín tiếng kêu, tự dội lại trong vũ trụ của mình những cơn chấn động!* Nguyễn Đình Toàn đẩy nhân vật đi vào tình yêu nhưng ít khi cho nó có được giây phút đầy đủ trọn vẹn. Nó bị đình dập, đè nén bởi những ý nghĩ u tối làm tan rã mọi niềm vui. Nó như mưa chiều, nắng sớm. Nó hợp rồi tan. Nó là sự đùa giỡn quá trớn. Nó quá khứ vội vã, đồng thời nó cũng chia lìa bất chợt. Trang đã làm ái tình với Kế, người đàn ông biết hưởng thụ nhưng ít suy nghĩ. Trái lại, chàng trai yêu Ph. như yêu một cái gì cao đẹp, chỉ riêng mình mới thấy. Sự đi, ở của Ph. dùng dằng như nửa cho, nửa tiếc,

*... Đôi khi tôi có cảm tưởng thời hạn cuộc tình của chúng tôi đã hết, ngày đã qua, bây giờ là thời khắc của đêm đáng nhẽ nó phải giải thoát tôi khỏi nàng... nhưng không phải, chúng tôi đã chung sống, đã yêu nhau, nhưng hai kẻ vẫn có một kẻ muốn tách ra khỏi người kia, tình muốn*

*bỏ tình chứ không phải người muốn bỏ người...*

*(Không một ai, trang 256)*

Những trang sách nhiều lúc bài hoài, lê thê, liễm kết vào bên trong tâm trạng của nhân vật với giằng co, níu kéo, lúc vứt đi, lúc nhặt về, với từng cơn lốc nhục thể.

Giữa lúc đó, Kế được thăng chức cùng với cái chết của con ông. Cái chết của một sĩ quan Quân y ngoài mặt trận. Chiến tranh, đối với Nguyễn Đình Toàn là điều xa lạ, rất ít được nói tới trong tác phẩm, nếu có đề cập chẳng qua cũng như một điểm trang thời thượng. Kế, chẳng biết vì buồn hay do duyên cớ nào khác, lại rủ chàng trai đi hút. Cái không khí dơ dáy của tiệm hút được mô tả với những dòng thật thô nhưng đúng. Mọi người tới đây để hút chứ không để nhìn và khi cơn say đã tới thì cả vũ trụ đều là hư ảnh,

*... Tôi hút hai cặp và bắt đầu cũng thấy lơ mơ, dường như khói bỏ đi khắp xương tuỷ không có một cảm giác nào rõ ràng cả, nhưng khắp người là tất cả những cảm giác mơ hồ đó hội tụ lại, nó làm cho muốn loay hoay tìm kiếm cái này cái khác châm vào ngọn đèn đốt...*

*(Không một ai, trang 274)*

Lúc trở về, cơn say đã thấm, chàng trai nôn ọe trong phòng tắm. Say thuốc phiện khổ lắm, nghiện ngập thật xấu xa, nhưng Phù Dung tiên nữ có vạn phép màu làm cho ai đã trót mê nàng khó lòng dứt bỏ. Một trong những phép màu đó là nàng trợ sức cho công việc làm ái tình. Ph. ngạc nhiên trước sự dai dẳng của một thể xác vốn yếu đuối lại ham mê sinh lý.

Kế, còn môi giới cho chàng trai gặp Lan, cô gái bụi đời thường có mặt tại trường đua. Chàng đóng vai gã phiêu lãng để thay đổi không khí và để có ảo tưởng đã xa được Ph., một người tình đã trở nên bần tiện. Sau trận tình, chàng trai trở về ngủ thiếp, Ph. chong đèn ngồi khóc! Rồi nàng bỏ đi... Nằm một mình, chàng trai chợt nghĩ đến những tên tuổi đàn bà đã lướt qua đời cùng những thân hình mờ nhạt thiếu sinh khí, thiếu linh động.

Thế rồi chàng lại tìm đến tiệm hút, có Lan đi cùng,

*... Tôi bảo Lan:*

*"Em ngồi xuống cạnh anh chơi".*

*Tôi để ý cũng chẳng thấy Lan có phản ứng gì khác lạ.*

*Người chủ tiệm nhòm dậy thấp đèn đi lấy thuốc. Lan ngồi sát bên tôi, nàng kéo cao gấu váy cho dễ cử động hơn. Tôi gối đầu trên hai đùi nàng duỗi thẳng, Lan vuốt ve tóc tôi đùa nghịch.*

*Tôi thở trên nàng cái mùi vị thom tho của vải và đàn bà. Chiếc mini jupe kéo lên chỉ còn lại trên háng nàng một quần lót mỏng. Hai đùi Lan mềm, nàng lặng lẽ như một mặt nước. Người chủ tiệm mang thuốc lại tiêm cho tôi hút như một khách hàng quen thuộc...*

*... Lan quàng tay ôm ngang bụng tôi, tôi đã say mềm người, tôi nhắm mắt và hai mắt lúc đó như hai cánh cửa đóng lại, nhốt cái ánh sáng của ngọn đèn dầu trong đầu cái ánh sáng không lối thoát mỗi lúc chói thêm lên trên óc.*

*Tôi nghe tiếng Lan ghé sát tai bảo nhỏ:*

*"Trông anh vậy mà không ngờ anh nghiện".*

*Cả cái thứ bụi đời như vậy mà cũng còn chê cái trò chơi này quả là một thứ không ra gì thật...*

*(Không một ai, trang 323-324)*

Cuộc sống như thế, cứ như thế, ngày đi làm, tối ăn chơi. Nhưng đột nhiên nút thắt tác phẩm siết chặt ở những trang cuối. Trang đã mang bầu với Kế, nàng tìm cách phá. Trang báo tin cho chàng trai biết sự việc và chỉ mong gặp mặt, coi như an ủi sự không may của nàng. Ph. vẫn hiện diện trong không gian này như nỗi giày vò. Một quyết định nhân đạo chợt đến, Chứa muốn cứu vớt Trang ra khỏi vực thẳm của tội lỗi mà lương tri cho là cần. Chàng trai không muốn Trang phá thai. Chàng muốn được đùm bọc Trang và cái thai trong bụng. Họ sẽ thành hôn khi nào nàng khoẻ mạnh. Chàng đưa Trang ra khỏi nhà thương vì Ph. đã đi khỏi.

Khi trở về nhà, nhìn vào, thấy ánh đèn. Ph. vẫn còn đó. Có lẽ bị xúc động mạnh trước thực tại, Trang lên cơn đau dữ dội. Chàng và Ph. lại phải đưa Trang vô bệnh viện. Sau khi thăm bệnh, Trang được đem vào phòng mổ. lát sau, nàng chết. Một cái chết âm thầm, lặng lẽ nhưng đã gây ra những thống thiết trong lòng ba người đang sống: chàng trai, Ph. và Kế. Mỗi lương tâm hình như có trách nhiệm một phần.

Chẳng biết làm gì để giải toả tâm linh, chàng trai lại đi hút. Đang nằm bên khay đèn. Cảnh sát xét nhà, chàng bị bắt. Ở nơi tạm giam, chàng nhờ người báo tin cho Kế và nhờ chức vị, ông ta đã lãnh chàng ra khỏi bót. Sau đó, chàng trai lại tìm cách tự trốn khỏi mình bằng cuộc đua ở trường đua. Chàng đã thua, đã mất hết, và cánh cửa định mệnh bây giờ do mình mở lấy. Cô đơn lại trở về cô đơn! Tác phẩm *Không một ai*, đã trình bày những khía cạnh thật u uất, thật khắc khoải ở nội tâm từng nhân vật. Mỗi số phận hầu như do định mệnh dẫn dắt họ đến gần nhau để làm khổ nhau một cách vô ích, trong những ý tưởng chán chường về tình ái cũng như đời sống. Cái chủ đề của câu chuyện nằm ở đó. Nó vô lý như vậy, mà thân phận mỗi người trong thực tế, nhiều khi âm u hơn! Nguyễn Đình Toàn viết như cắm sâu vào lòng giáy những cái mốc nhọn và chắc, nó có đủ sức chống chọi với thời gian và thay đổi.

Nguyễn Đình Toàn đi vào văn chương không với tư thế kẻ nhàn du. Mỗi bước chân như in đậm vào mặt đất sự khó nhọc, vất vả của kẻ tìm đường - con-đường-số-mệnh - mà nhà văn luôn luôn cúi đầu chấp hành mệnh lệnh. Nguyễn Đình Toàn không phải nhà văn phản kháng, phần nộ nhưng cũng không chấp nhận trần gian này là điều mong ước. Con người và thời gian như hai kẻ thù chạy đua giữa cõi sống và chết. Một bên sợ mất, một bên bắt phải mất, dĩ nhiên con người luôn luôn là kẻ bại trận.

Ngoài những truyện dài, Nguyễn Đình Toàn viết rất nhiều truyện ngắn. Mỗi truyện gói trọn một vấn đề thuộc đời sống tâm linh với đấng cay tình ái. Tuổi già, đối với nhà văn như một thất bại lớn, thất bại hoàn toàn. Con người không ai tránh được nó, trừ phi chết trẻ. Tuổi già như sự nhục nhã. Nó hiện hữu hết sức vô ích, dù ở chiều kích nào. Truyện *Đêm lãng quên* tuy ngắn nhưng cũng đủ nói lên tất cả những nhục nhằn mà tuổi già phải gánh chịu. Cuộc sống vật chất dù thiếu thốn, vẫn có thể kham được, chứ sự bất lực về thể chất nó tạo nên mặc cảm chua xót,

*... Tôi đã nghe thấy tất cả cái hắt hiu tàn lạnh của một đời người, của những đêm mãi mê trong các cuộc truy hoan, đổ đên tích lại trong máu huyết, bây giờ đang muốn tắt đi cái dư vị cuối*

*cùng, tắt đi cái chút lửa còn sót mỗi khi cơn bệnh bớt hành hạ, cho cái cảm tưởng, ta vẫn còn chân tay vẫn còn đời sống... Những buổi xế chiều, những sớm âm u, những giờ phút đời sống đã tự giấu mặt, đã lẫn khuất, đã lẫn lộn, tuổi già như một cơn nước lụt đã dâng lên tới ngang ngực, hơi thở đã khó khăn, những thú vui đã bị chìm cả xuống vực thăm phiền muộn, những nỗi phiền muộn không tên...*

(*Đêm lãng quên*, trang 10-11)

Tuổi già quả là hình phạt của Thượng đế đối với mọi người, dù sống trong sung túc hay cùng khổ. Mỗi lần thời tiết đổi thay bất chợt là người già bị ảnh hưởng ngay. Cơn đau tê thấp và sự nhức mỏi gân cốt kéo lê làm rũ liệt cả ước muốn. Những chiếc răng đã mất. Đôi mắt thiếu tinh tường đi đâu cũng loay hoay tìm kính. Những sợi cước thay cho màu tóc và sự chậm chạp của bước chân như đeo nặng cả khối chì. Tình dục nếu được nghĩ tới cũng chỉ là ước mơ xa lạ! Nhân vật trong truyện *Đêm lãng quên* hiện diện như bức tượng để nhà văn nhìn vào nó, như nhìn vào cuộc đời mình mai hậu, trong bối cảnh không kém thể lượng bằng thế. Sự hồi tưởng chỉ là xót xa. Còn gì đau khổ hơn, kẻ đã muốn nhìn rõ vai trò của mình trong những giờ cuối của vở kịch, nên mọi hành động trở nên kỳ cục,

*... Mùa hè thúc giục trong những đêm khuya trở dậy mò mẫm trong căn phòng, nhìn thấy đôi vợ chồng trẻ ở căn phòng đối diện, cách một khoảng sân, cặm cụi vào công việc đó sau khung cửa mở rộng. Đêm quá nóng nực, và họ không thể tưởng ta là con ma xó có thể thức vào lúc đó để rình mò và nhìn thấy họ... Không, không phải chỉ là cái ham muốn thông thường của dục vọng, nhưng hình như nó đã làm rung rinh cả nỗi bi thương bùng bít trong lòng ta cùng với cái chết...*

(*Đêm lãng quên*, trang 14)

Mặc cảm đã làm tuổi già chết cứng trong cái vỏ của nó. Nó tàn rạn như mũi lao ném đi từ bóng tối đến mục tiêu ngoài ánh sáng. Nó hận thù xen lẫn hờn tủi như con vật già vô dụng đứng ngơ ngác giữa đường phố trong buổi chiều tà. Nó âm ảm, tiêu điều trước cái chết treo chênh vênh trước mặt. Thú vui, kỷ niệm và tưởng tượng xáo trộn tạo thành mối bưng nhùng không dứt khoát. Đêm và ngày chỉ là những thời khắc chắc sẽ đến và sẽ qua rồi không tìm thấy vĩnh viễn. Tuổi già, một thất bại hoàn toàn,

*... Khi con nhỏ gõ cửa, ta không thể đoán ra nó... Trong cái bóng đêm đen kịt của một cơn giông nín nghẹn, trận mưa đã không thể nào đổ xuống, đưa con gái hiện lên giữa khung cửa như một khối đen đặc... Có một chút gì đó đã tẩm lẫn vào không khí, cái không khí lạnh nhạt ta thở hít mỗi ngày, làm cho nó trở nên cay sè, mùi phấn, mùi nước hoa rẻ tiền. Một thứ mùi vị đã xa cách hẳn ta như một tấm áo cũ lâu ngày mới được gỡ ra, hương vị phai nhạt đó lại trở nên gay gắt...*

(*Đêm lãng quên*, trang 17-18)

Hình ảnh đứa con gái chơi bời sang phòng lão già xin lửa trong đêm tối làm xao động hẳn tâm tư căn cõi, đánh thức lại tinh xuân đã tàn lụi với tuổi già như nắm tro tàn. Ấc thay, nó lại là tuổi trẻ. Nó có đầy đủ những gì thèm muốn. Nó làm cho lão nhớ đến thời niên thiếu. Cái mùi con gái gọi lên bao hình ảnh! Cái tuổi sáu mươi, cái tuổi khắc nghiệt, không thuốc gì chữa được. Dưới ánh sáng của ngọn đèn âm u, bệnh hoạn, lão nhìn rõ hết thân phận mình và đứa con gái chơi bời vẫn coi lão như cha, với cái nhìn tuyệt vọng,

... Đã từ lâu ta ngắm đời sống, và đời sống diễn ra trước mắt ta trong sự ngó nhìn im lặng đó, diễn ra lặng lẽ như ở bên kia một tấm kính trong, không còn một hoạt động nào bên trong nữa, ta muốn nói phía bên này tấm kính. Đưa con gái đã lạc vào cái chỗ kín bưng của ta bên này và khua động lên, làm ta không còn kịp nhận ra phương hướng của mình nữa...

... Không có lẽ con không hiểu được, không bao giờ có thể hiểu được nỗi cay đắng trong lòng ta, không phải chỉ là sự nặng nề trong một cái thân thể đã tàn tạ nhưng chưa thoả, nhưng mà vì ta còn muốn hút lấy cái đời sống còn đầy nơi con, cái đời sống mà ta đã kiệt quệ, cái đời sống chỉ có thể lấy từ một người khác, cái đời sống không còn thể truyền tiếp nữa, như con ong hút lấy mật của một bông hoa, điều đó chắc con không biết được, đời sống ta hiện giờ như ngọn đèn cháy trong không...

(Đêm lãng quên, trang 23-35)

Tuổi già chỉ biết nhận chứ không còn cho được, vấn đề đó là định luật của tạo hoá. Những điều nhà văn viết ra, không ở ngoài cái định luật đó.

Nguyễn Đình Toàn có cái nhìn không mấy thiện cảm với đời sống, vì đời sống không phải là quê hương mà nhà văn thường mơ ước. Do vậy, khi cần phải tỏ bày thái độ trước nó, luôn luôn nhà văn đi vào cơn sóng thác loạn, dùng nó như khí giới để chống đỡ thực tại. Nhưng cuộc đời trước mặt không phải một khối có thể sờ mó được, có thể di chuyển được, mà nó tan loãng, phiêu phiêu bay bằng bạc trong tâm trí mỗi người rồi buộc chặt vào nhau bằng ước lệ và nhu cầu. Người nghệ sĩ bao giờ cũng đòi hỏi về phần mình cái chủ quan tuyệt đối trong cung cách sống ngay cả ở sáng tạo, nhưng đích thực, họ bị lưu đầy vĩnh viễn trong cái lồng kính trí tuệ mà họ không hề hay biết.

Vì muốn đi sâu vào ý thức, dùng ý thức để nhận định, soi sáng chính sách nên văn Nguyễn Đình Toàn không thể tránh được sự nặng nề, mệt mỏi, đôi khi chìm lắng và băng khuâng trong mỗi trang đọc thoại nội tâm, nhưng chính nó lại là điểm đặc biệt của Toàn vậy.

### **Trích văn Nguyễn Đình Toàn Sương mù và lá**

Phượng ra khỏi nhà lúc bảy giờ chiều, ngày Chủ nhật cuối năm buồn và hơi lạnh. Phượng không có công việc gì cần phải vội vàng. Nàng chỉ muốn tìm một chỗ yên lặng, vắng vẻ để suy nghĩ về một chuyện. Thực ra, Phượng cũng không biết chắc mình có thể tìm ra một giải pháp nào thì nàng vẫn phải có một quyết định. Thành phố trong một ngày nghỉ vắng vẻ mọi người hình như không được yên ổn cho lắm, mặc dù bên ngoài họ đều có vẻ bình thản. Những biến chuyển của thời cuộc đã đè nặng lên tất cả, tin tức về cuộc hòa đàm tại Ba Lê, những trận đánh kéo dài suốt từ Tết Mậu Thân và các cuộc pháo kích vẫn còn là những nỗi lo sợ cay đắng của mọi người. Bao giờ hoà bình sẽ tới? Điều mà tất cả mọi người đều khát khao đó, đôi lúc nghe xa vắng và bí mật như những địa điểm mà từ đó, những trái đạn đã được bắn đi, người ta chỉ thấy những tai họa tới gần giáng xuống, hoà bình ở đâu, ai biết? Trong cõi mù tịt của hiểm họa và hy vọng đó, những đời sống riêng tư vẫn tiếp tục. Những nỗi âu lo trong lòng Phượng hiện giờ.

Từ ngày mẹ bỏ đi, cái ngày đó xa như tuổi thơ buồn thảm của Phượng, nàng đã được cha đưa về sống ở cái thành phố lạnh lẽo, nhỏ bé này. Năm nay Phượng 18 tuổi. Phượng đã sống mười sáu năm trong cái nhịp trẻ nãi, âm thầm và nhạt nhẽo của cái tỉnh lỵ này. Nàng đã quen, đã nhớ từng góc phố, từng viên gạch trên lề đường, cả giọng nói của một số những người dân ở đây,



họ có thể đều là thân chủ của cha nàng, bác sĩ Phát. Vì làm thế nào sống mười mấy năm trong cái tình lý này, người ta không một lần đau ốm? Cha nàng lại là vị bác sĩ giỏi nhất của thành phố, các bệnh nhân đã nói như vậy. Ông cũng là thầy thuốc già nhất ở đây. Chính tuổi già của ông là vấn đề đã làm xáo trộn cả tâm hồn Phượng từ chiều qua, sau mười mấy năm sống êm ả như dòng nước của con sông chảy giữa thành phố. Con sông mà vào những ngày gió lớn cũng chỉ đủ gây nên những lượn sóng rạt rào như tiếng gió thổi hút qua rặng thông của ngôi chùa trên ngọn núi nhỏ đầu thành phố.

Chiều qua, sau bữa cơm tối, như thường lệ hai cha con ngồi uống trà ngoài hiên. Trong một lúc bất chợt nhất, vị bác sĩ già đã nói cho con gái biết, về cái chết có thể sẽ đến với ông nay mai. Lúc đó, những tiếng động trong tình đã thừa thốt, đêm trông mỏng manh và yếu đuối như những ngôi sao vừa mọc trên nền trời mờ hơi nước. Ông cụ nằm ngả lưng trên chiếc ghế vải sẽ đu đưa. Phượng nhìn mái tóc và cả hai hàng lông mày của cha đã bạc trắng. Trên dòng sông trước cửa nhà, lúc đó, có một chiếc thuyền máy chạy qua, mang theo những tiếng nổ lộp bộp, và bóng cây dừa cùng khóm mẩu đơn trồng trước sân khẽ lay động chập chờn. Phượng còn nghe thấy một chiếc xe thổ mộ chạy trên con đường nhựa ven sông, vó ngựa đập trên mặt đường rần lốc cốc. Bác sĩ nói với con gái về cái chết của ông bằng một giọng bình thản. Đối với Phượng cái gì liên quan đến cha nàng đều cũng có vẻ lạnh lùng. Hình như từ ngày mẹ bỏ đi, bà đã làm tắt đi cái bóng của ông, ông đã già sụm hẳn xuống, từ lúc đó, và quanh ông đã thực sự trở thành trống trải. Bác sĩ nói:

"Có thể ba nhầm. Nhưng ba cũng nói cho con biết. Bởi vì điều quan trọng không phải là ba sẽ mất. Nhưng là rồi đây, con sẽ phải tự lo lấy tương lai một mình. Ba không có nhiều tiền để lại cho con. Chỉ có căn nhà nhỏ này và một chút ít tiền ở ngân hàng".

Phượng đã quen với tính lạnh lùng của cha, nhưng lần này, trong giọng nói của ông đầu sao cũng không giấu được một chút cố gắng vì trời quá tối nên ông không thể nhận thấy gương mặt xanh nhợt và đôi tay run rẩy của con gái.

Khi bác sĩ đứng dậy trở về phòng, ông muốn lại gần đặt tay lên vai con, nhưng không quen với lối bày tỏ tình cảm chân thật với con, ông mỉm cười nhìn Phượng, rồi chậm chạp bước đi.

Lúc Phượng nhìn thấy ánh đèn trong phòng cha được thắp lên chiếu qua cửa sổ, nàng mới biết mình đã khóc và nhận ra nàng đã bị xâm chiếm bởi một nỗi bàng hoàng lo sợ. Nàng thấy thương cha đã phải sống trong sự cô đơn và trách mẹ đã bỏ cha nàng trong tình cảnh này. Ngày mai, nếu cha tôi chết, tôi sẽ sống ra sao? Đó là câu hỏi vừa nghĩ Phượng vừa thấy tim mình thắt lại trong ngực.

Phượng đi ra phía ngoại ô, băng qua một khu vườn trồng cây ăn trái mọc đầy cỏ hoang, rẽ những đám lau và những dây hoa dại, tới một phiến đá sát bờ sông ngồi xuống. Buổi chiều, mặt sông nước đầy, như căng lên ở giữa đò dòn được về hai phía bờ, Phượng bứt những bông hoa vàng, vút xuống mặt nước, những bông hoa cuộn theo dòng nước chảy loanh quanh trong đám cỏ bờ lan ra tận mép sông trước khi trôi đi mất tích. Một con chim cút trong đám cỏ khô vút vỗ cánh bay lên làm Phượng giật nảy mình. Cả con sông dài trong một phút đỏ hồng trong ánh hoàng hôn. Phượng cảm thấy đời cha con nàng giống như dòng nước chảy âm thầm kia đang dần dần chìm vào đêm tối sắp buông xuống.

Mặc dù định ra đây để suy nghĩ nhưng Phượng chỉ thấy đầu óc trống không. Một lát sau thì đám côn trùng và những tràng súng bên kia sông đã khuấy động tất cả sự yên tĩnh.

Phượng đành đứng dậy ra về. Phượng tự nhủ, cái thành phố nhỏ này không giúp cho người ta



suy nghĩ tốt. Đó cũng là điều nàng nhận thấy từ lâu. "Thôi cũng đành, được đến đâu hay đến đó vậy". Phượng vừa đi vừa thầm nhủ.

Lúc Phượng về đến nhà thì cha nàng cũng đã vào phòng riêng và bỏ bữa cơm chiều. Phượng cũng ăn uống qua loa rồi xuống vườn đi dạo một vòng. Ngửa mặt nhìn trời cao, Phượng thấy lòng nức nở muốn khóc. Chưa bao giờ nàng thấy mình cô đơn đến thế. Bóng cha nàng ngồi im lặng sau cửa sổ. Giữa cha con nàng có quá nhiều yên lặng. Trước giờ đi ngủ, vào phòng bỏ màn cho cha xong, phải cố gắng lắm, Phượng mới dám hỏi cha: "Ba, điều ba nói với con hôm qua...?". Lúc đó, bác sĩ đứng bên cửa sổ nhìn xuống vườn. Đêm đã khuya, bốn bề im vắng. Không đợi cha trả lời câu hỏi vừa rồi của mình. Phượng lại buột miệng nói tiếp: "Ba nghĩ liệu rồi đây có yên không hả ba?". Bác sĩ muốn an ủi con gái, nhưng đã từ lâu ông không thể tìm thấy được ngay những chữ ông muốn, ông lúng túng một tí rồi ngồi xuống chiếc ghế nhìn con, phác tay làm một cử chỉ băng quơ vừa tìm lời để nói:

"Thực ra ba cũng không biết được điều gì nhiều lắm. Chúng ta có quá nhiều người tài giỏi... nên những người như ba... dù đã sống bao nhiêu lâu... và nhìn thấy nhiều điều... nhưng vẫn có nhiều cái ba không hiểu được".

Ông muốn nói thêm cho con gái hay về những điều khá chua chát trong lòng ông, nhưng ông lại cảm thấy lười biếng không muốn tìm thêm lời nữa, và lại cũng chẳng có ích gì, ông nghĩ, và ông tự nhủ thầm: "Cũng vì ta quá chậm chạp nên nàng đã bỏ đi". Ông lập cập mở các ngăn kéo tìm kiếm điều thuốc, bật quẹt châm hút, thở khói ra hai lỗ mũi, hơn khói lọt qua kẽ một chiếc răng đã rụng. Bác sĩ kẹp điều thuốc giữa hai ngón tay. Phượng nhìn theo đóm lửa run rẩy trên tay cha, ông cúi xuống ngó hai bàn tay mình như hai bàn tay của một người xa lạ nào.

Trong những giờ phút cuối cùng (thật thế không ba?). Phượng muốn được nghe cha nói, bất cứ điều gì, nhưng nàng không dám mở miệng cũng không dám cử động sợ làm vỡ con mơ tưởng của ông mà nàng biết, (sau bao năm sống âm thầm như cái bóng cạnh cha), đó là những phút ông đang nghĩ tới mẹ nàng, người mẹ Phượng đã quên cả mặt, nhưng đối với cha nàng lúc nào cũng còn quanh quất nơi đây. Phượng rất giống mẹ. Bác sĩ cứ nhầm lẫn mãi hai mẹ con, nhất là từ ngày Phượng bắt đầu lớn. Có những buổi chiều, sau khi làm việc mệt nhọc ở bệnh viện về, ông có thói quen vào phòng riêng ngồi yên lặng trên chiếc ghế bành quên cả đêm xuống.

Lúc Phượng vào mời ông ra ăn cơm, nghe tiếng chân con và tiếng quần áo sột soạt của nàng, ông đã ngồi nhồm hẫng dậy hỏi to: "Ai đấy", và nhìn thẳng vào mặt nàng, giọng ông nghe hốt hoảng. Phượng biết ông đã tưởng nàng là mẹ nàng, sau khi biết mình nhầm lẫn, ông có vẻ ngượng nghịu lúng túng. Phượng phải lặp lại hai ba lần tiếng "con đây, con đây" và mời ông ra dùng bữa. Những bữa cơm sau đó, ông ăn uống âm thầm cốt cho xong và tránh không gặp mặt con.

Trông dáng điệu cha những lần như thế, Phượng muốn bật khóc ngay đó, nhưng nàng cũng cố nén cơn khóc xuống, để dành đến tối khóc thoải thích trong phòng riêng.

Bữa nay, nghe con hỏi về một bình yên có thể có nay mai không, vị bác sĩ già mới chợt thấy thương con xót xa, ông không ngờ mình đã nặng tình với người đàn bà của đời mình đến thế, ông muốn cầm lấy hai tay con và xin lỗi, nhưng không dám, ông đã bỏ quên con quá lâu, dù hằng ngày cha con vẫn sống chung một nhà. "Lúc nào ta cũng chậm chạp và vụng về" ông nghĩ "con ta sẽ gặp khó khăn thực đấy". Càng thương con, ông cảm thấy giận người đàn bà nông nổi. "Nàng đã giết con bằng nhiều cách. Ta cũng giết con bằng nhiều cách khác". Lâu không thấy cha nói gì, Phượng đành phải lên tiếng hỏi:

"Ba có cần gì nữa không, con đi lấy cho ba".

Tiếng nói của Phượng làm bác sĩ giật mình. Ông quay lại nhìn con và bảo:

"Thôi ba không cần gì nữa. Con về phòng ngủ đi".

Phượng ra khỏi phòng rồi, ông cũng không biết chắc có phải con gái ông khóc không, bởi hình như ông đã thấy mắt con lóng lánh nước mắt. Nhưng ông cũng không chắc lắm vì mắt ông lúc ấy hơi bị hoa. Tự nhiên một cơn đau làm ông gập mình xuống chịu. Bệnh ung thư dạ dày của ông đã tấn công ông mạnh hơn là ông tưởng. Mồ hôi vã ra trên trán, vị bác sĩ khuyu hẳn xuống chiếc ghế ông đang ngồi. "Sau cơn đau này, có lẽ ta chết mất", ông nghĩ. Phải chờ cho cơn đau dịu xuống, ông mới lần được ra tủ thuốc lấy thuốc uống.

Ông trở lại ghế bành lấy đồ dùng tự nghe mạch mình. Sau khi biết kết quả, ông thu xếp đồ đạc cẩn thận, rồi mở cửa phòng, vịn tay vào vách tường lần sang phòng con gái. Ngần ngại một chút, ông giơ tay lên gõ cửa:

"Phượng còn thức không con?"

Nghe tiếng cha, Phượng đang khóc, vội thấm hết nước mắt, chạy ra mở cửa. Nhìn mặt con, bác sĩ biết là Phượng khóc.

Nhưng ông tăng lờ như không biết. Ông cố lấy vẻ bình thường trong khi cơn đau bụng lại muốn quặn lên. Ông nói:

"Ba muốn vào phòng xem con ăn ở thế nào một lần. Con có bận gì không?"

Phượng nhìn thấy mặt cha tái nhợt, nàng vội mở rộng cánh cửa cho cha vào, và bắc ghế cho ông ngồi. Bác sĩ ngồi xuống ghế mỉm cười. Cơn đau quặn lên. "Hãy gượng, bay đừng hạ ta vội", bác sĩ vừa nghĩ thầm và tưởng tượng ra chiếc dạ dày của mình trên tấm kính rọi, và quên hẳn không biết mình định đến và nói với con điều gì nữa. Ông đưa mắt nhìn quanh căn phòng một lượt rồi bảo:

"Ờ, con xếp đặt chỗ ở cũng gọn gàng đấy. Con có thiếu gì không?"

Phượng linh cảm sắp có chuyện gì đây. Nàng chăm chú nhìn cha, đáp:

"Thưa ba, không. Con cũng chẳng muốn bày thêm cái gì nữa cho chật phòng".

Bác sĩ nấc lên một tiếng, ông nuốt cái hơi nghẹn đang trắn ngang cổ xuống, nói:

"Lúc này con có hỏi ba một điều, ba không trả lời con được".

Cái hơi nghẹn ứ lên chặn ngang cổ họng. Trong một phút không ngờ nhất, tự nhiên ông khám phá ra đời sống, giữa hai cha con ông, có một cái gì không ổn thoả, có một cái gì không thật như thế. Việc bỏ đi của người đàn bà làm cho quãng đời còn lại của ông thành lơ lửng giữa sự thực và cõi mơ, chính ông, ông cũng không muốn làm mọi sự sáng tỏ hẳn ra, vì ông biết là ông đã tuyệt vọng, ông quá yếu người đàn bà, ông biết nàng đã đi thật, ông cố nuôi dài cơn ảo tưởng đó để nó nối liền ông với nàng, cơn mê ấy đã kéo dài mười mấy năm, đã quá mỏng không còn buộc giữ được gì nữa, chỉ cần một hơi thở nhẹ của sự thật đủ làm vỡ tan tất cả. Ông đã kéo theo con ông vào cái giấc mơ tiêu tụy đó. Ông đã đi vào quá xa và không còn đủ thì giờ

trở lại. Ông nói tiếp:

"Đời sống đôi khi giống như con chó đã gặm cửa ta cả hai chân nhưng vẫn còn muốn ta tiếp tục đi thêm một lần nữa". Vị bác sĩ lại cảm thấy khá chua chát vì lời nói cục cằn của mình. Ông nấc thêm một tiếng nữa và bây giờ thì cái hơi chặn ở cổ nó nặng như một hòn đá, ông không làm sao nuốt nó xuống nữa.

Ông ngoẹo đầu xuống thành ghế. Ông nghe tiếng con gái thốt lên gọi ông và chạy lại ôm lấy ông. Chiếc ghế lật ngửa xuống thành giường. Vị bác sĩ già thấy mình được gối đầu lên chiếc nệm êm ái đầy ắp một mùi hương quen thuộc và một khuôn mặt thân yêu. Ông muốn giơ tay lên để làm một cử chỉ gì đó, nhưng đôi tay ông không còn thuộc về ông nữa. Đôi tay ông đã dùng cứu giúp bao nhiêu người thoát khỏi tử thần bây giờ lại chẳng giúp được gì cho ông cả. Chúng trôi lênh bênh trong một biển sương mù, và đầu bác sĩ đã gồng nhưng chúng cũng không nắm lại được với nhau nữa.

## 1. Nguyễn Thị Thụy Vũ

Bút hiệu: Nguyễn Thị Thụy Vũ. Sinh ngày: 19-8-1937 tại Vĩnh Long. Viết văn từ năm 1965.

Tác phẩm: *Mèo đêm*, tập truyện, nhà xuất bản Kim Anh 1966, Hiện Đại tái bản 1968; *Lao vào lửa*, tập truyện, nhà xuất bản Kim Anh 1967; *Chiều mênh mông*, tập truyện, nhà xuất bản Kim Anh 1968; *Ngọn pháo bông*, truyện dài, nhà xuất bản Hiện Đại 1968; *Thú hoang*, truyện dài, nhà xuất bản Hồng Đức 1968; *Khung rêu*, truyện dài, nhà xuất bản Kẽ Sĩ 1969 (Giải nhì Văn chương toàn quốc 1970). Đã cộng tác với: Bách Khoa, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Văn Đền, Khởi Hành, Hoa Tình Thương, Tin Sáng, Tiếng Nói Dân Chủ, Đời, Lập Trường, Dân Chủ Mới, Dân Ý, Ánh Sáng, Tin Mặt, Tiến Bộ...

### Nguyễn Thị Thụy Vũ và những cánh thiêu thân

Nguyễn Thị Thụy Vũ, nhà văn phái nữ, hiện diện giữa khung trời văn nghệ với một sắc thái đặc thù. Những ý nghĩ bỏng cháy và giãy giụa về thân xác trong mỗi tác phẩm, đôi khi vượt quá ý nghĩ của nhiều người. Thụy Vũ mới ngoài ba mươi tuổi đời, tuổi nghề vừa lên 6 (1971), nhưng tự tạo cho riêng mình một thế đứng, một cương vị trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Người ta đã hỏi nhau, bàn tán, phê bình về bút pháp cũng như nội dung mỗi truyện của Thụy Vũ, vì nó không nằm trong khuôn nếp thông thường của một nữ nhi, nó đã bay ra ngoài quỹ đạo dự tưởng.

Người ta còn băn khoăn, thắc mắc về mỗi tình tiết, mỗi dữ kiện được nhà văn tỏ bày trong văn chương. Từ băn khoăn đến thắc mắc, rồi nghi ngờ về thực trạng của mỗi vấn đề, mà Thụy Vũ đã đặt ra trước xã hội, về khả năng hiểu biết cuộc sống, một cuộc sống chẳng lấy gì làm hãnh tiến, và sự góp mặt của những chứng tích đó, có nên dành vinh dự cho nhà văn nữ giới?

Cùng đi chung đường với các nhà văn trẻ hôm nay, Thụy Vũ mở đầu văn nghiệp bằng những truyện ngắn đăng rải rác trong các tạp chí văn nghệ. Sự đóng góp của Thụy Vũ trong khu vườn văn chương đã gây ngay sự chú ý, nhờ vào một bút pháp mạnh mẽ xuyên qua từng dòng chữ bỏng cháy với suy nghĩ về tình dục, về xã hội trong nét sống đặc biệt của các cô gái thuộc giới *snack bar* thành phố.

Mấy chục năm trước, khi Nguyễn Hồng viết *Bỉ vỡ*, vẽ lại nếp sống của lớp người du thủ du thực, ăn cắp, ăn trộm tại các bến tàu, các ngôi chợ. Cách thức sinh hoạt của hạng người đó,

với những *ngôn từ chuyên môn* (nói nôm na là tiếng lóng) do họ sáng chế để dùng riêng với nhau, được Nguyễn Hồng viết ra thực chính xác, sống động. Sở dĩ Nguyễn Hồng có thể đào sâu vấn đề để tác động đến tâm thức người đọc, một phần nhờ vào hoàn cảnh có thực. Nguyễn Hồng thuở niên thiếu, mồ côi cha, sống với mẹ tại một xóm lao động ở Hải Phòng, nơi tập trung khá đủ các hạng người cặn bã của xã hội. Dù muốn dù không, cái nề nếp sinh hoạt đó cũng ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của Nguyễn Hồng, nên những sự việc được nói đến, chẳng những trong cuốn *Bỉ vỏ* mà còn ở những truyện ngắn khác, đều phản ánh một cách minh triết về trạng thái xã hội lúc ấy dưới sự cai trị của thực dân Pháp. Đọc *Bỉ vỏ*, người ta cảm thấy như được xem một màn trình diễn trong hí viện vừa vĩ đại vừa nhơ nhớp, vừa đáng thương vừa đáng ghét. Ở đấy, mọi lừa lọc, gian manh và tử cực, được tỏ bày như một hiển nhiên. Người đọc bị hút vào cơn lốc, xoay tròn từng vòng quay thê thảm, tượng trưng cho một dòng sống không thuộc vào dòng sống chung của xã hội. Nó có đấy, nhưng không được thừa nhận. Nguyễn Hồng viết nó, nhưng ở ngoài nó cũng như trường hợp Vũ Trọng Phụng viết *Cạm bẫy người*, *Kỹ nghệ lấy Tây* và *Làm đĩ* v.v... Ai cũng biết Vũ Trọng Phụng không biết đánh bạc chứ đừng nói đến bạc bịp, nhưng khi đọc *Cạm bẫy người* với những lối bịp cao tay trong trò chơi đồ bác, người đọc nghĩ rằng, nếu tác giả không phải tay sành sỏi về môn này, chắc khó mà viết được chính xác, linh động như vậy. Sự thực, nhà văn chỉ giữ vai trò ghi chép và nghệ thuật hoá nó qua lời kể của ông chú, một tay đồ bác khét tiếng của Hà Nội ngày xưa. Cũng như trong *Kỹ nghệ lấy Tây*, Vũ Trọng Phụng đã *điều nghiên* qua kẻ khác.

Trái lại, có nhà văn muốn những điều mình viết ra, nó phải được chứng minh qua sự thật, nghĩa là, mình phải sống qua cái môi trường đó một cách thực tình với sự trả giá của bản thân như Marie Choisy, nữ ký giả Pháp, đã lăn lóc trong các hộp đêm của Paris và ngoại ô, đóng vai gái điếm, để hiểu cái thực chất của nghề nghiệp mãi dâm. Trường hợp Marie Choisy là ngoại lệ.

Ở xã hội Việt Nam, không thể nào có một Marie Choisy, tuy rằng trong địa hạt văn chương phóng sự, không thiếu gì các nhà văn khai thác về khía cạnh truy lạc, sa đoạ nhưng họ đều thuộc nam giới. Sự xuất hiện của Nguyễn Thị Thụy Vũ như một kỳ lạ, giữa khung trời nghệ thuật miền Nam Việt Nam. Thụy Vũ viết truyện ngắn với nhiều thể tài, mỗi thể tài đều hàm chứa sự cuồng nhiệt của tuổi trẻ trong vấn đề tình yêu, cũng như nỗi nhức mõi về thân phận, thân phận người con gái với những ước mơ táo bạo về dục tình.

Thụy Vũ hãy còn trẻ lắm, nên những sự việc đề cập tới dù ở khía cạnh nào, dù ở trạng huống nào, cũng chỉ để tỏ bày, để nói ra những gì mình nghĩ, một cách ngay tình không dùng những ẩn dụ nào che đậy, hay có ý khuyến dụ ai, chìm khuất phía sau những dòng chữ. Bởi vậy, văn của Thụy Vũ thiếu chiều sâu ý thức. Người đọc Thụy Vũ, có thể nhất thời, bị lôi cuốn vào *guồng máy*, nhưng sau khi đọc đến dòng cuối, bắt gặp cái khoảng trống mênh mông, người đọc không còn phải thắc mắc, hay suy nghĩ về trường hợp vừa được nói đến. Đó là cái bản chất văn chương của Nguyễn Thị Thụy Vũ và nhà văn, chắc cũng chẳng mấy bận tâm về điều đó.

Colette, nữ văn hào Pháp. Người đã từng viết nhiều về cuộc đời luân lạc, gian truân của mình. Vốn bẩm sinh phóng túng lại lận đận cảnh chồng con, nhưng trời phú cho một năng khiếu về văn chương, với cái nhìn thật tinh tế và sâu sắc, nên những truyện do bà viết đều được hoan nghênh nhiệt liệt. Bỏ chồng, đi hành nghề vũ công, dưới tên Renée, Colette sống cô đơn và cực nhọc trong những năm tự lực mưu sinh. Bà đã viết về khoảng đời mấy năm làm vũ công, với những vui buồn của đời sống, tình yêu và nghề nghiệp trong cuốn *La Vagabonde* (*Kẻ lang thang*). Viết, đối với Colette là cái nghiệp, nên bà đã say sưa bày tỏ quan điểm trong phạm trù văn chương, bằng những đoạn văn bất hủ.

... *Viết! Chuẩn bị để viết! Có nghĩa là trải dài mơ mộng trước trang giấy trắng, với những dòng*

*nguyệt ngoạn vô ý thức, những trò chơi của ngòi bút quay vòng tròn quanh vết mực, nó nghiền nát những chữ bất toàn, nó gượng ép, nó lờm chờm như những mũi tên nhỏ, nó giăng mắc như những sợi dây trời, như những vụn vật, cho tới lúc mặt chữ mất đi, biến thành loài côn trùng cánh bướm tiên...*

*... Viết! Là trút xuống với đấm đuổi tất cả thành thực của lòng mình trên mặt giấy cảm dỗ, thật nhanh, nhanh đến nỗi bàn tay đôi khi cứng lại, tỏ ra ghê tởm, mệt mỏi vì đã được hướng dẫn bởi một vị thần linh không kiên tâm... và rồi lại tìm thấy, ngày hôm sau, ở nơi nhánh cây vàng diệp, sự hiển hiện một cách linh diệu trong một giờ rục rờ, một cành gai khô, một đoá hoa rơi...*

*Viết! Nguồn vui và đau khổ vô dụng! Viết!... Tôi cảm thấy tốt đẹp, từ phía xa tắp, cái nhu cầu khẩn thiết như cơn khát giữa mùa hạ, phải ghi chép, phải vẽ ra... Tôi viết tức là bắt đầu trò chơi nhào lộn và giả trá, để chụp bắt cảm giữ, dưới ngòi bút uyển chuyển, cái hào nhoáng, cái phù du và cái mê cảm của hình dung từ... Nhưng đó chỉ là cơn biến động ngắn, là sự ngưng ngáy của một vết sẹo...*

*(La Vagabonde, trang 15-16)*

Viết đối với Colette chẳng những là cái nghiệp còn do ám ảnh, nỗi vò xé của suy tư, cùng sự quyến rũ đến thôi thúc trong mỗi dòng, mỗi chữ dù vui, dù buồn do tình ái hay cuộc đời tác động vào tâm thức. Nguyễn Thị Thụy Vũ cũng trải hồn mình trên trang giấy và vẽ vào đó những nét mạnh bạo, đôi khi phũ phàng để bắt người đọc phải cùng chung vui buồn với mình trong một khoảng thời gian ngắn, dài nào đó. Chuyện bốn cô gái ở trọ nhà chị Tám, một goá phụ, đã nói lên những cảnh huống dị biệt ở tâm tư mỗi người con gái lứa tuổi khác nhau. Vì còn trẻ, nên Thụy Vũ cũng không quên đùa nghịch qua văn chương, mỗi khi có dịp, như chuyện rình kẻ trộm trong *Đợi chuyến đi xa*. Đàn bà con gái bắt trộm ai tin được, nhưng đó chỉ là cái cớ để các cô có dịp thoả mãn sự tò mò trong vấn đề tìm hiểu thân xác đàn ông.

*... Thình lình cây đèn bấm từ hướng chị Tám bật lên tiếp theo là tiếng the the của chị.*

*“Kìa nó đó.”*

*Chúng tôi đứng phắt dậy, chạy dồn lại chỗ chị Tám. Chúng tôi chụm đầu nhau về phía thang gác nhà bên cạnh. Nhà tắm đặt sát trên mái bếp của nhà lán giếng hiện ra một khoảng sáng, rộng. Một người đàn ông đang tắm... Chị Tám bàng hoàng kinh ngạc đến độ quên tắt đèn bấm. Mọi người ngo ngác chưa kịp cười thì thằng Bình (con út chị Tám) la lên:*

*“Tuởng gì! Té ra thầy Năm.”*

*Lúc thầy Năm quán xong cái thân mình loáng ướt, chị Tám mới chịu tắt đèn. Thầy Năm chửi the, rồi la:*

*“Người ta tắm, làm gì rình rập như vậy?”*

*Chị Tám bỏ nước nhỏ:*

*“Xin lỗi thầy Năm nghe. Tụi tôi tưởng trộm rình nhà. Ai dè mà...”*

*Chị Tám vừa đi vừa càu nhàu:*



*“Ăn ở như vậy mà coi sao được chớ? Vậy mà còn chửi thề nữa.”*

*Chúng tôi bây giờ mới cười rộ. Chị Tám cũng cười theo nhưng trên nét mặt chị còn vẻ sượng sần lẫn hờn dỗi...*

(Mèo đêm, “Đợi chuyến đi xa”, trang 35-36)

Tập *Mèo đêm* gồm 7 truyện ngắn. Mỗi truyện ít nhiều cũng để tỏ bày về thân phận người con gái trước tình yêu và cuộc sống với bản khoán, rạo rức. Tuy không bất mãn hoặc chán đời, nhưng cuộc đời cô đơn quá, với những ước mơ cứ chông chênh theo số tuổi mà tương lai thì vẫn mịt mù! Đứng hoài trong tư thế chờ đợi đâu được, người con gái cần yêu vẫn phải yêu, dù yêu trong đau đớn, nhục nhằn. Yêu mà không hy vọng nắm được hạnh phúc trong tay, nhưng thà có một người tình để an ủi, vỗ về còn hơn sự trống vắng của tâm hồn.

*... Anh Duy, bây giờ chỉ còn một mình anh có can đảm bắt tình với em thôi! Em chỉ còn một mối tình không say mê hào hứng nữa. Nhưng mất nó, em không hiểu mình sẽ bám vào cái gì để tiêu nốt quãng đời trống rỗng còn lại...*

(Mèo đêm, “Đợi chuyến đi xa”, trang 45)

Thật tội nghiệp! Làm kiếp con gái, trời bắt xấu, thân thể khô khan, mỏng lét, da mặt tươi mát già tạo qua lớp phấn kem, không có bộ phận nào hấp dẫn con trai cả, nên tự mình phải chấp nhận một hoàn cảnh gượng gạo, không tin ở mình, chỉ còn tin vào một may mắn nào đó, do định mệnh run rủi.

Từ những tình cảm đơn phương của cá nhân, Thụy Vũ đi vào *vùng đất cấm* của xã hội, với cái nhìn soi mói qua cảm xúc, tạo nên rung động trong mỗi truyện ngắn viết về đời sống của những cô gái bán *bar*. Hoàn cảnh đất nước trong những năm gần đây, đã xô đẩy một số người vào vực thẳm sa đoạ. Người con gái nào đó, đang sống yên lành, tử tế, bỗng nhiên vì hoàn cảnh trở thành gái điếm, hoặc gái bán *bar*. Một người vợ hiền, một người mẹ gương mẫu chỉ một sớm một chiều đi vào con đường đó, không không tìm ra lối thoát nào khác, để cứu vãn sự sống của mình bằng cách làm ăn lương thiện. Vấn đề gái điếm, không phải do sự có mặt của quân đội Mỹ tại miền Nam. Nó là vấn đề cũ, nhưng cung cách sinh hoạt và tổ chức theo danh xưng mới *snack bar*. Danh từ kép này, ngoài nghĩa chính là quán giải khát có bán đồ ăn nhẹ, nhưng ở đây nó còn bao hàm nghĩa bóng: nhà chứa trá hình. Nó là nơi mỗi chài, mở đầu cho việc trả giá nhục dục sẽ thực hiện ở địa điểm khác. Cái thế giới dâm loạn đó, được nhà văn diễn tả với nhận xét tỉ mỉ, với kỹ thuật hành văn vô cùng phác thực, đau xót trộn lẫn đam mê, tủi nhục, đôi khi kiêu căng lố bịch và cái thú tính được trình bày như biểu tượng của thời đại.

Người đọc văn Thụy Vũ bị hút sâu vào một thế giới lạ lùng, ở đấy, chỉ đoán biết theo trí năng chứ không thể nhận định theo suy luận. Nhiều đoạn, nhiều ý, nhà văn đã kinh qua cái nữ tính của mình, làm sững sốt, bàng hoàng tâm cảm. Câu chuyện học Anh văn của mụ gái điếm đã gần tàn xuân sắc mang tên Mi-sen (Michèle) với những nét đặc biệt về vóc dáng và cung cách ăn nói, đều được Thụy Vũ viết với suy nghĩ sinh động. Mi-sen từ thuở nhỏ không biết chữ, kể cả chữ Việt, nay vì nhu cầu giao dịch với ngoại kiều, bắt buộc nàng phải học. Cái tên Michèle do người khác đặt cho, nàng cũng không biết viết ra sao, mỗi lần lên Quận làm giấy tờ, thay vì ký, Mi-sen đánh dấu thập. Nhưng Mi-sen dưới mắt nhà văn, nàng cũng có những nét riêng,

*... Mi-sen không hẳn đẹp. Gương mặt nàng có những nét vụng về ghép vào những nét tuyệt xinh. Răng nàng hơi hô, mà cặp môi dày ít khi che kín. Đó là dấu hiệu của con người cởi mở và*

*nồng nàn...*

*... Hôm nay như thường lệ, tôi đến dạy Mi-sen vào những buổi trưa nắng gắt. Vào giờ này cánh cửa sắt trước nhà đã được chị Tư mở sẵn. Tôi cứ việc ung dung dẫn xe đạp vào tự tay đóng cửa lại, không phải gọi chuông inh ỏi nữa. Đi ngang qua phòng khách tôi rẽ tấm màn quẹo qua buồng ngủ Mi-sen, rồi gõ nhẹ cửa.*

*“Cô giáo đó hả, vô đi.”*

*Tôi đẩy cửa bước vào, rồi bất chợt dừng lại. Mi-sen cười ngật ngoạo:*

*“Vào đi cưng. Chờ chị làm massage một chút nghen.”*

*Tôi tìm chiếc ghế ngồi cạnh giường, Mi-sen pha trò:*

*“Cô giáo hôm nay bắt gặp học trò trần truồng như nhộng. Chỗ đàn bà với nhau cả phải không cô.”*

*... Bây giờ tôi được dịp quan sát Mi-sen kỹ hơn. Nàng nằm trên một chiếc khăn lông hồng, trải tấm nệm mút, phủ “ra” trắng. Bà làm massage quỳ hai gối xuống nệm, hai bàn tay thoăn thoắt trên các bắp thịt hông và lưng nàng. Mồ hôi rịn ướt trên đôi tay gân guốc của bà. Mắt Mi-sen lim dim, dáng điệu nàng như con mèo sưởi nắng một cách khoan khoái. Lúc nào nhìn người đàn bà khoả thân tôi cũng có một cảm giác lạnh lẽo và tê tái như nhìn một bức tranh tĩnh vật với màu sắc hết sức âm đạm. Riêng đối với Mi-sen, tôi nghĩ rằng tấm thân nõn nà, với làn da mịn màng đó, có cái gì mong manh. Tuổi già đã gần kề nàng. Chẳng bao lâu nữa, những bắp thịt thon đẹp kia sẽ nở bung ra, bụng sẽ nhão nhoẹt. Nghĩ tới giai đoạn đó, tôi cảm thấy buồn hơn là ganh tị...*

*(Mèo đêm, “Đợi chuyến đi xa”, trang 88-89)*

Giọng văn của Thụy Vũ gọn. Viết như nói chuyện rất hồn nhiên, dù viết về một thực trạng không kém mỉa mai, chua chát! Mi-sen biết mình sắp về già nên muốn kéo dài nhan sắc bằng mọi cách, tuy lúc nào cũng tự khoe có hàng chục ông “Giòn-sơn” say đắm thân xác mình. Nhưng nàng đã quên rằng, trên cõi đời, không thiếu những bông hoa tươi thắm hơn, và muốn *ăn khách* sộp, nàng vẫn phải nhò vào môi mép của lũ ma cô dẫn mối. Lờn đối thoại giữa tên ma cô và Mi-sen về chuyện này, được ghi nhận như từng câu nguyên rủa vào mặt xã hội, một xã hội còn cố níu lại lấy hai ông thầy Khổng Mạnh làm cứu cánh cho nền đạo đức cuối mùa. Ở đây, họ không cần thứ đó, họ có đạo đức riêng. Họ không vụ danh từ mà căn cứ vào thực tế, nên họ có tụt quần áo trước mặt đàn ông, làm ái tình như máy và bóc lột khách làng chơi bằng mọi mảnh khoé tàn nhẫn cũng là chuyện thường vì nó nằm trong quy luật giang hồ. Cũng như việc đòi đầu có êm trôi theo ý muốn, nên Mi-sen đã bị tên Phrăng (Frank) đánh trọng thương vì nó đã nhìn thấu cái dã tâm của nàng. Nằm bệnh, mặt mũi sưng vù, nhưng lạ thay, chẳng bao giờ Mi-sen coi đó là bài học tử hổ, nàng vẫn phác hoạ đời mình ngày mai với đám đuối,

*... Khi mạnh, tôi nuôi da thịt cho thật mịn, tôi mua son rồi mở tạp chí thời trang sắc đẹp ra để tô môi. Tôi may áo đầm cho thật chiến, tôi...*

*Bóng tối đã ôm choàng thành phố ngoài khung cửa...*

*(Mèo đêm, “Đợi chuyến đi xa”, trang 107)*



Thuy Vũ không chỉ nhìn vào cuộc sống đó với khía cạnh xấu, đôi lúc nhà văn đi vào những uẩn khúc của từng tâm trạng, thứ tâm trạng thiếu hụt ở mỗi nhân vật được viết ra. Tuy bề ngoài họ vẫn vui nhộn theo ánh đèn đêm, họ vẫn làm đẹp thân xác để quyến rũ khách ngoại kiều, họ có những *ngón* nhà nghề để móc túi đàn ông, họ vẫn tạo ra đam mê cho riêng mình nhưng, tự đáy sâu suy nghĩ, sau những đêm dài vật vã với đồng tiền và dục vọng, sau những hờn ghen, đổ kỵ, địch thực, họ vẫn muốn giữ lại cho mình một cái gì, để gọi là an ủi. Cái đó là nỗi ước vọng mù khơi của một tâm hồn đã quá ê chề giữa vũng lầy truy lạc. Trong khi tìm mọi cách để thu hút khách hàng, bằng đùi, mông, ngực, và dùng cả bùa ngải nữa để mê hoặc nếu cảm thấy thua sút chị em, khi khách không ham sờ đùi, vỗ về cho uống như xưa. Nhưng cái đó cũng chỉ là tạm bợ, vấn đề chính, làm sao giải quyết được cuộc đời, lúc thân phận đã trở thành đồ phế thải sau bao đêm dài mê mải truy hoan!...

Tác phẩm *Lao vào lửa* gồm 3 truyện. Cả 3 truyện đều viết về một vấn đề. Mỗi truyện mở ra một hoạt cảnh dị biệt về những thân phận đàn bà đang quay cuồng, giẫy giụa trong mê cung không lối thoát. Từng cô gái lao vào lửa dục vọng như những cánh thiêu thân lao vào ánh đèn. Chẳng cần băng khuâng và hối tiếc trong kịch thước cuộc sống này. Câu chuyện phá thai, làm tình, rồi phá, lại làm tình quá thường, nên phút nào có nghĩ tới, cũng chỉ là truyền cho nhau những kinh nghiệm với mục đích bảo vệ nghề nghiệp. Nhưng tiếp thị, không phải lúc nào, giờ nào các cô gái làng chơi cũng có thể vui vẻ, múa hát với đồng tiền, thứ tiền kiếm được bằng sự khó nhọc của thân xác. Có những giờ phút trống rỗng, từ đâu chẳng biết, từng ý tưởng tối đen bay lờn vờn với ám ảnh về số phận trong ngày mai, khi đường cong và duyên dáng không còn hấp dẫn được khách. Có người lo xa muốn kiếm ít vốn để dành tiêu xài mai hậu, như trường hợp Tâm với chiếc giường mới của nàng. Tâm đã phá thai hai lần, cảm thấy thân xác bắt đầu mệt mỏi sau bao đêm thức khuya, sau những cơn hành lạc. Nàng hốt hoảng khi nhìn thấy dung nhan mình trong gương. Tuổi già chập chờn ẩn hiện xung quanh. Muốn đạt được ý muốn, nàng cần được sự hỗ trợ của thần linh, của một phép màu nào đấy để khỏi thua sút chị em. Tâm đã lặn lội lên suối Lò Ô để nhờ ông thầy bói Trọng Ích đoán quẻ, xem số mạng và tiền tài. Ông này, tuy không có ngải như ông thầy bùa Tân Châu, nuôi rắn hổ để trác nghiệm số phần của khách hàng. Sau cho rắn bò quanh người, ông thầy Tân Châu làm phép vô ngải bằng cách xức tóc và cho thêm một gói củ ngải mang về nhà trồng, để yểm trợ công cuộc mần ăn được kết quả mỹ mãn. Ngải rất linh, người vô ngải bắt buộc phải kiêng cử một vài thứ, nếu làm trái sẽ phát điên lập tức.

Ông thầy bói Trọng Ích khuyên Tâm đóng chiếc giường ngủ theo ngày đã định trong quẻ, phải kê giường theo hướng bắc. Với cái giường mới, dù nàng có xấu như Chung Vô Diệm đi nữa, đàn ông cũng tìm đến nướm nượp. Tâm đã thực hành đúng lời thầy bói và buổi tối hôm kê giường xong, quẻ đã linh ứng, một tên Mỹ khờ khạo đã mời nàng uống thả giàn. Tối đó nàng thu nhiều *tích kê*, nhưng Tâm chưa muốn đưa tên này về nhà ngủ vào chiếc giường mới, vì nó bị nàng lột rách như xơ mướp rồi. Nó lại khoẻ như voi, với thân xác ấy, nếu hành lạc nàng chắc chịu hết nổi! Vì tin tưởng vào ma lực của chiếc giường. Tâm bắt đầu kiêu hãnh, để đánh bạt mặt cảm bị đào thải. Nhưng thực ra, tự đáy lòng, nàng vẫn cảm thấy như có gì vướng mắc,

*... Nàng rùng mình khi tưởng tới mình sẽ nằm trong vũng tối quên lãng trong khi nàng chỉ mới bốn mươi. Ở cái tuổi này, nàng cảm thấy lòng mình lai láng những ước vọng. Dĩ nhiên là sự tấn công cuối cùng của xác thịt không mấy rõ rệt vì nàng đã thường tiếp xúc với những cơ thể xa lạ của kẻ khác phái... Nhưng có sao nàng vẫn còn thèm khát cái thân thể của anh chàng nào đó, có thể nhen nhúm một ngọn lửa trong tâm hồn mù mịt của nàng và sự rung động trên từng thớ thịt của nàng. Người đàn ông đó như một hình bóng chuyện hoang mà nàng như người đi, quờ quạng đi tìm một thứ trái cây đầy cám dỗ vượt xa tầm với của mình...*

(Lao vào lửa, “Chiếc giường”, trang 25)

Người gái giang hồ bốn mươi tuổi, đã nhìn thấy một phần kết quả cuộc đời, đã lọc lõi trong nghệ thuật làm tình mà nay trong hồn vẫn cảm thấy thiếu vắng, vẫn cần đến vỗ về, an ủi trong những giờ phút trống rỗng mà tiền bạc không thể lấp được. Phải chăng là ảo ảnh, một thoáng gọn của lương tri mỗi con người khi biết mình sắp mất hết?

Nỗi ám ảnh bất ngờ đó cũng không ở lâu, chiều mai, khi ánh điện vừa thấp sáng thành phố, Tâm thành khẩn lên nhang đèn khẩn vái thần linh xin khai trương chiếc giường mới. Buổi tối đó, nàng vui tươi bả lả và dạy dỗ “đàn em” các ngón nhà nghề,

*... Em lựa lúc nào mà nó ngà ngà say, hay lúc cơ thể của nó nổi loạn vì sự đụng chạm của em. Chứng ấy em mặc sức mà ăn gian. Đừng có thiệt thà quá thua sút người ta, em cung ơi!*

(Lao vào lửa, “Chiếc giường”, trang 27)

Sau giờ làm, nàng dẫn một tên Mỹ về nhà. Chiếc giường mới linh thật, dù bị đánh thức tới hai bận, nhưng trên mặt giường, một xấp đô la nằm ngổn ngang làm Tâm bàng hoàng run rẩy đềm. Mắt nàng sáng lên với nụ cười, trong lúc thân xác mệt mỏi vì qua hai lần hành hạ.

Công việc làm ăn của Tâm cứ thăng tiến mỗi đêm, nàng đã có nhiều tiền. Một tối, nàng đang mơ chiêm huy chương vàng cuối năm về thành tích ăn khách nhất *bar* thì Minh bạn nghề, bảo nàng cho thuê giường vì có bồ mới từ Bến Cát về. Sau một hồi văng tục, chiếc giường ngã giá một ngàn. Tuy không đưa khách về nhà, nhưng đêm ấy Tâm kiếm được hơn trăm miếng “bông” cộng với một ngàn tiền giường. Tâm ôm gối ngủ thiếp trong khoan khoái.

Nguồn vui chưa được bao lâu, mới sáng, đưa tở gái mét cho Tâm biết, qua đêm Minh *thấy thảng* mà vẫn đi Mỹ, chiếc giường đã bị Minh vẽ *son thủy* và tẩm “*ra*” với những nét đồ lòm. Cũng từ đêm đó, chiếc giường hình như mất linh thật. Tâm vắng khách dần, nàng oán giận, gây gổ với Minh nhưng sau, biết mình nhằm vì ế khách là tình trạng chung do phong trào linh Mỹ chống *Sài Gòn-Tea*.

Cuộc sống của các cô gái bán *bar* khi lên voi, khi xuống chó tùy theo may rủi và cũng tùy theo kỹ thuật non già của mỗi người, nhưng nó là một nghề tương đối dễ kiếm tiền, nếu không dư giả, cũng chẳng đến nổi túng thiếu. Cái nghề duy nhất không cần vốn, ngoài cái “vốn” trời cho. Trường hợp các cô gái thơ ngây vì hoàn cảnh gia đình phải vào chốn này cũng không hiếm. Mỗi cái *bar* như chiếc vục thắm, người con gái nào nhìn vào, đều chóng mặt rồi bị nó hút xuống như bợn. Miếng cơm kiếm bằng công việc lương thiện càng lúc càng khó khăn, dần dà chìm mỗi số phận vào nghiệt ngã, cơ hồ muốn buông trôi tất cả. Từ một cô gái nhà lành, mang cái tên rất hiền, rất ngoan, chẳng mấy chốc đã khoác cái tên khác nửa Tây, nửa Mỹ không ăn nhập vào nguồn gốc của mình. Nào Agnès, nào Juliette, nào Tina, nào Michèle v.v... Những cái tên vô nghĩa ấy, mỗi đêm gọi nhau loạn xạ trong một kích thước hôn mê với âm hưởng điên cuồng, qua hơi rượu và mùi da thịt ướt đầm phấn son. Ở đây, bài học vỡ lòng cho kẻ mới vào nghề cũng vô cùng cứng rắn do luật lệ giang hồ riêng biệt. Cô học trò nhỏ với chiếc áo dài màu thiên thanh còn thơm mùi long não của tuổi nữ sinh, trình diễn một cách quê mùa trong một khung cảnh toàn *mini-jupe* với những lời nói chót nhả, tục tằn lừng lừng những bàn tay lông lá khua động vào da thịt đàn bà xen tiếng cười dâm dật. Sự đụng chạm lần đầu với cái không khí ấy, làm choáng váng mặt mày, làm kinh sợ một tâm hồn hãy còn trong trắng,

*"Chị Năm!"*

*Tiếng kêu của tôi gần như lời cầu cứu. Mí mắt tôi nóng và ẩm ướt. Kinh sợ làm cổ họng tôi khô. Tôi muốn trốn ánh đèn và quỳ rượu.*

*Chị Năm chạy lại tôi, hỏi dồn:*

*"Gì vậy Tina?"*

*Tina? Đầu óc tôi cuộn tròn trong sự ngỡ ngàng tủi nhục. Tôi khóc:*

*"Gã làm ầu em."*

*Chị Năm cười sằng sặc rồi kể tai tôi:*

*"Tina à! Em đừng sợ gã. Nếu em tránh gã sẽ có người khác đến với em. Biết đâu kẻ đó còn hung hăng hơn gã gấp trăm lần. Chiều gã một chút đi. Có mất mát gì đâu."*

*Giọng chị Năm như khuyên lơn:*

*"Em đừng mắc cỡ. Vô đây là vậy đó. Chỉ trừ em ra khỏi nơi đây thì chẳng ai dám đụng tới lông chun em. Có kẻ nào lại quăng tiền ra cho mình mà họ không có sơ múi gì."*

*Chị vuốt ve một nhánh tóc tôi, rồi ngọt ngào mơn trớn:*

*"Em đã thấy chị uống giỏi nhất trong bar này ít ra chị cũng bằm dập. Ngoài ra chị còn có cái bí quyết đặc biệt nữa..."*

*Chị dừng lại như sợ người ngồi cạnh tôi nghe. Chị kề miệng vào tai tôi nói rất khẽ:*

*"Em phải biết cách điếm huyết họ, làm cho sự khoái cảm của họ sôi lên thì mới mong trút bốp họ..."*

*(Lao vào lửa, trang 60-61)*

Cô gái mới vào nghề nghĩ rằng mình bị xúi bậy nên cương quyết không thực hành lời khuyên vì thế, đêm này qua đêm khác nàng vẫn đối rách trong vai thu ngân viên, lương tháng ba ngàn. Nhưng rồi cái gì đến sẽ đến, chiếc áo màu thiên thanh được vĩnh viễn quăng vào xô tử và bộ đùi trắng xanh lộ ra với chiếc mông tròn bó chặt trong chiếc jupe, hai cánh tay nõn nà để hở đến nách, đã biến cô nữ sinh thành kẻ khác. Tina, cái tên mới bắt đầu nhập cuộc.

Một tên Mỹ "ngọt" đã mê Tina, mỗi đêm hẳn trở lại với bó hồng đỏ thắm trên tay và những ly nước trà thay rượu được gọi tới bởi. Gã đàn ông lông lá đó yêu Tina thực, nên đã không tiếc tiền, mua tặng nàng cả nhẫn kim cương. Được khách chiều đã là nỗi vui cho riêng mình nhưng cũng làm bạn bè ghen tức qua lời nói cạnh khoé:

*"Gái trinh mới có giá như vậy chớ. Còn tụi tui tan hoang như ống cống thì chỉ có cách kiếm tiền mua hột xoàn giả!..."*

Lời nói có độc nhưng không sai. Nó là luật chơi. Thời gian qua đi mau chóng và những đêm nối tiếp nhau trong cái không khí khốn nạn này, làm sao tránh được cái kết quả tất nhiên cho mỗi số phận đang quay cuồng giữa vực, ngay cả chị Năm nữa, người đã cho Tina bài học vỡ lòng cũng đang bị cuộc đời tặng những cú tát nẩy lửa. Cái không khí vui nhộn giả tạo nơi đây được thay bằng màn bi kịch ngấn giữa chị Năm (có tên Jane) với một tên Mỹ. Tên Mỹ thuộc thành phần chống Sài Gòn-Tea, nên nó đến để trả thù. Nó nói với chị Năm rằng, tối nay chị muốn uống bao nhiêu cũng được với điều kiện mỗi lần uống, chị Năm phải nghe nó nói một câu thôi. Câu đó là câu gì, chị Năm chưa biết, nhưng trước mớ tích kê lớn lao, chị khinh bạc và bằng lòng.

Tên Mỹ gọi bồi đem ly whisky và ly trà thứ nhất. Nó tợp một hơi cạn ly rượu rồi đưa ly trà cho chị Năm, gần giọng:

*"Uống nước đáí tao đi Jane!"*

*Chị Năm lạnh lùng uống ly trà nước đáí Mỹ rồi dằn mạnh ly thách thức:*

*"Nữa đi Bob, tao chờ câu thậm tệ hơn của mày."*

*Thằng Bob lại gọi bồi đưa ly rượu và nước trà.*

*"Uống nước đường mương và nước ống cống đi Jane."*

Chị Năm lại hùng hục uống. Rồi ly nước thứ ba, thứ tư và tiếp tục với những lời thô bỉ nhất do tên lính Mỹ nghĩ ra, cho đến ly thứ một trăm.

Cuối cùng tên Bob chịu thua gan lì của chị Năm. Bây giờ đến lượt chị Năm kêu hai ly whisky "sec" chị ta đưa gã một ly, chị uống một ly, đột nhiên chị nhổ ngụm nước miếng từ miệng chị bay thẳng tới mặt gã, rồi chị ném ly vỡ tan tành với lời chửi: *"Đồ man rợ!"* Chị đưa hai tay cấu vào mặt gã, Bob chụp lấy cổ chị Năm xiết mạnh. Cuối cùng, hấn vẫn phải móc bóp trả tiền bước mạnh ra khỏi quán. Câu: *"đồ man rợ"*, chị Năm chửi tên Bob, vẫn minh quá, sự thực, ở trường hợp này, người đàn bà Việt Nam có ngôn ngữ riêng, rất nôm na nhưng vô cùng thực tế. Có lẽ, vì kính trọng độc giả nên Thụy Vũ không viết thành văn.

Cứ như thế, như thế, đồng tiền và dục vọng thất dần con người vào một vị trí nhất định, muốn thoát cũng không được. Tina đã trở thành gái bán bar lành nghề và đêm nào cũng đi khách, nàng chỉ ngủ được vào khoảng hai giờ sáng và giấc ngủ thường bị gián đoạn. Đôi khi mệt, cứ ngủ thức chập chờn mặc khách hành sự, xong lúc nào cũng chẳng hay! Tụi đàn ông Mỹ làm ái tình rùng rú lắm, Tina đã quá quen thuộc đến nỗi mất cả cảm xúc và trở thành nhà nghề lúc nào cũng không biết.

Kỹ thuật hành văn của Thụy Vũ đôi khi tàn nhẫn, nhưng dữ kiện được đặt ra bao giờ cũng minh triết. Người đọc cảm thấy như đang chứng kiến cái khung cảnh kỳ quái đó ở phía trước, và nhà văn đang đóng vai đạo diễn mà giấu mặt đầu đây, miệng tủm tỉm cười, nụ cười tinh nghịch và thông minh. Những trạng huống khốn khó mà con người phải gánh chịu ở trần gian này không phải tự nó hình thành mà có hoàn cảnh hỗ trợ. Nếu không gặp lan, không gặp Agnès, nếu không có chị Năm thì cô nữ sinh ấy làm sao trở thành một Tina, trở thành một vấn đề cho xã hội?

Từ cái khung cảnh hỉ, nộ, ai, lạc của Sài Gòn-Tea, Thụy Vũ đi vào khung cảnh khác, ở đây,

không còn hoa bươm, không còn ánh đèn mờ ảo, không còn *tích kê*, không còn những bàn tay lông lá lượn tròn trên da thịt, không còn đam mê, chỉ còn lại cái cười ngượng ngập, lời nói lạnh lùng và nỗi đau đớn chảy từ trong tâm não thoát ra ngoài. Những cái tên Lina, Jackie, Nga, Bích v.v... gắn liền với những con số in đậm nét trong sổ bộ của nhà thương Bạc Hà.

Từng khuôn mặt chai sạn trình bày đến trở trên vì quá quen thuộc. Bị lính kiểm tục giữ, sau khi "lên bàn", nếu không bệnh, được tha, nếu có, phải nằm lại. Có người ra vào nhiều lần đến nỗi tưởng như nơi đây là nhà thứ hai của mình. Họ thông thuộc lẽ lối làm việc cũng như tổ chức của bệnh viện. Những lời nói số sàng, chót nhả được ném vào mặt nhau bừa bãi để giải buồn. Người ta không tìm thấy một chút e dè ngượng ngập trong cách thức sinh hoạt giữ vòng đai bệnh viện, từ vài khuôn mặt mới,

*... Lina tay khoanh trước ngực, lơ đãng nhìn đăm đăm về phía trước. Bỗng chị vỗ vào vai tôi – Nếu ngày mai lên bàn mà tao bị "kẹt", mày ra được, nhớ lại nuôi tao nghe hôn? Tiếng "lên bàn" như tiếng pháo chuốt làm ẽ ầm đầu óc tôi. Tôi hỏi chị: – "Trường hợp nào mình bị giữ lại?" – "Máu xấu! Có nhiễm trùng".*

(Lao vào lửa, "Đêm nổi lửa", trang 99)

Những người con gái bị đưa vào đây đều khổ sở về chuyện mất tự do nhiều hơn chuyện khác. Họ đã quen sống cuộc đời phóng túng của lũ ngựa hoang với những bất ngờ mỗi ngày, mỗi tối, nay họ phải cúi đầu phục tùng kỷ luật, thứ kỷ luật đúng giờ, đúng giấc qua tiếng chuông làm họ phát điên. Nhất là những buổi chiều, họ nhớ đến không khí đam mê dành riêng cho họ với thân xác khỏe mạnh của những người đàn ông xa lạ, những ly rượu và bao nhiêu lời cuốn khác. Tuy cuộc sống thực của họ không có gì đáng khích lệ, nhưng họ muốn thế, ông trời đã bắt họ phải như thế, và họ chỉ lo sợ ngày nào họ không được phép núp giữa bóng tối của một con ngõ nào đó chờ khách, hoặc ở căn phòng có giường nệm *mút*, ôm chặt một thân xác lông lá mà ngủ vùi sau nhiều lần hành lạc,

*... Bước tường vôi trắng và những chiếc giường sắt trùng điệp như bủa kín lấy tôi. Đây là thế giới đạo đức có trách nhiệm hoán cải tôi. Ý nghĩ đó làm tôi chán ghét vu vơ. Lina đã vắt mừng rồi, chị ngồi bó gối đối diện tôi và Nga. Chị chép miệng: – "Hôm nay có bốn đứa mình lên bàn. Còn mấy bà nội kia chỉ chờ thả hay được thỉnh về Bình Khang an nghỉ để học nữ công, nữ hạnh." Jackie bỏ chân xuống xề qua ngồi cạnh Lina. Nàng mỉm cười nhìn chúng tôi: - "Bích! Mày mới nhào vô đây lần đầu, còn tụi tao thì năm hồi mười hiệp rồi, khó mong tránh khỏi bà chúa ngục Bình Khang hú lắm!"*

(Lao vào lửa, "Đêm nổi lửa", trang 107)

Những ý nghĩ của họ được phản ánh qua lời nói. Họ chấp nhận nó như chấp nhận những giọt thuốc độc nhẹ, sẽ làm họ chết mỗi mòn trong hoan lạc, còn hơn được tiếng lương thiện với những bó buộc làm mất cái thú sống ở đời.

Nhưng, xã hội không cho phép họ được gây ung độc làm xấu xa toàn thể những kẻ vô can, nên họ phải gánh chịu những phiền lụy cuộc đời, với lính kiểm tục, với không khí chán nản của bệnh viện, với dụng cụ y khoa sáng loáng, với dao kéo và ống chích, với chiếc bàn cao lênh khênh, với nét mặt lạnh băng của những người bác sĩ hoặc cô y tá, với tiếng chuông mỗi sáng, mỗi trưa, mỗi chiều. Nhưng cũng may, họ không hoàn toàn cô đơn, các bạn đồng nghiệp chưa "bị" vẫn thăm nom, an ủi họ và cho họ biết *tin tức* bên ngoài. Để tránh cảnh giam hãm mà sức



họ không chịu nổi quá lâu, họ tính kế thoát ra khỏi nơi này, để tiếp tục chuỗi ngày đăm mê nhục thể và để đón mùa xuân sắp tới. Jackie đã cầm đầu vụ đốt bệnh viện vào lúc hai giờ sáng bằng bông gòn tẩm dầu hôi. Bệnh viện náo loạn với tiếng người kêu, với còi hú của xe chữa lửa. Lợi dụng cơ hội này những người con gái cởi quần áo buộc lại làm thang leo qua tường thoát ra, có cô chỉ còn mặc chiếc si líp.

Hòn đá ném xuống mặt hồ, một bụm nước tung lên rồi tản ra thành những chiếc vòng lớn dần, lớn dần, trong nháy mắt mặt hồ lại êm ả như cũ.

Câu chuyện thật bất ngờ nhưng vô cùng lý thú qua ngòi bút của Thụy Vũ. Khi viết truyện này chắc nhà văn nhớ tới câu của Chúa Jésus: *Cái gì của César phải trả về César!* Và luật lệ, đàn ông xã hội chỉ còn là con đê nhỏ đã bị thâm lậu qua nhiều mùa nước lũ, chờ dịp bị băng tràn.

Nguyễn Thị Thụy Vũ, một nhà văn phong phú, luôn luôn tìm về cho mình nguồn sáng tạo mới. Nhưng dù ở môi trường nào, Thụy Vũ vẫn bắt gặp những bản khoán, rã rời ngay cả với tình yêu đang ươm hồng tuổi trẻ xuyên qua thân phận mình và quê hương có dòng sông Long Hồ thuộc tỉnh Vĩnh Long. Những cuộc tình đi qua trong tiểu thuyết hay trong thực tế chỉ mang lại đắng cay,

*... Sau vài cuộc tình ái phát phơ, bây giờ tôi mệt mỏi thật sự. Tôi bất chấp dư luận để sống mà rồi vẫn cô đơn. Tìm được kẻ mà mình đặc ý, tính cho chàng ta đặc cử vào giấy hôn thú thì tôi gặp cảnh hụt đổi luôn luôn. Bây giờ tôi bám vào Duy để lấp vào những ngày trống rỗng. Chàng nhạt nhẽo quá. Tôi đã mơ cao để rồi số tuổi càng ngày chồng chất theo nỗi chán chường...*

(*Chiều mênh mộng*, "Đêm tối bao la", trang 44)

Thân phận người con gái, nhất là con gái làm văn chương bao giờ cũng đặt ra với mình nhiều nghi ngại, với từng giọt đắng thấm vào tâm hồn làm khô dần ước muốn. Mỗi ngày qua đi, hoàn cảnh vẫn y nguyên trước mặt với ngàn ấy rưng rùi, ngàn ấy bản khoán làm nhà văn sống sờ, tê tái. Tuổi trẻ có mặc dù là con gái, không phải chỉ quần quanh với những chứng tích thuộc về quá khứ mà từng sự vật như nhắc nhở, như gò ép thân phận vào khuôn thức không mấy thích hợp. Tương lai là của ai đó, và sự chờ đợi nào có ích chi khi mình đã đoán biết những gì đang đón ở cuối ngã đường ước vọng! Một người tình không như ý muốn, một nếp sinh hoạt lạnh lẽo và nỗi cô đơn trải rộng trước tầm nhìn. Còn những đêm dài, ôi! Những đêm dài hoang liêu với xúc cảm bơ vơ, với buốt giá tâm hồn, với ray rứt triền miên, vật vã qua làn ánh sáng vàng vọt của tin yêu. Kèm theo đấy, vóc dáng khốn khổ của người đàn bà già luôn luôn sống trong cơn hoảng hốt với ác mộng! Cái thân phận già nua khốn khổ đó qua mấy lần đăm mê tình ái chẳng còn lại gì ngoài kỷ niệm xót xa, vì người bạn tình thứ hai, ông Năm Còn đã tặng cho bà một túi vi trùng hoa liễu, làm rưng cả hai hàm răng, nhưng không phải vì thế mà lòng dục của bà tắt đi. Đêm đêm vẫn thường có tiếng la thất thanh,

*"Mợ Hai ơi! Con Linh (nhân vật xưng tôi trong truyện) bị mấy thằng sửa cầu hãm hiếp, máu ra đầy quần nè! Mở cửa mau đi!" Tôi nắm vai bà lắc mạnh hét:*

*"Tôi đây, tôi đây nè!"*

*Bà Diếc vẫn la thất thanh:*

*"Ai cứu nó. Trời ơi! Nó là con gái mà" Nhìn đôi tay run rẩy của bà, tôi chợt hiểu. Bây giờ là lúc*

*bà đang sống ở một trạng thái mê loạn, quái đản. Tôi gào lên:*

*"Tĩnh đây đi bà! Tôi đâu có đi ra khỏi nhà." Bà Diếc ngẩn người một lúc rồi nhếch cái miệng méo xệch, không còn một chiếc răng giống hết cái miệng rùa, cười tỉnh cơn mê:*

*"Vậy hả! Mà không việc gì sao? Tao thấy..."*

*(Chiều mênh mông, "Đêm tối bao la", trang 39)*

Hai thân phận một già mê loạn, một trẻ khắc khoải cứ phải nhìn nhau, chịu đựng nhau, trong những suy nghĩ khác nhau giữa một khung cảnh buồn nản của ngôi nhà cổ đã có một thời oanh liệt. Những ngôi mộ nằm rải rác, nơi nghỉ chân của những đàn quạ rĩa lông với tiếng kêu chát chúa. Vài líp rau bở vắng, những gốc cây cổ thụ, tổ của lũ chồn đèn, chồn mướp đêm đêm rình bắt gà vịt. Và ngôi nhà mái thấp, từng cụm rêu màu xanh mướt, như những dấu vết thời gian in đậm vào cảnh vật và lòng người. Khung sống đó càng lúc càng thê thảm. Bà Diếc cũng qua đời sau nhiều ngày nằm bệnh, thuốc thang. Hai thân phận tách rời để người còn lại phải gắn liền vào số mệnh khắc nghiệt cũng do tình ái khơi nguồn. Người con gái chột biết mình đã mang thai, rồi phá thai để tránh tiếng. Mặc cảm sát nhân đã cấu xé lương tâm một cô gái từ chối bốn phận làm mẹ! Nhưng cuộc đời phía trước còn cho nhiều mơ mộng, nàng sẽ dùng phương tiện cuối cùng mình có được, như hai lạng vàng và chiếc máy may để cố hàn gắn lại nhan sắc đã suy sụp do vụ phá thai,

*... Đời em chưa hẳn tàn nha là cảnh chợ chiều. Em sẽ chắt mót từng đồng để tìm bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ. Em sẽ bơm cái ngực teo trở thành cái ngực vĩ đại, sẽ nhờ ông ta vá lại màng trinh. Để rồi anh xem. Em sẽ lấy chồng sĩ quan Thủ Đức!...*

*(Chiều mênh mông, "Đêm tối bao la", trang 67)*

Người con gái phải trả giá cuộc đời quá đắt. Tình yêu chỉ mang lại cho nàng cái kết quả bi đát. Những giây phút thần tiên sống bên nhau, cho nhau mượn mà, nồng ấm, du dương thể xác qua rồi, qua nhanh như cơn gió đêm hè mà buồn thương, ân hận thì lãng đãng suốt đời!...

Những nhân vật con gái trong tác phẩm của Thụy Vũ không ai gặp may mắn và hạnh phúc. Tất cả hình như đã được an bài trong một bối cảnh ngọt ngào mà mỗi số phận phải chia sẻ một phần tủi nhục. Từ người con gái ngây thơ trinh trắng tới các cô gái làng chơi, sự an bài nào đấy đã chờ sẵn ở cửa ngõ định mệnh. Phá thai, một hình thức sát nhân, nhưng ở vài trường hợp, người ta coi như chuyện thường tình, vì nếu để lại, người mẹ sẽ chết vì ô danh hay túng thiếu, hoặc vì muốn nhẹ nợ chồng con để tự do bay nhảy.

Thụy Vũ đã dùng ngòi bút thật uyển chuyển, đưa người đọc vào một khung cảnh, ở đây, câu chuyện phá thai với các chuyên viên hành nghề bất hợp pháp. Biết rằng, mỗi lần phá, mỗi lần ân hận. Nhưng không phá lấy gì mà sống? Những đường con bay bướm quyến rũ đàn ông sẽ không còn nữa và cuộc *truy hoan huyền ảo* không thể tiếp diễn, rồi những ngày đêm giam mình trong phòng kín chờ lúc "bể bầu" làm họ phát điên. Lẽ đơn giản, họ không thuộc hạng đàn bà nặng tình mẫu tử. Thế giới của họ là quán rượu, là những thân thể đàn ông trần trụi, là ánh đèn mờ ảo, là những mệt mỏi rã rời trong kích thích chiếc giường nệm "mút". Tuy chuyện phá thai cũng làm họ sợ không ít, nhưng họ lại sợ cuộc đời hơn, nên họ vẫn cúi đầu tuân theo luật sống,



... Tôi đứng lại, ngạc nhiên vì số người có mặt ở đây đông đảo. Mọi người yên lặng, những đôi mắt đợi chờ trợn lẩn lo âu chốc chốc hướng về căn buồng với cánh cửa màu da trời đóng im.

... Tôi quay sang bà bên cạnh gợi chuyện:

“Bà đến đây lần đầu phải không?”

Thiếu phụ phục sức sang trọng với bộ đồ lụa phơn phớt vàng, nàng nhìn tôi mỉm cười:

“Lần thứ ba rồi.”

Tôi không bỏ lỡ cơ hội, phỏng vấn ngay:

“Đau lắm không bà?”

Thiếu phụ lắc đầu mỉm cười trấn an tôi...

... Thành ló mặt ngoắc tôi vào phòng biểu tôi ngồi xuống chiếc giường sắt loang lổ nước sơn xanh. Chiếc chiếu mới trải trên mặt giường. Ngọn đèn néon bật sáng. Mụ chủ biểu tôi nằm xuống rồi lôi chiếc bassin để ở dưới gầm giường kẹp miếng bông gòn trong cái pince de crochet lau sơ qua một lượt đoạn đặt dưới móng tôi. Chiếc quần sa-ten đen của tôi tuột dần xuống rồi rút ra khỏi đầu ngón chân cái...

... Mụ lôi chiếc ngăn kéo lấy ra cái mâm nhỏ đựng vài sợi thun cỡ dài bằng chiếc đĩa ăn cơm bít đi một đầu.

Mụ vuốt đùi tôi dõ dành:

“Em đừng lo, qua sẽ làm cho em rất êm, không có chút gì đau đớn hết.”

Mụ ung dung lấy cây sắt trên tường cho vào ống thun.

... Tôi chỉ nghe chiếc đĩa sắt đang nô giỡn trong tận cùng sâu kín của thân thể...

(Chiều mệnh mỏng, “Cây độc không trái”, trang 166-168)

Thuy Vũ viết tàn bạo một chút ở vấn đề này, nhưng cuối cùng câu chuyện cũng được mở ra một cách thoải mái qua hình ảnh đứa bé mút ngón tay trở, trong lịch quảng cáo sữa Guigoz với câu nói: *Tao cần giữ một đứa trẻ nào đó để tao coi mình có thích thú làm mẹ hay không?* Câu nói hơi chủ quan đấy, chuyện có con đâu phải hẳn muốn lúc nào được lúc đó, nhất là đối với các cô gái hành nghề truy hoan!

Viết về sa đoạ của xã hội, đúng ra, đã nhiều cây bút viết trước Thuy Vũ, tuy hình thức có khác, nhưng nội dung chỉ là một. Nhưng sự việc, dù được trình bày dưới khía cạnh nào, vẫn có mục đích, đặt trước lương tâm xã hội một vấn đề, còn giải quyết ra sao, không thuộc thẩm quyền nhà văn. Thuy Vũ viết, chính đã giải toả cho mình nỗi dằn vặt trong thâm tâm với thân phận đàn bà, với những thiệt thòi mình bạch đã từ lâu bị khoả lấp vào quên lãng, nay được khơi động lại từ dưới đáy vực những chứng tích xác thực, hiển nhiên, Nguyễn Thị Thuy Vũ không hoàn toàn ném mình vào cuộc sống bồng cháy hoan lạc cả đầu. Thuy Vũ đã đốt ngọn đèn tâm tưởng để truy nguyên quá khứ, để giành giữ cho mình những khung trời tuy không trong sáng bao nhiêu,

nhưng cũng vừa đủ soi tỏ bản thân với tác phẩm *Khung rêu* (1969). Kỹ thuật dựng truyện ở *Khung rêu*, Thụy Vũ quay về phương pháp cổ điển, nghĩa là nội dung được dàn trải quanh một cơ cấu (structure) ở đó, Thụy Vũ chạm trổ những gì đã được ấn định trong tâm thức.

*Khung rêu*, tác phẩm dài, trình bày một nếp sống đã qua rồi, trong bối cảnh ngột ngạt của gia đình ông Phủ, tượng trưng cho giai cấp quan liêu, phong kiến đã một thời oanh liệt, sống nghênh ngang trên xương máu lê dân. Để minh định vị trí của mình, tác giả trình bày lý do đã thúc đẩy để hoàn thành tác phẩm đó,

*Từ hồi còn nhỏ, tôi đã phải chịu đựng một ám ảnh thường xuyên: sự suy sụp bệ rạc của một gia đình thịnh mãn ở miền Nam. Nguyên nhân chính của sự suy sụp bệ rạc này thì ai cũng biết: chiến tranh. Một cuộc chiến tranh dằng dai hai mươi lăm năm, khoảng thời gian gần bằng số tuổi tôi.*

*... Khi khởi công viết quyển truyện này, tôi đặt trước cho mình một chủ định: ghi lại cái ám ảnh từ thuở nhỏ dại đó của tôi, trong ước vọng, một lần nữa, giải tỏa nó cho xong.*

(Lời nói đầu)

Cái xã hội suy sụp và bệ rạc đó, được Thụy Vũ gói ghém trong hơn bốn trăm trang sách với những xâu xé, giảng co, đam mê và tội lỗi đã diễn ra thật sống động trong một gia đình quyền thế ở miền Nam trước và đầu cách mạng.

Các nhân vật xoay quanh tác phẩm, mỗi người đều được tác giả vẽ bằng những nét riêng thật độc đáo để cuối cùng nhòa nhạt, chìm vào cái bi thảm không thể tránh được do sự chuyển vận của lịch sử. Cuốn truyện được khơi động trong kích thước không mấy rộng lớn, nhưng vừa đủ để nói lên những khía cạnh tâm lý cũng như xã hội vô cùng chao động, vô cùng đau đớn với các khuôn mặt: ông Phủ, bà Phủ, Ngự cháu ruột bà Phủ, Tịnh cháu ruột ông Phủ, Canh, Tường, Thụ các con riêng của ông Phủ và Chiêu, ái nam ái nữ, con chung của ông bà Phủ, lão Tự – tên gia nô trung thành, Ngà – đưa con gái ở đợ vài năm để trừ nợ thiếu lúa cho bố, con Lài, tên Mọt – tôi tớ và Hoàng, bạn Tường – kẻ ở trọ.

Ông Phủ đã về hưu chỉ trông mong vào số lúa thu mỗi năm do các tá điền đóng góp. Tuy đã có tuổi với hai đời vợ nhưng ông không an phận vẫn còn say mê tình dục, lang chạ với Ngà, con lão Tám tá điền, đến mang thai. Bà Phủ đảm đang nhưng khô khan, nghiệt ngã trong vấn đề giáo dục, lúc biết chồng ngủ với tôi tớ, giận đến lúc chồng chết vẫn chưa tha thứ. Canh, đưa con trai lớn, chơi bời trụy lạc, muốn làm một thứ Bạch Công tử, nhưng đôi khi, trong đầu lại nuôi ảo vọng cải hoá xã hội! Tường, đưa thứ hai, dốt nát bạc nhược, mê gái. Thụ tương đối có ý thức và cũng là nhân vật được tác giả nâng niu nhất trong cuốn truyện. Chiêu, vì tròi bắt tội, nên chả ra làm sao. Ngự đưa con gái trác nết, yêu vì quyền lợi. Tịnh con gái đáng thương, đem tình yêu trao tặng cho trai không xong, thất vọng, nổi điên mà chết. Lão Tự, tượng trưng cho tấm lòng nhân hậu cổ sơ ngày trước, bây giờ không còn tìm thấy. Con Ngà, cam chịu số phận, cũng biết đam mê. Con Lài và thằng Mọt được dùng như cái chốt an toàn của bộ máy. Còn Hoàng, gã thanh niên lạc loài đến khung cảnh này gây rắc rối tình cảm cho Tịnh, cho Lài và cả Chiêu nữa, tự nhiên bỏ đi!...

Đó, từng ấy nhân vật, từng ấy cá tính, quần riết lấy nhau, hành hạ lẫn nhau, trong một môi trường sắp vỡ nát và mỗi thân phận cuối cùng đều tan rã như bọt bèo trôi nổi trong đại dương cuộc đời hay khuất chìm vĩnh viễn vào lòng đất.

Câu chuyện bắt đầu vào những ngày cuối năm, mọi người đều bận rộn chuẩn bị cho mấy ngày Tết, nhất là ông bà Phủ, tuy đã có một đời chồng, lấy kể ông Phủ, nhưng vốn người đảm đang, nên lúc nào cũng vì gia đình nhà chồng mà cố giữ danh giá qua nếp sống phong lưu, để che giấu thiên hạ sự đang xuống dốc của một gia đình quan lại. Cái gia đình ấy trông bề ngoài có vẻ êm ấm. Nhưng bà Phủ chỉ lo được những vấn đề trước mắt như thóc gạo, mắm muối và dạy bảo hai cô cháu gái vào khuôn phép, thứ khuôn phép được vâng dạ trước mặt. Thụ và Chiêu học trên tỉnh, trở về ăn Tết với gia đình. Sự hiện diện của hai nhân vật này, được nhà văn tạo cho nhiệm vụ để gây nên những sự tình, đóng góp thêm cho tấn thảm kịch gia đình những sự thực không chối cãi. Rồi về sau, vì không chịu đựng nổi hoàn cảnh khắc nghiệt, cả hai theo cách mạng, chưa chắc đã vì lý tưởng.

Bà Phủ, tuyệt đối tin vào danh dự, tin vào uy thế cũng như tư cách của ông Phủ, nên bà đâu có ngờ chính ông đã tự tay phá vỡ gia đình mình vì một hành động dâm dăng. Trong chuyến bà đi thăm người em trai ở miền đất đỏ, ở nhà, ông đã hủ hoá với con Ngà, đưa con gái miệt ruộng, ở đợ trừ nợ lúa cho cha.

Thuy Vũ viết chuyện ông Phủ và con Ngà với đoạn văn vô cùng bông chày, xác thực như chính mình được chứng kiến,

*... Từ trước, khoảng cách biệt giữa ông Phủ và ả như được ngăn chặn bởi một bức màn sắt kiên cố. Nét mặt lạnh lùng, lời nói thị oai của ông chủ như đẩy ả vào khuôn khổ, bốn phận phục dịch trong nhà. Vòng tay ông Phủ siết chặt lấy ả, hơi thở dồn dập như muốn làm vỡ toang lồng ngực của ông. ả không thể kêu cứu ai được vì chính ả cũng bị sự kích thích hung dữ, mới mê lung lạc. Lời kêu cứu ấy nếu có, cũng chỉ dành cho kẻ đang ghì chặt thân thể mang nhiều lửa cảm xúc của ả.*

*“Đừng ông!... con sợ lắm. Bà biết được chắc con chết.”*

*Bóng tối trong dần... ông Phủ đắm đuối nói:*

*“Coi kìa... Để quan... thương Ngà một chút.”*

*Ông Phủ vừa nói dứt câu, Ngà đã bị quật xuống giường lò xo. Toàn thân tê tại, ả đẩy mặt chủ ra một cách yếu ớt, miễn cưỡng. ả bất lực trong vùng cảm xúc sôi trào với cái thân thể rực lửa. ả lờ mờ ngắm chủ múa quay cuồng như cái bông vụ...*

*(Khung rêu, trang 43)*

Rồi từ đấy, công việc buông màn, làm giường cho ông Phủ mỗi tối ít nhiều gì cũng có đụng chạm giữa hai thân xác một già, một trẻ. Giữa lúc đó, mối tình của Ngự và Tường cũng đang nhen nhúm trong bóng tối, dưới những gốc cây trái rộng mịt mù hoa trái, với lời yêu nồng ấm đầu môi, với những ước vọng tràn đầy trong trí tưởng tượng của hai kẻ yêu nhau. Cả Tịnh và Hoàng nữa, họ cũng yêu, nhưng là thứ tình yêu câm lặng, hờn hận, vì sự không dám dẫn thân của Hoàng, người trai ở trọ, rồi đến Chiêu, tuy ái nam ái nữ mà cũng say mê Hoàng như say mê một người tình thực sự. Với Chiêu, có lẽ tác giả cố tạo cho vai trò đã bi đát này, càng bi đát hơn, khi Chiêu thích làm gái mà bà Phủ bắt Chiêu ra trò với tác phong con trai, học trường con trai, sinh hoạt như con trai. Nhưng đau đớn thay, các cơ phận của Chiêu lại nảy nở mạnh về nữ giới. Bởi vậy, cảm xúc của Chiêu luôn luôn hướng đến con trai, do đó, cơn thèm muốn tình dục lẽ dĩ nhiên chỉ nghĩ về giống đực. Thuy Vũ cho Chiêu mê Hoàng một cách tuyệt vọng trong đoạn văn,

... Hơi thở Hoàng toát ra sự đầm ấm. Chiêu chìa bàn tay đặt lên bụng Hoàng và bàn tay chàng mắc cạn luôn ở đó...

... Từng giọt thời gian chậm chạp nhỏ xuống tâm hồn Chiêu như chất cườm toàn rỉ rả trên da thịt. Chiêu vụt ứa nước mắt, lẩm bẫm: Nếu mình là con gái?...

(Khung rêu, trang 211)

Cả con Lài nữa, không cam phận tôi đòi cũng say mê chàng trai biết kéo cây đàn cò tây rỉ rả, làm tên Mọt, gã gia nhân lai Miên, ghen tức âm ức trong lòng. Lão Tâm, bố con Ngà đâu có ngờ sự việc lại xảy ra quá quắt như vậy? Làm tá điền, đến mùa thiếu lúa góp vì quá nghèo, lão đành đem thế chân bằng đưa con gái duy nhất ở đợ, trừ tiền nợ cho chủ điền. Con Ngà đã được lão hứa gả cho thằng Đực, người chòm xóm, cũng là tá điền của ông Phủ. Đực, gã nông dân quê mùa nhưng cũng biết đằm mê sắc đẹp người vợ chưa cưới xin. Trong ngày nộp lúa, Đực chỉ mong nhìn lại mặt người yêu cho đỡ nhớ. Nhưng vụ lúa năm nay Ngà cố tình tránh né không cho Đực gặp. Linh tính đã báo cho Đực biết có gì thay đổi trong lòng người yêu. Đực hỏi ông Tám, ông lặng thinh lơ đãng nhìn ra sông, vì trong lòng cũng cảm thấy con mình đã khác trước, nó không còn cười giòn hồn nhiên như xưa. Nhưng cũng để an ủi đứa con rể hờ, ông vẫn đoan quyết, trừ xong nợ lúa, sẽ gả Ngà cho Đực. Đực, tuy quanh năm cày sâu cuốc bẫm mà cũng tinh tường lắm. Gã đoan chắc có trục trặc cho phận mình, nhất là lão Tư lại nói sẽ làm mai Lài cho gã. Sự thực, gã thèm khát cái thân thể mơn mớn của Ngà. Trước khi về xứ, gã muốn chiếm Ngà, ngày mai ra sao, mặc kệ. Đêm trước ngày về, gã thực thi ý định bằng cách vào buồng Ngà để cưỡng bức ân ái. Gã đã toại nguyện và thân xác Ngà lại bị xâm phạm bằng cường lực, lần này dững mãnh hơn lần với ông Phủ, vì Đực còn trẻ, thật sung sức.

Thuy Vũ viết đoạn này có lẽ hấp tấp chẳng, hoặc chưa *điều nghiên* kỹ? Vì thực tế, không dễ dàng gì nhét được chiếc khăn vào miệng con gái để chặn tiếng kêu, hơn nữa, thời gian bé cô gái từ trên chiếc giường tre xuống đất, có ai cấm cô gái la lên nếu không thuận, khi ngay sát vách, lão Tư vẫn trở mình húng hắng ho. Cưỡng bức ái tình không phải chuyện dễ, nhưng người đọc cũng biết chắc sự việc này được diễn tiến hoàn toàn do có tưởng tượng, vì thế, không thể tránh khỏi sơ hở về nhận xét, dù là nhận xét qua lăng kính suy luận. Bởi vậy, những tiếng kêu: *cửu cháu, ăn trộm...* càng làm cho sự giả tạo thêm rõ ràng.

Cái bối cảnh gia đình ông Phủ cứ từng bước một, tan rã lần lần qua mỗi sự vụ. Chuyện Ngà mang bầu với ông Phủ không còn giấu được ai, trừ bà Phủ vì quá tin tưởng vào danh giá và lòng tự tôn của ông chồng. Những lời của Thuy, đứa con trai thứ ba, nói với ông Phủ như từng gáo nước lạnh dội vào giữa tâm can vị quan già bê bối, trong lúc ông đang mê mải vui ngắm đàn cá lia thia tàu vàng rục bơi lội tung tăng dưới đám rong rêu,

... Ông Phủ nhìn chăm chú vào mặt nước trong veo. Thuy ngó quanh một lúc ngập ngừng:

“Thưa ba, con muốn nói với ba một chuyện khá quan hệ.”

Ông Phủ hơi sửng sốt:

“Con cứ nói.”

“Chị Ngà đã có mang.”

Ông Phủ hốt hoảng:

“Sao... sao con... biết?”

Thụ cười buồn:

“Chị ấy thú thật với lão Tự... Lão Tự nhờ con nói lại với ba, nhờ ba giải quyết giúp chị.”

Ông Phủ đứng sát gần Thụ hơn và hạ thấp giọng:

“Nó đã có mang với...”

Thụ tiếp lời cha:

“... với ba. Đáng lẽ chị phải tỏ thật với ba, nhưng chị còn ngại.”

“Biểu nó lên gặp ba tối nay.”

(Khung rêu, trang 140-141)

Từ phút ấy, trong lòng ông Phủ như có sợi dây thắt lại. Đã thế, hình ảnh Canh, đưa con trai lớn lại hiện ra như châm chọc vào uy quyền ông. Canh hư hỏng, ăn chơi, nghiện hút, bố chưa chết đã đòi chia gia tài. Mỗi vụ lúa trở về lấy phần bán đi lên tỉnh ăn chơi cho sướng thân. Đã có lần, Canh ăn nói hỗn xược bằng cách dọa ông, hắn sẽ vô đạo Thiên Chúa để khỏi cúng giỗ thờ phượng ai hết. Ông mỉa mai lại bằng lời nói cay đắng,

“Mày lo gì, tao mà chết rồi, mày chịu khó quàn xác tao lại trong nhà này chừng mười ngày, nửa tháng. Chừng đó, thiếu gì người đến đem tiền phúng điếu để mày kiếm chác thêm mớ nhắm nộm cho tiêm hút.”

(Khung rêu, trang 145)

Sự không may cứ tới tấp rơi xuống kích thước này như những tiếng sét. Mọi người đều vui đùa một cách giả tạo vì mỗi thân phận đang bị cấu xé bởi lý do riêng biệt. Ngà nằm bệnh vì bị bào thai hành, nhưng do tập tục ngày Tết, nàng vẫn phải lên nhà chào mừng ông bà Phủ sáng mồng Một, với tư cách tôi tớ,

... Giọng bà Phủ làm ả chột tỉnh:

“Sao? Chúc ông bà năm mới cái gì đây? Nói hết câu cho bà nghe coi.”

Ngà nắm hai bàn tay vào nhau, ngập ngừng:

“Năm mới con chúc ông bà... trường thọ.”

Bà Phủ cười cười mở:

“Dữ ác hôn?”

*Bà day lại giục chồng:*

*“Thôi lì xì cho nó lấy hên đi ông.”*

*Ông Phủ ngấp ngừng một chập, trao gói tiền mừng tuổi cho Ngà rồi lặng lẽ đi lại chỗ khay trà.*

*Bà Phủ truyền lệnh bằng một giọng lạnh lạnh:*

*“Ông cho thì cầm đi để có mà xây xài trong mấy ngày Tết...”*

*(Khung rêu, trang 154)*

Thuy Vũ viết thật chắc và mô tả tâm lý rất sát trong đoạn văn tuy ngắn nhưng tóm gọn được tất cả mọi khía cạnh của vấn đề. Ngà bóp nát số tiền ông Phủ cho trong lòng tay cầm giận, tủi hổ, xong lại chui vào căn buồng nhỏ hẹp, khóc cho thân phận. Nhưng rồi bà Phủ cũng biết Ngà có thai, sau khi mời ông Bàng đến bốc thuốc xem mạch. Bà nghi quanh quẩn cho những ai ai chứ không dám ngờ ông Phủ. Về phía ông Phủ, biết rằng giấu không được nữa đành thú thật với vợ, cái bào thai đang hành hạ con Ngà là của ông.

Bà Phủ cắn chặt hàm răng, không nói điều gì xúc phạm hoặc trách móc chồng nửa lời. Bà muốn thu xếp cho tên Mọt nhận cái thai trong bụng Ngà, ông không chịu. Từ bữa ấy, ông ngồi ăn cơm một mình, còn bà luôn luôn lẩn tránh khỏi giáp mặt chồng. Không muốn nhìn thấy ai nữa, vì chuyện xấu xa kia, bà lấy tiền của riêng, cất một căn nhà sàn ở mé sông, sống một mình. Trong nhà có thờ Phật Quan Âm. Bà Phủ cạo đầu để mong rũ sạch nợ đời, lấy kinh kệ làm vui chuỗi ngày còn lại.

Trong lúc đó, Ngự cũng đã mang bầu với Tường con trai thứ ông Phủ. Sau nhiều suy tính, Tường nghe Ngự ăn cắp đồ vật, vàng bạc của cha rồi cùng người yêu đi xây tổ uyên ương. Buồn thay chỉ mấy tháng sau, cái tổ ấy vỡ vì tình yêu không thể nuôi bằng ảo tưởng. Họ lại quay về dưới mái nhà xưa với cái bụng chình ình và để nghe những lời sỉ nhục của ông Phủ.

Ngà thay bà Phủ mỗi tối lên nằm giường lò xo và hiến dâng xác thịt cho ông Phủ, lúc này vì chán cảnh gia đình nên ông chẳng mấy tha thiết làm Ngà buồn và nhớ Đực. Canh lại lù lù trở về bán lúa và gây sự với cha về cái hành động bỉ ổi, như nhục với Ngà. Rồi lão Tám với đau đớn khi đình ninh lên đón con về gả chồng vì đã mãn hạn nợ. Lão Tám đâu muốn làm tía ông Phủ. Lão chỉ muốn giữ lời hứa với Đực và mong con gái dù có lấy chồng cũng ở gần mình để trông nom lão lúc về già. Lão căm giận và có ý nghĩ phải bắt Ngà về bằng mọi cách dù phải trả bằng máu! Nhưng ý nghĩ chỉ là ý nghĩ, trước mặt ông Phủ, lòng hăm hở của lão Tám chùng xuống. Lão đi những bước nhẹ nhàng, lòng vẫn sợ sệt thứ uy quyền tuy đã thuộc về dĩ vãng,

*... Ông Phủ mở đầu câu chuyện:*

*“Chú tính lên rước con Ngà về dưới phải không?”*

*Ông Tám đáp nhỏ như không dám xác nhận:*

*“Dạ!”*

*Ông Phủ chau mày:*



*“Theo tôi, con Ngà trong lúc bụng mang dạ chửa, chú nên để nó ở trên này. Tôi sẽ hết lòng lo cho mẹ con nó vuông tròn.”*

*Ông Phủ ngừng lại, dò xét phản ứng trên mặt mặt người đối diện, rồi tiếp lời:*

*“Dầu gì đi nữa, nó cũng là vợ tôi. Đứa nhỏ trong bụng nó do khí huyết tôi tạo ra, lẽ nào tôi làm ngơ cho đành đoạ. Nếu chú bằng lòng để tôi sai trẻ nó về rước chú lên ở với anh Tụ cho vui. Hai anh em bạn già hủ hỉ với nhau cho có bầu bạn.”*

*Ông Tám ngồi yên, miệng cơ hồ bị khoá lại. Ông chỉ còn biết gật đầu vâng dạ về mọi lời đề nghị của ông Phủ, vì như từ lâu rồi, ông thấy mình hèn hạ, bạc nhược, nhỏ nhoi trước con người mà ông đã nung nấu thù hận...*

*(Khung rêu, trang 315)*

Lão Tám đầu gối con Ngà cũng phụ lão. Nó không muốn quay về nơi chôn rau cắt rốn vì đã ăn phải bả vinh hoa. Lão Tám phóng lệ xuống ghe như để dứt khoát với những tủ nhục nơi đây.

Mối tình của Tịnh lê dần vào tuyệt vọng vì một buổi sớm Hoàng đã già từ không gian địa ngục này đi tìm chân trời khác. Đau khổ đã làm nàng nằm bệnh rồi phát khùng, chết tại nhà thương điên Biên Hoà! Thật đau đớn và tội nghiệp cho một linh hồn trinh nữ! Đứa con gái Ngà sinh ra cũng chẳng sống được mấy tháng. Cái dòng sữa quý báu nàng đem nuôi đứa con của Ngự – người đàn bà đoảng, ích kỷ và trác nghiệt.

Từ khi Tịnh lâm bệnh nặng bà Phủ bớt khe khắt với Ngà, bà lại ra mặt cai quản gia đình nhưng vẫn lảng tránh chồng, dù ông Phủ đã nhiều lần muốn nối lại dây thân ái tình ngãi vợ chồng.

Thụ cũng bỏ nhà vào chiến khu để chống lại giai cấp của cha mình, chống bất công, thối nát. Ông Phủ lúc này như quay cuồng giữa cơn ác mộng và ông bắt đầu nhìn rõ những gì Trời đã dành cho mình trong những ngày cuối của kiếp người. Ông chán hết, ngay cả thân xác nở nà của Ngà tràn đầy sinh lực, hằng đêm vẫn nằm bên ông với rạo rực trong lòng. Còn lão Tụ hằng ngày, hằng đêm vẫn phải chứng kiến sự đổ vỡ không tránh được của một gia đình mà lão đã hết lòng phục vụ, như một nhân chứng bất đắc dĩ. Chiêu cũng ra đi theo Thụ để tránh phải nhìn thấy cảnh tan rã chung và riêng với mặc cảm thân xác bất toàn. Ông Phủ lúc này mất hết, mất vợ con, mất nguồn lợi hằng năm vì các tá điền đã theo cách mạng không chịu nộp lúa nữa. Ông thấy mình gần lão Tụ hơn vì lão cũng chẳng có gì suốt một đời nô bộc. Ông vợ vẫn tự hỏi: *không biết bên kia cái chết, có còn một đời sống nào khác nữa không?* Câu hỏi đó, người sống không thể trả lời được.

Ông chợt nghĩ đến tổ tiên, đến các bậc đã sinh thành ra mình đang có mặt qua tấm ảnh trên bàn thờ, rồi bỗng nhiên, ông quay cuồng, điên đảo, ông buông xuôi hai tay ngã quy xuống nền gạch lạnh toát...

Nghe tin chồng chết, vì vẫn nặng lòng oán giận nên bà Phủ chỉ ngó sững thây ma không một tiếng khóc, không một cử chỉ xót thương. Khi cơn uất hận đã lắng xuống, bà muốn nói với ông vài lời vĩnh biệt, đã muộn! Nỗi hờn ghen của bà Phủ ghê gớm thật. Nó là một hình phạt ác độc nhất trong các hình phạt mà con người có thể đối xử với nhau để đoạ tuyệt tình nghĩa phu thê, trăm năm chẵn gối! Thụy Vũ đã viết, viết đúng vì ở cuộc sống này đã có, những người đàn bà ghen như bà Phủ. Lúc thương yêu thì yêu thương da diết, lúc phụ rẫy lại hạ nhục đến chết mới nghe. Chao ôi! Tình nghĩa, chao ôi! Dục vọng, chao ôi! Cuộc đời!...

Tác phẩm *Khung rêu* được kết thúc bằng sự băng hoại thể thảm của một đẳng cấp đã từng thịnh mãn ở miền Nam nước Việt. Hình ảnh Thụ, *con người ý thức* của tác phẩm đã hiện lên như niềm hy vọng, tuy chẳng ầm áp gì nhưng có hơn không. Còn Hoàng, sau những ngày tháng chạy theo cách mạng, đã lấy vợ và có một bầy con. Trở về Thành làm chủ tiệm xe đạp, không một lần nhắc đến Tịnh người con gái đã chết vì mình, cho mình.

Một đêm, mười năm sau, Thụ ngồi trước ngọn đèn chong mờ tỏ, giữa một khung cảnh tan hoang, một tương lai lo lắng chẳng biết có thuộc về mình?...

Nguyễn Thị Thụy Vũ, cây viết trẻ, đã thẳng thắn bày tỏ suy nghĩ của riêng mình về cuộc sống tình cảm cũng như xã hội. Nhiều ý tưởng táo bạo, mạnh mẽ như những nhát búa đập thẳng vào trí não người đọc làm choáng váng mặt mày. Nhà văn chẳng cần giữ ý, chẳng cần úp mở với những vấn đề được đề cập tới trong tác phẩm. Ý hướng sáng tạo của Thụy Vũ giống như một thác nước cao đổ ào ạt xuống triền sâu mặc cho sức đập phá và cuốn theo bao nhiêu cỏ cây hoa lá, cũng như rác rưởi trôi xuôi theo dòng đời muôn vạn ngã.

Nhưng đích thực, Thụy Vũ vẫn gìn giữ cho mình một phần trách nhiệm, vì trong mọi trạng huống dù khốn khó đến đâu bao giờ nhà văn cũng mở ra một chiều hướng tốt, một ý nghĩ tốt cho kết quả. Bởi vậy, đừng có ai khất khe cho rằng sự dâm ô trong kích thước văn chương Thụy Vũ là độc tố phá hoại ngấm ngấm ý thức con người, nó chính là liều thuốc an thần cho mỗi con người đã mất thăng bằng tâm não. Ngoài những tác phẩm được nói tới, Thụy Vũ còn hai tác phẩm: *Ngọn pháo bông* và *Thú hoang* cũng không đi ra ngoài ý hướng chuyên biệt đã tạo nên Nguyễn Thị Thụy Vũ hôm nay.

Cánh cửa đã mở, xin mọi người cứ thông dong thường ngoạn.

### Trích văn Nguyễn Thị Thụy Vũ

*... Bà Phủ uể oải đứng lên. Ông Phủ vẫn ngồi y nguyên chỗ cũ. Tâm trí ông xoay tròn trong câu chuyện mà ông sắp sửa nói với vợ ông. Đột nhiên, hình ảnh người vợ trước hiện lên. Mẹ Cang ngày xưa ngoan hiền trong mọi việc, nhưng đối với những vụ ngoại tình vụn vặt của ông, bà trở nên dữ dằn, không còn giữ lại chút lý trí nào. Những hành động âm thầm, những mưu chước tinh vi của bà chỉ dành cho cuộc lòng bắt, săn đuổi tình địch. Thế rồi những trận đánh ghen sôi nổi diễn ra: sơn tóc tình địch, thuê một lũ đàn bà đến vây khốn, lột truồng tình nhân của ông.*

*Đàn bà ghen thoát đầu vì tình yêu, dần dà họ ghen vì tự ái bị động chạm và vì quyền lợi mình bị hao hụt. Cái chết thể thảm của người vợ trước trong lúc ở cũ sống lại mãnh liệt trong trí nhớ ông. Qua một thời gian sống cảnh gà trống nuôi con dài đằng đẵng, ông hứa với người quá cố sẽ sửa chữa, tu tỉnh. Nhưng rồi, niềm ân hận cũng phai đi, hình bóng người chết cũng nhạt nhoà theo năm tháng...*

*Ông Phủ nuốt nước miếng, từng cơn lốc lướt qua đầu. Suối hai mươi năm liền sống với người vợ kế, ông cũng có những mối tình phát phơ không đáng kể. Nhưng bà Phủ đã tự tin cái địa kiên cố trong lòng ông. Bà đã thắng tất cả những người đàn bà vây quanh ông vì bà có chút nhan sắc và có thừa công trạng đối với nhà chồng. Năm nay, bà đã bốn mươi hai tuổi, nhưng mặt mày còn tươi rói, khoẻ nhìn và nụ cười thật sắc sảo. Bà ăn trầu vén khéo, nên răng trắng trong, và khi bước ra khỏi nhà bà bới đầu lèo, đeo hột xoàn, tô son dồi phấn rực rỡ. Bà vẫn tin tưởng mình nắm trọn trong tay mọi quyền hành. Bà là loại người chỉ huy chồng bằng sự dịu dàng. Mọi quyết định từ trong ra ngoài phần lớn đều phát xuất từ một tay bà.*

Ông Bang cầm chiếc dù cán ngoéo đứng dậy chào bà Phở. Bà đơn đã đưa ông xuống nhà ngang. Ngà vẫn nằm lim dim bên Lài đang chế nước sôi vào ly đựng gừng, trà và bỏ trần bì. Ông Bang kéo ghế đầu ngồi lại cạnh giường. Ngà thẳng thốt ngồi phất dậy như bị điện giật. Ả thiếu nảo nhìn bà Phở:

“Thưa bà con chỉ cảm sơ sạ, có gì đâu phải nhọc đến ông Bang?”

Bà nhìn ả, nói như ra lệnh:

“Con này chướng. Thầy thuốc đến tận giường mà không cho chần mạch hả? Đói ăn rau, đau uống thuốc chớ.”

Ngà vẫn dụ dợ không đưa tay cho ông Bang. Ả biết rõ căn bệnh của mình. Đó chẳng qua là do thai hành cộng thêm những đêm mất ngủ liên tục, những nỗi sợ sệt bám lấy ả không rời. Tự trung đều tại cái thai.

Lài dõ dành:

“Rán uống tí thang thuốc cho mau mạnh đi chị. Đừng có nuôi bệnh như vậy.”

Ngà rướm nước mắt, nhìn lão Tự đứng xó rợ gần đó như cầu cứu. Lão Tự giục:

“Cháu đưa cho ông Bang chần mạch. Việc gì mà cháu ngại. Có bác đây chi?”

Lão Tự nhìn Ngà trấn an. Ngà biết đây là dịp bà Phở khám phá cái tội làm lỡ của ả. Trái tim của ả muốn ngừng đập. Ả rụt rè chìa tay về phía người thầy thuốc.

Ông Bang chậm chạp lột cặp kính lão, kéo lấy vạt áo the lên lau, rồi chăm chú chần mạch. Bỗng đôi mày ông cau lại, ngạc nhiên. Bà Phở sốt ruột trước cử chỉ chậm chạp, khệ nệ của ông. Bà ngập ngừng:

“Thưa ông Bang. Con nhỏ này đau làm sao vậy?”

Ông Bang hớp ngụm trà, rồi cười nửa miệng:

“Bẩm bà lớn, cô em đây có gia thất chưa?”

Bà Phở đáp gọn:

“Nó còn con gái mà.”

Ông Bang ngán ngừ một lúc, rồi lắc nhẹ đầu:

“Cổ chẳng bệnh hoạn gì hết. Cái thai đang hành đó thôi.”

Bà Phở buột miệng kêu hai tiếng “Hèn chi!” rồi cao giọng:

“Nó có bầu hả? Kỳ quá vậy?”

Bỗng Tịnh hót hơ hót hải chạy đến vừa lúc bà Phở cùng ông Bang sửa soạn đi lên nhà trên. Tịnh nói mau:

“Thưa mợ, cậu Phủ mời mợ và ông Bang lên cho cậu hỏi thăm.”

Ông Bang khệ nệ chiếc bụng lùm lùm như cái mả lạn bước lên tam cấp. Chiếc dù cán ngoéo của ông dùng một lúc hai việc: che mưa nắng và còn chiếc gậy nâng đỡ cái thân hình bệ bộn thịt mỡ của ông.

Mợ đã thay áo mới, còn đứng xớ rớ chờ lệnh. Ông Phủ biểu gã rót trà ra chung rồi lui đi. Ông Bang bước vào trung đường rọp hơi mát của mấy cây nhãn trồng ngoài hiên. Trong khi ông Bang còn đang nói chuyện với ông Phủ, bà Phủ toan xuống nhà ngang mở cuộc thăm vấn Ngà, ông Phủ ngăn lại:

“Minh ở lại đây, tôi có chuyện muốn nói.”

Ông Bang sau một lúc nói chuyện vẫn nắng mưa, mùa màng, xuống chiếc ghe bầu về nhà. Bà Phủ có vẻ lảng xảng:

“Để tôi xuống dưới nhà, coi con Ngà lờ dại với thằng trời đánh nào? Minh phải thu xếp tổng loi, tổng khứ thứ đồ hư thân mất nét đó cho mau. Thiệt nuôi tứ gái trong nhà như nuôi ăn trộm.”

Ông Phủ nhìn vào mặt vợ, hạ thấp giọng như một lời kinh sám hối:

“Đứa nhỏ trong bụng là con của tôi.”

Bà Phủ ngó ông lom lom rồi không nói thêm được một lời nào nữa. Bà tưởng như tai mình lùng bùng bởi một điều phát giác trắng trợn. Bà đứng dựa lưng vào cây cột, cảm thấy mái nhà xiêu vẹo và mọi vật trước mắt như phủ một làn sương mỏng. Ông Phủ bước tới dìu bà vào ghế phôi toi. Ông Phủ nói:

“Minh thương tôi, hãy cứu mạng giùm nó. Chuyện đã dĩ lỡ rồi!”

Bà Phủ cắn chặt hàm răng để không nói điều xúc phạm, trách móc chồng. Rồi bà bỏ đi nằm. Trong gian phòng vắng ngắt, chỉ có tiếng muỗi vo ve. Bà Phủ nằm bất động, tay vắt trên trán. Ánh nắng buổi trưa trườn qua khung cửa sổ. Trước mặt bà bây giờ là một vùng trắng thình không. Bà biểu Lài bước ra ngoài để bà nằm nghỉ ngơi.

Trong hai mươi năm, bà đã bồi đắp, gói ghém, che giấu những thăng trầm của nhà chồng một cách khéo léo. Bà ngớ Trờ Phật trớ trêu đã cho bà một đứa con tật nguyên cũng đủ lắm rồi. Vậy mà giờ đây, bà phải nhận thêm một bất hạnh ô nhục nữa: ông chồng ngoại tình với kẻ tôi tớ trong nhà. Phải dè dặt như vậy, bà đã đi cưới cô Năm Thành, một đào hát bội nổi danh cho ông.

Lúc bà chưa sanh Chiêu, bà nghĩ rằng mình là một thứ cây độc không trái. Hồi đó, ông Phủ mê xem hát của gánh Bầu Đổ. Những ngày gánh này ghé lại đình làng, ông Phủ nhất định giành vai cầm chầu để xem cô Năm Thành đóng vai Đắc Kỷ, Phàn Lê Huê, Hồ Nguyệt Cô. Nhan sắc chim sa cá lặn của cô đào hát bội đó trong lớp phấn son hoá trang và trong y phục Quảng Đông rực rỡ hào quang đã thấm đoạt hồn phách của ông. Mỗi khi tan hát, ông về nhà say sưa nhắc nhở tài nghệ của cô với nụ cười và ánh mắt đờ đẫn và mộng mị.

Bà Phủ vẫn biết cô Năm thật ra có màu da bánh ịch, một thân hình hơi khô và cô lại còn ưa ăn trầu. Nhưng trước khi sắm tuồng cô Năm đánh răng, súc miệng, uống một chén sâm và bắt đầu

xức một loại thuốc gia truyền trên mặt để cho làn da dễ dàng ăn phấn. Hoá trang xong, cô Năm đốt nhang lạy tổ nghiệp và từ trong cánh gà tuôn ra sân khấu, cô đã trở thành một thần nữ mà khoé mắt, nụ cười, giọng hát cao vút như ướp bùa ngãi ma quái, dễ làm cho ông Phủ, ông Cai tổng, thầy Bang Biện phải mê mẩn rụng rời. Bà Phủ rất bực mình khi giữa đêm khuya, bà vụt chợt tỉnh vì tiếng mơ của chồng gọi cô Năm ơi ơi. Bà đã lên mượn cậu Trùm Xuyên Bình dò la những nơi mà ông Phủ dắt cô Năm Thành đi ăn chè cháo khuya để kịp thời ngăn chặn sự dan díu của chồng.

Hình như lúc còn tại chức, ông Phủ có lần muốn chuộc cô Năm Thành bằng một phần ba gia sản. Nhưng cái ý định của ông chưa kịp thành hình thì đùng một cái cô Năm Thành mang bầu với tên kép chánh trong gánh. Tên này thường sắm vai tướng quân, nguyên soái oai phong lẫm lẫm. Hễ hát ở quận nào trên một tháng là có được ông Phủ gói ghém trong nét mặt lầm lì, khắc khổ. Thành thạo, bà Phủ, trong câu chuyện nửa đùa, nửa thật, cũng nói trêu chọc:

“Phải chi có Năm Thành chưa lỡ dại, tôi sẽ đem trầu cau lạy lỵ rước cổ về cho mình rồi.”

Bà Phủ lúc đó như thoát khỏi một cơn ác mộng. Rước cô Năm Thành về cho chồng là một mối hiểm hoạ cho bà. Bà sẽ là cái bóng mờ nếu cô Năm có con với ông Phủ. Người đàn bà lừng danh đó chắc sẽ nhận chìm bà một cách thảm hại.

Bây giờ, có thể nào tưởng tượng một kẻ tôi đòi quê mùa, cục mịch như Ngà lên làm chị làm em với bà được không? Đuổi Ngà ra khỏi nhà hay để ả sanh nở xong rồi bắt đưa nhỏ? Hay là năn nỉ dụ dỗ Một đứng ra “nôm” Ngà để cứu vãn danh giá cho chồng? Đầu bà nhức như bị búa bổ. Bà cảm thấy càng cự quậy lung tung, bà càng lún sâu vào nỗi khó khăn, thất vọng. Bà nằm không muốn nhúc nhích nữa. Tứ chi bà như rời rã, thần sắc thiếu nảo. Đến mấy ngày liền, thân xác bà sa sút thật mờ. Gian nhà vốn đã âm u càng trở nên nặng nề khó thở.

Ông Phủ chúm mũi vào sách báo, nhưng chữ nghĩa trơn trượt trong tâm trí ông. Ông muốn gằn vợ để năn nỉ, ỉ ôi bà vì ông dư biết đàn bà dễ xiêu lòng. Nhưng ông cảm thấy ngưng ngừng. Hình như giữa ông và vợ, tự dưng đã đào sâu một khoảng cách mênh mông không sao lấp nổi nữa. Thái độ yên lặng của bà như đe dọa ông. Người đàn bà không ồn ào quát tháo đáng đề phòng hơn. Hai mươi năm qua, ông ngờ mình rành rọt tất cả những nẻo đường đổ về tâm hồn bà. Nhưng bây giờ, im lặng của bà có phải là dấu hiệu của sự cố gắng thoả thuận hay là giai đoạn mở đầu của những mưu toan đen tối sắp được thực hiện?

Mỗi lần ông toan đến gần bà để phân trần, để kêu gọi lòng từ bi, đại lượng của bà thì lập tức bà ngồi bật dậy, bước ra khỏi giường, rồi bước vào buồng riêng của Chiêu, khoá kín cửa lại. Thái độ câm nín, lạnh nhạt của vợ trong mấy ngày nối tiếp hành hạ ông ghê gớm.

Nhưng ông đã cố gắng hy vọng chờ đợi sự việc sắp tới sẽ trơn tru, êm đẹp. Biết đâu được, lòng người đàn bà nay vậy mai khác. Ông tự an ủi mình nhưng lại không ngớt lo lắng, bút rút...